

CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG MAXSUN VINA

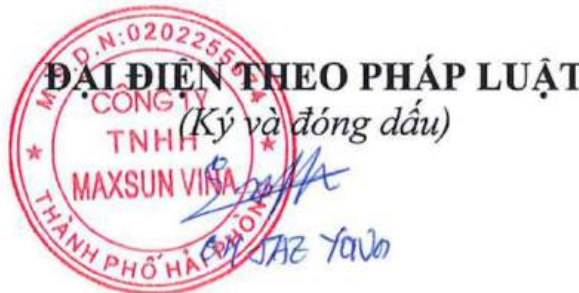
**Địa điểm thực hiện: Lô CN7.2K, Khu công nghiệp (KCN)
Nam Đình Vũ (khu 2) (DEEP C2A), Khu kinh tế Đình Vũ-
Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.**

Hải Phòng, tháng ... năm 2025

CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG MAXSUN VINA

Địa điểm thực hiện: Lô CN7.2K, Khu công nghiệp (KCN) Nam Đình Vũ
(khu 2) (DEEP C2A), Khu kinh tế Đình Vũ- Cát Hải, phường Đông Hải,
thành phố Hải Phòng.



GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

Hải Phòng, tháng ... năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1.1. Tên chủ dự án đầu tư	1
1.2. Tên dự án đầu tư.....	1
1.2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư	1
1.2.2. Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư, thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư.	2
1.2.3. Loại hình sản xuất, quy mô dự án	2
1.2.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường.....	2
1.2.5. Phân nhóm dự án đầu tư.....	2
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án	3
1.3.1. Công suất của dự án	3
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án.....	3
1.3.3. Sản phẩm của dự án	15
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án.....	15
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu và hóa chất của dự án	15
1.4.2. Danh mục máy móc phục vụ hoạt động sản xuất của Dự án	16
1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cung cấp điện của dự án.	17
1.4.4. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước	17
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án	19
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	25
2.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	25
2.1.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch BVMT quốc gia.....	25
2.1.2. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh.....	26
2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	26

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 32

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 35

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa 35

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải 36

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 46

3.2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải 46

3.2.2. Các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải 46

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 53

3.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTRSH 54

3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTRCNTT 54

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 55

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 56

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 56

3.6.1. Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ 56

3.6.2. Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố các trạm XLNT 58

3.6.3. Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố đối với các HTXLKT 61

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ chất thải trong quá trình thu gom, lưu trữ chất thải rắn 62

3.6.5. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất 63

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 66

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 67

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 67

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 67

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải 67

4.2.2. Dòng khí thải và lưu lượng xả khí thải tối đa 67

4.2.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm 67

4.2.4. Vị trí, phương thức xả khí thải 67

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 68

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với CTNH, CTR thông thường 69

4.4.1. Khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh thường xuyên 69

4.4.2. Khối lượng, chủng loại CTR thông thường phát sinh thường xuyên 69

4.4.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải.....	70
CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	71
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	71
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	71
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	71
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	72
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	72
6.2.2. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải.....	72
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	73
CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	74

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BNNMT	:	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
BXD	:	Bộ Xây dựng
BYT	:	Bộ Y tế
CP	:	Chính phủ
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTRCNTT	:	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
HTXLKT	:	Xử lý khí thải
XLNT	:	Xử lý nước thải
NĐ	:	Nghị định
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quyết định
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VOC	:	Chất hữu cơ dễ bay hơi
WHO	:	Tổ chức Y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ mốc ranh giới của dự án	2
Bảng 1.2. Danh mục nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án.....	15
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất của dự án	16
Bảng 1.4. Danh mục máy móc phục vụ hoạt động của dự án	17
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước của dự án.....	19
Bảng 1.6. Quy mô các hạng mục công trình của dự án.....	19
Bảng 3.1. Các công trình xử lý chất thải của dự án.....	32
Bảng 3.2. Bảng thống kê hệ thống thoát nước mưa của dự án.....	35
Bảng 3.3. Bảng thống kê hệ thống thu gom và thoát nước thải	37
Bảng 3.4. Bảng thống kê công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại dự án	38
Bảng 3.5. Tính chất nước thải sinh hoạt đầu vào của dự án.....	40
Bảng 3.6. Thông số các bể xử lý của trạm XLNT sinh hoạt	44
Bảng 3.7. Danh mục các thiết bị của trạm XLNT sinh hoạt	44
Bảng 3.8. Các nguồn phát sinh khí thải và tính chất khí thải của dự án	46
Bảng 3.9. Thống kê các hệ thống xử lý bụi, khí thải tại dự án.....	47
Bảng 3.10. Thông số kỹ thuật hệ thống thu hồi bụi sơn đi kèm đồng bộ với buồng phun sơn tĩnh điện	48
Bảng 3.11. Thông số kỹ thuật hệ thống XLKT buồng sấy sau sơn	51
Bảng 3.12. Thống kê CTRCNTT phát sinh từ hoạt động của dự án.....	54
Bảng 3.13. Chứng loại và khối lượng CTNH phát sinh tại dự án	55
Bảng 3.14. Sự cố về công nghệ trạm XLNT sinh hoạt và biện pháp khắc phục.....	59
Bảng 3.15. Bảng một số sự cố đối với HTXLKT và cách khắc phục	62
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải ...	67
Bảng 4.2. Nguồn phát sinh và vị trí phát sinh tiếng ồn	68
Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.....	68
Bảng 4.4. Giá trị giới hạn đối với độ rung	68
Bảng 4.5. Chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên	69
Bảng 4.6. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh	69
Bảng 6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	71
Bảng 6.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải	71
Bảng 6.3. Chương trình quan trắc khí thải	72
Bảng 6.4. Chi phí quan trắc môi trường hàng năm	73

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí dự án.....	1
Hình 1.2. Quy trình sản xuất linh kiện bán thành phẩm	4
Hình 1.3. Quy trình phủ tráng men (Enamel Coating).....	6
Hình 1.4. Quy trình sơn tĩnh điện (Powder Coating).....	7
Hình 1.5. Hình ảnh minh họa sản phẩm của dự án	15
Hình 1.6. Sơ đồ mặt bằng dự án.....	20
Hình 1.7. Sơ đồ bố trí sản xuất của dự án	21
Hình 3.1. Sơ đồ quản lý và xử lý nước thải tại dự án	37
Hình 3.2. Cấu tạo bể tự hoại.....	39
Hình 3.3. Cấu tạo bể tách dầu mỡ	39
Hình 3.4. Sơ đồ quy trình công nghệ trạm XLNT sinh hoạt của dự án	41
Hình 3.5. Sơ đồ nguyên lý hệ thống thu hồi bụi sơn đi kèm đồng bộ với buồng phun sơn tĩnh điện	47
Hình 3.5. Hình ảnh hệ thống thu gom và xử lý bụi buồng sơn tĩnh điện.....	49
Hình 3.6. Sơ đồ nguyên lý hệ thống XLKT buồng sấy sau sơn.....	50
Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn sấy.....	53

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư

- Chủ dự án: Công ty TNHH Maxsun Vina
- Địa chỉ văn phòng: Lô đất CN7.2K, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng *(trước đây là Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng)*.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hahm Kwang Ho.
- Điện thoại: 0225 3823769
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên, mã số doanh nghiệp 0202255674 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/9/2024.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 9858644445, chứng nhận lần đầu ngày 30/8/2024 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp.

1.2. Tên dự án đầu tư.

1.2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

- Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG MAXSUN VINA
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư Lô đất CN7.2K, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng *(trước đây là Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng)*.
- Diện tích đất: 16.364 m²



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí dự án

Bảng 1.1. Tọa độ mốc ranh giới của dự án

Stt	Tên điểm	Tọa độ điểm (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	A	2300684.780	609066.819
2	B	2300688.875	609190.953
3	C	2300557.194	609195.301
4	D	2300553.099	609171.163

1.2.2. Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư, thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư.

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng của dự án đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.
- Quyết định số 429/QĐ-BNNMT ngày 20/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Bếp ga di động Maxsun Vina”.

1.2.3. Loại hình sản xuất, quy mô dự án

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án: Sản xuất đồ điện dân dụng.
- Quy mô diện tích đất sử dụng: 16.364 m².
- Quy mô công suất: sản xuất bếp ga di động quy mô 1.200.000 chiếc/năm tương đương 2.208 tấn/năm.

1.2.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án sản xuất đồ điện có các công đoạn phủ màu bằng sơn tĩnh điện nên Dự án thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại phụ lục II của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Khu vực thực hiện dự án nằm trong địa phận của phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và khoản 6, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

1.2.5. Phân nhóm dự án đầu tư

Tổng vốn đầu tư của dự án là 76.038.000.000 VND (Bảy mươi sáu tỉ, không trăm

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án Bếp ga di động Maxsun Vina tại Lô CN7.2K, KCN Nam Đình Vũ (Khu 2)(DEEP C2A) Khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, P.Đông Hải, TP.Hải Phòng ba mươi tám triệu đồng), tương đương 3.000.000 USD (Ba triệu đô la Mỹ). Căn cứ theo Khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Dự án thuộc nhóm C (Dự án sản xuất công nghiệp có tổng mức đầu tư dưới 120 tỷ đồng).

Căn cứ số thứ tự 17, Phụ lục II Nghị định 05/2025/NĐ-CP Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Dự án thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, công suất trung bình. Căn cứ theo số thứ tự 4 Phụ lục III Nghị định 05/2025/NĐ-CP, Dự án thuộc nhóm I.

Căn cứ điểm khoản 1, điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, Dự án nhóm I có phát sinh nước thải, khí thải, chất thải nguy hại thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường. Theo quy định tại khoản 1, Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường, Dự án đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Căn cứ theo điều 26a Nghị định 05/2025/NĐ-CP; căn cứ theo khoản 1, Điều 38 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ, căn cứ Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND thành phố Hải Phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, cơ quan thẩm định, cấp giấy phép môi trường cho dự án là Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án

1.3.1. Công suất của dự án

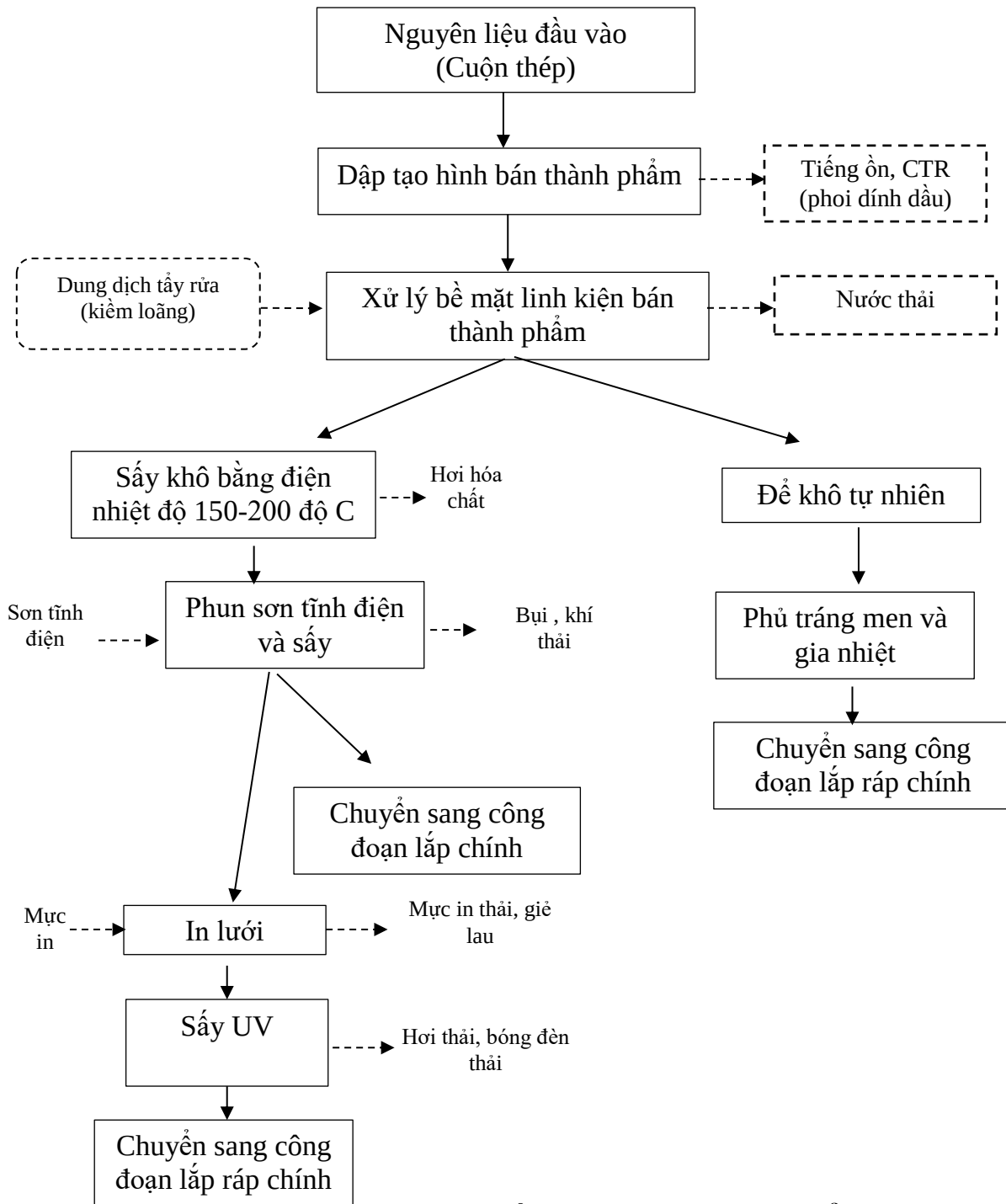
Sản xuất bếp ga di động với quy mô, công suất là 1.200.000 chiếc/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án

Việc lựa chọn công nghệ sản xuất bếp ga di động dựa trên nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, khả năng đầu tư, và tiêu chuẩn chất lượng. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư là công nghệ tối ưu đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu suất, không chỉ giúp nâng cao hiệu suất sản xuất mà còn đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng và bảo vệ môi trường. Các quy trình sản xuất và lắp ráp như sau:

- Quy trình sản xuất linh kiện bán thành phẩm gồm các chi tiết của bếp như mặt trước, mặt sau, mặt trên, nắp chứa khoang bình ga.
- Quy trình lắp ráp: gồm lắp ráp hệ thống khóa bình ga, lắp ráp phụ cho cụm đầu đốt, lắp ráp các chi tiết để tạo sản phẩm.

❖ Quy trình sản xuất linh kiện bán thành phẩm



Hình 1.2. Quy trình sản xuất linh kiện bán thành phẩm

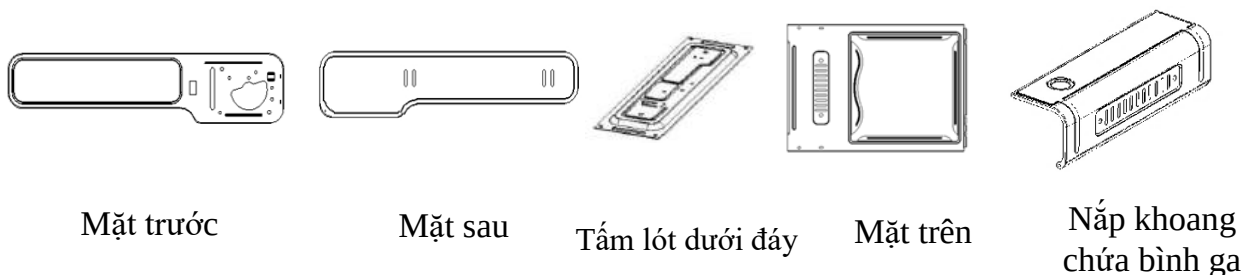
Thuyết minh quy trình sản xuất

a) Chuẩn bị nguyên liệu đầu vào

Vật liệu chính được sử dụng trong quy trình sản xuất là các cuộn thép cán nguội và cuộn thép mạ kẽm. Sau khi kiểm tra đầu vào, vật liệu sẽ được đưa vào sản xuất.

b) Dập tạo hình bán thành phẩm

Cuộn thép được dập thành hình dạng mong muốn như trong hình minh họa sau:



c) Xử lý bề mặt linh kiện bán thành phẩm

Sau quá trình dập, bề mặt của chi tiết sẽ được tẩy dầu mỡ để loại bỏ dầu và bụi bằng dung dịch kiềm loãng. Các bộ phận như mặt trước, mặt sau, nắp khoang chứa bình ga...được đặt vào lưới thép và ngâm trong bể chứa dung dịch tẩy rửa. Sử dụng nước sạch và hóa chất tẩy rửa (dung dịch kiềm) hòa tan trong nước để tẩy dầu mỡ, bụi trên bán thành phẩm. Dung dịch tẩy rửa được mua trực tiếp từ nhà cung cấp để sử dụng, không thực hiện pha dung dịch.

Số lượng bể tẩy rửa là 06 với thể tích khoảng 2,4 m³/bể, gồm 02 bể chứa dịch tẩy rửa và 04 bể chứa nước sạch (kích thước mỗi bể dài x rộng x cao: 2,08 x 0,96 x 1,2 m). Linh kiện bán thành phẩm được đưa qua các bể rửa bằng tời điện với quy trình rửa như sau: Linh kiện bán thành phẩm → Bể rửa bằng chứa nước sạch (02 bể) → Bể rửa chứa dung dịch tẩy rửa (02 bể) → Bể rửa bằng chứa nước sạch (02 bể). Tổng thời gian tẩy rửa khoảng 30-40 phút.

Sau khi rửa sạch, tiến hành sấy khô hoàn toàn trước khi đưa sang công đoạn phun sơn tĩnh điện.

Nước và dung dịch tẩy rửa được xử lý qua quá trình lọc riêng biệt để tách dầu mỡ và bụi phát sinh trong quá ngâm tẩy, sau đó tuần hoàn trở lại bể rửa. Các cặn dầu mỡ, bụi bẩn được thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị xử lý thích hợp.

Dung dịch kiềm dùng để loại bỏ dầu mỡ được kiểm tra mỗi tuần một lần và sau đó bổ sung lượng thích hợp.

Bán thành phẩm được đưa sang các công đoạn sấy khô.

d) Sấy khô

Sau khi tẩy rửa bề mặt, quá trình sấy khô là bước quan trọng để đảm bảo bề mặt sạch hoàn toàn, không còn hơi ẩm hay hóa chất dư thừa, giúp lớp sơn hoặc men phủ bám dính tốt hơn.

Tùy theo mục đích mà các bán thành phẩm được đưa sang quá trình sấy khác nhau, các loại chi tiết mặt trước, mặt sau, mặt trên và nắp khoang chứa bình ga được sấy khô bằng điện rồi đưa vào phun sơn tĩnh điện (Powder Coating). Phần khung bếp sẽ được để khô tự nhiên trước khi đưa sang quá trình phủ tráng men (Enamel Coating).

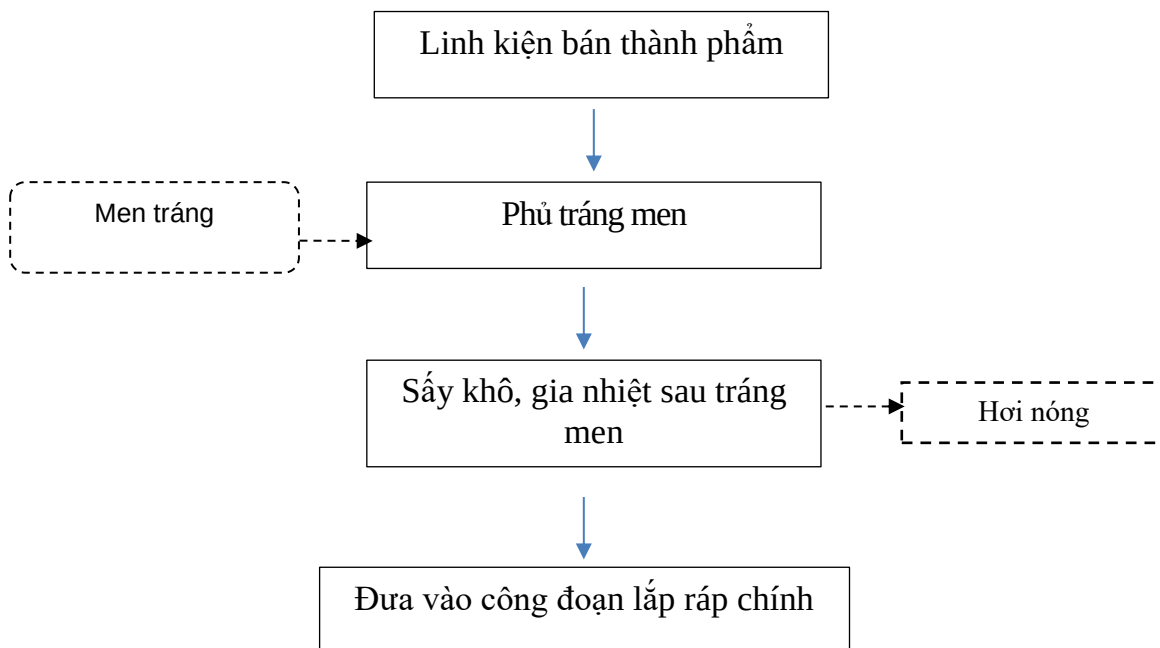
- **Đề khô tự nhiên:** Phần kiềng bếp được đưa vào khu vực giá treo, có thể sử dụng hệ thống quạt để làm khô hơi nước trên bề mặt bán thành phẩm nhanh hơn. Thời gian để khô tự nhiên khoảng 10 - 30 phút.

- **Sấy khô bằng điện:** các loại chi tiết mặt trước, mặt sau, mặt trên và nắp khoang chứa bình ga được đưa vào buồng sấy bằng điện, khép kín ở nhiệt độ 100-150°C trong khoảng 8-10 phút.

Sau công đoạn sấy, bán thành phẩm được loại bỏ hơi ẩm trên toàn bộ bề mặt và chuẩn bị sang các bước sơn tĩnh điện hoặc phủ tráng men.

d1. Phủ tráng men (Enamel Coating)

Đối với phần kiềng bếp, sau khi được sấy khô bằng không khí được đưa sang công đoạn phủ tráng men nhằm bảo vệ bề mặt, chống ăn mòn, tạo bề mặt nhẵn bóng, mịn màng, dễ dàng vệ sinh, làm tăng độ bền cơ học của bán thành phẩm, giúp bảo vệ khỏi bị biến dạng và hư hỏng khi tiếp xúc với nhiệt độ cao. Quy trình phủ tráng men (Enamel Coating) như sau:



Hình 1.3. Quy trình phủ tráng men (Enamel Coating)

d1.1. Phủ tráng men:

Thành phần men - Glaze được chế tạo bằng cách trộn men, đất sét và nước, nghiền và trộn trong máy nghiền bi riêng biệt. Máy nghiền bi là máy kín. Sau khi nạp đủ các nguyên liệu, máy nghiền thực hiện quay nghiền trong khoảng 2 giờ tạo thành dung dịch sệt và được chuyển ra bồn chứa.

Bán thành phẩm cần phủ tráng men được nhúng hoàn toàn vào bồn chứa men trong khoảng thời gian ngắn (3-5 giây) sao cho lớp men phủ kín bề mặt. Sau thời gian nhúng tiến hành nhấc sản phẩm ra khỏi men để men chảy tự nhiên. Lúc này tiến hành

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án Bếp ga di động Maxsun Vina tại Lô CN7.2K, KCN Nam Đình Vũ (Khu 2)(DEEP C2A) Khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, P.Đông Hải, TP.Hải Phòng kiểm tra độ dày của men, loại bỏ giọt men dư hoặc chỗ không đều trước khi đưa sang công đoạn sấy gia nhiệt sản phẩm.

d1.2. Sấy khô, gia nhiệt

Sau khi tráng men, các bán thành phẩm sẽ đưa sang quá trình sấy khô, gia nhiệt nhằm mục đích cố định lớp men, tăng độ bám dính, hạn chế men bị trôi, định hình lớp men ổn định.

Thiết bị sấy là loại gia nhiệt bằng điện với kích thước buồng gia nhiệt (dài x rộng x cao) là 12 x 0,75 x 0,2 m với khung lò bằng thép cac-bon. Quá trình sấy và gia nhiệt được thực hiện ở nhiệt độ 100-800°C gồm các công đoạn:

- Sấy sơ bộ: ở 100-200°C để loại bỏ hơi nước.
- Sấy hoàn tất: ở 200-300°C để làm lớp men bám chắc, tránh bong tróc.

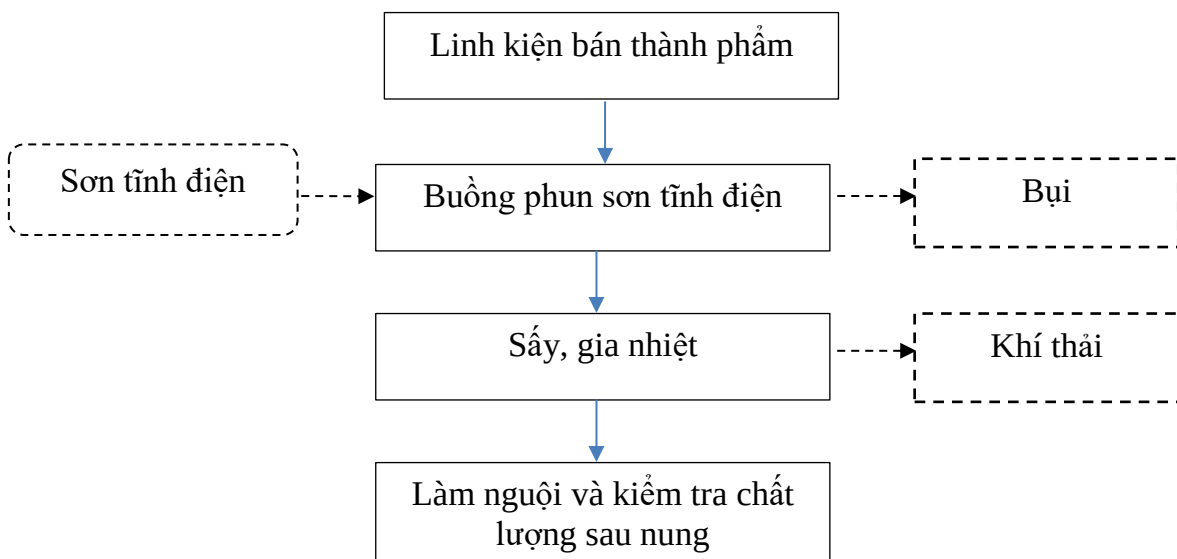
Toàn bộ quá trình sấy diễn ra khoảng 6 phút

- Gia nhiệt (nung): ở 800 °C trong khoảng 2 phút, và khoảng 5 phút ở nhiệt độ dưới 800 °C.

Sau quá trình sấy và gia nhiệt, lớp men bám vào bề mặt vật liệu tạo thành lớp phủ bền đẹp. Bán thành phẩm được xử lý bề mặt sẽ được đưa sang công đoạn lắp ráp.

d2. Sơn tĩnh điện (Powder Coating)

Quá trình sơn tĩnh điện (Powder coating) được thực hiện gồm các bước sau:



Hình 1.4. Quy trình sơn tĩnh điện (Powder Coating)

Các bán thành phẩm sau khi sấy được đưa vào buồng phun sơn tĩnh điện.

d2.1. Phun sơn tĩnh điện dạng bột.

Thiết bị sơn bột sử dụng phương pháp phun tĩnh điện. Phương pháp phun điện sử dụng luồng khí để phun sơn từ bình chứa chất lỏng hoặc bột bằng súng phun chuyên dụng.

Phương pháp phun:

- Bán thành phẩm được đưa vào buồng phun tĩnh điện bằng các thiết bị tự động. Buồng phun sơn tĩnh điện là buồng phun áp suất âm để hạn chế phát tán bụi sơn ra môi trường, tăng cường hiệu suất sơn. Tại các buồng sơn đều có các thùng thu gom sơn thải, mỗi thùng có 05 bộ lọc kích thước 300 mm x 600 mm và trang bị một quạt ly tâm công suất 5,5 kW.

- Bột sơn tĩnh điện được nạp điện tích âm và được phun lên bề mặt vật liệu có điện tích dương. Do lực hút của điện trường, bột sơn sẽ bám chắc vào bề mặt vật liệu của bán thành phẩm.

- Công việc phun bột được thực hiện đồng thời bởi máy phun tự động.

- Sau khi hoàn thành phun sơn tĩnh điện trong phòng sơn khép kín, bán thành phẩm tiếp tục được đưa sang công đoạn sấy thông qua đường ray.

d2.2. Công đoạn sấy sau sơn tĩnh điện

Bán thành phẩm sau khi được phun sơn tĩnh điện, được chuyển sang buồng sấy thông qua các đường ray tự động. Thiết bị sấy bằng điện là thiết bị tự động, khép kín. Tại đây nhiệt độ trong buồng sấy tăng dần để không làm sốc nhiệt lớp sơn.

Khi nhiệt độ khoảng 150-180°C, dưới tác dụng của nhiệt độ cao, bột sơn bắt đầu nóng chảy và bám chặt lên bề mặt sản phẩm. Nhiệt độ tiếp tục tăng lên khoảng 180°C -200 °C, lớp sơn tĩnh điện sẽ đông cứng hoàn toàn tạo thành lớp phủ bền, mịn màng trên bề mặt bán thành phẩm và có độ bám dính cao.

Thời gian sấy khoảng 15 phút. Hơi, khí thải phát sinh từ máy sấy điện được thu gom về hệ thống xử lý khí thải.

d2.3. Làm nguội và kiểm tra chất lượng sau nung: Sau khi sấy, sản phẩm được làm nguội dần để cố định lớp sơn và tiến hành kiểm tra chất lượng về độ bám dính, độ dày, màu sắc và độ bền cơ học.

Các bán thành phẩm sau khi kiểm tra được đưa vào các công đoạn lắp ráp. Riêng một số bán thành phẩm là các chi tiết cần in thể hiện thông tin thì được đưa sang công đoạn in lưới.

d2.4. In lưới sấy sau khi in

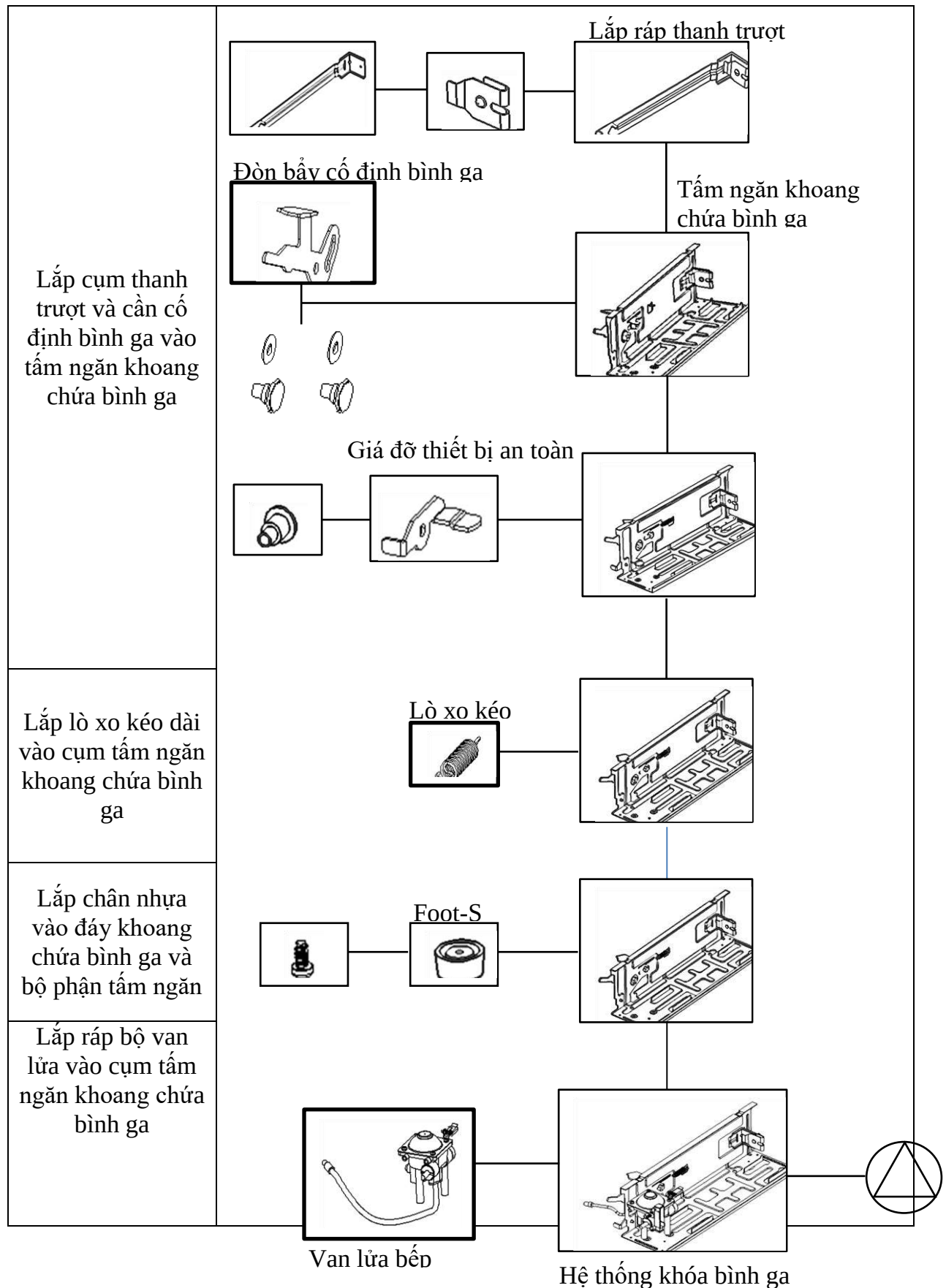
Mục đích của quá trình in là để hiển thị logo công ty, tên sản phẩm, hướng dẫn sử dụng, biện pháp an toàn và các thông tin quan trọng khác trên từng bộ phận sản phẩm.

Quá trình in được thực hiện bằng hệ thống máy in tự động, đảm bảo độ chính xác và đồng nhất. Công nhân chỉ cần đặt sản phẩm vào máy, hệ thống sẽ tự động căn chỉnh và in logo, hướng dẫn sử dụng vào đúng vị trí một cách nhanh chóng, chính xác.

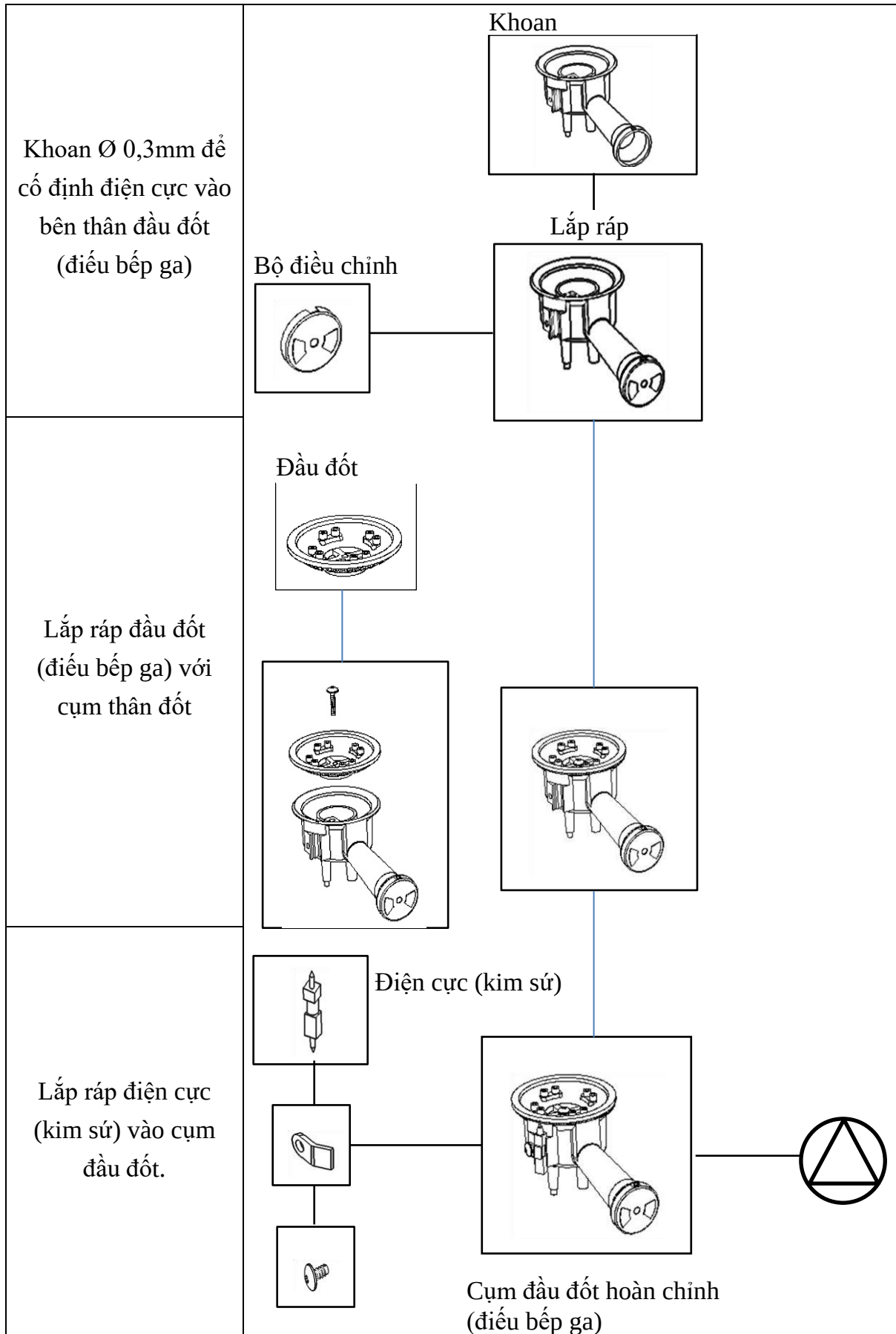
Sau khi qua công đoạn in, sản phẩm được đưa vào băng tải để vào thiết bị sấy UV, tại buồng sấy, đèn UV phát ra tia cường độ cao làm cho mực in đóng rắn trên bề mặt, tạo lớp in bền và sắc nét. Thời gian sấy khoảng 3-8 giây. Thiết bị sấy UV có cấu tạo gồm bộ 20 đèn UV, quạt hút công suất hút 5.000 m³/giờ và thiết bị hấp phụ hơi từ buồng sấy bằng than hoạt tính gồm các cột chứa than có KT 100 x 100 x100mm.

Sản phẩm sau khi in lưới được đưa sang công đoạn lắp ráp chính.

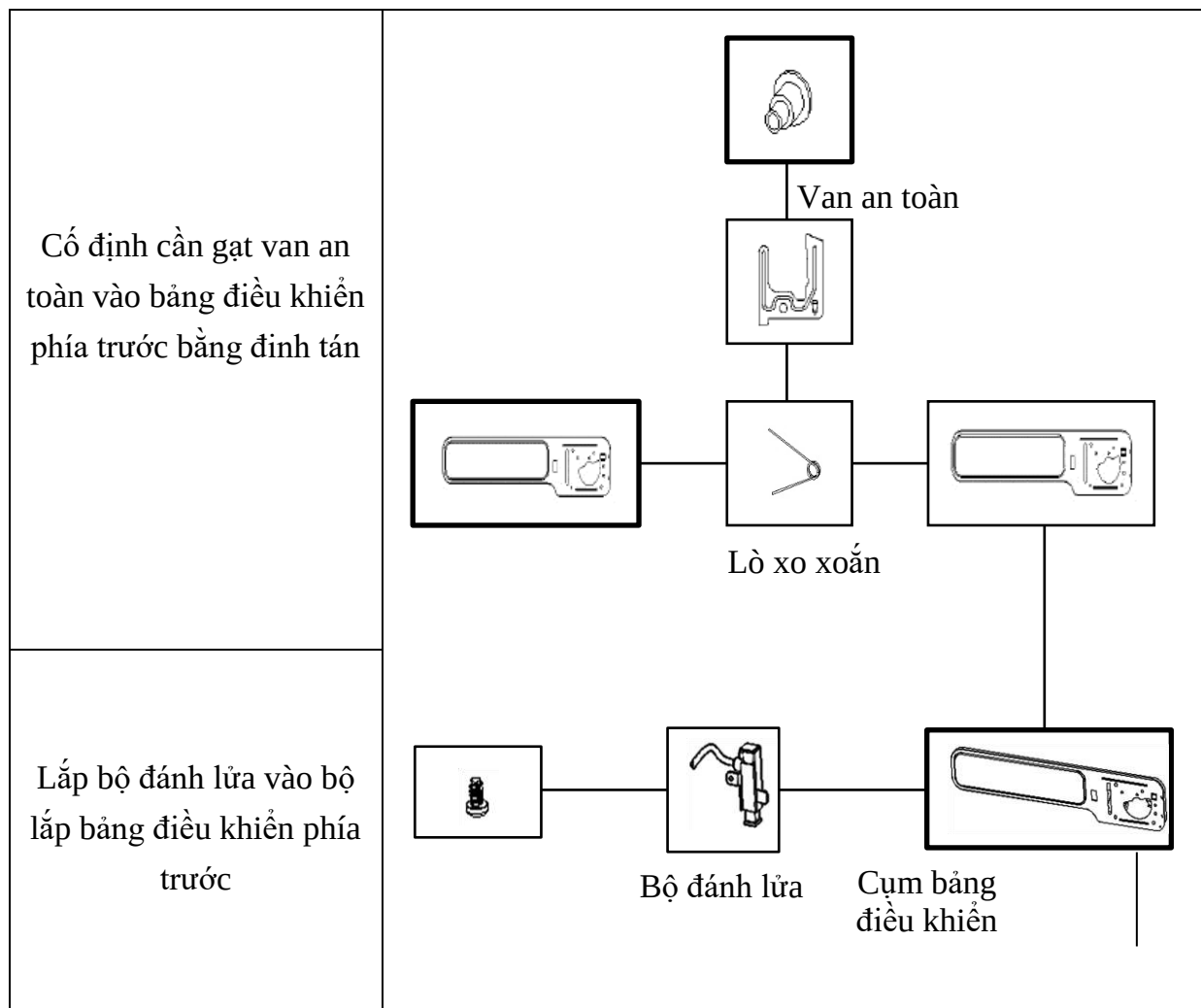
❖ **Quy trình lắp ráp cho hệ thống khóa bình ga**

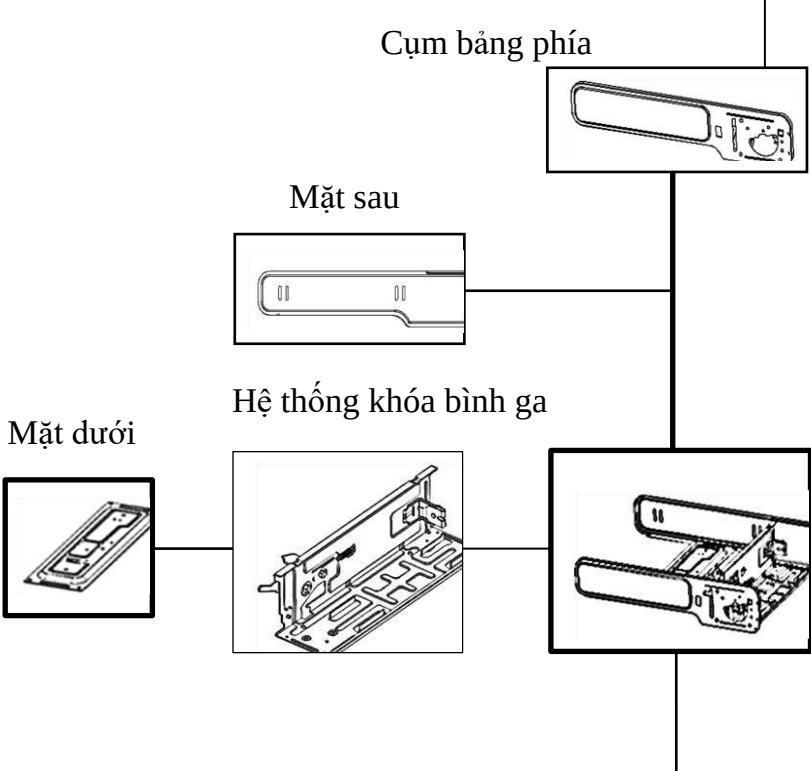
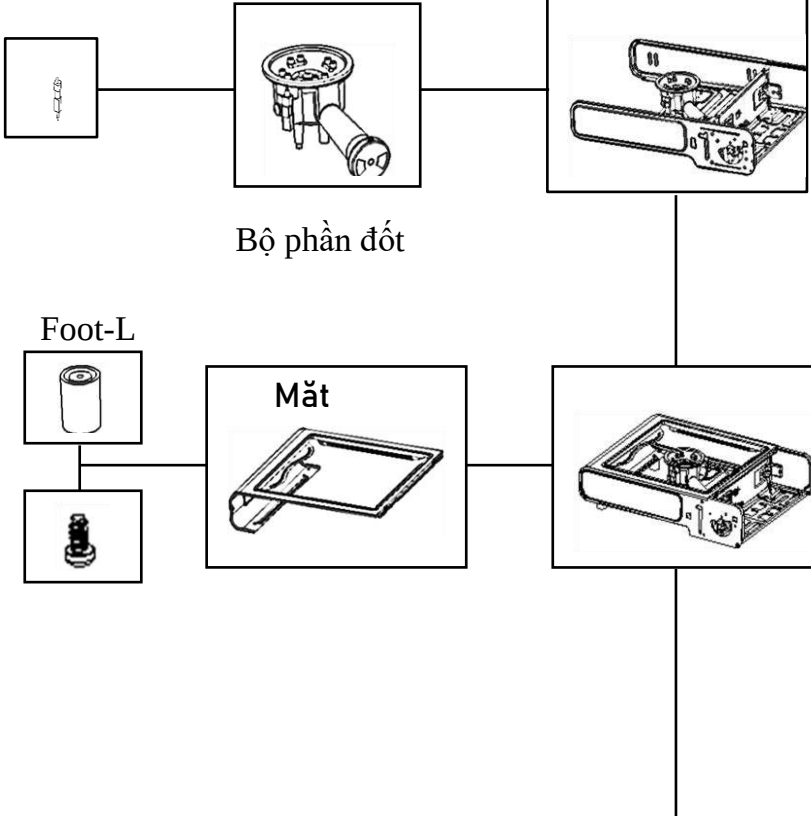


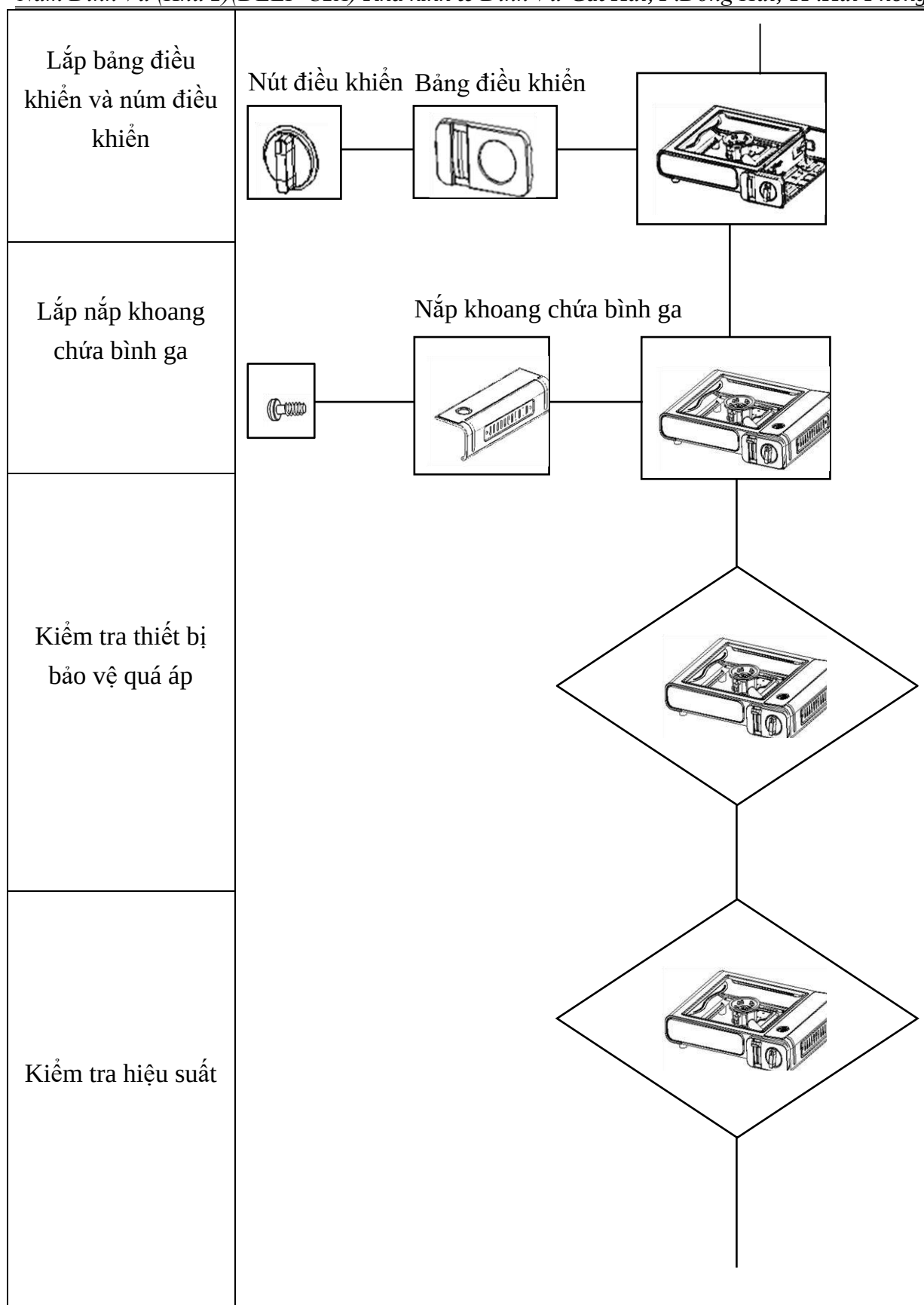
❖ Quy trình lắp ráp phụ cho cụm đầu đốt

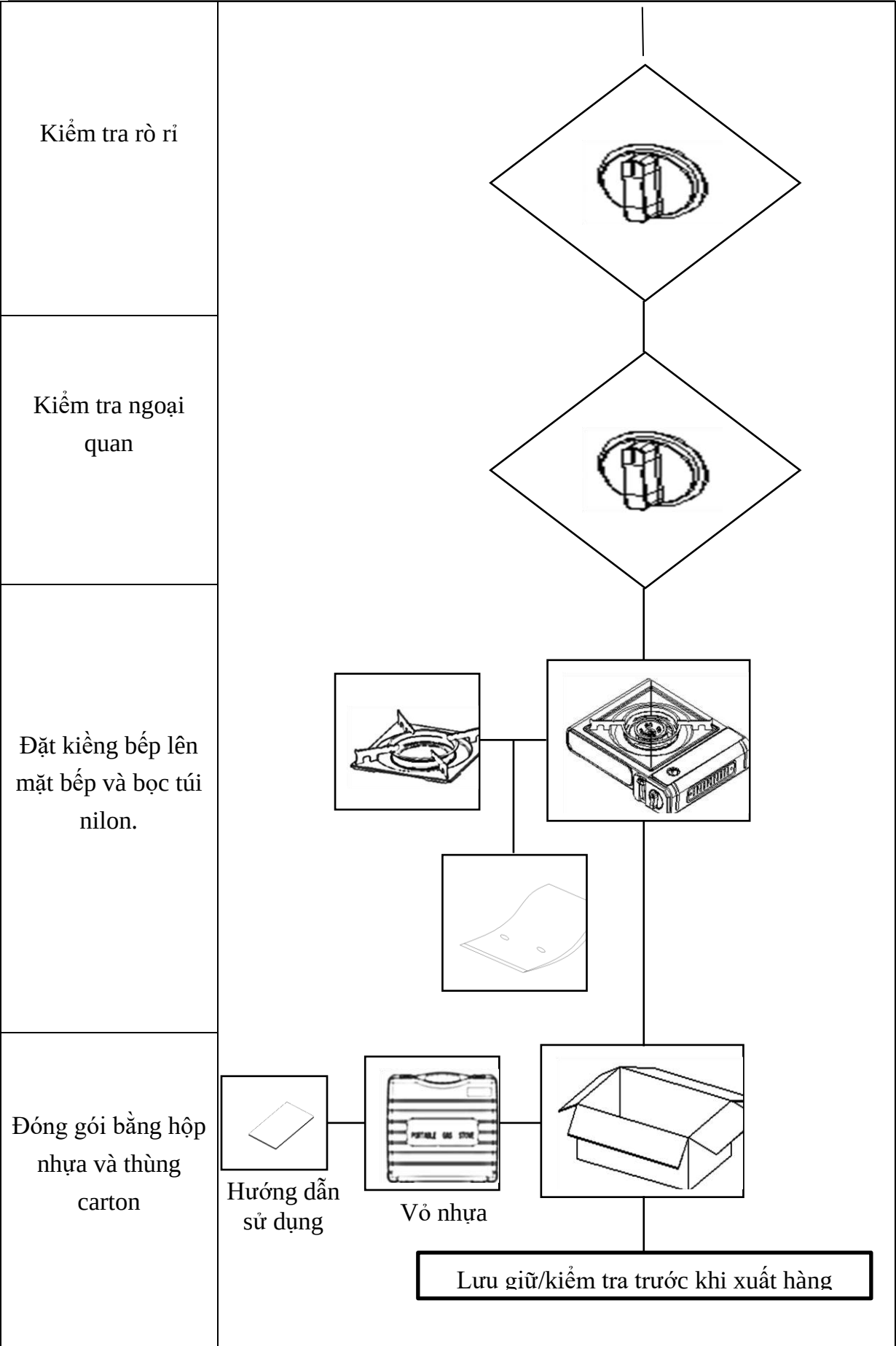


❖ **Quy trình lắp ráp chính**



Lắp ráp bảng điều khiển phía trước, bảng điều khiển phía sau, tấm đáy và hệ thống khóa bình ga	Cụm bảng phía  Mặt sau Hệ thống khóa bình ga Mặt dưới
Lắp ráp bộ phận đốt	Bộ phận đốt Foot-L Mặt 





1.3.3. Sản phẩm của dự án



Hình 1.5. Hình ảnh minh họa sản phẩm của dự án

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu và hóa chất của dự án

Bảng 1.2. Danh mục nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án

TT	Loại nguyên vật liệu, hóa chất	Khối lượng (tấn/năm)	Hình ảnh minh họa
1	Thép tấm	1.284	
2	Bột sơn tĩnh điện	15	
3	Men sứ frit cho lớp phủ men	28	
4	Bộ điều chỉnh	155	
5	Các bộ phận khác để lắp ráp	200	
6	Hộp đóng gói	540	
Tổng		2.222	

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất của dự án

TT	Loại hóa chất	Khối lượng (tấn/năm)	Tính chất
1	Dung dịch tẩy rửa (dung dịch kiềm)	6	- Tính chất vật lý: Dung dịch trong suốt, màu vàng đục - Tính chất hóa học: pH: 11-14 - Thành phần hóa học: Natri disphotphat (3-6%), Natri cabonat (12-15%), Natri Hydroxit (5-8%), Natri Chiorua (1-3%), Axit gluconic (4-7%), Carboxymethylcellulose Sodium (0,1-0,5%), NP (1-3%), Sodium benzonite (0,5-1%), Alkylphenol ethoxylates (0-1%), nước (48-66%).
2	Mực in lưới	0,1	- Tính chất vật lý: Dạng lỏng - Thành phần hóa học: Chất tạo màu, dung môi, chất kết dính...(chi tiết các chất trong mực in lụa đã được chủ dự án phân tích thử nghiệm tại báo cáo số A2230551833101027 đính kèm tại phụ lục của Báo cáo).
3	Sơn tĩnh điện	15	- Tính chất vật lý và hóa học: dạng bột, không hòa tan trong nước, ổn định ở nhiệt độ và áp suất thường, là một loại chất oxy hóa mạnh, tránh nhiệt độ cao - Thành phần hóa học: Nhựa và chất đóng rắn (60%), chất tạo màu (3%), axit Acrylic (2%), bao gói (35%).
Tổng		21,1	

1.4.2. Danh mục máy móc phục vụ hoạt động sản xuất của Dự án

Các thiết bị máy móc sử dụng của dự án đều đạt tiêu chuẩn và được sản xuất theo thông số kỹ thuật và yêu cầu của công ty, máy móc được nhập khẩu hoặc mua trong nước. Danh sách các máy móc phục vụ cho hoạt động của dự án như sau:

Bảng 1.4. Danh mục máy móc phục vụ hoạt động của dự án

TT	Tên máy móc	Quy trình sử dụng	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng
1	Máy ép	Dập	3	Trung Quốc	2025	Mới 100%
2	Thiết bị ép 160 tấn		1	Trung Quốc	2025	Mới 100%
3	Thiết bị ép 80 tấn		2	Trung Quốc	2025	Mới 100%
4	Bộ cố định tráng men	Tráng men	1	Trung Quốc	2025	Mới 100%
5	Máy nghiền bi		1	Trung Quốc hoặc Việt Nam	2025	Mới 100%
6	Bể rửa (dung tráng men và bột)		18	Trung Quốc	2025	Mới 100%
7	Máy sơn tĩnh điện	Phủ bột	1	Trung Quốc hoặc Việt Nam	2025	Mới 100%
8	Bộ lọc phòng sơn		1	Trung Quốc	2025	Mới 100%
9	Thiết bị xử lý khí đốt		1	Trung Quốc	2025	Mới 100%
10	Máy in lụa tự động	In	4	Trung Quốc	2025	Mới 100%
11	Máy sấy		2	Trung Quốc	2025	Mới 100%

1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cung cấp điện của dự án.

Điện phục vụ của dự án được lấy từ hệ thống nguồn điện lưới điện quốc gia thông qua mạng lưới cấp điện của KCN.

Điện được sử dụng để phục vụ các nhu cầu:

- Phục vụ cho dây chuyền sản xuất.
- Phục vụ cho nhu cầu của công nhân viên, chiếu sáng xung quanh.

Dự kiến mức tiêu thụ điện năng hàng tháng của công ty khi đi vào hoạt động ổn định khoảng là 2.100.000 - 2.400.000 KWh/tháng.

1.4.4. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

- Nguồn cung cấp: Sử dụng nước cấp thông qua đường ống cấp nước của KCN.

- Nhu cầu sử dụng nước:

+ *Nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt*

Đối với nhu cầu cấp nước sinh hoạt: Số lượng cán bộ công nhân viên, cán bộ của dự án dự kiến là 100 người. Lượng nước sử dụng được tính như sau: Áp dụng tiêu chuẩn TCXDVN 13606:2023 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế, lượng nước sử dụng cho công nhân làm việc tại Nhà máy là: 45 lít/người/ca.

Đối với nhu cầu nước dùng cho nhà bếp: Nhà máy có nhà ăn tập thể và tổ chức 01 bữa ăn/ngày nên theo quy định tại bảng 1, mục 3 của TCVN 4513:1988, tiêu chuẩn dùng nước cho nhà ăn tập thể là 18 - 25 lít/người/bữa ăn, tính toán nhu cầu sử dụng nước dùng cho nhà bếp của dự án là 25 lít/người/ngày.

Lượng nước sử dụng cho sinh hoạt và ăn uống của công nhân viên, cán bộ là:

$$Q = 100 \times (0,045 + 0,025) = 7 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ *Nước cấp cho hoạt động sản xuất*

Hoạt động của dự án sử dụng nước để phục vụ quá trình tẩy rửa bề mặt các linh kiện bán thành phẩm thành phần. Nước sạch được hòa trộn với hóa chất tạo thành dung dịch kiềm loãng để tẩy rửa. Nước và dung dịch trong bể tẩy rửa được xử lý qua quá trình lọc riêng biệt để tách dầu mỡ và bụi phát sinh trong quá ngâm tẩy, sau đó tuần hoàn trở lại bể rửa, chủ dự án định kỳ bổ sung hóa chất và một phần lượng nước bù cho lượng hao hụt tại các bể tẩy rửa. Các cặn dầu mỡ, bụi bẩn được thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị xử lý thích hợp. Dự án sử dụng 06 bể rửa với thể tích 2,4 m³/bể. Lưu lượng nước cấp trung bình cho các bể rửa khoảng 0,01 m³/ngày.

+ *Nước cấp cho tưới cây*

Diện tích đất quy hoạch trồng cây xanh, thảm cỏ và dự trữ của nhà máy là 9.783,94 m². Định mức cấp nước tưới cây theo TCVN 13606:2023 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế quy định tiêu chuẩn nước tưới cây, thảm cỏ là 3 lít/m²/lần tưới. Như vậy, lưu lượng nước sử dụng cho hoạt động này vào ngày cao nhất là 29,35 m³/ngày.

+ *Nước cấp cho rửa sân đường.*

Diện tích sân đường nội bộ của nhà máy là 2.943,71 m². Định mức rửa đường theo TCVN 13606:2023 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế quy định là 1,5 lít/m²/lần. Như vậy, lưu lượng nước sử dụng cho hoạt động này vào ngày cao nhất là 4,4 m³/ngày.

+ *Nước cấp cho PCCC*

Đường cấp nước vào bể nước chữa cháy từ khu công nghiệp là 250A, với vận tốc 1,7 m/s, lưu lượng 255 m³/h, trong 3 giờ chữa cháy. Dung tích bể nước phục vụ cho chữa cháy nhà máy là: Vcc = 600 m³.

Tổng nhu cầu sử dụng nước cho dự án là:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

TT	Nhu cầu sử dụng	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng	Lưu lượng nước thải	Ghi chú
1	Nước cấp sinh hoạt	m ³ /ngày	7	7	Đưa về trạm XLNT sinh hoạt
2	Nước cấp bổ sung cho dây chuyền sản xuất	m ³ /tháng	0,3	-	Bốc hơi
3	Nước rửa đường	m ³ /ngày	4,4	-	Thấm thấu
4	Nước tưới cây	m ³ /ngày	29,35	-	Thấm thấu

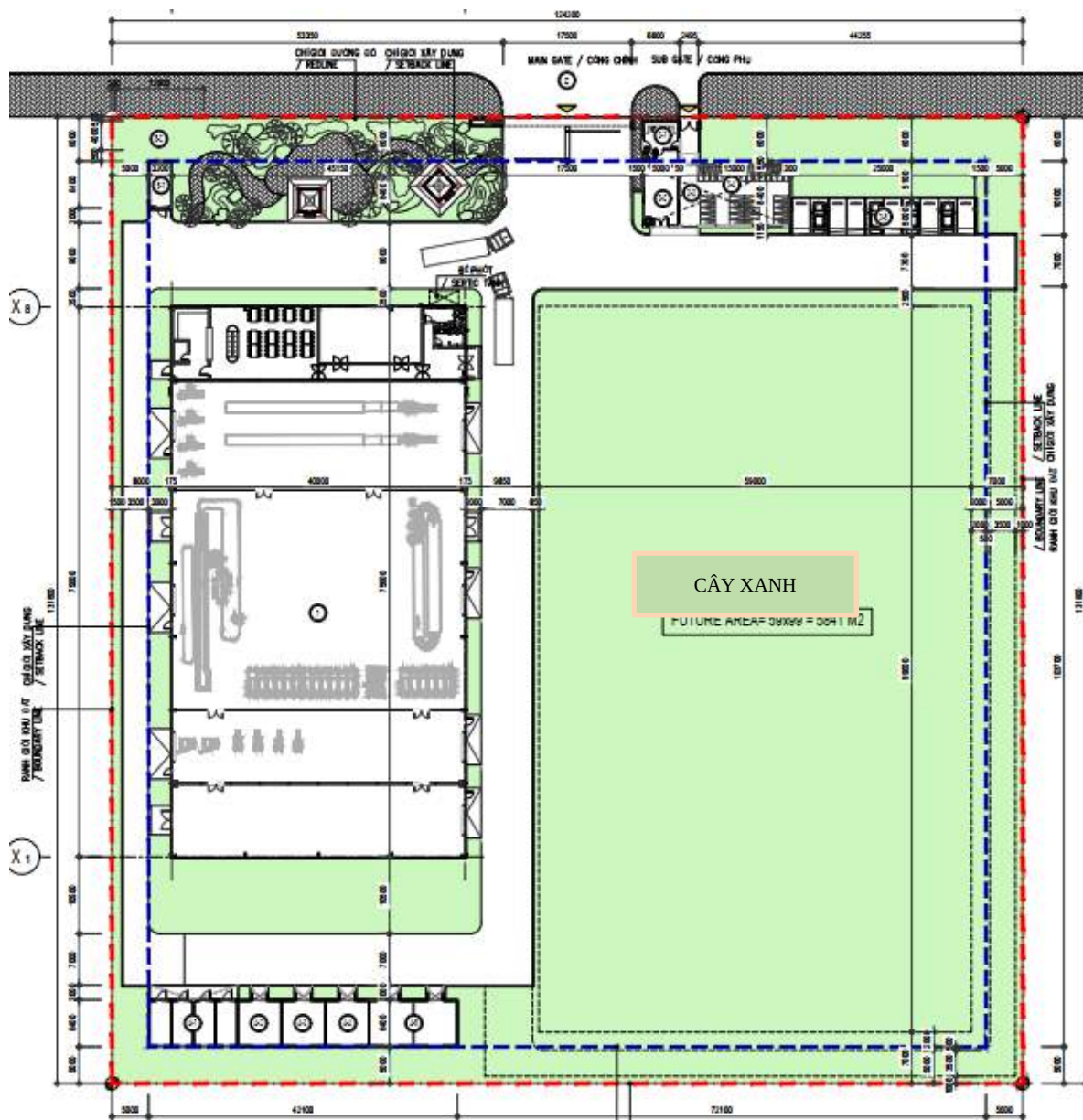
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

Bảng 1.6. Quy mô các hạng mục công trình của dự án

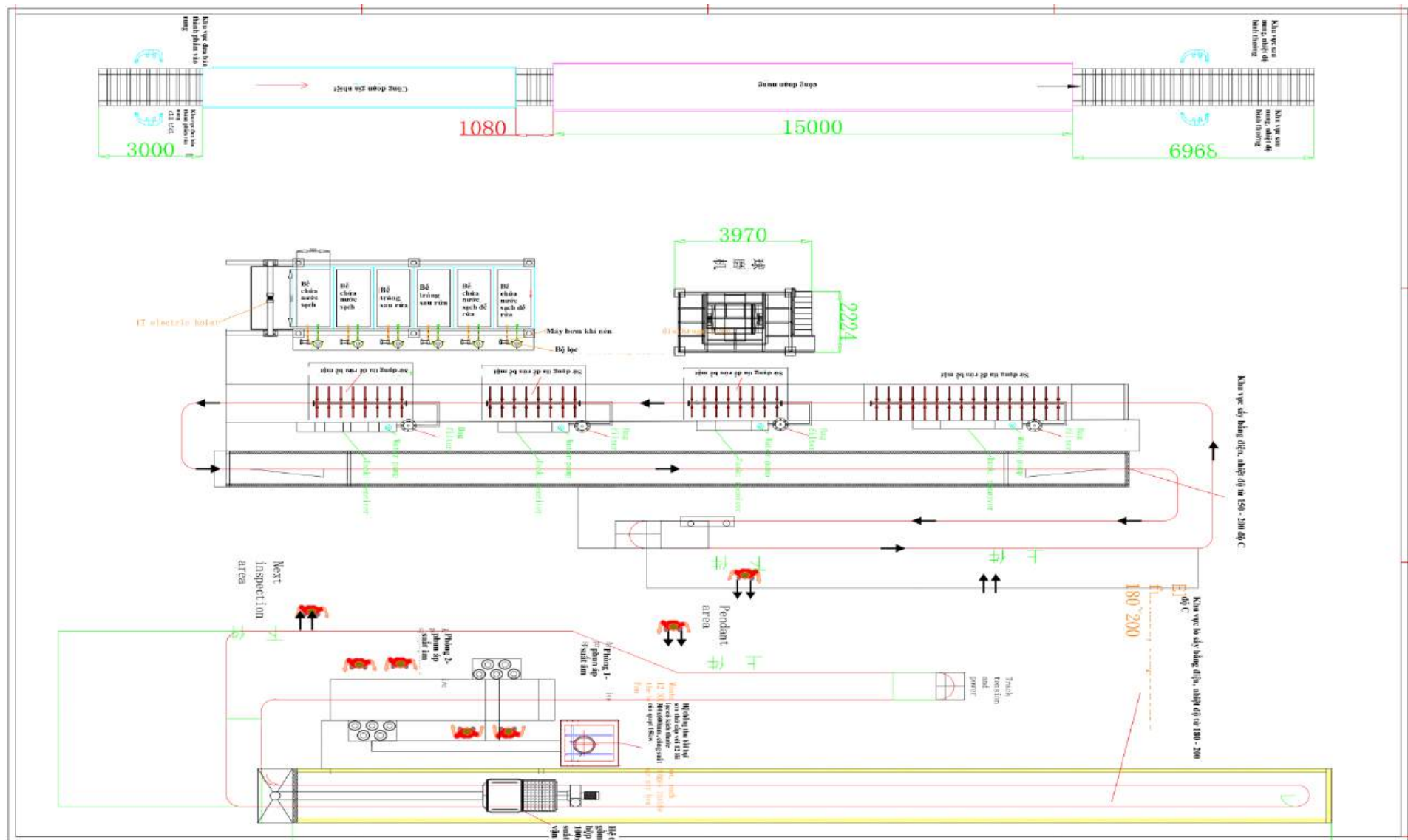
TT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng
1	1.1 Nhà xưởng 01	2.629,81	1
	1.2 Văn phòng	410,56	1
2	Cổng chính		
3	3.1 Nhà bảo vệ	34,92	1
	3.2 Phòng bơm	35,8	1
	3.3 Bể nước ngầm	171,06	
	3.4 Nhà để xe máy	142,19	1
	3.5 Bãi xe ô tô	81,27	1
4	4.2 Kho lưu giữ chất thải	86,4	1
	4.2 Phòng máy biến áp	31,04	1
	4.3 Máy phát	50,75	1
	4.4 Phòng điện	30,26	1

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án Bếp ga di động Maxsun Vina tại Lô CN7.2K, KCN Nam Đình Vũ (Khu 2)(DEEP C2A) Khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, P.Đông Hải, TP.Hải Phòng

TT		Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng
	4.5	Nhà vệ sinh nam nữ	128,45	1
	4.6	Kho dự phòng	29,44	1
5		Khu vực xử lý nước thải	35	1
Tổng			3.896,95	



Hình 1.6. Sơ đồ mặt bằng dự án



Hình 1.7. Sơ đồ bố trí sản xuất của dự án

a) Giải pháp quy hoạch tổng mặt bằng

- Việc quy hoạch mặt bằng của Nhà máy dựa trên vị trí địa lý, hướng gió, hệ thống giao thông trong khu vực, các quy tắc phòng cháy chữa cháy, môi trường cảnh quan và quy trình sản xuất. Mặt bằng của dự án được thiết kế theo các nguyên tắc sau:

- Đáp ứng được các yêu cầu liên hoàn của quy trình sản xuất.
- Bố trí hài hòa và phù hợp theo hình dạng của khu đất.
- Hệ thống giao thông nội bộ, sân bãi đảm bảo cho việc vận chuyển và bốc dỡ nguyên liệu.

- Các hạng mục công trình phụ trợ như trạm xử lý nước thải, phòng bơm, khu lưu giữ chất thải... được bố trí hợp lý nhằm phục vụ cho sản xuất và thuận tiện xử lý khi gặp sự cố, hạn chế đến mức tối đa những tác động đến hoạt động sản xuất công ty.

b) Giải pháp thiết kế kiến trúc

❖ Xưởng sản xuất và văn phòng

- Diện tích nhà xưởng và văn phòng là 3.040,37 m², nhà 1 tầng, chiều cao 9,3m. Công trình cấp I.

- Nhà máy chính được thiết kế: Chiều dài 72 m xác định từ trục X1 đến X8, rộng 40m được xác định từ trục Y1 đến Y5.

- Kết cấu: sàn bê tông, mái khung xà gồ thép, trần thạch cao, tường gạch dày 200, vữa xi măng dày 20.

❖ Nhà bảo vệ, phòng bơm, nhà để xe máy

- Diện tích xây dựng là 212,19 m², nhà 1 tầng, cao 3,8m. Công trình cấp I.

- Khu vực chính được thiết kế: Chiều dài 20,12 m xác định từ trục X1 đến X5, rộng 8,4m được xác định từ trục Y1 đến Y3 và rộng 14,5m xác định từ trục Y1 đến Y5.

❖ Dây nhà phụ trợ

- Diện tích xây dựng là 356,34 m², nhà 1 tầng, cao 3,8m. Công trình cấp I.

- Khu vực chính được thiết kế: Chiều dài 42 m xác định từ trục X1 đến X10, rộng 6,2m được xác định từ trục Y1 đến Y2.

- Các hạng mục phụ trợ bao gồm:

+ Khu vực lưu chứa chất thải: diện tích bên trong khu vực 86,4 m² được chia làm 3 khu vực để lưu chứa các loại chất thải khác nhau.

+ Phòng máy biến áp: diện tích bên trong khu vực 31,04 m².

+ Phòng máy phát: diện tích bên trong khu vực 50,75 m².

+ Phòng điện: diện tích bên trong khu vực 30,26 m².

+ Khu vệ sinh và kho dự phòng: diện tích bên trong khu vực 157,89 m².

❖ **Cây xanh, cảnh quan**

Diện tích cây xanh, sân thể thao, thảm cỏ 9.322,29 m² (Bảo đảm mật độ cây xanh theo QCVN 01:2021/BXD).

❖ **Đất giao thông, sân bãi**

Diện tích 3.144,76 m². Gồm các loại đường bê tông tải nặng, tải nhẹ & đường bê tông nhựa đường và đã được tính toán cho xe chữa cháy tiếp cận đến tất cả các công trình trong dự án. Hệ thống đường giao thông, sân bãi được thiết kế xây dựng để thuận lợi cho việc tập kết hàng hóa, vận chuyển sản phẩm và sử dụng phương tiện PCCC.

c) Các hạng mục, công trình BVMT

❖ **Hệ thống thu gom và thoát nước mưa**

Bố trí hệ thống thu gom nước mưa trên mái bằng đường ống thu gom, sau đó được dẫn về hệ thống thu gom thoát nước mưa chung của nhà máy.

Nước mưa từ các khu vực nhà xưởng sẽ được thu gom qua hệ thống rãnh thoát nước, qua song chắn rác rồi chảy vào các hố ga thu gom xung quanh dự án, có kết cấu bằng bê tông cốt thép, đường kính D160, D200, D400 và D600; với tổng chiều dài đường ống thu gom là 364,5, độ dốc $i=0,3\%$. Trên đường thoát nước mưa có bố trí 18 hố ga lắng cặn bằng BTCT, nắp hố ga được đặt bằng tấm đan BTCT.

Nước mưa sau đó được dẫn thoát ra hệ thống thu gom nước mưa của KCN Nam Đình Vũ tại 01 điểm thoát; theo đường ống D800, với chiều dài 13m, $i=0,3\%$.

❖ **Hệ thống thu gom và thoát nước thải**

Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải của nhà máy được xây dựng riêng biệt so với hệ thống thoát nước mưa.

Toàn bộ nước thải của nhà máy được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Nam Đình Vũ:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó, dẫn về trạm XLNT sinh hoạt của dự án xử lý trước khi đầu nối vào hố ga thoát nước thải của KCN. Dự án đã xây dựng 03 bể tự hoại, với tổng thể tích 16 m³ (01 bể tự hoại tại khu nhà ăn có thể tích 03 m³; 01 bể tự hoại khu nhà bảo vệ có thể tích 03 m³ và 01 bể tự hoại tại khu nhà phụ trợ có thể tích 10 m³).

- Nước thải từ nhà ăn (có chứa dầu mỡ và thức ăn thừa) được dẫn qua bể tách mỡ trước khi đưa về trạm XLNT sinh hoạt của dự án xử lý trước khi đầu nối vào hố ga thoát nước thải của KCN. Thể tích bể tách mỡ là 03 m³.

- Đường ống thu gom các loại nước thải về hệ thống XLNT sử dụng ống uPVC D200; với tổng chiều dài 246m, $i=0,5\%$.

- Trạm XLNT sinh hoạt của dự án đã xây dựng và lắp đặt có công suất 20 m³/ngày (được xây dựng ngầm), xử lý đạt tiêu chuẩn đầu vào của KCN Nam Đình Vũ, sau đó, được bơm thoát ra hố ga thoát nước thải của KCN tại 01 điểm thoát.

❖ **Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt**

Để xử lý nước thải sinh hoạt của dự án, công ty đã xây dựng trạm XLNT sinh hoạt có công suất 20 m³/ngày. Công nghệ xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt → Ngăn thu gom → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng sinh học → Ngăn khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của KCN.

❖ **Hệ thống xử lý nước thải sản xuất tuần hoàn tái sử dụng**

Nước thải → Vớt tách dầu mỡ nổi → Bơm màng khí nén → Bộ lọc → Nước tái sử dụng cho quá trình tẩy rửa (định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý cặn lơ lửng và dầu mỡ nổi).

❖ **Hệ thống xử lý bụi**

- Hệ thống thu hồi bụi sơn đi kèm đồng bộ với buồng phun sơn tĩnh điện công suất 12.000 m³/giờ. Công nghệ xử lý: Bụi → Bộ lọc thu hồi bụi sơ cấp → Đường ống thu gom → Hệ thống thu hồi bụi thứ cấp → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí và giảm âm.

- Hệ thống xử lý khí thải buồng sấy sau sơn có công suất 5.000 m³/h. Công nghệ xử lý: Bụi, khí thải → Chụp hút/ống dẫn → Hệ thống UV → Hộp than hoạt tính (kèm bông lọc) → Quạt hút → Ống thoát khí.

❖ **Khu vực lưu chứa chất thải rắn**

- CTR sinh hoạt: Trang bị thùng chứa để thu gom chất thải sinh hoạt, sau đó, tập kết về kho chứa CTR thông thường có diện tích 27,9 m², phân loại theo quy định. Hợp đồng đơn vị có đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- CTR công nghiệp thông thường: Thu gom, phân loại và tập kết tại kho chứa CTR công nghiệp thông thường có diện tích 27,9 m². Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: Được thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng có nắp đậy, bao bì hoặc được sắp xếp gọn gàng trong khu lưu giữ riêng. Khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 27,9 m², có kết cấu tường gạch, mái tôn, nền bê tông chống thấm, có bố trí gờ và hố thu gom chất thải lỏng, có mái che kín nắng mưa và có cao độ nền tránh nước mưa tràn vào. Khu lưu giữ được lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH. Khu lưu giữ còn được trang bị dụng cụ PCCC. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2.1.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch BVMT quốc gia

Ngày 08/7/2024, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 611/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Mục tiêu của Quy hoạch nhằm chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của nhân dân trên Cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Mục tiêu đến năm 2050, môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm môi trường sống trong lành cho nhân dân; bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học và duy trì được cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên, đất nước phát triển bền vững theo hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp nhằm hướng tới đưa phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050; bảo đảm an ninh môi trường gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Trong đó, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới quan trắc và Cơ sở dữ liệu môi trường thông qua: Khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên, nhiên liệu và năng lượng; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; cải tiến, chuyển đổi công nghệ, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT), công nghệ cao trong các ngành, lĩnh vực để bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Hoạt động sản xuất của nhà máy không sử dụng các nguyên, nhiên liệu làm phát thải cacbon, do đó, hoạt động của Nhà máy là phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

2.1.2. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh

Dự án phù hợp với Quyết định số 1516/QĐ-TTg của Thủ tướng chính Phủ ban hành ngày 02/12/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong các quan điểm phát triển là chủ động nắm bắt thời cơ, phát huy lợi thế đặc biệt là cửa chính ra biển đối với cả miền Bắc, xây dựng Hải Phòng thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, trung tâm kết nối kinh tế và động lực phát triển của Vùng Đồng bằng sông Hồng, của Bắc Bộ và cả nước.

Tại điểm b, điều 1, mục III của Quyết định nêu: ưu tiên phát triển các ngành chủ lực có vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của thành phố gồm sản phẩm điện tử và công nghệ thông tin, tiếp tục duy trì hợp lý, hiệu quả và bền vững các nhóm ngành khai thác thế mạnh đặc trưng truyền thống của thành phố như sản xuất thiết bị điện, sản xuất máy móc, thiết bị...

Tại điều 2, mục III, Quyết định có nêu phương phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp: điều chỉnh ranh giới khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải để bổ sung đất phát triển công nghiệp, dịch vụ.

Vậy, Dự án được triển khai phù hợp với định hướng phát triển chung của cả nước và của thành phố Hải Phòng.

2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Dự án Bếp ga di động Maxsun Vina được thực hiện được xây dựng tại Lô đất CN7.2K, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng (*trước đây là Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng*). Công ty TNHH Maxsun Vina đã kí kết hợp đồng thuê đất với Đơn vị đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A).

Các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động của KCN bao gồm:

- Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 KCN Nam Đình Vũ (khu 2);

- Quyết định số 2452/QĐ-BQL ngày 19/10/2018 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 KCN DEEP- C2A.

- Quyết định số 1583/QĐ-BTNMT ngày 25/6/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ

sở hạ tầng khu công nghiệp Deep C2A” tại phường Đông Hải 2 và phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

- Văn bản số 1559/BTNMT-TCMT ngày 04/4/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận việc tiếp nhận nước và xử lý nước thải của KCN Deep C2 (bao gồm 2A và 2B) tại trạm XLNT của KCN Đình Vũ trên cơ sở văn bản đề nghị số 27/2019/DVIZ-EN ngày 30/01/2019 của Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ.

Ngành nghề của Dự án là sản xuất đồ điện dân dụng thuộc ngành nghề thu hút đầu tư của KCN theo Quyết định số 1583/QĐ-BTNMT ngày 25/6/2019. Ngoài ra, KCN có vị trí thuận lợi, có hạ tầng kỹ thuật được đồng bộ và chất lượng môi trường xanh sạch đẹp là lợi thế cho việc triển khai dự án.

Vì vậy, việc thực hiện Dự án Bếp ga di động Maxsun Vina hoàn toàn phù hợp.

Hiện trạng Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A):

Hệ thống cấp điện: nguồn điện phục vụ sản xuất tại khu công nghiệp Deep C II được cung cấp từ hai nguồn. Trong ngắn hạn, việc cấp điện được lấy từ nguồn trạm biến áp 110kV/22kV Khu công nghiệp Đình Vũ. Trong dài hạn, nguồn điện được cung cấp thông qua trạm biến áp 110kV/22kV có công suất 63 MVA được xây dựng nội khu công nghiệp. Các tuyến dây 22kV được đi ngầm và đấu nối đến từng lô đất trong khu công nghiệp. Đồng thời khu công nghiệp còn được xây dựng trạm biến áp 22/0,4kV có công suất 250kVA/630kVA để phục vụ cho các công trình công cộng và hệ thống chiếu sáng.

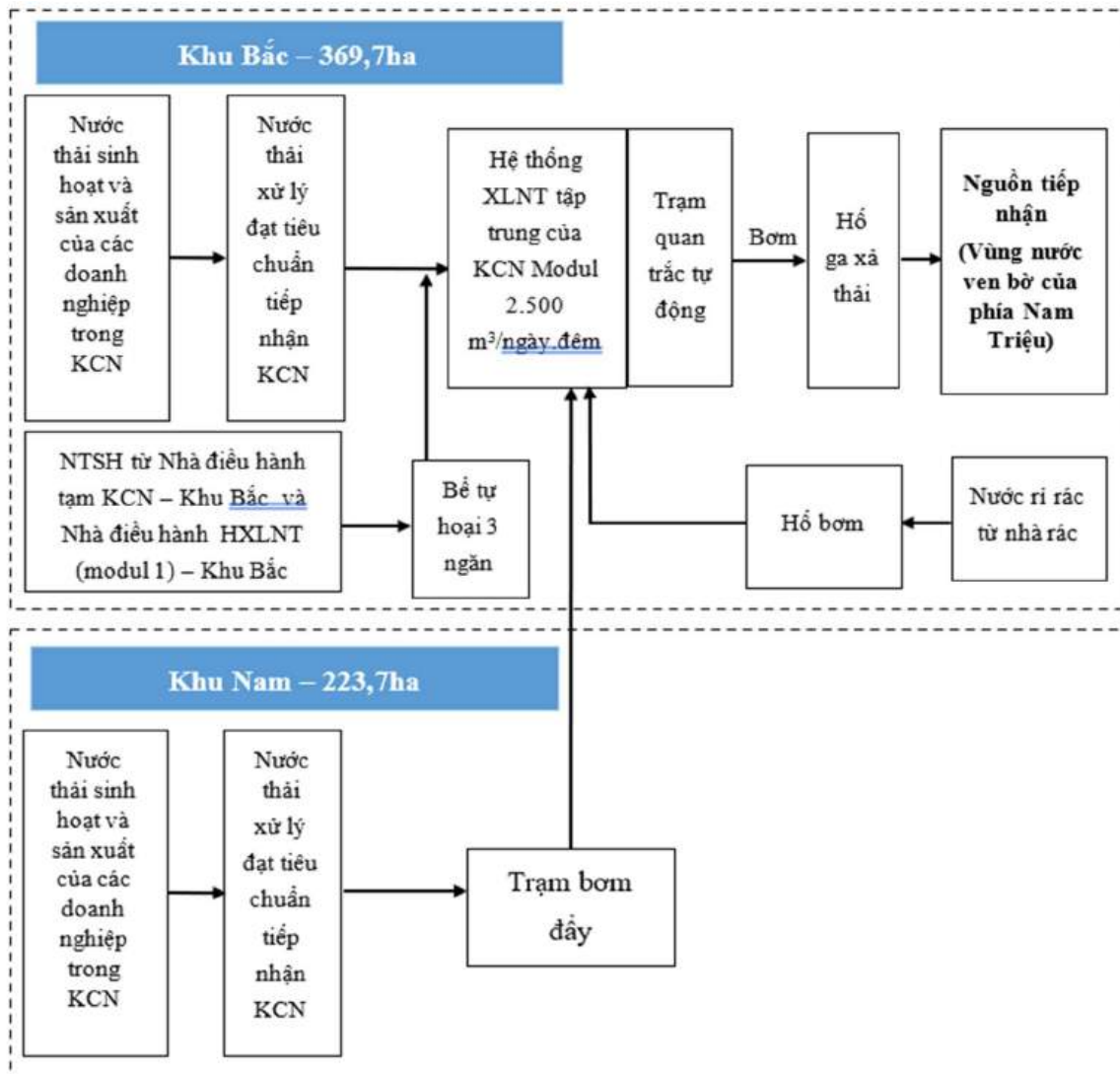
Hệ thống cấp nước: việc cấp nước cho khu công nghiệp Deep C II được lấy từ nguồn cấp nước nhà máy nước An Dương hiện có, trong tương lai việc cấp nước được bổ sung từ Nhà máy nước Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Khu công nghiệp được đầu tư xây dựng trạm bơm tăng áp nằm tại phía Tây của khu công nghiệp với công suất dự kiến khoảng 20.000 m³/ngày đêm. Mạng lưới cấp nước được bố trí theo dạng mạch vòng kết hợp nhánh với các đường ống HDPE có đường kính từ D100-D500.

Hệ thống thu gom, xử lý nước thải:

- Giai đoạn đầu, nước thải được thu gom và vận chuyển về trạm xử lý nước thải tại KCN Đình Vũ. Giai đoạn sau, xây dựng 01 trạm xử lý nước thải (Trạm XLNT) có tổng công suất 14.000m³/ngày, vị trí nằm phía Tây khu công nghiệp (lô đất kỹ thuật KTSM1) phục vụ nhu cầu xử lý nước thải của khu công nghiệp (đã bao gồm dự phòng xử lý nước thải cho KCN và dịch vụ hàng hải). Đầu tư xây dựng trạm XLNT theo các modul có công suất phù hợp theo giai đoạn phát triển và thu hút đầu tư của khu công nghiệp.

- Mạng lưới thoát nước thải sử dụng hệ thống đường ống áp lực, dẫn nước thải về các trạm bơm tập trung, từ đó bơm về trạm XLNT của KCN để xử lý.
- Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả thải ra môi trường.

Theo văn bản số 1559/BTNMT-TCMT ngày 04/4/2019 thì nước thải của KCN Đình Vũ sẽ tiếp nhận nước thải của KCN Nam Đình Vũ (khu 2 – DEEP C2A) và KCN DEEPC2B. Hệ thống thu gom như sau:



Hình 2.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước của KCN Nam Đình Vũ

(Nguồn: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở “Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1)” - Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (diện tích 223,7ha) của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ).

* Đối với Khu phía Bắc

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, sản xuất của Khách hàng, sau xử lý sơ bộ sẽ được dẫn vào hố ga cuối cùng (theo mẫu của KCN), hố ga này được xây dựng trong tường rào của lô đất. Tại hố ga này, nước thải sẽ được bơm vào hệ thống thu gom chung của KCN qua điểm đầu nối.

- Nước thải từ các ga đầu nối tự chảy dựa vào độ chênh lệch cao độ về 09 tuyến ống thu gom nước thải được đặt xung quanh các lô đất có đường kính D280 - D315 - D400 - D450 - D500, vật liệu u.PVC loại dài 6m, độ dốc 0,1 – 0,12%. Đối với khu phía Bắc nước được bơm lên bể dâng và tự chảy về trạm xử lý nước thải tập trung. Ống được chôn dưới vỉa hè, đỉnh ống cách mặt đất tối thiểu 0,4m. Để giảm bớt chiều sâu chôn ống và đường kính ống bố trí các trạm bơm dâng trên các tuyến có chiều sâu chôn ống > 1,5m (tính từ cos hè). Trên tuyến đường ống có xây dựng các hố ga thăm, khoảng cách các hố ga trung bình 100-120m/ga. Độ sâu lưng ống trung bình từ 0,4m đến 1,3m, độ dốc $i = 0,1 - 0,12 \%$, vận tốc dòng chảy $v = 0,8 \text{ m/s}$ đến $1,2 \text{ m/s}$.

- Tại các vị trí đường ống giao cắt lộ thiên trong mương, cơ sở sử dụng ống inox 304 đường kính từ 280 – 500 (mm) để dẫn nước thải về hệ thống thu gom chung.

* Đối với Khu phía Nam diện tích 223,7ha

- Hiện tại, nước thải sau xử lý của tất cả nhà đầu tư thứ cấp tại khu phía Nam sẽ được dẫn về 09 tuyến ống thu gom nước thải được đặt xung quanh các lô đất có đường kính D250 - D315, vật liệu HDPE loại dài 9m. Các đường ống này được chôn dưới vỉa hè, độ dốc 0,1 %, đảm bảo tự chảy về trạm bơm số 01 và 02.

- Trong khu vực này, KCN bố trí 02 trạm bơm tự động có thể tích 65m³/trạm và công suất bơm đầy là 125m³/h. Nước thải được bơm từ trạm bơm số 2 về trạm bơm số 1 rồi bơm về trạm XLNTTT tại khu phía Bắc - KCN qua đường ống HDPE D180, tổng chiều dài 1,8km.

- Lưu lượng nước thải bơm về trạm XLNTTT được kiểm soát bởi đồng hồ đo lưu lượng nước thải đặt tại đầu ống dẫn trước khi vào bể thu gom nước thải trong trạm XLNTTT. KCN đã lắp đặt đồng hồ điện tử để đo và kiểm soát lưu lượng nước thải (bố trí đồng hồ đo lưu lượng toàn bộ nước thải khu phía Nam trên đường ống áp lực từ trạm bơm trung chuyển sang trước khi vào bể thu gom).

- Nước thải từ các trạm bơm về bể gom và từ bể gom lên trạm XLNT: công ty đã tiến hành lắp đặt các phao điện tại các trạm bơm để tự động hoá hệ thống; đồng thời vẫn duy trì cán bộ vận hành trực 24/24 để đảm bảo việc kiểm tra và phát hiện sự cố để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Tại các vị trí đường ống giao cắt lộ thiên trong ruộng, cơ sở sử dụng ống HDPE D315 có giá đỡ bằng inox, đảm bảo chắc chắn, để dẫn nước thải về hệ thống thu gom chung.

*** Hệ thống thoát nước sau xử lý**

Mạng lưới thoát: Nước thải sau khi xử lý từ trạm xử lý tập trung của KCN đạt chuẩn cột B quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Nước thải sau khi được xử lý được dẫn từ hệ thống xử lý nước thải qua bể chứa nước sau xử lý có thể tích 400 m³ bằng đường ống uPVC D280, chiều dài 154m. Nước tự chảy do chênh lệch cao độ từ điểm đầu nguồn tại HTXL là cos (+ 4.82) và bể chứa nước sau xử lý là cos (+ 4.52).

Tại bể chứa nước sau xử lý bố trí trạm bơm tăng áp công suất 125 m³/h để đẩy nước thải sau xử lý ra điểm xả cuối cùng theo đường ống HDPE đường kính 225mm, chiều dài 2,3 km, hướng thoát ra vùng nước ven bờ cửa Nam Triệu.

- Trạm xử lý nước thải tập trung:

Trạm xử lý nước thải của Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Đình Vũ có công suất thiết kế là 9.200 m³/ngày, hiện tại đã xây dựng và đang vận hành module 1 có công suất xử lý là 2.500 m³/ngày đêm. Công nghệ xử lý theo phương pháp sinh học kỵ khí - hiếu khí.

Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 311/GPMT-BTNMT ngày 30/8/2023 cho “Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1)” - Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (diện tích 223,7 ha), tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Hiện tại, có 30 đơn vị thứ cấp đã được cấp phép đầu tư vào KCN Nam Đình Vũ. Trong đó, có khoảng 20 đơn vị thứ cấp tại khu phía Bắc và 10 đơn vị thứ cấp tại khu phía Nam. Dựa vào hóa đơn giá trị gia tăng tiền nước 1 năm thì nhu cầu sử dụng nước cho KCN trung bình trong một tháng là 16.769,2 m³/tháng. Nhu cầu sử dụng nước của KCN là phục vụ cho quá trình sản xuất công nghiệp, kho tàng, bến bãi, xây dựng nhà máy của các nhà đầu tư thứ cấp tại KCN (bao gồm khu phía Bắc và khu phía Nam); quá trình sinh hoạt của các cán bộ công nhân viên nhà điều hành KCN và tưới cây xanh, rửa đường.

Nước thải phát sinh tại khu công nghiệp chủ yếu là nước thải sinh hoạt, theo sổ nhật ký vận hành và đồng hồ đo lưu lượng đầu vào trạm XLNT của KCN lượng nước thải đầu vào trung bình là 183,04 m³/ngày.đêm.

Hệ thống đường giao thông nội khu: Đường trục chính trong khu công nghiệp có chiều rộng từ 50m-56m, trong đó chiều rộng mặt đường từ 18m-30 với 08 làn xe và dải phân cách và mương nước ở giữa. Các đường nhánh trong khu công nghiệp có chiều rộng mặt cắt từ 21m-45m, trong đó chiều rộng mặt đường từ 10m-16m. Đồng thời, toàn bộ hệ thống đường giao thông trong khu công nghiệp còn được bố trí hệ thống cây xanh, chiếu sáng hai bên.

Hệ thống PCCC: Hệ thống cấp nước chữa cháy được bố trí độc lập riêng rẽ với hệ thống cấp nước sạch sản xuất. Các họng cứu hỏa được bố trí với khoảng cách 150m/trụ đảm bảo việc khắc phục các sự cố hỏa hoạn xảy ra trong khu công nghiệp.

Hệ thống thông tin liên lạc: hệ thống thông tin liên lạc của khu công nghiệp được ghép nối vào mạng viễn thông của phường Đông Hải với tổng đài dung lượng 4.000 lines.

Tiện ích hạ tầng khác: Các lô đất trong khu công nghiệp được san lấp với cao độ thấp nhất từ +3,1m trước khi được bàn giao cho nhà đầu tư; Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Maxsun Vina đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho Dự án Bếp ga di động Maxsun Vina và đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 429/QĐ-BNNMT ngày 20/3/2025.

Hiện nay, dự án đã lắp đặt hoàn thiện các dây chuyền sản xuất và đã hoàn thiện tất cả hạng mục công trình bảo vệ môi trường đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất của dự án. Tổng hợp các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án đã đầu tư xây dựng và hoàn thiện được mô tả chi tiết như trong bảng sau:

Bảng 3.1. Các công trình xử lý chất thải của dự án

TT	Công trình BVMT	Thực tế đã xây dựng		Ghi chú
		Số lượng	Thông số kỹ thuật	
I	Hệ thống thu gom nước mưa, nước thải			
1.1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	-	- Nước mưa từ các khu vực nhà xưởng được thu gom qua hệ thống rãnh thoát nước, qua song chắn rác rồi chảy vào các hố ga thu gom xung quanh dự án, có kết cấu bằng BTCT, đường kính D160, D200, D400 và D600; với tổng chiều dài đường ống thu gom là 606m, độ dốc $i=0,3\%$. Trên đường thoát nước mưa có bố trí 18 hố ga lắng cặn bằng BTCT, nắp hố ga được đặt bằng tấm đan BTCT. - Điểm xả thải nước mưa: 01 điểm thoát; theo đường ống D800, với chiều dài 14m, $i=0,3\%$.	Không thay đổi so với ĐTM
1.2	Hệ thống thu gom và thoát nước thải sinh hoạt	-	Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của người lao động tham gia quản lý, vận hành, sản xuất các sản phẩm tại dự án được thu gom về 03 bể tự hoại và 01 bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ trước khi qua hệ thống các đường ống thu gom dẫn về trạm XLNT sinh hoạt, công suất 20 m³/ngày để tiếp tục xử lý bằng công nghệ sinh học đạt tiêu chuẩn đầu nổi theo quy định trước khi đầu nổi về hệ thống thu gom, XLNT tập trung của KCN Nam Đình Vũ. Đường ống thu gom các loại nước thải	Không thay đổi so với ĐTM

TT	Công trình BVMT	Thực tế đã xây dựng		Ghi chú
		Số lượng	Thông số kỹ thuật	
			về trạm XLNT sử dụng ống uPVC D200; với tổng chiều dài 246m, i=0,5%. - Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại trạm XLNT sinh hoạt, được bơm thoát ra hố ga thoát nước thải của KCN tại 01 điểm đầu nối trên đường chính của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A).	
II Công trình xử lý nước thải				
2.1	Bể tự hoại	03 bể	Đã xây dựng và lắp đặt 03 bể tự hoại với tổng thể tích 16 m ³ , cụ thể: - 01 bể tại khu nhà ăn 3 m ³ . - 01 bể tại khu nhà bảo vệ 3 m ³ . - 01 bể tại khu nhà phụ trợ 10 m ³ .	Không thay đổi so với ĐTM
2.2	Bể tách mỡ	01 bể	Đã xây dựng và lắp đặt 01 bể tách mỡ, dung tích 3 m ³ .	Không thay đổi so với ĐTM
2.3	Trạm XLNT sinh hoạt	01 trạm	Đã xây dựng 01 trạm XLNT sinh hoạt, có công suất 20 m ³ /ngày. Quy trình công nghệ trạm XLNT sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ → Ngăn thu gom → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng sinh học → Ngăn khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A).	Không thay đổi so với ĐTM
III Công trình xử lý bụi, khí thải				
3.1	Hệ thống thu hồi bụi sơn đi kèm	01 hệ thống	Đã lắp đặt 01 hệ thống thu hồi bụi sơn đi kèm đồng bộ với buồng phun sơn tĩnh điện: - Bụi sơn từ mỗi buồng phun sơn được thu gom	Không thay đổi so

TT	Công trình BVMT	Thực tế đã xây dựng		Ghi chú
		Số lượng	Thông số kỹ thuật	
	đồng bộ với buồng phun sơn tĩnh điện		vào 01 bộ lọc thu hồi bụi sơn bằng polyester gắn kèm trong mỗi buồng sơn (kích thước mỗi bộ lọc là 300 mm x 600 mm gồm 05 lõi lọc bụi bằng polyester), sau đó được dẫn theo đường ống thu gom kích thước đường kính 300 mm về hệ thống thu hồi bụi thứ cấp (gồm 12 lõi lọc bụi bằng polyester chống ẩm, kích thước Ø325 mm x 900 mm). - Quy trình công nghệ: Bụi sơn từ buồng sơn → Bộ lọc thu hồi bụi sơn (mỗi buồng gồm 05 lõi lọc bụi bằng polyester) → Đường ống thu gom Ø300 mm → Hệ thống thu hồi bụi thứ cấp (bao gồm 12 lõi lọc bụi bằng polyester) → 01 Quạt hút ly tâm công suất 12.000 m³/giờ → Ống thoát khí và giảm âm có đường kính D300 chiều cao 07 m tính từ mặt đất.	với ĐTM
3.2	Hệ thống XLKT buồng sấy sau sơn	01 hệ thống	Đã lắp đặt 01 hệ thống XLKT buồng sấy sau sơn: - Khí thải phát sinh từ quá trình sấy sau sơn được thu gom bởi chụp hút có kích thước 1.000 x 1.978 mm bằng tôn mạ kẽm, dày 1,2 mm (bố trí tại cửa ra vào của buồng sấy) dẫn vào hệ thống xử lý (bằng tia UV và than hoạt tính) trước khi thoát ra ngoài môi trường. - Quy trình công nghệ: Khí thải từ quá trình sấy → Chụp hút/hệ thống đường ống dẫn khí → Hệ thống UV → Hộp than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí D300 chiều cao 15 m tính từ mặt đất.	Không thay đổi so với ĐTM
IV	Khu vực lưu chứa CTR thông thường và CTNH			
4.1	Kho chứa CTRSH	01 kho	Đã xây dựng 01 kho lưu chứa CTRSH, có diện tích 27,9 m ² .	Không thay

TT	Công trình BVMT	Thực tế đã xây dựng		Ghi chú
		Số lượng	Thông số kỹ thuật	
4.2	Kho chứa CTRCNTT	01 kho	Đã xây dựng 01 kho lưu chứa CTRCNTT, có diện tích 27,9 m ² .	đổi so với ĐTM
4.3	Kho chứa CTNH	01 kho	Đã xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH, có diện tích 27,9 m ² .	

Chi tiết về các công trình xử lý chất thải đã được xây dựng và lắp đặt như sau:

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Chủ dự án đã đầu tư, xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước thải tại dự án. Cụ thể:

- Nước mưa từ các khu vực nhà xưởng được thu gom qua hệ thống rãnh thoát nước, qua song chắn rác rồi chảy vào các hố ga thu gom xung quanh dự án, có kết cấu bằng bê tông cốt thép, đường kính D160, D200, D400 và D600; với tổng chiều dài đường ống thu gom là 606m, độ dốc $i=0,3\%$. Trên đường thoát nước mưa có bố trí 18 hố ga lắng cặn bằng BTCT, nắp hố ga được đặt bằng tấm đan BTCT.

- Nước mưa sau đó được dẫn thoát ra hệ thống thu gom nước mưa của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A) tại 01 điểm thoát; theo đường ống D800, với chiều dài 14m, $i=0,3\%$.

Bảng 3.2. Bảng thống kê hệ thống thoát nước mưa của dự án

TT	Hạng mục	Khối lượng	Đơn vị
1	Cống thoát nước BTCT D400	212	m
2	Cống thoát nước BTCT D600	152	m
3	Cống thoát nước BTCT D800	14	m
4	Đường ống thoát nước PVC D160	112	m
5	Đường ống thoát nước PVC D200	130	m
6	Hố ga loại M1 (1,4mx1,4m)	15	Cái
7	Hố ga loại M2 (1,6mx1,4m)	01	Cái
8	Hố ga loại M1 (1,0mx1,0m)	02	Cái

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải phát sinh tại dự án bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt.
- Nước thải công nghiệp.

3.1.2.1. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

a) Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt bao gồm các nguồn sau:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn.
 - + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ chậu rửa tay, nước lau rửa sàn.
 - + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh (toilet).
- Lưu lượng: Dự kiến tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án trong giai đoạn vận hành ổn định khoảng 7,0 m³/ngày.

b) Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

- Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải của dự án được xây dựng riêng biệt so với hệ thống thoát nước mưa.

- Toàn bộ nước thải của dự án được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A):

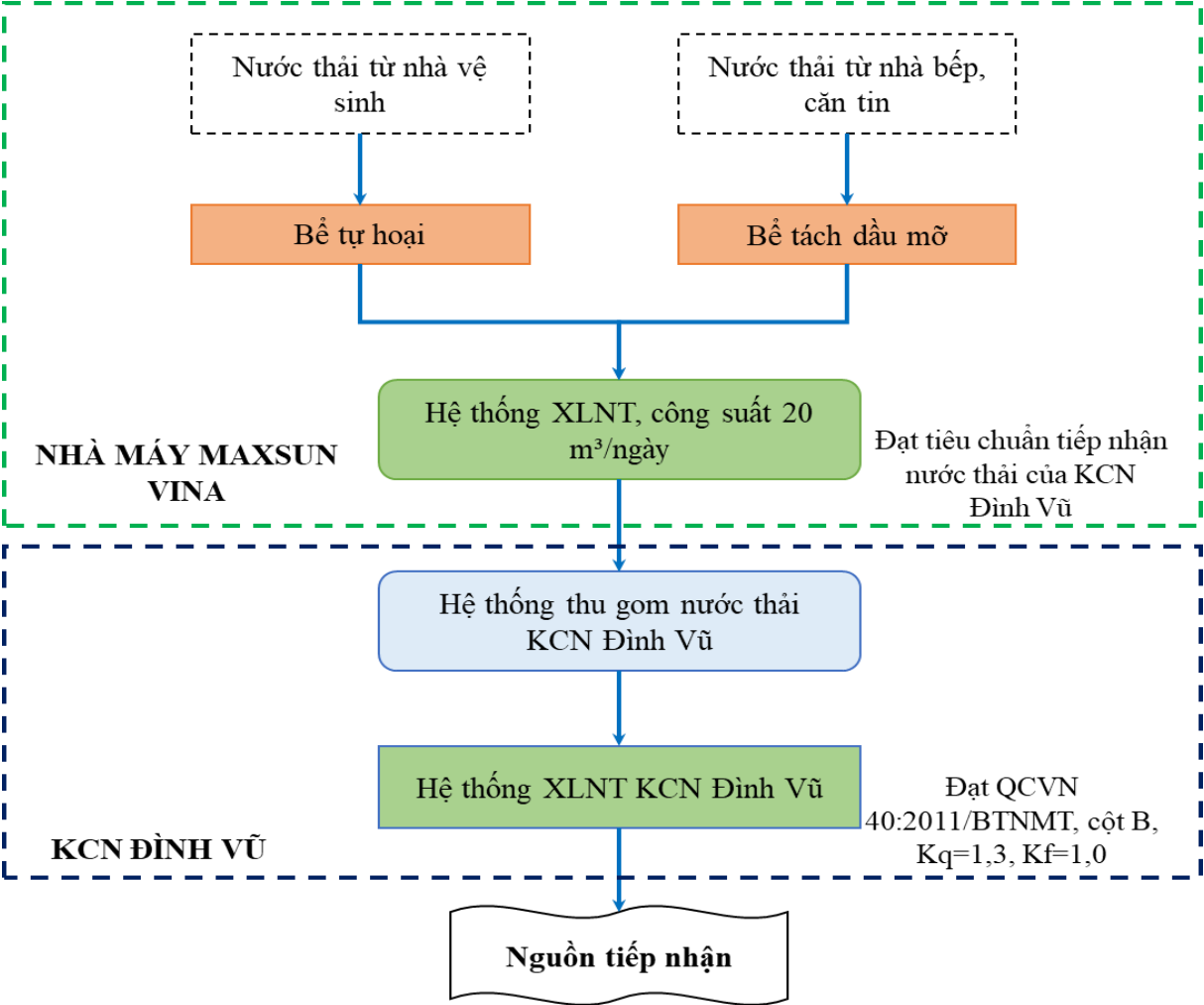
+ Nguồn số 01: Được thu gom vào bể tách dầu mỡ có thể tích 3 m³ để loại bỏ cặn và váng dầu mỡ trước khi chảy vào hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải của dự án bằng đường ống uPVC D200, độ dốc $i = 0,5\%$ đến hố bơm (kích thước 1,7mx1,7m), sau đó, bơm về trạm XLNT sinh hoạt có công suất 20 m³/ngày.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ chậu rửa tay, nước lau rửa sàn các khu nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống uPVC D200, độ dốc $i = 0,5\%$ đến hố bơm (kích thước 1,7mx1,7m), sau đó, bơm về trạm XLNT sinh hoạt có công suất 20 m³/ngày.

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ toilet ở các khu nhà vệ sinh được thu vào các bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ trước khi chảy vào hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải của dự án bằng đường ống uPVC D200, độ dốc $i = 0,5\%$ đến hố bơm (kích thước 1,7mx1,7m), sau đó, bơm về trạm XLNT sinh hoạt có công suất 20 m³/ngày.

+ Đường ống thu gom các loại nước thải về hệ thống XLNT sử dụng ống uPVC D200; với tổng chiều dài 246m, $i=0,5\%$.

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại trạm XLNT sinh hoạt có công suất 20 m³/ngày, được dẫn đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A) bằng đường ống HDPE100 PN10, chiều dài 10m qua 01 cửa xả, có tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°) là X = 2300688.74, Y = 609071.66.



Hình 3.1. Sơ đồ quản lý và xử lý nước thải tại dự án

Bảng 3.3. Bảng thống kê hệ thống thu gom và thoát nước thải

TT	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống thu gom nước thải	
-	Đường ống thu gom nước thải	Đường kính: D200 Vật liệu: uPVC; Chiều dài: 246 m
-	Hố ga thu gom nước thải	Vật liệu: BTCT; Số lượng: 13 cái
2	Hệ thống thoát nước thải	
-	Đường ống thoát nước thải	Ống HDPE100 PN10; Chiều dài: 10m

TT	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	Thông số kỹ thuật
-	Hố ga thoát nước thải	Vật liệu: BTCT; Số lượng: 01 cái

c) Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Số lượng và thông số kỹ thuật các công trình xử lý nước thải sinh hoạt đã được xây dựng tại dự án được thống kê trong bảng sau:

Bảng 3.4. Bảng thống kê công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại dự án

TT	Công trình	Vị trí	Số lượng	Thể tích
1	Bể tự hoại	Khu nhà ăn	01	3 m ³
		Khu nhà bảo vệ	01	3 m ³
		Khu nhà phụ trợ	01	10 m ³
2	Bể tách mỡ	Nhà ăn	01	3 m ³
3	Trạm XLNT sinh hoạt	Xây ngầm	01	20 m ³ /ngày

❖ Bể tự hoại

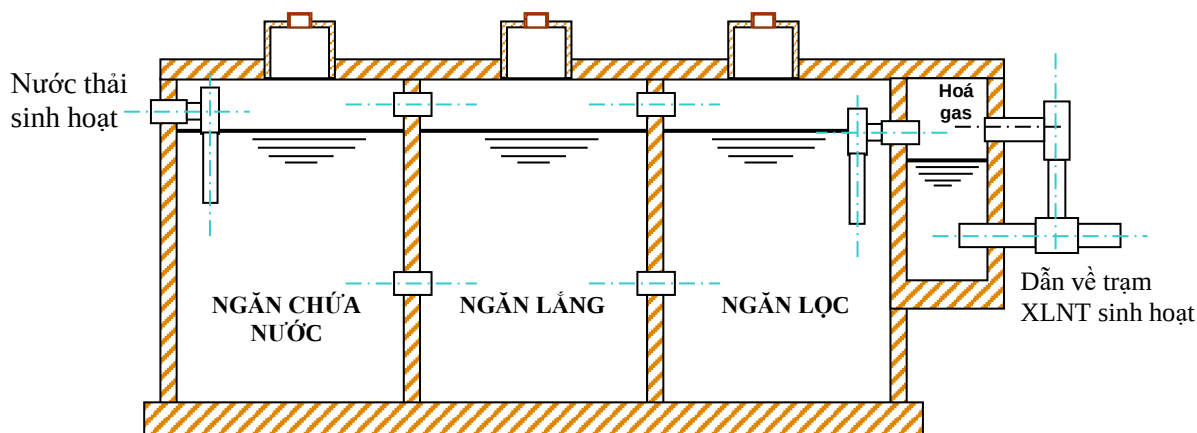
- Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ trong bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài bảo đảm hiệu suất lắng cao.

- Bể tự hoại là một bể trên mặt có hình chữ nhật, với thời gian lưu nước 3 - 6 ngày, 90% - 92% các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể, qua một thời gian cặn sẽ phân hủy kỵ khí trong ngăn lắng, sau đó nước thải qua ngăn lọc và thoát ra ngoài qua ống dẫn. Trong mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và tác dụng thứ hai của ống này là dùng để thông các ống đầu vào và ống đầu ra khi bị nghẹt.

- Khi qua bể tự hoại, nồng độ các chất hữu cơ trong nước thải giảm khoảng 30%, riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn.

- Bùn từ bể tự hoại được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi nơi khác xử lý.

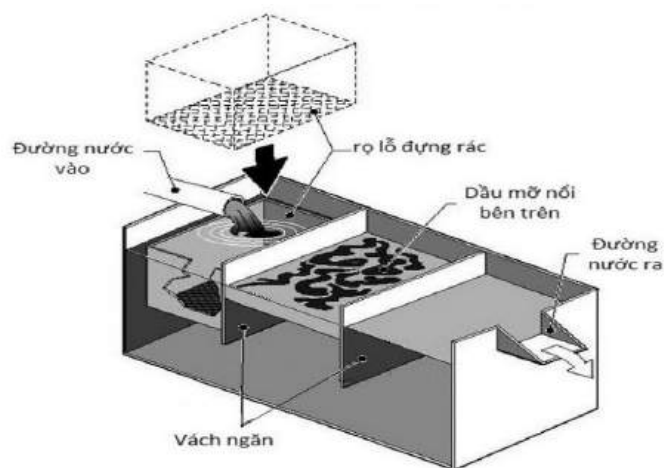
- Cấu tạo bể tự hoại như trong hình bên dưới.



Hình 3.2. Cấu tạo bể tự hoại

❖ Bể tách mỡ

- Nước thải từ nhà ăn sẽ được thu gom theo đường ống chảy vào bể tách dầu mỡ kết hợp lắng cặn. Đầu tiên, nước thải sẽ đi qua lưới lọc rác để loại bỏ rác có kích thước lớn (các loại thực phẩm, đồ ăn thừa, xương hay các loại tạp chất khác,...), chức năng này giúp bể tách dầu làm việc ổn định mà không bị nghẹt rác.
- Sau đó, nước thải được chảy sang ngăn thứ 2, tại đây, thời gian lưu nước đủ dài để dầu mỡ nổi lên trên mặt nước. Phần nước trong sau khi tách dầu mỡ tiếp tục đi xuống đáy bể và chảy sang ngăn thứ 3 trước khi chảy ra ngoài.
- Lớp dầu mỡ nổi trên bề mặt sẽ được thu gom và vệ sinh theo định kỳ.
- Cấu tạo bể tách mỡ như trong hình bên dưới.



Hình 3.3. Cấu tạo bể tách dầu mỡ

❖ Trạm XLNT sinh hoạt

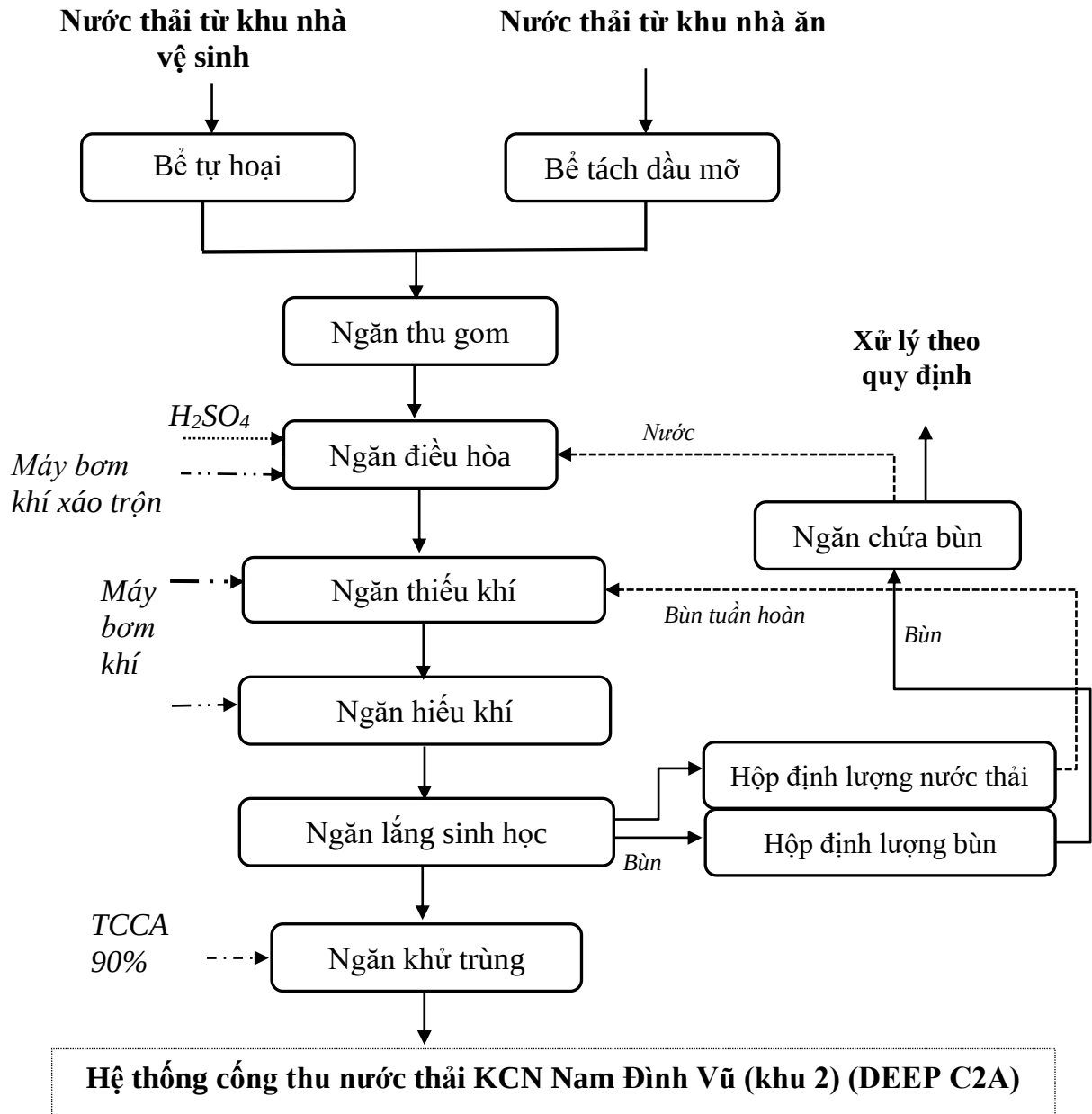
Thành phần, tính chất nước thải: Như đã đánh giá trong báo cáo ĐTM và thực tế hoạt động tại dự án, nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ COD, BOD, dinh dưỡng N, P..., vi sinh vật gây bệnh E.Coli, Coliform,...), dầu mỡ động thực vật.

Bảng 3.5. Tính chất nước thải sinh hoạt đầu vào của dự án

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Khoảng giá trị	Giá trị thiết kế
1	pH	-	5 - 9	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	300 - 350	50
3	COD	mg/l	400 - 500	100
4	SS	mg/l	60	10
5	TN	mg/l	150	50
6	TP	mg/l	50	20
7	Dầu mỡ	mg/l	15	10
8	Coliforms	MPN/100 ml	2x10 ⁵	5.000

Công suất: Dự kiến tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khi hoạt động ổn định là khoảng 7,0 m³/ngày, do đó, chủ dự án đã xây dựng trạm XLNT có công suất 20 m³/ngày (có dự trù cho tương lai); đảm bảo đáp ứng được nhu cầu xử lý nước thải phát sinh từ dự án khi đi vào vận hành ổn định.

Quy trình công nghệ: Quy trình công nghệ của trạm XLNT sinh hoạt như trong hình sau:



Hình 3.4. Sơ đồ quy trình công nghệ trạm XLNT sinh hoạt của dự án

Thuyết minh công nghệ trạm XLNT sinh hoạt:

- **Ngăn thu gom:** Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ (bể tự hoại, bể tách mỡ), được dẫn về ngăn thu gom, sau đó, bơm về ngăn điều hòa.

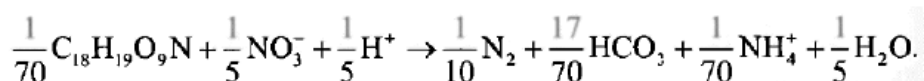
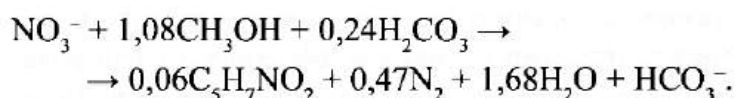
- **Ngăn điều hòa:**

+ Tại ngăn điều hòa các nguồn nước thải được trộn lẫn ổn định lưu lượng, thành phần trước khi đưa vào hệ thống xử lý xử lý sinh học tiếp theo. Trong ngăn điều hòa có đặt 2 bơm chìm để bơm nước sang ngăn thiếu khí. Ngoài ra, trong ngăn điều hòa còn đặt phân phối khí để thổi khí khuấy trộn đều lượng nước cũng như xử lý sơ bộ các chất hữu cơ. Nước thải từ ngăn điều hòa được bơm công nghệ đưa sang các ngăn xử lý vi sinh, đây là công đoạn quan trọng nhất trong quá trình xử lý nước thải.

- Ngăn thiếu khí:

+ Ngăn thiếu khí là nơi diễn ra quá trình anoxic hay còn gọi là quá trình denitrat giúp khử nitơ tổng. Tại đây NO_3^- được chuyển hóa thành N_2 khi không có mặt Oxy hoặc có với mật độ thấp bởi các vi sinh vật thiếu khí. Đây là quá trình bắt buộc nhằm giảm được Nitơ trong nước thải. Trong ngăn thiếu khí được lắp đặt máy khuấy chìm để khuấy trộn hoàn toàn dòng nước thải vào ngăn thiếu khí và đảm bảo khả năng tiếp xúc của vi sinh vật với các chất trong nước.

+ Tại ngăn thiếu khí diễn ra đồng thời phản ứng chuyển hóa nitrat, nitrit thành nito không khí và quá trình tổng hợp tế bào. Trong đó các vi sinh này cần nguồn cung là hợp chất hữu cơ để thực hiện 2 quá trình trên. Phản ứng tại ngăn thiếu khí có thể được biểu diễn như sau:



+ Sau đó, nước thải được chảy sang bể hiếu khí.

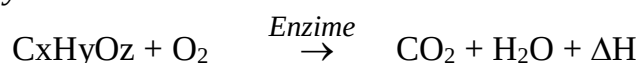
- Ngăn hiếu khí:

+ Ngăn hiếu khí sử dụng chủng vi sinh vật hiếu khí để phân hủy chất thải. Trong ngăn này, vi sinh vật (còn gọi là bùn hoạt tính) tồn tại ở dạng lơ lửng sẽ hấp thụ oxy và chất hữu cơ (chất ô nhiễm) và sử dụng chất dinh dưỡng là Nitơ & Photpho để tổng hợp tế bào mới, CO_2 , H_2O và giải phóng năng lượng.

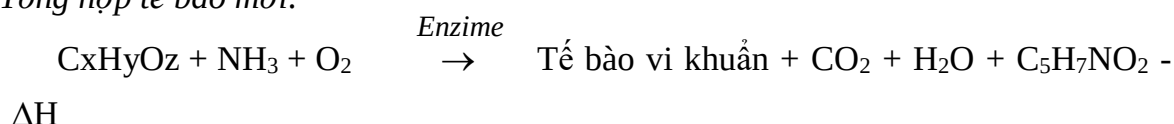
+ Ngoài quá trình tổng hợp tế bào mới, tồn tại phản ứng phân hủy nội sinh (tế bào vi sinh vật già sẽ tự phân hủy) làm giảm số lượng bùn hoạt tính. Tuy nhiên quá trình tổng hợp tế bào mới vẫn chiếm ưu thế do trong bể duy trì các điều kiện tối ưu vì vậy số lượng tế bào mới tạo thành nhiều hơn tế bào bị phân hủy và tạo thành bùn dư cần phải được thải bỏ định kỳ.

Các phản ứng chính xảy ra trong ngăn xử lý sinh học hiếu khí gồm:

Oxy hóa các chất hữu cơ:



Tổng hợp tế bào mới:

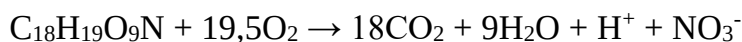


Phân hủy nội bào:

Enzyme



+ Bên cạnh quá trình khử BOD, phân hủy hợp chất hữu cơ, tại ngăn hiếu khí còn diễn ra quá trình nitrat hóa. Đây là phản ứng quan trọng chuyển hóa amoni, nito hữu cơ thành nitrat, được thực hiện bởi 02 chủng vi sinh chính là nitrobacter và nitrosonomas. Nitrat tạo thành sau phản ứng sẽ được tuần hoàn về ngăn thiếu khí để thực hiện quá trình khử thành nito không khí, khép kín quá trình AO xử lý nito. Phản ứng của quá trình được mô phỏng như sau:



+ Do quá trình nitrat hóa có tạo hành ion H^+ nên đôi khi làm giảm đáng kể pH của nước thải, kìm hãm khả năng sinh lý của vi sinh, vì vậy cần bổ sung một lượng NaOH nhất định để duy trì pH của ngăn hiếu khí.

+ Nước sau khi ra khỏi ngăn hiếu khí sẽ tự chảy theo sự chênh lệch áp sang ngăn lắng sinh học để tiếp tục quá trình xử lý.

- **Ngăn lắng sinh học:** Ngăn lắng có nhiệm vụ lắng và tách bùn ra khỏi nước thải. Bùn sau khi lắng có hàm lượng SS = 8.000 - 10.000mg/L, một phần sẽ tuần hoàn trở lại ngăn sinh học (25 - 75% lưu lượng) để giữ ổn định mật độ cao vi khuẩn tạo điều kiện phân hủy nhanh chất hữu cơ, đồng thời ổn định nồng độ MLSS = 3.500 mg/l. Độ ẩm bùn dao động trong khoảng 98,5 - 99,5%. Bùn được tuần hoàn về ngăn hiếu khí, lượng bùn dư thải ra mỗi ngày được bơm về ngăn chứa bùn. Phần nước trong sau khi lắng bùn được cho tự chảy qua ngăn khử trùng.

- **Ngăn khử trùng:**

+ Nước sau xử lý còn lại một dư lượng lớn vi sinh vật, gây ảnh hưởng lên chỉ số coliform. Vì vậy để nước thải sau xử lý đảm bảo an toàn, không phát tán vi sinh gây bệnh, các chất có tính diệt khuẩn mạnh được thêm vào ngăn khử trùng. Các chất này có thể là clo khí, chlorine dạng bột, hoặc javel. Với các hệ thống xử lý có quy mô vừa và nhỏ việc sử dụng javel là thích hợp hơn cả.

+ Nước sau bể khử trùng được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn thải ra môi trường.

+ **Ngăn chứa bùn:** Lượng bùn sinh ra trong quá trình xử lý sẽ được thải bỏ về ngăn chứa bùn. Tại đây sẽ xảy ra quá trình lắng bùn, tách bùn với nước và bơm hút định kỳ để xử lý.

Các hạng mục công trình chính của trạm XLNT sinh hoạt đã được lắp đặt như sau:

Bảng 3.6. Thông số các bể xử lý của trạm XLNT sinh hoạt

TT	Hạng mục công trình	Thể tích	Đơn vị
1	Ngăn thu gom	2,5	m ³
2	Ngăn điều hòa	18,75	m ³
3	Ngăn thiếu khí	5,0	m ³
4	Ngăn hiếu khí	7,31	m ³
5	Ngăn lắng	4,5	m ³
6	Ngăn khử trùng	2,5	m ³

Bảng 3.7. Danh mục các thiết bị của trạm XLNT sinh hoạt

TT	Thiết bị	Số lượng	Đặc điểm kỹ thuật
1	Ngăn thu gom		
-	Bơm nước thải	2 cái	Kiểu: bơm chìm Lưu lượng: 3 – 4 m ³ /h Cột áp: 5 mH ₂ O Công suất: 0,25 kW Điện 3 pha/380V/50 Hz
2	Ngăn điều hòa		
-	Bơm nước thải	2 cái	Kiểu: bơm chìm Lưu lượng: 4 – 7 m ³ /h Cột áp: 5-9 mH ₂ O Công suất: 0,15 kW Điện 3 pha/380V/50 Hz
-	Hệ thống phân phối khí	1 hệ	Dạng bọt thô Đường kính ống: 34mm
-	Thiết bị đo mực nước	2 thiết bị	Đo mức chênh áp, kiểm soát mức nước trong bể, điều khiển hoạt động của bơm nước thải
3	Ngăn thiếu khí và Ngăn hiếu khí		
-	Máy thổi khí	2 cái	Lưu lượng: 1,9 m ³ /phút

TT	Thiết bị	Số lượng	Đặc điểm kỹ thuật
			Vận tốc trong ống: 15 m/s Đường kính ống: 60mm
-	Đĩa phân phối khí	1 hệ	Dạng bọt mịn đặt cố định dưới đáy bể
-	Bơm tuần hoàn nước thải	1 cái	Kiểu: bơm chìm Lưu lượng: 3 – 4 m ³ /h Cột áp: 5 mH ₂ O Công suất: 0,25 kW Điện 3 pha/380V/50 Hz
4	Ngăn lắng		
-	Bơm hồi lưu bùn và xả bùn dư	1 cái	Lưu lượng: 1 m ³ /h Cột áp: 5 mH ₂ O Công suất: 0,15 kW Điện 3 pha/380V/50 Hz
5	Ngăn khử trùng		
-	Bơm nước sau xử lý ra nguồn tiếp nhận	2 cái	Lưu lượng: 2 – 3 m ³ /h Cột áp: 5 mH ₂ O Công suất: 0,15 kW Điện 3 pha/380V/50 Hz

3.1.2.2. Thu gom, thoát nước thải công nghiệp

Nước thải công nghiệp từ công đoạn tẩy rửa dầu mỡ bề mặt bán thành phẩm để loại bỏ bụi bẩn và dầu mỡ được xử lý qua bộ lọc màng khí nén. Nước thải sau đó được tuần hoàn tái sử dụng cho công đoạn tẩy rửa dầu mỡ. Cặn lơ lửng và dầu mỡ nổi phát sinh trong quá trình XLNT sản xuất định kỳ 01 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý như CTNH.

Quy trình thu gom, xử lý tuần hoàn nước thải sản xuất: Nước thải công nghiệp → Vớt tách dầu mỡ nổi → Bơm → Bộ lọc màng khí nén → Nước tái sử dụng cho quá trình tẩy rửa dầu mỡ (Cặn lơ lửng và dầu mỡ nổi định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý).

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Nguồn phát sinh bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành ổn định của dự án chủ yếu phát sinh từ các nguồn sau:

Bảng 3.8. Các nguồn phát sinh khí thải và tính chất khí thải của dự án

TT	Nguồn phát sinh khí thải	Thành phần, tính chất
1	Hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công, hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm	Bụi, NO ₂ , CO, SO ₂
2	Hoạt động vận hành trạm XLNT sinh hoạt và khu vực lưu chứa CTRSH tạm thời	CH ₄ , H ₂ S
3	Hoạt động sơn tĩnh điện	Bụi sơn
4	Hoạt động sấy các bán thành phẩm sau khi sơn tĩnh điện	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (TVOC)

3.2.2. Các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải

a) Các biện pháp giảm thiểu tác động do các phương tiện vận chuyển

- Xây dựng đường nội bộ hoàn chỉnh và tiến hành phân tuyến đường nội bộ để đảm bảo giao thông thông suốt. Tổ bảo vệ chịu trách nhiệm điều phối xe ra vào khu vực cổng, dừng - đỗ đúng nơi quy định.

- Quy định nội quy cho các phương tiện ra vào dự án như quy định tốc độ đối với các phương tiện di chuyển trong khuôn viên nhà máy, yêu cầu tắt máy khi trong thời gian xe chờ.

- Phun nước đường nội bộ để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào dự án vào mùa khô.

- Trồng cây xanh cách ly xung quanh dự án và đảm bảo diện tích cây xanh để cải thiện điều kiện vi khí hậu.

b) Các biện pháp giảm thiểu mùi tại khu vực xử lý nước thải và khu lưu chứa chất thải

- Công nhân vận hành được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và phổ biến kiến thức về an toàn vệ sinh công nghiệp.

- Vận hành thường xuyên trạm XLNT nội bộ trong phạm vi dự án.

- Các nắp hố ga được xây dựng kín.

- Bố trí khu vực lưu giữ rác thải tạm thời tại nhà máy theo đúng quy định. Khu lưu giữ chất thải đảm bảo có mái che, tường bao xung quanh tránh mưa, nắng và có nền chống thấm, biển báo đầy đủ.

- Dọn dẹp vệ sinh thường xuyên khu vực thu gom, lưu giữ rác thải.

- Tổ chức thu gom và xử lý kịp thời, hàng ngày đội vệ sinh có trách nhiệm thu gom rác thải và tập kết về khu lưu giữ chất thải. Hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt được diễn ra hàng ngày bởi đơn vị có chức năng.

c) Các biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình sản xuất

Dự án đã lắp đặt các hệ thống xử lý bụi, khí thải như trong bảng sau:

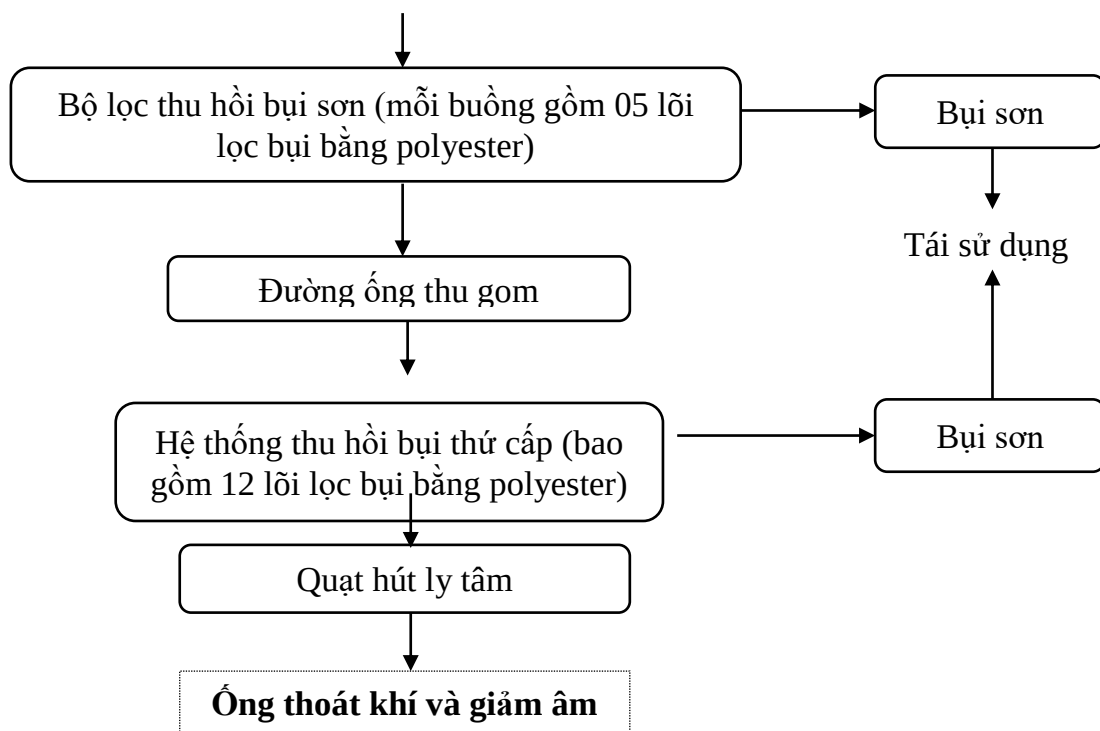
Bảng 3.9. Thống kê các hệ thống xử lý bụi, khí thải tại dự án

TT	Hệ thống xử lý bụi, khí thải	Công suất
1	Hệ thống thu hồi bụi sơn đi kèm đồng bộ với buồng phun sơn tĩnh điện	12.000 m ³ /giờ
2	Hệ thống XLKT buồng sấy sau sơn	5.000 m ³ /giờ

Chi tiết về các hệ thống xử lý bụi, khí thải tại dự án như sau:

❖ Hệ thống thu hồi bụi sơn đi kèm đồng bộ với buồng phun sơn tĩnh điện:

Bụi sơn từ buồng sơn



Hình 3.5. Sơ đồ nguyên lý hệ thống thu hồi bụi sơn đi kèm đồng bộ với buồng phun sơn tĩnh điện

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Mỗi buồng phun sơn được thu gom vào 01 bộ lọc thu hồi bụi sơn bằng polyester gắn kèm trong mỗi buồng sơn (kích thước mỗi bộ lọc là 300 mm x 600 mm gồm 05 lõi lọc bụi bằng polyester). Các hạt bụi sơn phát sinh trong buồng phun sẽ được lực hút của quạt ly tâm (đặt trên nóc các buồng sơn) tách ra khỏi dòng không khí và rơi xuống hộp chứa sơn phía dưới, sau đó, sẽ được nhà máy thu gom tái sử dụng lại.

Dòng khí thải lẫn bụi còn lại sau đó được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống thu hồi bụi thứ cấp (bao gồm 12 lõi lọc bụi bằng polyester)) nhờ quạt hút, có lưu lượng 12.000 m³/h. Khí với bụi còn lại đi vào hệ thống chứa đựng các lõi lọc và đi lên giữa các lõi. Bụi được giữ lại trên bề mặt bên ngoài của lõi lọc do lực hút tĩnh điện giữa các hạt bụi; chỉ khí sạch được xuyên qua lớp vải lọc và đi ra phần đỉnh, sau đó vào đường ống đầu ra và thoát ra qua ống giảm âm.

Bụi bám trên các lõi lọc sau đó được gỡ bỏ bởi lực nén của khí nén vào trong lòng lõi lọc (thông qua hệ thống van xung điện từ và bình khí nén): khí nén được nén vào lõi lọc thông qua đường ống định vị ở bên trên mỗi hàng của lõi lọc, lõi lọc bị phồng ra và rung mạnh làm bụi rơi ra khỏi bề mặt bên ngoài của lõi và vào hộp thu gom. Luồng khí sạch sau lọc đạt quy chuẩn cho phép được xả vào môi trường không khí thông qua ống thoát khí thải. Thiết bị thu hồi bụi thứ cấp có khả năng lọc bụi tinh với hiệu suất cao (khoảng 90 – 99,5%).

Cách thức kiểm tra lõi lọc bụi: Trong quá trình hoạt động, dựa vào trực quan, nhà máy sẽ cho kiểm tra các lõi lọc bụi và cho thay thế các lõi bị rách, bị bụi hoặc lõi lọc bụi bị bết, bám nhiều bị làm giảm khả năng lọc của lõi.

Tính toán công suất quạt của hệ thống hút bụi:

- Chọn vận tốc gió là 15 m/s.
- Ống hút tại 02 buồng sơn có kích thước 0,3 x 0,3m.
- Lưu lượng cần hút: $Q = 15 \times (0,3 \times 0,3) \times 2 \times 3.600 = 9.720 \text{ m}^3/\text{h}$
- Tồn thất lưu lượng (10%): 972 m³/h.
- Tổng lưu lượng tối thiểu cần chọn: 10.692 m³/h
- Chọn công suất quạt ly tâm: 15kW, lưu lượng: 12.000 m³/h.

Thông số thiết bị hệ thống thu gom và xử lý bụi buồng sơn:

Bảng 3.10. Thông số kỹ thuật hệ thống thu hồi bụi sơn đi kèm đồng bộ với buồng phun sơn tĩnh điện

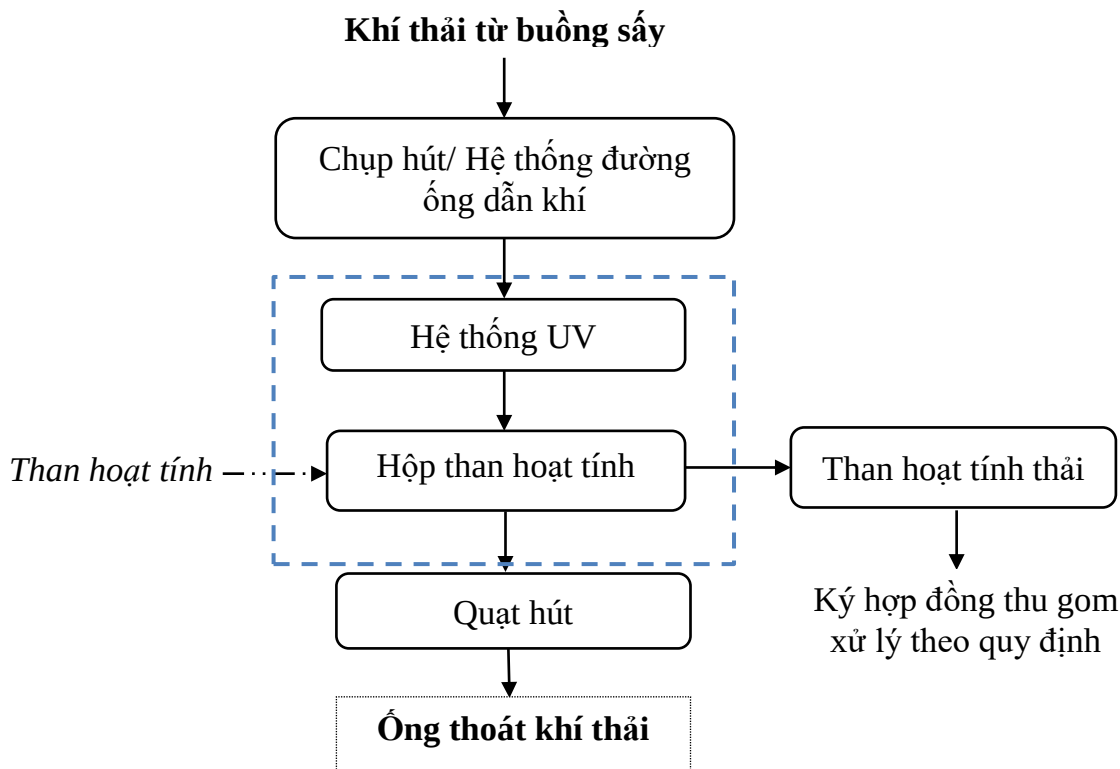
TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Lõi lọc bụi sơ cấp	Vật liệu: Polyester chống ẩm, độ dày vải từ 1,4 đến 2,1 ±0,3 (mm), xuất xứ Trung Quốc

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật
		Kích thước: Ø300 mm x 600 mm Số lượng: 10 bộ (mỗi buồng sơn 05 bộ)
2	Đường ống thu gom	Kích thước: 300 x 300mm Vật liệu: Thép mạ kẽm
3	Lõi lọc bụi thứ cấp	Vật liệu: Polyester chống ẩm, độ dày vải từ 1,4 đến 2,1 ±0,3 (mm), xuất xứ Trung Quốc Kích thước: Ø325 mm x 900 mm Số lượng: 12 bộ
4	Van xung điện từ	Kích thước đường kính: DN25 Số lượng: 06 cái
5	Quạt hút	Lưu lượng: 12.000 m ³ /giờ Công suất: 15 kW
6	Ống thoát khí và giảm âm	D300 x H7m (tính từ mặt đất) Vật liệu: Sắt mạ kẽm, dày 1,2mm



Hình 3.6. Hình ảnh hệ thống thu gom và xử lý bụi buồng sơn tĩnh điện

❖ **Hệ thống XLKT từ buồng sấy sau sơn**



Hình 3.7. Sơ đồ nguyên lý hệ thống XLKT buồng sấy sau sơn

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Dòng khí thải phát sinh từ buồng sấy sau sơn được thu gom bởi chụp hút (bố trí tại cửa ra vào của buồng sấy) kết nối với quạt hút và dẫn về hệ thống xử lý. Hệ thống này bao gồm:

(1) Hệ thống UV: Tại đây, tia UV được phát ra từ các đèn UV có bước sóng 180nm, Tia UV này có khả năng phá vỡ cấu trúc phân tử của các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC), vi khuẩn và các khí độc hại trong dòng khí thải. Khí thải sau khi được xử lý bằng tia UV tiếp tục dẫn qua bộ lọc chứa than hoạt tính.

(2) Bộ lọc than hoạt tính: Than hoạt tính có khả năng hấp thụ mạnh mẽ các chất hữu cơ còn sót lại, đặc biệt là các hợp chất khó phân hủy, đồng thời giúp loại bỏ mùi hôi và các khí có tính chất gây hại cho sức khỏe con người. Bộ lọc này gồm 02 hộp than lắp nối tiếp, 02 bên mỗi hộp than được trang bị lớp bông lọc, dày 30mm; có chức năng chính là giữ lại các hạt bụi lớn và các hạt gây ô nhiễm có kích thước lớn, giúp hệ thống hoạt động hiệu quả hơn. Hiệu suất lọc khoảng 60 -70% đối với các hạt có kích thước 5 -10 micron. Khí thải tiếp tục được xử lý qua lớp than hoạt tính để xử lý VOC.

Khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép sẽ được quạt hút hút thải ra ngoài thông qua ống khí thải.

Tính toán lưu lượng quạt hút hệ thống XLKT buồng sấy sau sơn:

- Tiết diện phễu thu khí của buồng sấy: $F = 1,0 \times 1,978 = 1,978 \text{ m}^2$

- Vận tốc dòng khí trong buồng sấy: 0,2 - 0,4 m/s. Chọn $v = 0,4 \text{ m/s}$

→ Lưu lượng hút khí tại buồng sấy: $Q_1 = v \times F = 0,4 \times 1,978 = 0,7912 \text{ m}^3/\text{s} = 2.848,32 \text{ m}^3/\text{h}$

- Chọn hệ số bù đắp khi bị cản qua lớp than hoạt tính $k = 1,2$ (hệ số thực nghiệm)

- Công suất quạt hút cần thiết kế: $Q = 2.848,32 \times 1,2 = 3.418 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Chọn công suất quạt hút: $Q = 5.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

Tính toán khối lượng than hoạt tính cần thiết:

- Lưu lượng khí thải tối đa (Q - theo tính toán): $3.418 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Nồng độ khí thải (C): $24,69 \text{ mg/m}^3$.

- Thời gian vận hành (t): 8 giờ/ngày.

- Khả năng hấp phụ của than hoạt tính: 1g than hấp phụ 600 mg khí thải hữu cơ.

- Khối lượng than cần thiết: $M = (Q \times C \times t) / \text{Khả năng hấp phụ} = (3.418 \times 24,69 \times 8) / 600 = 1.125 \text{ g} = 1,125 \text{ kg}$.

Khối lượng than hoạt tính bố trí trong tháp:

- Số lượng than trong tháp: 100 viên

- Kích thước mỗi viên than tổ ong: $0,1\text{m} \times 0,1\text{m} \times 0,1\text{m} = 0,001 \text{ m}^3$

- Thể tích chứa than: $100 \times 0,001 = 0,1 \text{ m}^3$

- Khối lượng riêng của than hoạt tính (ρ): 0.45 g/cm^3 (450 kg/m^3).

- Như vậy, khối lượng than hoạt tính trong tháp là: $450 \times 0,1 = 45 \text{ kg}$ than.

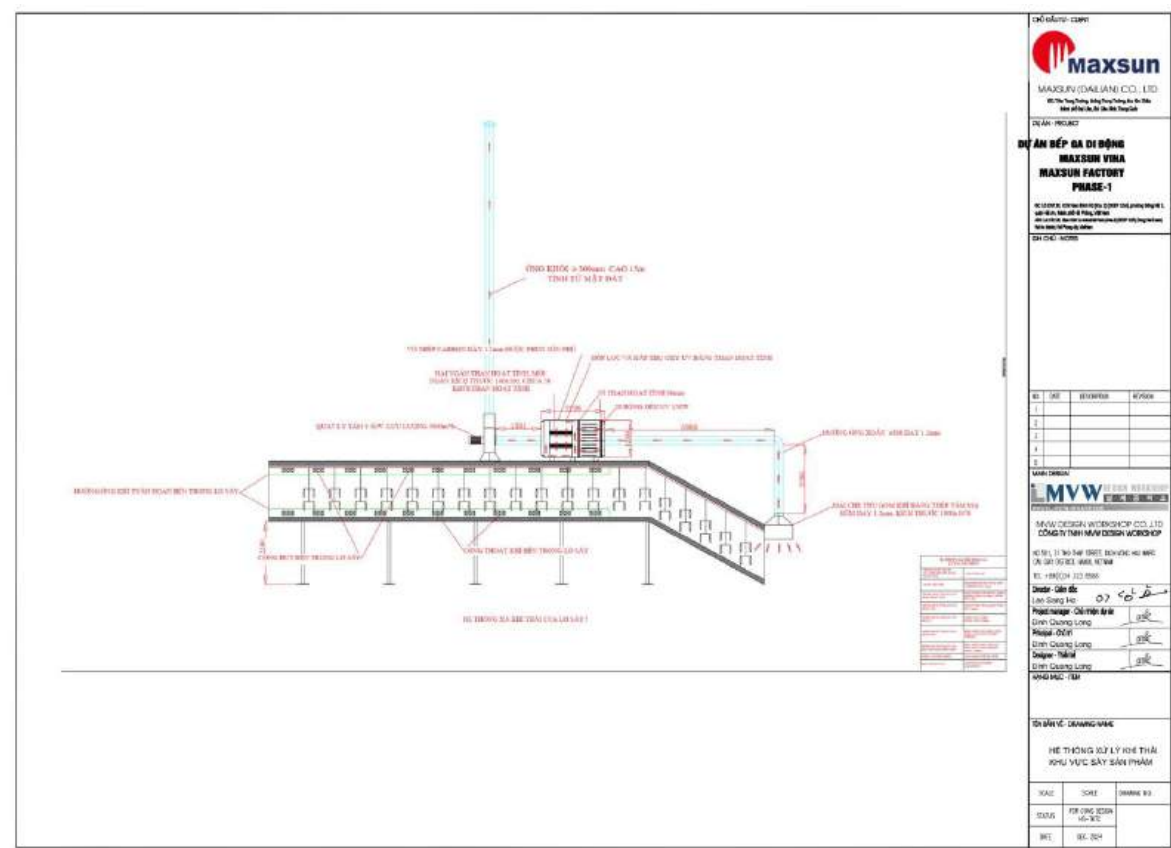
Thời gian thay than: Theo khuyến cáo của nhà sản xuất đối với phương pháp xử lý khí thải bằng than hoạt tính thì chỉ số Iod < 400 sẽ tiến hành thay than hoạt tính. Do đó, trong quá trình hoạt động, chủ dự án sẽ thuê đơn vị có thiết bị đo định kỳ khoảng 01 tháng/lần để kiểm tra chỉ số và thay than hoạt tính, đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn trước khi thoát ra môi trường. Than hoạt tính sau khi được thay thế sẽ được thu gom, quản lý và xử lý như chất thải nguy hại.

Thông số thiết bị hệ thống XLKT buồng sấy sau sơn:

Bảng 3.11. Thông số kỹ thuật hệ thống XLKT buồng sấy sau sơn

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút	Kích thước: 1.000 x 1.978 mm Vật liệu: Tôn mạ kẽm, dày 1,2 mm

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật
2	Đường ống dẫn khí	Kích thước: D300 mm Vật liệu: Ống gió tròn xoắn ốc, mạ kẽm, dày 1,2 mm Chiều dài: Khoảng 8.300 mm
3	Hệ thống UV và than hoạt tính	Kích thước: DxR = 2.199 x 1.300mm
3.1	Hệ thống UV	Số lượng đèn UV: 20 cái Công suất đèn: 150W, bước sóng 180nm
3.2	Hộp than hoạt tính	Kích thước: 2m x 1,15m x 1,3m Vật liệu: Thép carbon phun phủ sơn, dày 1,2mm Than hoạt tính: Sử dụng than tổ ong có kích thước 100x100x100mm/viên; khối lượng than: Khoảng 45 kg
3.3	Bông lọc	Vật liệu: Sợi polyester tổng hợp Độ dày: 30mm Độ thoáng khí: 5.400 m ³ /h
4	Quạt hút	Lưu lượng: 5.000 m ³ /giờ Công suất: 3,5 kW
5	Ống thoát khí thải	D300 x H15m (tính từ mặt đất) Vật liệu: Sắt mạ kẽm, dày 1,2mm



Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn sấy

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Để thực hiện tốt công việc quản lý CTR thông thường phát sinh tại dự án, công ty sẽ thực hiện các biện pháp phân loại, thu gom về các kho chứa cũng như ký hợp đồng xử lý theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Kho chứa chất thải của dự án được xây dựng có mái che rộng, có tường bao xung quanh,

chất thải được đặt tại từng khu vực quy định cho từng loại, đồng thời kiểm soát và thu gom ngăn ngừa nước mưa chảy vào khu vực chứa chất thải.

3.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTRSH

- Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh trong quá trình vận hành: Ước tính khoảng 50 kg/ngày, tương đương khoảng 15.000 kg/năm, hay khoảng 15 tấn/năm.

- Công trình, biện pháp lưu giữ CTRSH: CTRSH được thu gom vào vào 05 thùng rác, mỗi thùng có 03 ngăn (để chứa riêng chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn sinh hoạt khác) dung tích mỗi ngăn 20 lít đặt tại các khu vực như văn phòng, khu vệ sinh, hành lang. Sau đó, được thu gom và chuyển về kho chứa CTRSH của dự án, có diện tích 27,9 m².

- Biện pháp xử lý sau khi thu gom như sau:

+ Nhóm CTRSH có thể tái chế như: nhựa, giấy, bìa carton, nilon,... được tận dụng và bán cho các đơn vị tái chế.

+ Nhóm CTRSH không thể tái chế được hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTRCNTT

Dự báo khối lượng CTRCNTT phát sinh trong quá trình vận hành của dự án như trong bảng sau:

Bảng 3.12. Thống kê CTRCNTT phát sinh từ hoạt động của dự án

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Thép vụn phế liệu	12.840
2	Bìa carton, bao bì đóng gói thải	1.200
3	Các CTR công nghiệp thông thường khác	1.300
4	Bùn cặn từ hệ thống bể phốt, hệ thống xử lý nước thải và hố ga thoát nước	7.669
5	Sản phẩm lỗi hỏng	1.767
Tổng cộng		24.776

- Công trình, biện pháp lưu giữ CTRCNTT:

+ CTRCNTT được thu gom, lưu giữ trong 05 thùng chứa bằng nhựa có dung tích 60 - 120 lít, đặt tại khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của Dự án với diện tích 27,9 m².

+ Các chất thải rắn có thể tái chế như: nhựa, giấy, bìa carton, nilon, phế liệu phế phẩm được tận dụng và bán cho các đơn vị tái chế; các chất thải rắn không thể tái chế được hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Khi đi vào vận hành sẽ làm phát sinh chất thải nguy hại từ các nguồn sau:

+ CTNH từ quá trình sản xuất: Nước thải, cặn thải từ quá trình tẩy rửa bề mặt, Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải,...

+ CTNH từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị: Dầu thải, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại.

+ CTNH từ các công trình xử lý khí thải: Than hoạt tính thải,...

- Dự báo khối lượng CTNH phát sinh trong quá trình vận hành của dự án: Ước tính khoảng 1.785 kg/năm, gồm các thành phần như được thống kê trong bảng sau:

Bảng 3.13. Chứng loại và khối lượng CTNH phát sinh tại dự án

TT	Chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Nước thải, cặn thải từ quá trình tẩy rửa bề mặt	07 01 06	1.200
2	Than hoạt tính thải	12 01 04	180
3	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	5
4	Dầu nhiên liệu và dầu diezen thải	17 06 01	10
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	320
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	70
Tổng khối lượng			1.785

- Biện pháp lưu giữ và xử lý CTNH:

+ Toàn bộ khối lượng CTNH được thu gom các thùng chứa có thể tích 120 lít và 240 lít, bằng nhựa màu cam có nắp đậy và dán nhãn. Các thùng chứa được bố trí tại các vị trí phù hợp của khu vực xưởng.

+ Trong ngày, công nhân sẽ kiểm tra liên tục các thùng chứa CTNH. Khi các thùng chứa đầy, công nhân sẽ tiến hành cho lên xe đẩy và đẩy về kho chứa CTNH, có

diện tích 27,9 m². Kho chứa chất thải nguy hại được thiết kế tuân thủ theo đúng quy định, cụ thể: sàn bê tông, có vách ngăn chia ô, có mái che, có biển báo khu vực chứa chất thải nguy hại; có thiết kế gờ cao 10 cm và hố thu có kích thước 40x40x40 cm để phòng sự cố tràn chất thải dạng lỏng; trong kho chứa được trang bị đầy đủ các thiết bị ứng phó sự cố, phòng cháy, chữa cháy,...

+ Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, chủ dự án thực hiện các biện pháp sau đây:

- Khu vực sản xuất được bố trí cách biệt với khu vực văn phòng.
- Bố trí các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất hợp lý, không bố trí các thiết bị có khả năng gây ồn cao gần nhau. Đối với máy phát điện dự phòng được lắp đặt tại khu vực riêng biệt, cách xa khu vực văn phòng.
- Tiến hành các biện pháp chống ồn, chống rung cục bộ tại từng thiết bị; các quạt hút, có công suất lớn đều lắp hệ thống ống giảm thanh; các máy móc thiết bị có độ ồn lớn đều được lắp đặt đệm chống ồn, chống rung.
- Tất cả các máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án đảm bảo đúng yêu cầu về các thông số kỹ thuật trong quá trình hoạt động.
- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc thiết bị và thay thế các chi tiết có nguy cơ bị hư hỏng, gây ồn.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.
- Tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển được kiểm soát bằng việc yêu cầu không chở quá tải và hạn chế bóp còi trong khu vực nhà máy.
- Chủ dự án cam kết thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu trên nhằm đảm bảo độ ồn đạt QCVN 24:2016/BYT và độ rung đạt QCVN 27:2016/BYT.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Các rủi ro cháy nổ tại dự án:
 - + Cháy do rò rỉ, tràn đổ hóa chất, nhiên liệu dễ cháy gặp lửa: Nguyên nhân gây cháy nổ đối với nhóm nhiên liệu này là vi phạm an toàn trong lưu chứa. Ngoài ra, vi phạm an toàn kỹ thuật của thiết bị lưu chứa cũng gây ra rò rỉ, dẫn đến cháy nổ. Nếu không nghiêm chỉnh thực hiện biện pháp phòng chống, khi xảy ra sự cố rò rỉ, không

những gây tác hại to lớn đến kinh tế, tài sản của Công ty mà còn đến môi trường, tính mạng con người do khả năng gây cháy nổ rất cao.

+ Cháy do những vật liệu rắn dễ cháy bị bắt lửa như nguyên liệu sản xuất, sản phẩm, các loại bao bì giấy, gỗ, rác thải,... trong quá trình sản xuất: Việc lưu trữ, sử dụng các loại vật liệu dễ bắt lửa như các loại bao bì giấy, gỗ, rác thải... tại dự án có thể dẫn đến cháy. Nguyên nhân có thể do sự cố chập điện dẫn đến cháy hoặc do công nhân hút thuốc (nếu công nhân cố tình không tuân thủ quy định của Công ty).

+ Cháy do các thiết bị điện: Sự cố về các thiết bị điện: dây trần, dây điện, động cơ, quạt... bị quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy, hoặc do chập mạch khi gặp mưa giông.

+ Cháy nổ do sét đánh: Sự cố sét đánh có thể dẫn đến cháy nổ, tuy nhiên, đây là sự cố hoàn toàn có thể kiểm soát được bằng các biện pháp phù hợp.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Chủ dự án sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn, quy định hiện hành về PCCC. Các loại vật liệu dễ cháy, nổ được cất giữ riêng biệt cách xa nguồn có khả năng gây cháy nổ. Cách ly và lắp biển báo khu vực cấm lửa.

+ Định kỳ hàng năm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho toàn thể cán bộ, công nhân viên trong Công ty và kiểm tra về công tác an toàn và phòng chống cháy nổ.

+ Công nhân trực tiếp sản xuất phải quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, các thiết bị máy móc khi hoạt động có thể sinh lửa, nhiệt, các chất sinh lửa, nhiệt. Khi sử dụng phải có các biện pháp an toàn.

+ Công nhân trực tiếp sản xuất phải thao tác vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra các bộ phận sinh nhiệt, thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc.

+ Công nhân trực tiếp sản xuất phải nắm vững các tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của các loại nguyên vật liệu, vật tư hóa chất có trong dự án.

+ Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất, nguyên vật liệu theo đúng quy định và theo từng loại riêng biệt. Không sắp xếp chung các loại vật tư thiết bị nguyên liệu, hàng hóa mà khi tiếp xúc với nhau có thể tạo phản ứng gây cháy, nổ.

+ Những nơi mà trong quá trình sản xuất sinh ra khí, hơi và bụi dễ cháy nổ thì phải lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên hoặc cưỡng bức, hoặc cho thêm các phụ gia trợ hạn chế nồng độ lượng chất nguy hiểm cháy, nổ xuống dưới giới hạn cháy nổ.

+ Bố trí các thiết bị, dây chuyền sản xuất và nguyên liệu có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ tại những khu vực khác nhau. Đảm bảo các khoảng cách an toàn về PCCC.

+ Hạn chế để nguyên liệu, hàng hóa, tập trung tại nơi sản xuất. Chỉ để các loại hàng hóa, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất. Các loại vật tư, nguyên liệu chưa sử dụng đến hoặc hàng hóa đã sản xuất xong phải để trong kho lưu trữ riêng biệt.

+ Không sử dụng nguồn nhiệt, lửa trần trực tiếp ở nơi có nguy hiểm về cháy nổ.

+ Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ trong các khu vực sản xuất.

+ Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.

+ Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về chung về cách điện, cách nhiệt. Mỗi thiết bị điện đều có một cầu dao điện riêng độc lập với các thiết bị khác.

+ Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ của Nhà nước.

+ Thành lập đội PCCC dự án trong công ty.

+ Niêm yết sơ đồ thông tin liên lạc ứng phó sự cố khẩn cấp tại các khu vực, phòng ban trong toàn bộ nhà máy.

+ Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước.

+ Áp dụng biện pháp nối đất thiết bị kết hợp với tự động cắt nguồn cung cấp bằng thiết bị bảo vệ đối với các bộ phận có tính dẫn điện dễ vỡ của thiết bị điện, khung kim loại của bảng điện và bảng điều khiển, vỏ kim loại của các máy điện di động và cầm tay theo quy định tại TCVN 9358:2012 - Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp.

+ Hiện tại, Công ty TNHH Maxsun Vina đã hoàn thành hệ thống phòng cháy chữa cháy và được Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 51/TD-PCCC ngày 23/01/2025 (Giấy chứng nhận thẩm duyệt được đính kèm phụ lục báo cáo).

3.6.2. Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố các trạm XLNT

Công ty sẽ thực hiện các biện pháp kiểm soát sự cố môi trường đối với trạm XLNT như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng trạm XLNT đảm bảo phát hiện kịp thời để khắc phục các sự cố.

- Bố trí các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể của trạm XLNT sinh hoạt đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong thời gian 04 giờ.

- Bố trí van tuần hoàn (bypass) ở trước cửa xả của trạm XLNT, đảm bảo nước thải không đầu nối về trạm XLNT tập trung của KCN trong trường hợp chất lượng nước thải không đạt tiêu chuẩn đầu nối. Trường hợp trạm XLNT gặp sự cố, đóng van chặn tại cửa xả nước thải, nước thải được bơm quay vòng về các ngăn điều hòa để lưu chứa tạm thời trong thời gian chờ khắc phục sự cố; khẩn trương vận hành các thiết bị dự phòng và tiến hành thay thế trong thời gian sớm nhất, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, mở van chặn tại cửa xả nước thải; nước thải tiếp tục được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN trước khi đầu nối vào trạm XLNT tập trung của KCN Nam Đình Vũ.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành trạm XLNT, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm XLNT. Trong trường hợp không khắc phục được kịp thời sự cố tại trạm XLNT, chủ dự án sẽ dừng các hoạt động phát sinh nước thải.

- Biện pháp ứng phó: Tùy theo loại sự cố mà đòi hỏi người giải quyết sự cố phải có kiến thức chuyên môn có liên quan. Một số sự cố trong quá trình vận hành trạm XLNT và cách khắc phục được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 3.14. Sự cố về công nghệ trạm XLNT sinh hoạt và biện pháp khắc phục

Sự cố	Nguyên nhân	Hướng khắc phục
Ngăn thu gom		
Mùi hôi	Do vật chất bị lắng trước khi tới song chắn hoặc tích tụ trên song chắn, giỏ rác, thân và các chi tiết máy	Loại bỏ vật lắng/tích tụ
	Do nguồn nước thải nào đó xả về hệ thống có mùi hôi.	Kiểm tra và có biện pháp quản lý
Tắc nghẽn	Không làm vệ sinh sạch sẽ	Tăng cường nước làm vệ sinh.
Có màu đen	Do bị phân hủy yếm khí trước khi đến hố thu.	Cải thiện đường ống thu gom
	Do bị phân hủy yếm khí tại hố thu.	Cài đặt mức phao cho hợp lý

Sự cố	Nguyên nhân	Hướng khắc phục
	Do nguồn nước thải có màu đen.	Kiểm tra và có biện pháp quản lý
Ngăn điều hòa		
Mùi hôi	Do lắng/bị yếm khí trong bể.	Tăng cường khuấy/sục khí. Giảm thời gian lưu nước
	Váng dầu tích tụ lâu ngày	Thu gom dầu mỡ định kỳ
Có màu đen	Do nước thải lưu lâu trong hồ thu Do nguồn nước thải có màu đen	Cài đặt mức phao cho hợp lý Kiểm tra và có biện pháp quản lý
Có bọt khí ở trong bể	Thiết bị phân phối khí bị nứt	Thay thế thiết bị phân phối khí
Ngăn hiếu khí		
Nước thải sau xử lý đục	Khả năng lắng của bùn kém	Kiểm tra các điều kiện pH, oxi, chất dinh dưỡng, tải lượng chất hữu cơ, nhiệt độ có thích hợp không
	Tải lượng chất hữu cơ vượt mức cho phép	Giảm tải lượng chất hữu cơ
	Thiếu chất dinh dưỡng	Bổ sung chất dinh dưỡng
	Thiếu oxi	Tăng cường sục khí.
	pH không tối ưu	Châm hóa chất axit/bazo
	Bùn già	Tăng lượng bùn thải
Bọt trắng nổi trên mặt	Có quá ít bùn (thể tích bùn thấp)	Giảm thể tích bùn dư bơm đi
	Sự có mặt của những chất hoạt động bề mặt không phân hủy sinh học.	Kiểm tra nước thải đầu vào, kiểm soát các dòng thải phát sinh chất hoạt động bề mặt
Bùn có màu đen	Có lượng oxi hòa tan (DO) thấp (yếm khí). Sự thông khí không đủ, tạo vùng chết và bùn nhiễm khuẩn	Tăng cường sục khí. Kiểm tra thiết bị thổi khí

Sự cố	Nguyên nhân	Hướng khắc phục
	thối	
Bùn có chỉ số thể tích bùn cao	Lượng DO trong bể thấp	Kiểm tra sự phân phối khí
Bùn đen trên bề mặt	Thời gian lưu bùn quá lâu	Loại bỏ bùn thường xuyên
Có nhiều bông bùn trôi theo dòng chảy sau xử lý	Lưu lượng nước thải phân phối vào bể lắng không đều Nước thải quá tải	Kiểm tra máng tràn Giảm công suất xử lý
	Máng tràn quá ngắn	Tăng độ dài máng tràn
Đầu ra		
Nước ra không đạt tiêu chuẩn môi trường	Do hiệu quả xử lý của hệ thống kém.	Kiểm tra, phân tích, tìm nguyên nhân và khắc phục.

3.6.3. Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố đối với các HTXLKT

Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp kiểm soát sự cố môi trường đối với các HTXLKT như sau:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, xử lý khí thải, kịp thời phát hiện sự cố. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành các hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống xử lý khí thải.
- Thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, xử lý khí thải và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.
- Định kỳ giám sát đo chỉ số Iodine để theo dõi, thay than hoạt tính cho hệ thống xử lý khí thải.
- Định kỳ quan trắc ống thoát khí các HTXLKT để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố (nếu có).
- Trường hợp xảy ra sự cố đối với HTXLKT, tạm dừng hoạt động của dây chuyền sản xuất phát sinh khí thải để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi

khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

Bảng 3.15. Bảng một số sự cố đối với HTXLKT và cách khắc phục

TT	Dấu hiệu sự cố	Biện pháp ứng phó
1	Rò rỉ khí thoát ra trên đường ống thu gom (phát hiện bằng mắt điểm hở khí hoặc thấy khí xì ra ngoài, có biến động áp tại thiết bị đo áp).	Hàn lại vị trí hở, hoặc thay thế tuyến mới. Trong trường hợp thay tuyến mới phải ngắt kết nối đến nhánh thu thay thế hoặc tạm dừng hệ thống.
2	Thấy các động cơ trong hệ thống không hoạt động.	Kiểm tra kết nối nguồn điện; kiểm tra hỏng hóc. Kết nối lại nguồn điện, sửa chữa động cơ hoặc thay thế bằng động cơ dự phòng.
3	Phát hiện có mùi, bụi phát sinh ra ngoài trong khi hệ thống quạt hút vẫn hoạt động.	Kiểm tra dung dịch hấp thụ, than hoạt tính tiến hành thay mới hoặc bổ sung thêm.
4	Quạt hút phát hiện tiếng kêu lạ.	Tiến hành kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế mới.
5	Quan sát thấy khí thải sau xử lý có màu sắc khác bình thường.	Tiến hành rà soát toàn bộ hệ thống để xác định nguyên nhân. Quá 2h chưa khắc phục được sẽ tạm dừng hoạt động của các nguồn thải để khắc phục.

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ chất thải trong quá trình thu gom, lưu trữ chất thải rắn

- Các sự cố và nguyên nhân có thể xảy ra tràn đổ chất thải:
 - + Sơ ý trong quá trình thu gom, vận chuyển.
 - + Không thu gom chất thải khi thùng chứa đã đầy.
 - + Nhân viên vận hành không tuân thủ quy định về thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải.
 - + Sử dụng thùng chứa không đúng quy định kỹ thuật, thùng chứa không đảm bảo bảo quản được chất thải trong thời gian lưu trữ.
 - + Xảy ra sự cố cháy, nổ làm rò rỉ chất thải.
- Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ chất thải:

- + Tuân thủ các quy định về phân loại, quản lý chất thải rắn tại nhà máy.
- + Tổ chức huấn luyện, đào tạo kỹ năng, kiến thức cho công nhân viên về phân loại, lưu trữ chất thải.
- + Ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển chất thải thường xuyên, đúng quy định pháp luật.
- + Sử dụng dụng cụ lưu chứa chất thải phù hợp. Đánh dấu thùng chứa bằng các từ Chất thải nguy hại/ CTRCNTT/ CTRSH,..., các dấu hiệu nguy hại như chất thải dễ bắt lửa, ăn mòn, độc hại hoặc phản ứng hoặc nhãn nguy hiểm khác.
- + Luôn đóng tất cả các thùng chứa trong quá trình lưu trữ, trừ khi thêm vào hoặc loại bỏ chất thải. Không mở, sử dụng hoặc lưu trữ thùng chứa theo cách mà có thể làm thủng thùng chứa, làm cho chúng rò rỉ, hoặc đổ.
- + Bảo quản thùng chứa ở điều kiện tốt. Thận trọng không trộn các chất thải hoặc vật liệu không tương thích trong cùng một thùng chứa để phòng các tình huống nguy hiểm.
- + Khi có sự cố xảy ra, tiến hành cách ly khu vực tràn đổ, đánh giá loại chất thải bị tràn đổ, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho nhân viên xử lý, tiến hành thu gom, dọn dẹp khu vực xảy ra sự cố tuân thủ đúng quy định an toàn đối với từng loại chất thải.

3.6.5. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

- Các rủi ro sự cố hóa chất tại dự án:
 - + Tràn đổ, rò rỉ hóa chất: Hóa chất sử dụng cho quá trình sản xuất của Nhà máy có thể bị rò rỉ trong quá trình vận chuyển, lưu trữ và sử dụng. Ngoài ra, các loại chất thải khác, nhất là dầu thải có thể bị rơi vãi, rò rỉ trong quá trình thu gom, quản lý và vận chuyển đi xử lý. Các nguyên nhân có thể gây ra như là thùng chứa bị thủng, sai quy cách; bố trí thùng chứa sai quy định; nhiệt độ kho chứa cao; sự bất cẩn của nhân viên; không tuân thủ quy định về phòng ngừa sự cố hóa chất; sự cố chập điện, hỏa hoạn,...
 - + Cháy nổ hóa chất: dự án có nhu cầu sử dụng hóa chất nhỏ; kho nguyên vật liệu lưu trữ các loại vật liệu rắn; dầu thủy lực, dầu nhớt với thời điểm lưu trữ nhiều nhất là 2 thùng phuy được lưu chứa tại phòng kỹ thuật; hóa chất cho trạm XLNT sinh hoạt được lưu chứa tại khu vực trạm XLNT. Như vậy, các loại hóa chất của dự án với số lượng ít, tương thích với môi trường khu vực lưu trữ, do đó, khả năng xảy ra sự cố tại dự án được đánh giá ở mức thấp.
- Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất:

+ Tuân thủ các quy định về tồn trữ hóa chất nguy hiểm: Luật hóa chất năm 2007, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, Thông tư số 32/2017/TT-BCT, Thông tư số 17/2022/TT-BCT. Lập báo cáo hóa chất định kỳ gửi cơ quan chức năng, tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất cho công nhân viên, diễn tập định kỳ,...

+ Các kỹ thuật viên và công nhân vận hành các thiết bị chuyên dụng có các yêu cầu cao về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi tuyển dụng đều qua lớp tập huấn, bồi dưỡng các quy trình vận hành, an toàn lao động và được cấp chứng chỉ mới được đưa vào vận hành sản xuất ở các xưởng.

+ Hàng năm, cán bộ quản lý, phụ trách an toàn - vệ sinh lao động được tập huấn lại về nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật các văn bản, quy phạm pháp luật về an toàn - vệ sinh lao động - phòng cháy chữa cháy của nhà nước và tổ chức định kỳ đào tạo, huấn luyện về an toàn hóa chất cho người lao động.

+ Khi tiếp xúc với hóa chất cần phải chú ý đến kỹ thuật an toàn. Trong phòng làm việc phải treo bảng về kỹ thuật an toàn và người làm việc phải biết rõ điều đó.

+ Hóa chất đựng trong bình phải có nhãn hiệu rõ ràng và không sử dụng hóa chất đã quá hạn sử dụng.

+ Có tủ thuốc để sơ cứu khi xảy ra sự cố, tủ thuốc phải có băng tiệt trùng, băng tam giác, gạc đệm vô trùng cho mắt, kim tiêu, băng vết thương tiệt trùng, thuốc rửa vết thương...

- Trang thiết bị và lực lượng ứng phó sự cố hóa chất:

+ Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động (găng tay, khẩu trang, mắt kính...) cho công nhân viên.

+ Đội chữa cháy thường xuyên được huấn luyện thực hành các phương án ứng phó sự cố cháy nổ hóa chất để luôn đáp ứng được yêu cầu.

- Biện pháp ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố hóa chất:

+ Lực lượng công nhân vận hành, an toàn viên tại các xưởng cùng với lực lượng phòng cháy chữa cháy xử lý sự cố rò rỉ tại chỗ.

+ Thông báo với Bộ phận An toàn và lãnh đạo nhà máy để có sự chỉ đạo phối hợp xử lý sự cố đồng bộ.

+ Khi xảy ra sự cố hóa chất nghiêm trọng, lãnh đạo nhà máy áp dụng biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp: dừng sản xuất, thực hiện kế hoạch sơ tán người, kịp thời thông báo cho lực lượng phòng cháy chữa cháy, cơ quan đơn vị chủ quản, chính quyền địa phương nơi gần nhất để phối hợp ứng phó và khắc phục sự cố.

+ Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân phường kịp thời huy động lực lượng tại chỗ và áp dụng các biện pháp cần thiết để thực hiện các biện pháp ứng cứu, sơ tán người, tài sản của các công trình xung quanh khu vực nhà máy.

+ Phối hợp với lực lượng công an, quân đội địa phương để đảm bảo trật tự trị an, đảm bảo trật tự giao thông để công tác ứng phó, xử lý sự cố của các đơn vị phối hợp được kịp thời.

+ Phối hợp với các bệnh viện, trạm xá, các cơ quan y tế địa phương tổ chức ứng cứu, sơ cứu tại chỗ và di chuyển người bị nạn tới các dự án cứu chữa kịp thời.

+ Thông báo cho Ủy ban cứu hộ, cứu nạn quốc gia và các cơ quan nhà nước liên quan để có sự chỉ đạo và xử lý sự cố đúng luật định.

+ Thực hiện phương án khắc phục sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất:

+ Ngăn cấm công nhân mang vật dụng phát sinh nhiệt ra vào khu vực hóa chất.

+ Không được hút thuốc tại khu vực tràn đổ hóa chất.

+ Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động (găng tay, ủng, khẩu trang, mắt kính...) cho công nhân viên.

+ Trang bị bộ kit (túi đựng vật tư) ứng phó khẩn cấp sự cố tràn đổ hóa chất (như phao quây, chất thấm, chế phẩm thấm hút, kính bảo hộ, mặt nạ phòng độc, găng tay chuyên dụng, giấy quỳ, chổi, gàu xúc và túi đựng CTNH...)

+ Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: tìm chỗ dò rỉ bịt lại, dùng dụng cụ như xô, ca nhựa múc thu hồi rồi dùng nước xối rửa sạch mặt bằng nơi tràn chảy hóa chất.

+ Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: dùng cát, đất tạo bờ chắn xung quanh không để chảy lan rộng, dùng dụng cụ múc thu gom chứa vào thiết bị chứa để đưa cho đơn vị có chức năng xử lý đúng quy định, sau đó dùng nước soda trung hòa, phun nước làm sạch nơi bị tràn chảy.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất lúc vận chuyển:

+ Có khay chống tràn khi vận chuyển hóa chất.

+ Xếp hóa chất khi vận chuyển đúng quy trình kỹ thuật và an toàn.

+ Khi vận chuyển tránh các nền kém phẳng và kiểm soát tốc độ dịch chuyển cho phù hợp.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ hóa chất trong nhà xưởng:

+ Kiểm tra trực quan bao gói trước khi nhập và trước khi xuất hóa chất.

+ Các khu vực bốc xếp, lưu trữ vận chuyển hóa chất đều bố trí hệ thống thu gom hóa chất tràn đổ, không cho chảy ra ngoài môi trường.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố sang chiết hóa chất bị tràn đổ:

+ Sử dụng đúng dụng cụ và thao tác kỹ thuật an toàn.

+ Trang bị đầy đủ phương tiện cá nhân trong quá trình sang chiết và sử dụng.

+ Bố trí thiết bị thu gom và lưu thông không khí tốt, tránh hiện tượng hóa chất tích tụ nồng độ lớn trong một khu vực hoạt động sản xuất.

+ Bật hệ thống thông gió công nghiệp trước khi vào làm việc tại khu vực chứa hóa chất để tránh hiện tượng nồng độ hơi hóa chất tích tụ khi xảy ra sự cố.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Không có.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Dự án không có điểm xả ra môi trường, mà chỉ có điểm đầu nối nước thải vào trạm XLNT tập trung của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), do đó, không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án sẽ được thu gom và xử lý tại trạm XLNT sinh hoạt, được tự chảy theo đường ống HDPE100 PN10 với tổng chiều dài 10,0 m vào điểm đầu nối với KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) tại 01 cửa xả có tọa độ $X = 2300688.74$, $Y = 609071.66$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ buồng sấy sau sơn.

4.2.2. Dòng khí thải và lưu lượng xả khí thải tối đa

- Dòng khí thải số 01: $5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

4.2.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường. Cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	n-Propanol	mg/Nm^3	980	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Toluen	mg/Nm^3	750	03 tháng/lần	

4.2.4. Vị trí, phương thức xả khí thải

Vị trí xả thải: Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Nhà máy Maxsun Vina tại CN7.2K, KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A), phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.

- Dòng khí thải số 01: X = 2300599.66, Y = 609076.09.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

Phương thức xả thải: Bụi, khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục trong quá trình sản xuất.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn tại dự án phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất, khu vực trạm XLNT sinh hoạt,... Chi tiết về nguồn và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại dự án như sau:

Bảng 4.2. Nguồn phát sinh và vị trí phát sinh tiếng ồn

TT	Nguồn số	Vị trí phát sinh	Tọa độ địa lý (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)
1	Nguồn số 01	Quạt hút của hệ thống xử lý bụi sơn	X = 2300587.73, Y = 609075.89
2	Nguồn số 02	Quạt hút của hệ thống XLKT buồng sấy sau sơn	X = 2300599.66, Y = 609076.09
3	Nguồn số 03	Máy thổi khí của Trạm XLNT sinh hoạt	X = 2300679.61, Y = 609076.97
4	Nguồn số 04	Máy phát điện dự phòng	X = 2300626.89, Y = 609079.26

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

QCVN 26:2010/BTNMT		Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	
70	55	Khu vực thông thường

Ghi chú: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- Giá trị giới hạn đối với độ rung:

Bảng 4.4. Giá trị giới hạn đối với độ rung

QCVN 27:2010/BTNMT		Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	
70	60	Khu vực thông thường

Ghi chú: QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với CTNH, CTR thông thường

4.4.1. Khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh thường xuyên tại dự án được thống kê bảng sau:

Bảng 4.5. Chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Nước thải, cặn thải từ quá trình tẩy rửa bề mặt	Lỏng	1.200	07 01 06
2	Than hoạt tính thải	Rắn	180	12 01 04
3	Các loại pin, ắc quy khác	Rắn	5	19 06 05
4	Dầu nhiên liệu và dầu diezen thải	Lỏng	10	17 06 01
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	320	18 01 03
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	70	18 02 01
Tổng khối lượng			1.785	

4.4.2. Khối lượng, chủng loại CTR thông thường phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại CTR thông thường phát sinh thường xuyên tại dự án được thống kê theo bảng sau:

Bảng 4.6. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
I	CTR sinh hoạt	Tấn/năm	15
II	CTR công nghiệp thông thường	Kg/năm	24.776
1	Thép vụn phế liệu	Kg/năm	12.840
2	Bìa carton, bao bì đóng gói thải	Kg/năm	1.200
3	Các CTR công nghiệp thông thường khác	Kg/năm	1.300
4	Bùn cặn từ hệ thống bể phốt, hệ thống xử lý nước thải và hố ga thoát nước	Kg/năm	7.669
5	Sản phẩm lỗi hỏng	Kg/năm	1.767

4.4.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải

a. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có thể tích 120 - 240 lít, bằng nhựa, có nắp đậy và dán nhãn.

- Kho lưu giữ CTNH:

+ Diện tích kho lưu chứa: 27,9 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho lưu chứa chất thải nguy hại có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lòng cho sự cố. Bố trí thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay,.... Bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 60 - 120 lít.

- Kho lưu giữ CTR thông thường:

+ Diện tích kho lưu giữ CTRSH: 27,9 m².

+ Diện tích kho lưu giữ CTRCNTT: 27,9 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kết cấu mái che kín, tường bao xung quanh tránh nắng và nước mưa, có biển báo đầy đủ.

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

Theo khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, các công trình cần được vận hành thử nghiệm bao gồm:

- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt.
- Hệ thống XLKT buồng sấy sau son.

Chương trình quan trắc cụ thể như sau:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án như sau:

Bảng 6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

TT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian dự kiến bắt đầu	Thời gian dự kiến kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt	Sau khi được cấp phép môi trường	Khoảng 3 - 6 tháng	80%
2	Hệ thống XLKT buồng sấy sau son			

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Bảng 6.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải

TT	Vị trí lấy mẫu	Số lượng	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Tiêu chuẩn so sánh
Đối với trạm XLNT sinh hoạt, công suất 20 m³/ngày					
1	Nước thải đầu vào (tại bể điều hòa)	01 mẫu đơn	pH, TSS, COD, BOD ₅ , Tổng N, Tổng P, Tổng dầu	01 ngày trong giai đoạn vận hành ổn định	Tiêu chuẩn đầu nổi KCN Nam Đình Vũ
2	Nước thải đầu ra (tại hố ga)	01 mẫu	mỡ động thực vật, Tổng	03 ngày liên tục của giai đoạn vận	

TT	Vị trí lấy mẫu	Số lượng	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Tiêu chuẩn so sánh
	trước khi đầu nối vào KCN)	đơn	Coliform	hành ổn định	
Đối với các hệ thống xử lý bụi, khí thải					
1	Hệ thống XLKT buồng sấy sau sơn	01 mẫu đơn	Lưu lượng, n-Propanol, Toluen	03 ngày liên tục của giai đoạn vận hành ổn định	QCVN 20:2009/BTNMT

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a) Quan trắc nước thải

Nước thải của dự án được đầu nối vào trạm XLNT tập trung của KCN Nam Đình Vũ, do đó, theo khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

b) Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Vị trí, số lượng, thông số và tần suất quan trắc bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành tổng thể được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

Bảng 6.3. Chương trình quan trắc khí thải

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Ống khói sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải buồng sấy sau sơn	Lưu lượng, n-Propanol, Toluen	03 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT

c) Quan trắc, giám sát chất thải rắn

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định

6.2.2. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải

Theo Điều 97 và Điều 98 Nghị định 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022, dự án không

thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của dự án như sau:

Bảng 6.4. Chi phí quan trắc môi trường hàng năm

TT	Hạng mục	Chi phí/năm
1	Chi phí quan trắc khí thải	20.000.000
2	Chi phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường	10.000.000
Tổng cộng		30.000.000

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Maxsun Vina cam kết:

- Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp không chế, giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải, mùi sinh ra trong quá trình hoạt động của dự án.
- Nước thải được thu gom, xử lý tại trạm XLNT sinh hoạt của dự án đạt Tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) trước khi đầu nổi vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A).
- Chất thải rắn được thu gom, lưu chứa đúng quy định và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ, đúng nội dung trong giấy phép môi trường được phê duyệt.
- Thực hiện nghiêm túc quá trình vận hành thử nghiệm, chương trình quan trắc, giám sát và đánh giá các thông số quy định về môi trường, để có biện pháp xử lý đảm bảo chất lượng môi trường.
- Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.
- Có bộ phận chuyên môn an toàn lao động và môi trường đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường dự án.
- Chủ dự án cam kết tuân thủ quy chế bảo vệ môi trường của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) trong suốt quá trình hoạt động.
- Chủ dự án cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, các Quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.
- Chủ dự án cam kết sẽ bồi hoàn chi phí tổn hại môi trường, sức khỏe con người do những chất thải, sự cố môi trường trong hoạt động vận hành của dự án.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0202255674

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 09 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAXSUN VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô đất CN 7.2K tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) (DEEP C 2A), Khu kinh tế Đình Vũ- Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0983405565

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 76.038.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Bảy mươi sáu tỷ không trăm ba mươi tám triệu đồng
tương đương 3.000.000 USD*

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: MAXSUN (DALIAN) CO., LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 91210213756060011U

Ngày cấp: 10/12/2003 Nơi cấp: Cục quản lý giám sát thị trường khu Kim Phô,
Tân Đại Liên

Địa chỉ trụ sở chính: *thôn Trung Trường, đường Trung Trường, khu Kim Châu, thành phố Đại Liên, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HAHM KWANG HO

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 11/11/1965 Dân tộc: Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M49917237

Ngày cấp: 14/11/2016 Nơi cấp: Bộ ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: No. 301, 11, Goryeodae-ro 7ga-gil, Seongbuk-gu, Seoul, 02850, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: Lô đất CN 7.2K tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) (DEEP C 2A), Khu kinh tế Đình Vũ- Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Đình Phúc

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 09 năm 2024



38961/24

THÔNG BÁO
Về cơ quan thuế quản lý

Kính gửi: CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA

Địa chỉ: Lô đất CN 7.2K tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ
(khu 2) (DEEP C 2A), Khu kinh tế Đình Vũ- Cát
Hải, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố
Hải Phòng, Việt Nam

Mã số: 0202255674

Phòng Đăng ký kinh doanh: Thành phố Hải Phòng

Địa chỉ trụ sở: Số 1 Đình Tiên Hoàng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành
phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225 3823769

Fax:

Email: dkkdhaiphong@gmail.com

Website:

Căn cứ thông tin do cơ quan thuế cung cấp, Phòng Đăng ký kinh doanh xin thông
báo cho doanh nghiệp biết một số thông tin sau:

Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị: Cục Thuế Thành Phố Hải phòng

Đề nghị doanh nghiệp liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để kê khai, nộp
thuế theo quy định.

Nơi nhận:

- CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA.
Địa chỉ: Lô đất CN 7.2K tại Khu công
nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) (DEEP C
2A), Khu kinh tế Đình Vũ- Cát Hải,
Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Đình Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **9858644445**
Chứng nhận lần đầu: Ngày 30 tháng 8 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;
Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;
Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của Nhà đầu tư – MAXSUN (DALIAN) CO., LTD nộp ngày 09 tháng 08 năm 2024.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Chứng nhận nhà đầu tư:

Tên doanh nghiệp: **MAXSUN (DALIAN) CO., LTD**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 91210213756060011U

Ngày cấp: 10/12/2003

Cơ quan cấp: Cục quản lý giám sát thị trường khu Kim Phô, Tân Đại Liên.

Địa chỉ trụ sở: Thôn Trung Trường, đường Trung Trường, khu Kim Châu, thành phố Đại Liên, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc.

Điện thoại: +86 0411-87858557

Fax: +86 0411-87858558

Email: nancytai@maxsun-china.com

Website: www.maxsun-china.com

Thông tin về người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: **PARK BONGKOOK**

Giới tính: **Nam**



Ngày sinh: 24/03/1955

Quốc tịch: Hàn Quốc

Hộ chiếu số: M497S6023

Ngày cấp: 19/04/2022

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: 221 Yeoksam-ro, Kangnam-ku, Seoul, Hàn Quốc, 135-080.

Điện thoại: 0082-10-525305689

Email: bkpark@drec.co.kr

Chức vụ: Chủ tịch

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư**1. Tên dự án đầu tư:****DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG MAXSUN VINA****2. Mục tiêu dự án:**

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành theo VSIC	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất bếp ga di động	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

3. Quy mô dự án (công suất thiết kế):

STT	Tên sản phẩm	Công suất	
		Chiếc/ năm	Tấn/ năm
1	Bếp ga di động	1.200.000	2.208

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất CN7.2K tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích dự kiến sử dụng: 16.364 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 76.038.000.000 (Bảy mươi sáu tỷ, không trăm ba mươi tám triệu) đồng, tương đương 3.000.000 (Ba triệu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 76.038.000.000 (Bảy mươi sáu tỷ, không trăm ba mươi tám triệu) đồng, tương đương 3.000.000 (Ba triệu) đô la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư thực hiện dự án.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

Nhà đầu tư	Số vốn góp	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
	USD			
MAXSUN (DALIAN) CO., LTD	3.000.000	100	Tiền mặt	90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu
Tổng	3.000.000	100		

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu đến ngày 06/05/2059.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, nhà đầu tư sẽ góp đủ: 76.038.000.000 đồng, tương đương 3.000.000 đô la Mỹ bằng tiền mặt.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Quý I/2025: Khởi công xây dựng.
- Quý III/2025: Hoàn thành xây dựng.
- Quý IV/2025: Vận hành thử.
- Quý I/2026: Vận hành chính thức.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Được hưởng ưu theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Các loại thuế khác: Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành nếu đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, nhà đầu tư và tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư – MAXSUN (DALIAN) CO., LTD khi thực hiện dự án

1. Đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Chấp hành quy định về lĩnh vực đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối hàng hóa mà pháp luật Việt Nam cho phép và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ và các pháp luật liên quan.

4. Dự án đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020.



5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT/BQL.



TRƯỞNG BAN

Lê Trung Kiên

Hợp Đồng này là tài sản của CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG và được bảo mật.

Hợp Đồng này chỉ có thể được sao chép và bản giao liên quan đến giao dịch giữa CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG và CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA.

Hải Phòng, ngày 14 / 10 / 2024

**HỢP ĐỒNG CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ CÓ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
TRONG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN**

Số Hợp Đồng: HPIP/CSM/CON/24/24

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG

và

CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA



MỤC LỤC

ĐIỀU 1.	THÔNG TIN VỀ DIỆN TÍCH ĐẤT CHO THUÊ LẠI	4
ĐIỀU 2.	GIÁ THUÊ ĐẤT	4
ĐIỀU 3.	PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.....	5
ĐIỀU 4.	MỤC ĐÍCH THUÊ ĐẤT	6
ĐIỀU 5.	THỜI HẠN THUÊ ĐẤT, THỜI ĐIỂM BÀN GIAO	6
ĐIỀU 6.	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO THUÊ.....	7
ĐIỀU 7.	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN THUÊ	9
ĐIỀU 8.	TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG	14
ĐIỀU 9.	CAM KẾT CỦA CÁC BÊN.....	16
ĐIỀU 10.	CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.....	17
ĐIỀU 11.	SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG.....	19
ĐIỀU 12.	THÔNG BÁO	21
ĐIỀU 13.	CÁC THỎA THUẬN KHÁC.....	22
ĐIỀU 14.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	30
ĐIỀU 15.	THỜI ĐIỂM CÓ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG	30
PHỤ LỤC 1.....		31
PHỤ LỤC 2.....		36
PHỤ LỤC 3.....		37
PHỤ LỤC 4.....		39
PHỤ LỤC 5.....		40
PHỤ LỤC 6.....		41
PHỤ LỤC 7.....		42
PHỤ LỤC 8.....		43
PHỤ LỤC 9.....		45



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm

**HỢP ĐỒNG CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ CÓ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
TRONG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN**

Số HPIP/CSM/CON/24/24

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ khác: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Khu Công Nghiệp liên quan tới Khu Đất số BB 538742 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Hải Phòng cấp ngày 12/10/2012.

Hai Bên chúng tôi gồm:

**I. BÊN CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ CÓ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRONG DỰ
ÁN BẤT ĐỘNG SẢN**

(sau đây gọi tắt là Bên Cho Thuê)

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200788973

- Người đại diện theo pháp luật: Bruno Johan O. Jaspert Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Harbour View, số 12 Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại liên hệ: +84 225 3 859981 Fax: +84 225 3 686 509

- Số tài khoản: 0031000190588 Tại Ngân hàng: TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng

- Mã số thuế: 0200788973

**II. BÊN THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ CÓ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRONG DỰ ÁN
BẤT ĐỘNG SẢN**

(sau đây gọi tắt là Bên Thuê)

- Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0202255674

- Người đại diện theo pháp luật: Hahm Kwang Ho Chức vụ: Tổng Giám đốc



- Địa chỉ: Lô đất CN7.2K tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) (DEEP C 2A), Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 983 4 05565 Fax:
- Số tài khoản: 100-302-455789 Tại Ngân hàng: TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng
- Mã số thuế: 0202255674

Hai Bên đồng ý thực hiện việc cho thuê, thuê quyền sử dụng đất theo các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1. THÔNG TIN VỀ DIỆN TÍCH ĐẤT CHO THUÊ LẠI

1.1 Đặc điểm cụ thể của Khu Đất như sau:

- Diện tích: 16,364 m² (Bằng chữ: Mười sáu nghìn, ba trăm sáu mươi tư mét vuông)
- Địa chỉ: Phường Đông Hải 2, Phường Trảng Cát, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Thửa đất số: CN7.2K
- Tờ bản đồ số: ...
- Hình thức sử dụng:
- + Sử dụng riêng: 16,364 m²;
- + Sử dụng chung: 0 m²;
- Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp
- Thời hạn sử dụng: Đến 06/05/2059
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có): Không có

1.2 Các chỉ tiêu về xây dựng của Khu Đất (nếu có) như sau:

- Mật độ xây dựng: 70%
- Số tầng cao của công trình xây dựng: Tối đa năm (05) tầng
- Chiều cao tối đa của công trình xây dựng: Không có
- Các chỉ tiêu khác theo quy hoạch được duyệt: Hệ số sử dụng đất: 3,5 lần

1.3 Các nội dung, thông tin khác:

Bên Cho Thuê cho Bên Thuê thuê lại, và Bên Thuê thuê lại quyền sử dụng đất của Khu Đất theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này để Bên Thuê thực hiện Dự Án Đầu Tư theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư được cấp ("Việc Thuê Đất").

ĐIỀU 2. GIÁ THUÊ ĐẤT

2.1 Giá cho thuê quyền sử dụng đất

Giá cho thuê quyền sử dụng đất mà Bên Thuê phải trả cho Việc Thuê Đất mỗi năm ("Tiền Thuê Đất Hàng Năm") sẽ được tính dựa trên đơn giá 6.691 VND (Bằng chữ: Sáu nghìn, sáu



trăm chín mươi mốt Đồng Việt Nam) cho mỗi mét vuông trong một năm ("Đem Giá Thuê"). Tiền Thuê Đất Hàng Năm sẽ được áp dụng và thanh toán kể từ Ngày Bàn Giao đối với phần diện tích đất đã được bàn giao cho Bên Thuê.

Giá cho thuê này đã bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và Thuế GTGT.

- 2.2 Giá cho thuê quy định tại Điều 2.1 không bao gồm khoản tiền cơ sở hạ tầng mà Bên Thuê phải trả cho Bên Cho Thuê liên quan đến toàn bộ diện tích Khu Đất trong Thời Hạn Thuê sẽ là kết quả của 2.661.330 VNĐ (Bằng chữ: Hai triệu, sáu trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi Đồng Việt Nam) nhân với số mét vuông của Khu Đất, do đó bằng 43.550.004.120 VNĐ (Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ, năm trăm năm mươi triệu, không trăm linh bốn nghìn, một trăm hai mươi Đồng Việt Nam) (chưa bao gồm Thuế GTGT) ("Tiền Cơ Sở Hạ Tầng").
- 2.3 Ngoài ra, giá cho thuê quy định tại Điều 2.1 này cũng không bao gồm các khoản khác được quy định tại những Điều khác của Hợp Đồng.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Phương thức thanh toán

Thanh toán bằng tiền Việt Nam, thông qua ngân hàng hoặc hình thức khác theo quy định pháp luật.

3.2 Thời hạn thanh toán

3.2.1 Thời hạn thanh toán Tiền Cơ Sở Hạ Tầng

Bên Thuê sẽ thanh toán cho Bên Cho Thuê Tiền Cơ Sở Hạ Tầng mà không có bất kỳ khoản khấu trừ hoặc bù trừ nào, theo phương thức thanh toán dưới đây:

- (i) Trong vòng hai mươi lăm (25) Ngày Làm Việc sau ngày ký Hợp Đồng này và trước Ngày Bàn Giao:

Bên Thuê sẽ thanh toán khoản tiền đầu tiên bằng chín mươi phần trăm (90%) Tiền Cơ Sở Hạ Tầng, tương ứng 39.195.003.708 VNĐ (Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, ba nghìn, bảy trăm linh tám Đồng Việt Nam) và Thuế GTGT tương ứng ("Thanh Toán Đợt 1").

- (ii) Trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc sau Ngày Bàn Giao:

Bên Thuê sẽ thanh toán khoản tiền thứ hai bằng mười phần trăm (10%) Tiền Cơ Sở Hạ Tầng, tương ứng 4.355.000.412 VNĐ (Bằng chữ: Bốn tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm mười hai Đồng Việt Nam) và Thuế GTGT tương ứng ("Thanh Toán Đợt 2"). trứ trường hợp chậm trễ tiếp nhận bàn giao Khu Đất của Bên Thuê như quy định tại Điều 5.5.3 trên đây, khi đó, Bên Thuê sẽ thực hiện Thanh Toán Đợt 2 cho Bên Cho Thuê theo quy trình như quy định tại Điều 5.5.3.

Bên Cho Thuê sẽ phát hành trước cho Bên Thuê một văn bản đề nghị thanh toán ("Yêu Cầu Thanh Toán") liên quan đến từng khoản phải trả.

Bên Cho Thuê sẽ phát hành cho Bên Thuê hóa đơn Thuế GTGT cho mỗi lần thanh toán Tiền Cơ Sở Hạ Tầng.

3.2.2 Thời hạn thanh toán Tiền Thuê Đất Hàng Năm

Tiền Thuê Đất Hàng Năm sẽ được trả hàng năm, theo tỷ lệ trong khoảng thời gian từ Ngày Bàn Giao đến ngày cuối cùng của năm đầu tiên của Thời Hạn Thuê ("Năm Đầu Tiên") và trong khoảng thời gian từ ngày đầu tiên của năm cuối cùng đến ngày cuối cùng của Thời Hạn Thuê,



trong đó những khoảng thời gian này sẽ nhỏ hơn mười hai (12) tháng. Trong Thời Hạn Thuê của Hợp Đồng này, Bên Thuê sẽ thanh toán Tiền Thuê Đất Hằng Năm của Năm Đầu Tiên cho Bên Cho Thuê trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Bàn Giao, và thanh toán Tiền Thuê Đất Hằng Năm của từng năm tiếp theo trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Thuê phát hành cho Bên Thuê hóa đơn Thuế GTGT cho mỗi khoản thanh toán Tiền Thuê Đất Hằng Năm.

3.2.3 Thời hạn thanh toán của các khoản phải trả khác theo Hợp Đồng

Trừ khi Các Bên đồng ý hoặc được quy định khác đi tại Hợp Đồng này, bất kỳ và toàn bộ các khoản thanh toán theo Hợp Đồng này sẽ được thực hiện bằng việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên Cho Thuê trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày phát hành hóa đơn Thuế GTGT được quy định trong Hợp Đồng này.

- 3.3** Trong trường hợp Luật về Thuế GTGT thay đổi tại ngày Bên Cho Thuê phát hành hóa đơn Thuế GTGT của Tiền Thuê Đất Hằng Năm cho Bên Thuê, dẫn đến việc thay đổi giá trị của Tiền Thuê Đất Hằng Năm, Các Bên sẽ ký bán bổ sung của Hợp Đồng hoặc văn bản tương tự để điều chỉnh Tiền Thuê Đất Hằng Năm phù hợp với sự thay đổi của Luật về Thuế GTGT.

ĐIỀU 4. MỤC ĐÍCH THUÊ ĐẤT

Bên Thuê sẽ sử dụng Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất và Khu Đất chỉ nhằm thực hiện Mục Tiêu Đầu Tư và hoạt động kinh doanh tương ứng, phù hợp với tiến độ thực hiện Mục Tiêu Đầu Tư và những điều khoản khác đã được phê duyệt và ghi nhận trên Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư (hoặc báo cáo về việc thực hiện dự án trong trường hợp Dự Án Đầu Tư không xin cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư) và thông tin đăng ký doanh nghiệp đã đăng ký với Cơ Quan Nhà Nước; và sẽ phát triển Khu Đất và vận hành Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất tuân thủ các Quy Định Pháp Luật và Bộ Tài Liệu và Điều Khoản Chung. Bên Thuê có nghĩa vụ đảm bảo việc cư trú trong Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất tuân thủ theo quy định của Luật.

ĐIỀU 5. THỜI HẠN THUÊ ĐẤT, THỜI ĐIỂM BÀN GIAO

5.1 Thời Hạn Thuê Khu Đất

Thời hạn của Việc Thuê Đất sẽ bắt đầu từ Ngày Hiệu Lực và hết hạn vào ngày 06 tháng 05 năm 2059 hoặc vào ngày xảy ra bất kỳ sự kiện nào được quy định tại Điều 10 ("Thời Hạn Thuê").

5.2 Thời Hạn Thuê bắt đầu từ ngày

Thời Hạn Thuê sẽ bắt đầu từ Ngày Hiệu Lực.

5.3 Gia hạn Thời Hạn Thuê

Thời Hạn Thuê có thể được gia hạn, tùy thuộc vào các Giấy Phép Thiết Yếu Bắt Buộc của Bên Cho Thuê và thỏa thuận của Các Bên.

5.4 Giải quyết khi hợp đồng thuê đất hết hạn

Các Bên sẽ thực hiện các công việc quy định tại Điều 10.5 khi Hợp Đồng này hết hạn.

5.5 Thời điểm bàn giao Khu Đất

- 5.5.1** Bên Cho Thuê sẽ bàn giao Khu Đất cho Bên Thuê trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Thuê nhận được toàn bộ khoản tiền Thanh Toán Đợt 1 của Tiền Cơ Sở Hạ Tầng



theo Điều 3.2.1(i) của Hợp Đồng này ("**Thời Hạn Bàn Giao**"). Trong Thời Hạn Bàn Giao, Bên Cho Thuê sẽ thông báo cho Bên Thuê ngày bắt đầu khi Khu Đất đã sẵn sàng để được bàn giao cho Bên Thuê ("**Thông Báo Bàn Giao**").

5.5.2 Bên Thuê sẽ nhận bàn giao Khu Đất từ Bên Cho Thuê trong vòng bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày Thông Báo Bàn Giao ("**Thời Hạn Nhận Bàn Giao**"), vào ngày nhận bàn giao này ("**Ngày Bàn Giao**"). Bên Cho Thuê và Bên Thuê sẽ ký biên bản bàn giao Khu Đất ("**Biên Bản Bàn Giao Khu Đất**").

5.5.3 Không giới hạn bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào khác mà Các Bên có thể được hưởng theo Hợp Đồng này, và Bên Cho Thuê không gửi thông báo chấm dứt cho Bên Thuê theo Điều 10.2, nếu Bên Thuê không tiếp nhận việc bàn giao Khu Đất từ Bên Cho Thuê trong Thời Hạn Nhận Bàn Giao, Bên Thuê sẽ thanh toán cho Bên Cho Thuê một khoản tiền Thanh Toán Đợt 2 trong giai đoạn từ ngày kết thúc Thời Hạn Nhận Bàn Giao ("**Ngày Trì Hoãn Đầu Tiên**") cho đến Ngày Bàn Giao thực tế như sau:

- (i) 10% của Thanh Toán Đợt 2 và Thuế GTGT tương ứng trong vòng bảy (07) Ngày Làm Việc sau Ngày Trì Hoãn Đầu Tiên; và
- (ii) 10% của Thanh Toán Đợt 2 và Thuế GTGT tương ứng vào ngày cuối cùng của mỗi tháng tiếp theo sau tháng có Ngày Trì Hoãn Đầu Tiên; và
- (iii) số tiền còn lại và Thuế GTGT tương ứng (nếu có) của Thanh Toán Đợt 2 vào Ngày Bàn Giao thực tế.

5.6 Giấy tờ pháp lý về Khu Đất

Vào Ngày Hiệu Lực, Bên Cho Thuê sẽ cung cấp cho Bên Thuê một (01) bản sao của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Khu Công Nghiệp liên quan tới Khu Đất số BB 538742 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Hải Phòng cấp ngày 12/10/2012.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO THUÊ

6.1 Quyền của Bên Cho Thuê

- (i) Yêu cầu Bên Thuê khai thác, sử dụng Khu Đất theo đúng mục đích, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Dự Án Đầu Tư và thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- (ii) Yêu cầu Bên Thuê thanh toán tiền thuê theo thời hạn và phương thức thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- (iii) Yêu cầu Bên Thuê chấm dứt ngay việc sử dụng Khu Đất không đúng mục đích, hủy hoại Khu Đất hoặc làm giảm sút giá trị sử dụng của Khu Đất; nếu Bên Thuê không chấm dứt ngay hành vi vi phạm thì Bên Cho Thuê có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp Đồng, yêu cầu Bên Thuê trả lại Khu Đất đang thuê và bồi thường thiệt hại;
- (iv) Yêu cầu Bên Thuê giao lại Khu Đất khi hết Thời Hạn Thuê theo Hợp Đồng;
- (v) Yêu cầu Bên Thuê bồi thường thiệt hại do lỗi của Bên Thuê gây ra;
- (vi) Bên Cho Thuê và Bên Thuê đồng ý rằng không phương hại đến Việc Thuê Đất, Bên Cho Thuê nắm giữ và có thể thực thi quyền ra vào Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất, Khu Đất và khu vực lân cận Khu Đất trong những trường hợp sau:



- (1) khẩn cấp;
- (2) Lý Do An Toàn; hoặc
- (3) lắp đặt và bảo trì hệ thống ống và đường dẫn nước, điện và các dịch vụ và tiện ích khác, thông qua và dọc theo các dây dẫn, đường ống, kênh tự nhiên, kênh nhân tạo, dòng chảy, ống xả thải, dây điện, và dây cáp, hoặc để thực hiện hoặc chuẩn bị các môi trường truyền dẫn những tiện ích này ở khu vực gần Khu Đất, với điều kiện là việc thực hiện những dịch vụ này không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động chính của Bên Thuê và phải thông báo lý do trước cho Bên Thuê.

(vii) Yêu cầu Bên Thuê thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định tại Hợp Đồng.

6.2 Nghĩa vụ của Bên Cho Thuê

- (i) Cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực về quyền sử dụng đất của Khu Đất và chịu trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp;
- (ii) Chuyển giao Khu Đất cho Bên Thuê đủ diện tích, đúng thời hạn, đúng vị trí, đúng ranh giới và tình trạng Khu Đất theo thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- (iii) Đăng ký việc cho thuê quyền sử dụng đất của Khu Đất;
- (iv) Kiểm tra, nhắc nhở Bên Thuê bảo vệ, giữ gìn Khu Đất và sử dụng Khu Đất đúng mục đích;
- (v) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Cơ Quan Nhà Nước theo quy định của pháp luật;
- (vi) Thông báo cho Bên Thuê về quyền của người thứ ba đối với Khu Đất;
- (vii) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra;
- (viii) Cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý của dự án, quyền sử dụng đất của Khu Đất để Bên Thuê thực hiện các thủ tục đầu tư, xây dựng Dự Án Đầu Tư theo Luật về đầu tư, Luật về xây dựng và Luật có liên quan;
- (ix) Tạo điều kiện cho Bên Thuê thực hiện đầu tư xây dựng theo Dự Án Đầu Tư được Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền chấp thuận;
- (x) Trong trường hợp Bên Thuê thanh toán đầy đủ Tiền Thuê Đất Hàng Năm, Tiền Dịch Vụ KCN, và tuân thủ các điều khoản cũng như điều kiện tại Hợp Đồng này, Bên Cho Thuê sẽ cung cấp các Dịch Vụ KCN cho Bên Thuê trong phạm vi mô tả tại PHỤ LỤC 4 đính kèm như sau:
 - (1) Bên Cho Thuê sẽ cung cấp cho Bên Thuê bất cứ hoặc toàn bộ Dịch Vụ KCN nào mà tại thời điểm đó, Bên Cho Thuê, theo cách thức của mình, cho rằng là cần thiết hoặc phù hợp; và
 - (2) trong trường hợp Bên Thuê, theo nhu cầu của mình, gửi yêu cầu cung cấp bất cứ Dịch Vụ KCN nào, Bên Cho Thuê sẽ cân nhắc các điều kiện, hạ tầng và nguồn lực sẵn có, để quyết định cung cấp cho Bên Thuê các Dịch Vụ KCN theo yêu cầu của Bên Thuê.
- (xi) Bên Cho Thuê cam kết với Bên Thuê rằng:
 - (1) Bên Thuê có quyền sử dụng đất của Khu Đất và Tiện Ích Chung trong Thời Hạn Thuê với điều kiện Bên Thuê tuân thủ các điều kiện và điều khoản của



Hợp Đồng;

- (2) Vào Ngày Bàn Giao, Bên Cho Thuê sẽ bàn giao cho Bên Thuê Khu Đất được san lấp và san gạt đạt cao độ thiết kế của Khu Công Nghiệp là +4.8 m CD (+15 cm);
- (3) Bên Cho Thuê sẽ cung cấp hoặc chỉ định một bên thứ ba cung cấp cho Bên Thuê các Tiện Ích và Dịch Vụ theo các điều khoản và điều kiện được quy định trong Bộ Tài Liệu và Điều Khoản Chung ký giữa Bên Thuê và Bên Cho Thuê hoặc các Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích được chỉ định bởi Bên Cho Thuê như đề cập tại PHỤ LỤC 3;
- (4) Bên Cho Thuê sẽ không bao giờ thực hiện, hoặc bỏ qua, bất kỳ hành động hoặc việc gì dẫn đến vi phạm Hợp Đồng này hoặc các thỏa thuận khác đã ký giữa Các Bên mà do đó Bên Thuê phải chi trả bất cứ khoản tiền thuế, tiền phạt, bồi thường thiệt hại, bồi thường, chi phí, lệ phí, hoặc phí tổn nào theo Quy Định Pháp Luật;
- (5) Bên Cho Thuê sẽ hỗ trợ Bên Thuê chuẩn bị các hồ sơ cần thiết để trình Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền để xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên Thuê, phù hợp với Khoản 2 của PHỤ LỤC 7 của Hợp Đồng này, sau khi Bên Thuê đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ Tiền Cơ Sở Hạ Tầng như quy định tại Hợp Đồng này.

Bên Thuê sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, chi phí và phí liên quan đến việc xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất theo Luật và Quy Định Pháp Luật hiện hành của Việt Nam.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN THUÊ

7.1 Quyền của Bên Thuê

- (i) Yêu cầu Bên Cho Thuê cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực về quyền sử dụng đất của Khu Đất;
- (ii) Yêu cầu Bên Cho Thuê chuyển giao Khu Đất đúng diện tích, đúng thời hạn, đúng vị trí, đúng ranh giới và tình trạng Khu Đất theo thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- (iii) Được sử dụng Khu Đất theo Thời Hạn Thuê trong Hợp Đồng;
- (iv) Khai thác, sử dụng Khu Đất và hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên Khu Đất;
- (v) Yêu cầu Bên Cho Thuê bồi thường thiệt hại do lỗi của Bên Cho Thuê gây ra;
- (vi) Quyền cho thuê lại (nếu có);
- (vii) Để làm rõ, quyền cho thuê lại ở Điều 7.1(vi) trên đây (nếu có) phải phù hợp với Luật và quy định của Hợp Đồng này.

7.2 Nghĩa vụ của Bên Thuê

7.2.1 Nghĩa vụ chung của Bên Thuê

- (i) Sử dụng Khu Đất đúng mục đích, đúng ranh giới, đúng Thời Hạn Thuê;
- (ii) Không được hủy hoại Khu Đất;



- (iii) Thanh toán đủ tiền thuê quyền sử dụng đất theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- (iv) Tuân theo quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh;
- (v) Trả lại Khu Đất đúng thời hạn và tình trạng Khu Đất theo thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- (vi) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra;
- (vii) Bảo đảm quyền của bên thứ ba đối với Khu Đất;
- (viii) Thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Cơ Quan Nhà Nước theo Luật và Hợp Đồng;
- (ix) Nhận Khu Đất đủ diện tích, đúng thời hạn, vị trí, ranh giới Khu Đất đã thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- (x) Đầu tư, xây dựng Dự Án Đầu Tư xây dựng tại Khu Đất theo Luật về đầu tư, xây dựng, đất đai và Luật có liên quan;
- (xi) Thực hiện đầu tư xây dựng Dự Án Đầu Tư trên Khu Đất bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - (1) Đầu tư xây dựng các Công Trình phù hợp với quy hoạch chi tiết và tiến độ Dự Án Đầu Tư được chấp thuận, phê duyệt;
 - (2) Đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đồng bộ và kết nối với hệ thống hạ tầng khu vực xung quanh, phù hợp với thời gian thực hiện Dự Án Đầu Tư được chấp thuận, phê duyệt và quy hoạch được phê duyệt;
 - (3) Bảo đảm việc cung cấp các dịch vụ quản lý vận hành dự án, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, dịch vụ khác thuộc phạm vi Dự Án Đầu Tư;
 - (4) Chuyển giao các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho Cơ Quan Nhà Nước trong trường hợp phải chuyển giao theo dự án được chấp thuận theo quy định của Luật; trường hợp chưa chuyển giao thì phải có trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo đảm chất lượng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong thời gian chưa chuyển giao;
- (xii) Thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên Thuê được quy định tại Hợp Đồng này.

7.2.2 Thanh toán Tiền Dịch Vụ KCN

- (i) Tiền Dịch Vụ KCN được tính theo diện tích của Khu Đất với đơn giá:
 - (1) **874 VNĐ/m²/tháng** (Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi tư Đồng Việt Nam mỗi mét vuông mỗi tháng) (chưa bao gồm Thuế GTGT). kể từ Ngày Bàn Giao đến ngày 31/12/2025.
 - (2) **1.749 VNĐ/m²/tháng** (Bằng chữ: Một nghìn, bảy trăm bốn mươi chín Đồng Việt Nam mỗi mét vuông mỗi tháng) (chưa bao gồm Thuế GTGT) kể từ ngày 01/01/2026.
- (ii) Tiền Dịch Vụ KCN sẽ được thanh toán hàng tháng như sau:
 - (1) theo tỷ lệ tương ứng cho khoảng thời gian từ Ngày Bàn Giao đến hết tháng đầu tiên trong Thời Hạn Thuê, khoản thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày phát hành hóa đơn Thuế GTGT;
 - (2) đối với từng tháng tiếp theo trong Thời Hạn Thuê, trong vòng bảy (07) Ngày



Làm Việc kể từ ngày phát hành hóa đơn Thuế GTGT;

- (3) theo tỷ lệ cho khoảng thời gian từ ngày bắt đầu tháng cuối cùng đến ngày kết thúc Thời Hạn Thuế, khoản thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày phát hành hóa đơn Thuế GTGT.

7.2.3 Khoản Đặt Cọc Tiền Dịch Vụ KCN

Các Bên đồng ý rằng:

- (i) Trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày ký kết Hợp Đồng này, Bên Thuê sẽ thanh toán cho Bên Cho Thuê, và có nghĩa vụ duy trì trong suốt Thời Hạn Thuế, Khoản Đặt Cọc Tiền Dịch Vụ KCN là **171.711.445 VNĐ** (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm mười một nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm Đồng Việt Nam), tương ứng với sáu (06) tháng khoản Tiền Dịch Vụ KCN. Bên Cho Thuê có quyền khấu trừ Khoản Đặt Cọc Tiền Dịch Vụ KCN để chi trả cho bất cứ khoản thanh toán quá hạn nào mà Bên Thuê có nghĩa vụ thanh toán theo Hợp Đồng này, bồi thường cho bất cứ tổn thất, mất mát do hành vi vi phạm Hợp Đồng của Bên Thuê, mà không phương hại đến quyền đòi bồi thường của Bên Cho Thuê đối với các khoản vượt quá trị giá của Khoản Đặt Cọc Tiền Dịch Vụ KCN.
- (ii) Bất cứ khi nào Khoản Đặt Cọc Tiền Dịch Vụ KCN được sử dụng, Bên Thuê sẽ nộp bổ sung Khoản Đặt Cọc Tiền Dịch Vụ KCN ngay khi Bên Cho Thuê yêu cầu sao cho Khoản Đặt Cọc Tiền Dịch Vụ KCN bằng với sáu (06) tháng Tiền Dịch Vụ KCN. Ngoài ra, Khoản Đặt Cọc Tiền Dịch Vụ KCN sẽ được điều chỉnh định kỳ năm (05) năm một lần sao cho bằng với sáu (06) tháng Tiền Dịch Vụ KCN vào thời điểm mà đã được điều chỉnh.
- (iii) Khi Hợp Đồng này chấm dứt, Bên Cho Thuê sẽ hoàn trả Khoản Đặt Cọc Tiền Dịch Vụ KCN cho Bên Thuê không gồm tiền lãi và sau khi đã khấu trừ các khoản mà Bên Thuê còn nợ Bên Cho Thuê.

7.2.4 Thanh toán Tiền Cơ Sở Hạ Tầng, Tiền Thuế Đất Hàng Năm, Tiền Dịch Vụ KCN, thuế đối với Khu Đất và các chi phí khác

Trừ khi Hợp Đồng này có quy định khác, bất kỳ và toàn bộ tiền thuế đất, tiền thuế, phí và chi phí liên quan đến Khu Đất trong khoảng thời gian trước Ngày Hiệu Lực sẽ do Bên Cho Thuê chi trả.

Kể từ Ngày Hiệu Lực đến khi Hợp Đồng này hết hạn hoặc chấm dứt, Bên Thuê sẽ có trách nhiệm chi trả bất kỳ và toàn bộ tiền thuế đất, tiền thuế, phí và chi phí liên quan đến việc sử dụng Khu Đất và/hoặc Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất theo Hợp Đồng này, như được Luật và Quy Định Pháp Luật quy định trong suốt Thời Hạn Thuế.

Bên Thuê sẽ thanh toán bất kỳ và toàn bộ Tiền Cơ Sở Hạ Tầng, Tiền Thuế Đất Hàng Năm, Tiền Dịch Vụ KCN và các khoản phải trả khác theo Hợp Đồng này vào thời điểm và theo cách thức được quy định trong Hợp Đồng này và các văn bản liên quan.

Nếu tại bất kỳ thời điểm nào trong Thời Hạn Thuế, Bên Cho Thuê phải trả bất kỳ khoản tiền bổ sung nào do Luật quy định liên quan đến Khu Đất và/hoặc Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất, hoặc theo kết quả của việc ký kết Hợp Đồng này, hoặc theo kết quả của hoạt động hoặc công việc kinh doanh của Bên Thuê trên Khu Đất và/hoặc Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất, Bên Thuê sẽ trả khoản tiền bổ sung đó cho Bên Cho Thuê mà không được khấu trừ.



7.2.5 Yêu cầu giữ gìn và bảo quản

Bên Thuê sẽ giữ gìn và bảo dưỡng Khu Đất, Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất, bất kỳ thiết bị vệ sinh, tường, hàng rào, đường đi, khu vực vỉa hè, hệ thống nước thải và ống dẫn nước trên hoặc trong Khu Đất và Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất luôn trong tình trạng tốt và được sửa chữa đầy đủ.

Bên Thuê sẽ không thực hiện bất cứ hành động nào nhằm ngăn chặn hoặc gây trở ngại Bên Cho Thuê, nhân viên, đại diện, công nhân, công cụ, thiết bị hoặc bên thứ ba được Bên Cho Thuê ủy quyền, thực thi các quyền theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc theo Luật để đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ của Bên Thuê theo Hợp Đồng này.

7.2.6 Hoàn trả Khu Đất

Không làm ảnh hưởng tới Điều 13.2.3(iii) và trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác đi, trong trường hợp chấm dứt Hợp Đồng này, Bên Thuê sẽ hoàn trả lại Khu Đất cho Bên Cho Thuê với tình trạng (bao gồm cả các điều kiện về Môi Trường) như tại thời điểm vào Ngày Bàn Giao được mô tả tại Biên Bản Bàn Giao Khu Đất và tại các Điều 13.2.1(v) và Điều 13.2.1(vi).

7.2.7 Quy Định Pháp Luật

Bên Thuê có những nghĩa vụ sau:

- (i) tuân thủ mọi Quy Định Pháp Luật và chủ động triển khai không trì hoãn mọi công việc cần thiết theo Quy Định Pháp Luật;
- (ii) không thực hiện, bỏ qua việc thực hiện hoặc cho phép thực hiện bất kỳ hành động hoặc việc gì làm cho Bên Cho Thuê phải chi trả bất cứ khoản tiền thuế, tiền phạt, bồi thường thiệt hại, bồi thường, chi phí, lệ phí hoặc phí tổn nào theo Quy Định Pháp Luật;
- (iii) xin cấp và duy trì các Giấy Phép Thiết Yếu Bắt Buộc mà Bên Thuê phải được cấp theo Hợp Đồng này trước khi tiến hành bất cứ công việc nào cần có Giấy Phép Thiết Yếu Bắt Buộc đó;
- (iv) chi trả bất kỳ khoản thuế, chi phí và phí nào liên quan đến việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất theo Luật và tất cả Quy Định Pháp Luật hiện hành;
- (v) không làm ảnh hưởng tới bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này, thực hiện bất kỳ thủ tục nào để sửa đổi Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất nếu cần thiết theo Quy Định Pháp Luật, và chi trả bất kỳ khoản tiền thuế, chi phí, và phí liên quan đến những thủ tục đó; và
- (vi) chỉ lưu giữ Chất Nguy Hại, hóa chất độc hại, đạn dược, chất nổ, chất thải độc hại hoặc vật liệu dễ cháy, có nguy cơ gây hư hại cho tài sản, khu vực thuê và môi trường, hoặc gây hại cho người hoặc động vật trong hoặc ngoài Khu Đất hoặc Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất, theo đúng Luật và các Quy Định Pháp Luật, và chỉ sau khi đã được cấp mọi Giấy Phép Thiết Yếu Bắt Buộc Bên Thuê phải có theo Hợp Đồng này.

7.2.8 Bên Thuê ra vào để tiếp nhận Khu Đất và xây dựng Công Trình

Bên Thuê sẽ không tiến hành hoặc cho phép người khác tiến hành xây dựng bất cứ Công Trình nào trước khi (i) Khu Đất được bàn giao cho Bên Thuê theo quy định tại Điều 5.5 của Hợp Đồng này và (ii) Bên Thuê thanh toán cho Bên Cho Thuê toàn bộ Tiền Cơ Sở Hạ Tầng và tiền Thuế GTGT theo quy định tại Điều 3.2.1(i) và (ii).

Tuy nhiên, Bên Thuê có thể vào Khu Đất để khảo sát và lấy mẫu đất hoặc nhằm các mục đích



theo như quy định tại Điều 13.2.1 của Hợp Đồng này, với điều kiện là Bên Thuê đã có thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Thuê trước năm (05) Ngày Làm Việc và (i) việc ra vào này không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hoặc vận hành của Bên Cho Thuê và (ii) không làm thay đổi Khu Đất.

7.2.9 Cung cấp sơ đồ mặt bằng Khu Đất

Nhằm tuân thủ Nội Quy Khu Công Nghiệp, trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên Cho Thuê, Bên Thuê có trách nhiệm cung cấp cho Bên Cho Thuê một bản sao sơ đồ mặt bằng hoặc bất cứ bản sửa đổi nào thể hiện các công trình trên Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất dự kiến ("Sơ Đồ Mặt Bằng") và sẽ không trình Sơ Đồ Mặt Bằng cho bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào trước khi nhận được văn bản chấp thuận Sơ Đồ Mặt Bằng của Bên Cho Thuê.

7.2.10 Tiến hành xây dựng Công Trình

Bên Thuê, không làm ảnh hưởng tới Điều 7.2.8 của Hợp Đồng này, sẽ:

- (i) chỉ tiến hành xây dựng Công Trình sau khi (a) được cấp các Giấy Phép Thiết Yếu Bắt Buộc quy định tại PHỤ LỤC 5 đính kèm theo Hợp Đồng này, và (b) đã nộp cho Bên Cho Thuê bản sao của các tài liệu như được liệt kê tại PHỤ LỤC 5 đính kèm theo Hợp Đồng này, bao gồm bản sao của các Giấy Phép Thiết Yếu Bắt Buộc liên quan, và bản sao của các Giấy Phép Thiết Yếu Bắt Buộc khác liên quan đến Công Trình dự kiến;
- (ii) xây dựng hàng rào đúng chỉ giới xung quanh Khu Đất càng sớm càng tốt sau Ngày Bàn Giao và trong mọi trường hợp, trước ngày bắt đầu xây dựng bất kỳ Công Trình nào trên Khu Đất;
- (iii) triển khai ngay việc xây dựng các Công Trình, đảm bảo Công Trình được xây dựng cẩn thận, thực hiện bởi thợ có tay nghề tốt, tuân thủ Luật và các Quy Định Pháp Luật, bao gồm tất cả tiêu chuẩn môi trường và xây dựng liên quan, và hoàn thành việc xây dựng Công Trình phù hợp với Giấy Phép Thiết Yếu Bắt Buộc và kế hoạch, tiến độ xây dựng đã được phê duyệt;
- (iv) cho phép Bên Cho Thuê hoặc các bên được Bên Cho Thuê ủy quyền, kiểm tra việc xây dựng Công Trình vào thời gian thích hợp khi đã hẹn trước, nhằm xác định Bên Thuê có tuân thủ Nội Quy Khu Công Nghiệp, Hợp Đồng này, và Luật không; và
- (v) không xây dựng bất kỳ kết cấu hay tiện ích nào bên ngoài Khu Đất, kể cả trên mặt đất hay trong lòng đất.

7.2.11 Không gây thiệt hại tới Khu Vực Dùng Chung và Tiện Ích Chung

Bên Thuê trong mọi trường hợp và trong suốt Thời Hạn Thuê, dù trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không:

- (i) gây ra hoặc để xảy ra bất kì thiệt hại hoặc cản trở nào tới Khu Vực Dùng Chung và Tiện Ích Chung; và
- (ii) gây ra hoặc để xảy ra việc đường, rãnh, đường ống, ống dẫn, cáp, dây điện và bất kì phương tiện phân phối Tiện Ích và/hoặc Dịch Vụ tới Khu Đất (hoặc trong phạm vi Khu Đất) bị quá tải hoặc sử dụng vượt quá thiết kế hoặc có thể gây hạn chế khả năng cung cấp các Tiện Ích và/hoặc Dịch Vụ tới các khách hàng khác của Khu Công Nghiệp.

Nếu việc triển khai xây dựng Công Trình có khả năng gây hư hỏng bất kỳ Tiện Ích Chung hoặc Khu Vực Dùng Chung nào, Bên Thuê phải ngay lập tức thông báo cho Bên Cho Thuê về Công



Trình liên quan, và phải được Bên Cho Thuê đồng ý trước khi triển khai xây dựng Công Trình liên quan. Trong mọi trường hợp, Bên Thuê phải chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào xảy ra với Tiện Ích Chung hoặc Khu Vực Dùng Chung do việc triển khai xây dựng Công Trình và sẽ chịu mọi chi phí khắc phục thiệt hại và sửa chữa bất kỳ hư hại trực tiếp hay gián tiếp nào.

7.2.12 Bảo hiểm

Trong suốt Thời Hạn Thuê, Bên Thuê, bằng chi phí của mình, sẽ mua và luôn duy trì các loại bảo hiểm (mỗi bảo hiểm đều có điều khoản công ty bảo hiểm từ bỏ quyền truy đòi đối với Bên Cho Thuê) thường được các công ty kinh doanh trong cùng lĩnh vực mua để chi trả cho những rủi ro về Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất, tài sản trong Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất, việc vận hành của Bên Thuê trong Khu Công Nghiệp, theo yêu cầu của Luật và Quy Định Pháp Luật. Bên Thuê sẽ cung cấp cho Bên Cho Thuê bản sao của những hợp đồng bảo hiểm đã mua, chứng nhận bảo hiểm, xác nhận thanh toán tiền bảo hiểm trước khi Bên Thuê vận hành.

7.2.13 Quy trình vận hành

Bên Thuê sẽ gửi cho Bên Cho Thuê sớm nhất có thể và trước khi nhà máy đi vào vận hành, các chứng từ theo quy định tại PHỤ LỤC 6 đính kèm Hợp Đồng này.

7.2.14 Phát triển mái năng lượng mặt trời

Các Bên xác nhận rằng tùy thuộc vào việc ký một thỏa thuận tiếp cận và sử dụng công trình hoặc một thỏa thuận mua bán điện giữa Bên Cho Thuê và/hoặc bên được Bên Cho Thuê chỉ định và Bên Thuê, Bên Thuê đồng ý để Bên Cho Thuê và/hoặc bên được Bên Cho Thuê chỉ định phát triển hệ thống các tấm pin mặt trời trên mái của các tòa nhà và công trình xây dựng được xây dựng và quản lý bởi Bên Thuê trên Khu Đất và phát triển các thiết bị hỗ trợ ở bên trong Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất của Bên Thuê phù hợp với Luật. Bên Cho Thuê và/hoặc bên được Bên Cho Thuê chỉ định sẽ có quyền tiếp cận mái nhà và Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất để phát triển hệ thống các tấm pin mặt trời như trên phù hợp với quy định vận hành và an toàn được thỏa thuận giữa Các Bên.

7.2.15 Tuân thủ Luật Phòng Chống Tham Nhũng

Trong suốt Thời Hạn Thuê, Bên Thuê cam kết không bao giờ thực hiện và đảm bảo không có bất kỳ đại lý, nhân viên hay nhà thầu của mình thực hiện hành vi tham nhũng hoặc hối lộ. Theo đó, Bên Thuê sẽ không trực tiếp hay thông qua nhân viên, quản lý hay bên thứ ba nào khác, cung cấp, đề nghị hay hứa hẹn bất kỳ lợi nhuận hay quyền lợi nào (ví dụ tiền mặt, quà tặng có giá trị hoặc lời mời không liên quan đến mục đích công việc, v.v) cho nhân viên hoặc cấp lãnh đạo của Bên Cho Thuê hoặc Cơ Quan Nhà Nước bao gồm vợ chồng, người thân hoặc bất kỳ người nào khác liên quan đến họ. Nếu Bên Thuê vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo Điều này, Bên Cho Thuê có quyền chấm dứt Hợp Đồng này cũng như Bộ Tài Liệu và Điều Khoản Chung đang có hiệu lực giữa Bên Cho Thuê và Bên Thuê ngay lập tức mà không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho Bên Thuê.

ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

8.1 Trách nhiệm của Bên Cho Thuê khi vi phạm Hợp Đồng



Không phương hại đến Điều 13.2.4 của Hợp Đồng này, Bên Cho Thuê chịu trách nhiệm bồi thường và bảo đảm cho Bên Thuê được bồi thường mọi tổn thất, phí tổn, chi phí và bất kỳ thiệt hại nào xảy ra hoặc phát sinh đối với Bên Thuê do hậu quả của việc vi phạm, không thực hiện hoặc không tuân thủ các cam kết và nghĩa vụ của Bên Cho Thuê được quy định trong Hợp Đồng này, cũng như do bất kỳ hành động, khiêu nại và trách nhiệm phát sinh từ những việc đó. Việc bồi thường này sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc các khoản bồi thường khác theo Hợp Đồng này hoặc theo bất kỳ quy định Luật áp dụng nào.

8.2 Trách nhiệm của Bên Thuê khi vi phạm Hợp Đồng

8.2.1 Bồi thường

- (i) Không phương hại đến Điều 13.2.4 của Hợp Đồng này, Bên Thuê chịu trách nhiệm bồi thường và bảo đảm cho Bên Cho Thuê được bồi thường mọi tổn thất, phí tổn, chi phí và bất kỳ thiệt hại nào xảy ra hoặc phát sinh đối với Bên Cho Thuê do hậu quả của việc vi phạm, không thực hiện hoặc không tuân thủ các cam kết và nghĩa vụ của Bên Thuê được quy định trong Hợp Đồng này, cũng như do bất kỳ hành động, khiêu nại và trách nhiệm phát sinh từ những việc đó. Việc bồi thường này sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc các khoản bồi thường khác theo Hợp Đồng này hoặc theo bất kỳ quy định Luật áp dụng nào.
- (ii) Không phương hại đến Điều 13.2.4 của Hợp Đồng này, Bên Thuê chịu trách nhiệm bồi thường và bảo đảm cho Bên Cho Thuê được bồi thường mọi tổn thất, phí tổn, chi phí và thiệt hại liên quan đến tính mạng, thương tích hay tổn thất hoặc thiệt hại đối với tài sản, bất động sản hay tài sản cá nhân, phát sinh từ hoặc liên quan đến các Công Trình và/hoặc các công việc khác gây ra bởi Bên Thuê, các đại lý, nhân viên, nhà thầu, nhà thầu phụ, khách hàng hoặc khách mời của Bên Thuê trong suốt Thời Hạn Thuê hoặc bất kỳ hành động, sơ suất, lỗi của Bên Thuê hoặc các đại lý hoặc bất kỳ nhà thầu hoặc nhà thầu phụ hoặc người làm thuê cho Bên Thuê phát sinh từ hoặc liên quan đến việc tiến hành xây dựng các Công Trình và/hoặc thực hiện các công việc khác trong suốt Thời Hạn Thuê, cho dù hành động đó, sơ suất hoặc vi phạm đó xảy ra trên Khu Đất, Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất hay một nơi nào khác.

8.2.2 Lãi chậm thanh toán

Nếu Bên Thuê không thanh toán bất kỳ khoản phải trả nào cho Bên Cho Thuê trong khoảng thời gian quy định tại Hợp Đồng này, Bên Thuê sẽ có trách nhiệm, không làm ảnh hưởng tới bất kỳ quyền hay biện pháp khắc phục nào khác của Bên Cho Thuê theo Hợp Đồng này, thanh toán tiền lãi đối với phần thanh toán chậm trả kể từ ngày đến hạn thanh toán số tiền đó theo Hợp Đồng này đến ngày thực tế khoản tiền đó được thanh toán, với lãi suất 20% (hai mươi phần trăm) một năm. Trong trường hợp chậm thanh toán, lãi chậm thanh toán sẽ được tính dựa trên số tiền gốc quá hạn và phần lãi chưa thanh toán.

8.2.3 Ngừng cung cấp Dịch Vụ và Tiện Ích do Bên Thuê không thanh toán

Nếu Bên Thuê không thanh toán bất cứ khoản phải trả nào cho Bên Cho Thuê trong khoảng thời gian đã quy định tại Hợp Đồng này, Bên Cho Thuê sẽ yêu cầu Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích, và Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích có nghĩa vụ ngừng hoặc làm cho ngừng các Dịch Vụ và Tiện Ích theo các Hợp Đồng Dịch Vụ và Hợp Đồng Tiện Ích tương ứng. Các Dịch Vụ và Tiện Ích sẽ được cung cấp trở lại khi Bên Thuê thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải trả cho Bên Cho Thuê.

8.3 Phạt vi phạm



Trừ khi được quy định khác đi tại Hợp Đồng này, Các Bên đồng ý không áp dụng hình thức phạt vi phạm tại Hợp Đồng này.

ĐIỀU 9. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

9.1 Bên Cho Thuê cam kết:

- (i) quyền sử dụng đất của Khu Đất nêu tại Điều 1 của Hợp Đồng này không thuộc diện bị cấm cho thuê theo quy định của pháp luật;
- (ii) quyền sử dụng đất của Khu Đất nêu tại Điều 1 của Hợp Đồng này được tạo lập theo đúng quy hoạch, dùng thiết kế và các bản vẽ được duyệt đã cung cấp cho Bên Thuê;
- (iii) Bên Cho Thuê được thành lập hợp lệ, hoạt động hợp pháp và tuân thủ pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có đủ chức năng ký kết, thực thi Hợp Đồng này, và thực hiện các giao dịch như được quy định tại đây;
- (iv) Hợp Đồng này được Bên Cho Thuê ký kết hợp lệ và tạo thành nghĩa vụ hợp lệ, có giá trị ràng buộc và khả năng thực thi của Bên Cho Thuê; và
- (v) tất cả các thủ tục và ủy quyền cho các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này đã hoàn thành hoặc được cấp phép, cụ thể bao gồm ủy quyền cần thiết từ Cơ Quan Nhà Nước và các phòng ban có thẩm quyền của Bên Cho Thuê.

9.2 Bên Thuê cam kết:

- (i) đã tìm hiểu, xem xét kỹ thông tin về quyền sử dụng đất của Khu Đất;
- (ii) đã được Bên Cho Thuê cung cấp bản sao các giấy tờ, tài liệu và thông tin cần thiết liên quan đến quyền sử dụng đất của Khu Đất, Bên Thuê đã đọc cẩn thận và hiểu các quy định của Hợp Đồng này cũng như các Phụ Lục đính kèm. Bên Thuê đã tìm hiểu mọi vấn đề mà Bên Thuê cho là cần thiết để kiểm tra mức độ chính xác của các giấy tờ, tài liệu và thông tin đó;
- (iii) số tiền thuê quyền sử dụng đất của Khu Đất theo Hợp Đồng này là hợp pháp, không có tranh chấp với bên thứ ba. Bên Cho Thuê sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với việc tranh chấp khoản tiền mà Bên Thuê đã thanh toán cho Bên Cho Thuê theo Hợp Đồng này. Trong trường hợp có tranh chấp về khoản tiền này thì Hợp Đồng này vẫn có hiệu lực đối với hai Bên;
- (iv) Bên Thuê được thành lập hợp lệ, hoạt động hợp pháp và tuân thủ pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có đủ chức năng ký kết, thực thi Hợp Đồng này, và thực hiện các giao dịch như được quy định tại đây;
- (v) việc Bên Thuê ký kết Hợp Đồng này và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này do Bên Thuê có thẩm quyền thực hiện;
- (vi) Hợp Đồng này được Bên Thuê ký kết hợp lệ và tạo thành nghĩa vụ hợp lệ, có giá trị ràng buộc và khả năng thực thi của Bên Thuê; và
- (vii) tất cả các thủ tục và ủy quyền cho các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này đã hoàn thành hoặc được cấp phép, cụ thể bao gồm, ủy quyền cần thiết từ Cơ Quan Nhà Nước và các phòng ban có thẩm quyền của Bên Thuê; và
- (viii) Bên Thuê đang không ở trong tình trạng của Sự Kiện Mất Khả Năng Thanh Toán.



- 9.3 Việc ký kết Hợp Đồng này giữa Các Bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối.
- 9.4 Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, khoản, điểm trong Hợp Đồng này bị Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, khoản, điểm khác của Hợp Đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai Bên. Hai Bên sẽ thống nhất sửa đổi các Điều, khoản, điểm bị tuyên vô hiệu hoặc không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định của pháp luật và phù hợp với ý chí của hai Bên.
- 9.5 Hai Bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận đã quy định trong Hợp Đồng này.

ĐIỀU 10. CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

10.1 Các trường hợp chấm dứt Hợp Đồng:

- (i) Hai Bên đồng ý chấm dứt Hợp Đồng. Trong trường hợp này, hai Bên lập văn bản thỏa thuận cụ thể các điều kiện và thời hạn chấm dứt Hợp Đồng;
- (ii) Bên Thuê chậm thanh toán tiền thuê quyền sử dụng đất của Khu Đất theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp Đồng này;
- (iii) Bên Cho Thuê chậm bàn giao quyền sử dụng đất của Khu Đất theo thỏa thuận tại Điều 6.2(ii) của Hợp Đồng này;
- (iv) Trong trường hợp Bên bị tác động bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng không thể khắc phục được để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời hạn mười hai (12) tháng liên tục, kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng thì Các Bên có thể thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng này;
- (v) Kết thúc Thời Hạn Thuê quy định tại Điều 5.1;
- (vi) Bên Thuê vi phạm theo quy định tại Điều 10.2;
- (vii) một Sự Kiện Mất Khả Năng Thanh Toán xảy ra;
- (viii) Kết thúc thời hạn hoạt động của Bên Thuê quy định trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư, được điều chỉnh vào từng thời điểm;
- (ix) Khu Đất bị Cơ Quan Nhà Nước thu hồi theo quy định của Luật.

10.2 Ngoài các quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục mà Bên Cho Thuê có thể thực hiện và không chỉ giới hạn ở đó theo quy định tại Hợp Đồng này và các quy định Luật liên quan, Bên Cho Thuê sẽ có quyền chấm dứt Hợp Đồng này mà không phải chịu bất kỳ khiếu nại, thanh toán hoặc bất kỳ trách nhiệm nào khác theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ quy định Luật liên quan bằng cách gửi cho Bên Thuê một văn bản thông báo hai mươi (20) Ngày Làm Việc trước ngày chấm dứt có hiệu lực, nếu trong suốt Thời Hạn Thuê:

- (i) Bên Thuê không thanh toán bất kỳ khoản Tiền Cơ Sở Hạ Tầng quy định tại Điều 3.2.1;
- (ii) Bên Thuê không tiếp nhận Khu Đất trong vòng bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Thời Hạn Nhận Bàn Giao, trừ khi Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc gia hạn Thời Hạn Nhận Bàn Giao và Bên Thuê đã thực hiện thanh toán theo quy định tại Điều 5.5.3 trên đây;
- (iii) Bên Thuê không thanh toán bất kỳ khoản tiền phải trả nào theo Hợp Đồng này trừ khoản thanh toán như quy định tại Điều 10.2 (i) trên đây trong vòng hai mươi (20)



Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn thanh toán;

- (iv) Bên Thuê không sử dụng Khu Đất hoặc phát triển Dự Án Đầu Tư theo quy định tại Điều 4 vì những nguyên nhân ngoài các Sự Kiện Bất Khả Khắcáng và không thực hiện các biện pháp khắc phục để đưa Khu Đất vào sử dụng theo quy định của Luật;
 - (v) Bên Thuê không thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết và phù hợp như đề cập tại Điều 13.2.3(vii);
 - (vi) Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư/Dự Án Đầu Tư hoặc Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp bị chấm dứt hoặc bị thu hồi bởi Cơ Quan Nhà Nước do Bên Thuê vi phạm nghĩa vụ của mình mà Luật hoặc Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư hoặc Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp yêu cầu;
 - (vii) Bên Thuê vi phạm nghiêm trọng Hợp Đồng này, Bộ Tài Liệu và Điều Khoản Chung hoặc bất kỳ Quy Định Pháp Luật và không khắc phục được vi phạm đó trong vòng hai mươi (20) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên Cho Thuê về vi phạm đó hoặc thời hạn cụ thể nào mà Bên Cho Thuê yêu cầu phù hợp;
 - (viii) Bên Thuê lâm vào tình trạng Mất Khả Năng Thanh Toán.
- 10.3** Ngoài các quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục mà Bên Thuê có thể thực hiện và không chỉ giới hạn ở đó theo quy định tại Hợp Đồng này và các quy định Luật liên quan, Bên Thuê sẽ có quyền chấm dứt Hợp Đồng này mà không phải chịu bất kỳ khiếu nại, thanh toán hoặc bất kỳ trách nhiệm nào khác theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ quy định Luật liên quan bằng cách gửi cho Bên Cho Thuê một văn bản thông báo hai mươi (20) Ngày Làm Việc trước ngày chấm dứt có hiệu lực cùng với bằng chứng có hiệu lực, nếu trong suốt Thời Hạn Thuê, Bên Cho Thuê chậm bàn giao quyền sử dụng đất của Khu Đất theo thỏa thuận tại Điều 6.2(ii) của Hợp Đồng này.
- 10.4** Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo Điều 10.1(iv) của Hợp Đồng, mỗi Bên sẽ tự chịu chi phí và các khoản phí tổn phát sinh do Sự Kiện Bất Khả Khắcáng gây ra. Trừ khi Hợp Đồng quy định khác đi, không Bên nào được khiếu nại, yêu cầu Bên kia thanh toán, hoặc chịu trách nhiệm phát sinh từ việc chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn vì lý do Sự Kiện Bất Khả Khắcáng.
- 10.5** Không phương hại đến bất kỳ điều khoản nào khác trong Hợp Đồng này, trong trường hợp chấm dứt Hợp Đồng này:
- (i) Bên Thuê sẽ hoàn trả Khu Đất cho Bên Cho Thuê theo các điều kiện quy định tại Điều 7.2.6;
 - (ii) Bên Thuê sẽ thanh toán cho Bên Cho Thuê và các Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích liên quan tất cả các khoản nợ, phí dịch vụ và các khoản phí khác bao gồm cả những khoản liên quan đến các Dịch Vụ và Tiện Ích mà Bên Thuê sử dụng cho đến ngày Bên Thuê bàn giao lại Khu Đất cho Bên Cho Thuê;
 - (iii) Bên Cho Thuê và các Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích liên quan có quyền ngừng hoặc làm cho ngừng việc cung cấp điện, nước, thu gom và xử lý nước thải, và các dịch vụ khác mà Bên Cho Thuê cho là phù hợp; trong trường hợp việc chậm thanh toán kéo dài trong khoảng thời gian hai mươi (20) Ngày Làm Việc, Bên Cho Thuê có quyền ngăn cản các nhân viên, khách hàng hoặc phương tiện của Bên Thuê ra vào Khu Công Nghiệp và Khu Đất bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Thuê;
 - (iv) Bên Cho Thuê sẽ hoàn trả cho Bên Thuê toàn bộ phần chưa sử dụng của Tiền Thuê Đất



Hàng Năm, phí dịch vụ và bất kỳ khoản chi phí khác đã trả trước theo tỷ lệ (nếu có). Để tránh hiểu nhầm, Tiền Cơ Sở Hạ Tầng đã thanh toán sẽ không được hoàn trả lại, trừ trường hợp được đề cập tại Điều 13.6.2. Bất kỳ khoản hoàn trả nào được quy định trong Điều này sẽ phải trừ đi mọi khoản thanh toán theo Hợp Đồng này và mọi khoản tiền dùng để khắc phục hoặc bồi thường cho bất kỳ thiệt hại hoặc mất mát nào do vi phạm của Bên Thuê nếu có (không phương hại đến các quyền khác của Bên Cho Thuê như được quy định trong Hợp Đồng này);

(v) Bên Thuê sẽ hợp tác với Bên Cho Thuê để:

- (1) chuẩn bị, ký kết và nộp các tài liệu cần thiết trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày ký kết bất kỳ thỏa thuận nào về việc chấm dứt, và nộp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho các Cơ Quan Nhà Nước để xóa bỏ đăng ký về Việc Thuê Đất; và
- (2) chuẩn bị, ký kết và nộp các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Luật cho các Cơ Quan Nhà Nước để rút Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư và/hoặc chấm dứt hoạt động của Dự Án Đầu Tư trên Khu Đất trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày ký kết bất kỳ thỏa thuận nào về việc chấm dứt; các thủ tục này phải hoàn thành trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày chấm dứt; và
- (3) thực hiện các hành động, thủ tục cần thiết và ký kết các tài liệu, biểu mẫu, thỏa thuận khác được yêu cầu bởi Luật và/hoặc các Cơ Quan Nhà Nước nhằm mục đích nêu tại Điều 10.5.

10.6 Khi Hợp Đồng này chấm dứt, Bên Thuê sẽ không được phép ra vào Khu Đất kể từ ngày chấm dứt có hiệu lực. Bên Cho Thuê sẽ có quyền ký kết bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận nào liên quan đến việc cho thuê Khu Đất với bên thứ ba mà không phải chịu bất kỳ khiếu nại, yêu cầu bồi thường hoặc yêu cầu chịu trách nhiệm nào từ Bên Thuê kể từ ngày chấm dứt có hiệu lực. Bên Thuê phải thực hiện tất cả các hành động, thủ tục cần thiết và ký kết bất kỳ tài liệu, biểu mẫu, hợp đồng nào để xóa bỏ hoặc chuyển giao quyền sở hữu Công Trình và Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất cho một pháp nhân đã được Bên Cho Thuê chấp thuận và/hoặc thanh lý toàn bộ hoạt động doanh nghiệp của Bên Thuê trên Khu Đất trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày chấm dứt có hiệu lực; nếu Bên Thuê không thực hiện như quy định, Bên Cho Thuê sẽ có quyền tự định đoạt việc xử lý các Công Trình và Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất gắn liền với Khu Đất bằng chi phí của Bên Thuê.

10.7 Trong trường hợp Hợp Đồng này chấm dứt, Bên Thuê không có quyền đòi bồi thường cho:

- (i) chi phí của bất kỳ Công Trình nào;
- (ii) giá trị của Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất hoặc bất kỳ tòa nhà hoặc công trình nào xây dựng trên Khu Đất;
- (iii) thiệt hại về lợi nhuận hoặc lợi thế thương mại, mất tiền bản quyền, mất dữ liệu, thiệt hại do khiếu nại của bên thứ ba, hoặc những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp khác phát sinh từ việc chấm dứt Hợp Đồng này; hoặc
- (iv) bất kỳ thiệt hại mang tính hệ quả hoặc thiệt hại đặc biệt khác.

ĐIỀU 11. SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG



- 11.1 Các Bên nhất trí thỏa thuận một trong các trường hợp sau đây được coi là Sự Kiện Bất Khả Kháng:
- (i) Do chiến tranh hoặc do thiên tai hoặc do thay đổi chính sách pháp luật của Cơ Quan Nhà Nước;
 - (ii) Do phải thực hiện quyết định của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền hoặc các trường hợp khác do pháp luật quy định;
 - (iii) Do tai nạn, ốm đau thuộc diện phải đi cấp cứu tại cơ sở y tế;
 - (iv) Do tình trạng khẩn cấp quốc gia, tình trạng thù địch, bạo loạn, khởi nghĩa dân sự, cổ ý phá hoại, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh, bất hợp pháp ngoài mong muốn, mua hoặc trưng thu bắt buộc.
- 11.2 Mọi trường hợp khó khăn về tài chính đơn thuần sẽ không được coi là trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng.
- 11.3 Khi xuất hiện một trong các trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng theo thỏa thuận tại Điều 11.1 này thì Bên bị tác động bởi trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng phải thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trực tiếp cho Bên còn lại biết trong thời hạn một (01) ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng (nếu có giấy tờ chứng minh về lý do Sự Kiện Bất Khả Kháng thì Bên bị tác động phải xuất trình giấy tờ này). Việc Bên bị tác động bởi trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng không thực hiện được nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp Đồng và cũng không phải là cơ sở để Bên còn lại có quyền chấm dứt Hợp Đồng này.
- 11.4 Việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng của Các Bên sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng. Các Bên sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sau khi Sự Kiện Bất Khả Kháng chấm dứt, trừ trường hợp quy định tại Điều 10.1(iv) của Hợp Đồng này.
- 11.5 Không Bên nào bị xem là vi phạm Hợp Đồng này, hoặc phải chịu trách nhiệm với Bên còn lại về việc chậm thực hiện hoặc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này do Sự Kiện Bất Khả Kháng với điều kiện là:
- (i) Sự Kiện Bất Khả Kháng là nguyên nhân chính và trực tiếp dẫn đến việc không thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện Hợp Đồng này của Bên đó; và
 - (ii) Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng ("Bên Bị Ảnh Hưởng") phải (a) thông báo cho Bên còn lại theo Điều 11.3 về Sự Kiện Bất Khả Kháng và những hậu quả bất lợi của Sự Kiện Bất Khả Kháng đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, đồng thời phải nhanh chóng và nỗ lực tối đa và thực hiện tất cả các biện pháp và hành động cần thiết một cách thiện chí để khắc phục, loại bỏ hoặc giảm thiểu những tác động bất lợi của Sự Kiện Bất Khả Kháng tới Bên đó, và (b) trong vòng năm (05) Ngày Làm Việc hoặc một thời hạn lâu hơn phù hợp với tình hình thực tế, gửi cho Bên còn lại một thông báo bằng văn bản trình bày các biện pháp mà Bên đó đã thực hiện để vượt qua Sự Kiện Bất Khả Kháng, và liệt kê chi tiết những sự kiện đã ngăn cản Bên Bị Ảnh Hưởng thực hiện Hợp Đồng này.
- 11.6 Các Bên đồng ý rằng khi một Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra, Bên Bị Ảnh Hưởng sẽ thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa hoặc hạn chế mọi thiệt hại hoặc mất mát cho cả hai Bên do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra.



- 11.7** Không Bên nào bị xem là vi phạm Hợp Đồng này hoặc phải chịu trách nhiệm với Bên còn lại nếu lý do của việc chậm thực hiện hoặc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này thuộc các trường hợp sau:
- (i) việc chậm trễ hoặc không thực hiện này là do Sự Kiện Bất Khả Khắc;
 - (ii) Bên Bị Ảnh Hưởng đã thông báo cho Bên còn lại về Sự Kiện Bất Khả Khắc theo Điều 11.5(ii) trên đây; và
 - (iii) Bên Bị Ảnh Hưởng đã thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa phù hợp có thể nhưng không thành công.
- 11.8** Đối với nghĩa vụ thanh toán của Bên Thuê theo Hợp Đồng này, điều kiện nêu tại Điều 11.5(i) sẽ được coi là đã đạt được chỉ khi Sự Kiện Bất Khả Khắc làm hỏng hệ thống ngân hàng và thanh toán dẫn đến việc Bên Thuê không thể thanh toán cho Bên Cho Thuê.

ĐIỀU 12. THÔNG BÁO

12.1 Địa chỉ để Các Bên nhận thông báo của Bên kia

12.1.1 Địa chỉ của Bên Cho Thuê

Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Harbour View, số 12 Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

12.1.2 Địa chỉ của Bên Thuê

Lô đất CN7.2K tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) (DEEP C 2A), Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

12.2 Hình thức thông báo giữa Các Bên

Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại phát sinh liên quan đến Hợp Đồng phải được chuyển bằng hình thức:

- (i) giao trực tiếp;
- (ii) dịch vụ chuyển phát;
- (iii) điện tín. Để làm rõ, điện tín là hình thức truyền tải thông tin giữa Các Bên thông qua mạng viễn thông, bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch vụ tin nhắn ngắn (tin nhắn văn bản), dịch vụ tin nhắn đa phương tiện (tin nhắn văn bản kết hợp hình ảnh và/hoặc âm thanh);
- (iv) thư điện tử (email); hoặc
- (v) fax.

12.3 Bên nhận thông báo

12.3.1 Người nhận thông báo của Bên Cho Thuê

(Những) Người đại diện theo pháp luật của Bên Cho Thuê, tại từng thời điểm trong Thời Hạn Thuê.

12.3.2 Người nhận thông báo của Bên Thuê

(Những) Người đại diện theo pháp luật của Bên Thuê, tại từng thời điểm trong Thời Hạn Thuê.



12.4 Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại phát sinh liên quan đến Hợp Đồng này phải được lập thành văn bản. Hai Bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, khiếu nại được coi là đã nhận nếu gửi đến đúng địa chỉ, đúng tên người nhận thông báo, đúng hình thức thông báo theo thỏa thuận tại Điều 12.1, Điều 12.2, và Điều 12.3 này và trong thời gian như sau:

- (i) Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay và có chữ ký của người nhận thông báo;
- (ii) Vào ngày Bên gửi nhận được thông báo chuyển fax thành công trong trường hợp gửi thông báo bằng fax;
- (iii) Vào ngày kế tiếp, kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi thông báo bằng thư chuyển phát nhanh;
- (iv) Vào ngày thư điện tử (email) đã được Bên gửi gửi đi trong trường hợp gửi bằng thư điện tử;
- (v) Vào ngày Bên gửi điện tín gửi điện tín đi trong trường hợp gửi bằng điện tín.

Nếu thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại phát sinh liên quan đến Hợp Đồng cũng được gửi bằng hai (02) hoặc nhiều hình thức như quy định trên, ngày nhận thông báo là ngày sớm nhất trong những ngày quy định từ điểm (i) đến điểm (v) nêu trên.

12.5 Các Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi về địa chỉ, hình thức và tên người nhận thông báo; nếu khi đã có thay đổi về địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo do Các Bên thỏa thuận mà Bên có thay đổi không thông báo lại cho Bên kia biết thì Bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc Bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

ĐIỀU 13. CÁC THỎA THUẬN KHÁC

13.1 Thỏa thuận bổ sung về thanh toán

13.1.1 Điều chỉnh Đơn Giá Thuê, các Khoản Tiền và Phí

- (i) Đơn Giá Thuê, Phí Dịch Vụ, Giá Tiệm Ích, và Tiền Dịch Vụ KCN sẽ được điều chỉnh dựa trên sự thay đổi của Chỉ Số Giá Tiêu Dùng ("CPI"). Trong tháng đầu tiên của mỗi năm dương lịch, Bên Cho Thuê và Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiệm Ích sẽ thông báo cho Bên Thuê về bất kỳ thay đổi nào của CPI so với năm dương lịch trước đó, được công bố bởi Tổng Cục Thống Kế Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan kế nhiệm nào của Tổng Cục Thống Kế Việt Nam ("**Thông Báo Điều Chỉnh**"). Các Bên đồng ý thực hiện điều chỉnh tự động mỗi năm một lần theo công thức sau:

$$\text{Đơn Giá mới} = \text{Đơn Giá hiện tại} \times (\text{CPI}_0 + 1)$$

Với CPI_0 = mức biến động CPI của Việt Nam trong năm dương lịch gần nhất được thể hiện ở dạng phần trăm. Ngày tham chiếu CPI là ngày 01 tháng 01 năm 2025. Đơn Giá mới sẽ được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Thông Báo Điều Chỉnh sẽ không được hiểu là cần phải có sự đồng thuận giữa Các Bên. Thông Báo Điều Chỉnh sẽ có hiệu lực và ràng buộc đối với Các Bên kể từ ngày được Bên Cho Thuê phát hành, và là một phần không tách rời của Hợp Đồng này hoặc bất kỳ văn bản nào trong Bộ Tài Liệu và Điều Khoản Chung. Các Bên sẽ không phải ký bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung Hợp Đồng hoặc bất kỳ văn bản nào trong Bộ Tài Liệu và



Điều Khoản Chung để việc điều chỉnh có hiệu lực thi hành.

- (ii) Không phương hại đến Điều 13.1.1(i) nêu trên, trong trường hợp ban hành bất kỳ Luật mới hoặc quyết định của Cơ Quan Nhà Nước, yêu cầu Bên Cho Thuê hoặc Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiềm Ích phải tuân thủ, và/hoặc bất kỳ quyết định nào của bên cung cấp mà trực tiếp dẫn đến việc điều chỉnh tăng:

- (1) chỉ phí riêng của Bên Cho Thuê hoặc Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiềm Ích khi cung cấp các Tiềm Ích hoặc Dịch Vụ cho Bên Thuê theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ văn bản nào trong Bộ Tài Liệu và Điều Khoản Chung; hoặc
- (2) chỉ phí mua sắm cần thiết để Bên Cho Thuê hoặc Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiềm Ích cung cấp Dịch Vụ và Tiềm Ích cho Bên Thuê theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ văn bản nào trong Bộ Tài Liệu và Điều Khoản Chung;

Bên Cho Thuê hoặc Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiềm Ích có quyền tăng Phí Dịch Vụ và Tiềm Ích mà Bên Thuê có nghĩa vụ thanh toán theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ văn bản nào khác trong Bộ Tài Liệu và Điều Khoản Chung, tỷ lệ thuận với mức tăng các chỉ phí đề cập tại điểm (1) hoặc (2) nêu trên, nếu có. Bên Cho Thuê và Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiềm Ích sẽ thông báo cho Bên Thuê bằng văn bản về bất kỳ khoản nào thay đổi mà Bên Thuê có nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày Bên Cho Thuê hoặc Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiềm Ích thông báo.

13.1.2 Thuế

- (i) Nếu bất kỳ khoản thanh toán theo Hợp Đồng này chịu Thuế GTGT hoặc các loại thuế khác mang tính chất tương tự, Bên Thuê sẽ thanh toán cho Bên Cho Thuê khoản tiền thuế tương ứng với khoản thanh toán đó được thể hiện trên hoá đơn hoặc Yêu Cầu Thanh Toán mà Bên Cho Thuê phát hành cho Bên Thuê.
- (ii) Trường hợp Bên Thuê được hưởng bất kỳ chính sách thuế nào theo Luật (bao gồm chính sách ưu đãi thuế với đối tượng là doanh nghiệp chế xuất), Bên Thuê có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, xác nhận, hoặc phê duyệt của Cơ Quan Nhà Nước về việc Bên Thuê đáp ứng các điều kiện hưởng chính sách thuế có liên quan ("**Tài Liệu Hưởng Chính Sách Thuế**") cho Bên Cho Thuê trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Thuê được cấp Tài Liệu Hưởng Chính Sách Thuế.
- (iii) Trường hợp Bên Thuê không đáp ứng các điều kiện hưởng chính sách thuế có liên quan trong thời hạn Luật cho phép để được cấp Tài Liệu Hưởng Chính Sách Thuế HOẶC không cung cấp đầy đủ Tài Liệu Hưởng Chính Sách Thuế cho Bên Cho Thuê trong thời hạn quy định tại Điều 13.1.2 này:
 - (1) Bên Thuê có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Cho Thuê bất kỳ khoản thuế phải nộp, tiền chậm nộp, và các khoản liên quan khác (nếu có) phát sinh từ việc Bên Thuê không được xác nhận đủ điều kiện hưởng chính sách thuế theo Luật; và
 - (2) Các Bên đồng ý điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn Thuế GTGT hoặc các loại thuế khác (nếu áp dụng) theo Luật mà Bên Cho Thuê đã phát hành cho Bên Thuê, tùy từng trường hợp.

13.2 Bảo vệ môi trường

13.2.1 Kiểm tra đất trước khi nhận bàn giao

- (i) Bên Thuê có thể thuê một Bên Tư Vấn Môi Trường để thực hiện việc kiểm tra đất trước



khi nhận bàn giao vào Ngày Bàn Giao để đánh giá các điều kiện Môi Trường của Khu Đất vào Ngày Bàn Giao ("**Kiểm Tra Đất**"), theo một trong các phương án sau đây mà Bên Thuê lựa chọn trước Ngày Bàn Giao ít nhất hai (02) tháng:

- (1) Các Bên cùng nhau lựa chọn Bên Tư Vấn Môi Trường và chia đều chi phí cho Các Bên;
 - (2) Bên Thuê tự lựa chọn Bên Tư Vấn Môi Trường bằng chính chi phí của mình; hoặc
 - (3) Bên Cho Thuê tự lựa chọn Bên Tư Vấn Môi Trường bằng chính chi phí của mình.
- (ii) Kiểm Tra Đất sẽ chỉ được thực hiện:
- (1) khi có sự tham gia của đại diện từng Bên trong trường hợp Các Bên cùng nhau lựa chọn Bên Tư Vấn Môi Trường theo quy định tại đoạn (1) của Điều 13.2.1(i) hoặc một đại diện của Bên Thuê hoặc Bên Cho Thuê tùy trường hợp Bên Thuê hoặc Bên Cho Thuê tự lựa chọn Bên Tư Vấn Môi Trường theo quy định tại đoạn (2) hay đoạn (3) của Điều 13.2.1(i); và
 - (2) trong trường hợp quy định tại đoạn (2) của Điều 13.2.1(i), sau khi Bên Cho Thuê cho phép Bên Thuê và Bên Tư Vấn Môi Trường vào Khu Đất căn cứ trên văn bản đề nghị nêu rõ phạm vi và kế hoạch Kiểm Tra Đất được Bên Thuê gửi cho Bên Cho Thuê ít nhất hai (02) Ngày Làm Việc trước ngày Kiểm Tra Đất dự kiến.
- (iii) Trong khi thực hiện Kiểm Tra Đất, Bên Cho Thuê và/hoặc Bên Thuê sẽ yêu cầu Bên Tư Vấn Môi Trường phải:
- (1) giảm thiểu nguy cơ làm cản trở/gián đoạn hoạt động kinh doanh hoặc vận hành của Bên Cho Thuê hoặc các bên thuê đất khác trong Khu Công Nghiệp;
 - (2) không gây ra bất cứ thiệt hại nào đối với Bên Cho Thuê và bất kỳ bên thứ ba trong quá trình thực hiện Kiểm Tra Đất;
 - (3) duy trì bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp để bảo hiểm cho các hoạt động của mình;
 - (4) ngay lập tức cung cấp cho Các Bên báo cáo nêu rõ kết quả của việc Kiểm Tra Đất ngay khi có kết quả và trong mọi trường hợp là trong vòng một (01) tháng kể từ ngày kiểm tra Khu Đất ("**Báo Cáo**"); và
 - (5) cho phép Bên Cho Thuê lấy đó làm cơ sở và đưa ra các kiến nghị căn cứ trên các kết quả Kiểm Tra Đất.
- (iv) Nếu một trong Các Bên không đồng ý với bất kỳ nội dung nào của Báo Cáo, Bên đó có thể, trong vòng hai mươi (20) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận Báo Cáo và bằng chính chi phí của mình, yêu cầu Bên Tư Vấn Môi Trường xem xét lại kết quả Kiểm Tra Đất và Các Bên cùng nhau lựa chọn một Bên Tư Vấn Môi Trường khác tiến hành kiểm tra đất lần hai. Kết quả của kiểm tra đất lần hai sẽ được xem là kết quả Kiểm Tra Đất cuối cùng.
- (v) Kết quả Kiểm Tra Đất sẽ là thông tin căn cứ về các điều kiện Môi Trường tại Khu Đất kể từ Ngày Bàn Giao, đây là cơ sở để xác định trách nhiệm của Bên Cho Thuê và Bên Thuê. Các Bên sẽ xác nhận kết quả Kiểm Tra Đất cuối cùng bằng cách ký Biên Bản



Bản Giao Báo Cáo Phân Tích Mẫu Đất Trước Khi Nhận Đất theo mẫu đính kèm tại PHỤ LỤC 8.

(vi) Nếu:

- (1) Bên Thuê quyết định không tiến hành Kiểm Tra Đất; hoặc
- (2) Bên Thuê lựa chọn phương án theo quy định tại đoạn (3) của Điều 13.2.1(i); hoặc
- (3) trong trường hợp quy định tại đoạn (1) của Điều 13.2.1(i), Bên Thuê không thuê được một Bên Tư Vấn Môi Trường để thực hiện Kiểm Tra Đất hoặc Bên Tư Vấn Môi Trường được thuê không cung cấp cho Các Bên kết quả Kiểm Tra Đất trong thời hạn cho phép theo Điều 13.2.1(ii),

Bên Thuê được coi như là xác nhận và đồng ý rằng không có sự thải ra, rò rỉ, chảy ra, tràn ra, thải bỏ hoặc bốc hơi của Chất Nguy Hại và không có ô nhiễm môi trường nào xảy ra trong, trên và xung quanh Khu Đất, và Khu Đất không có bất kỳ Chất Nguy Hại nào hoặc không bị ô nhiễm vào Ngày Bàn Giao ngoài các Chất Nguy Hại hoặc ô nhiễm môi trường được nêu trong Báo Cáo là kết quả Kiểm Tra Đất nếu có.

13.2.2 Điều Kiện Môi Trường của Khu Đất

- (i) Bên Thuê đồng ý rằng, trừ khi được quy định rõ ràng trong Hợp Đồng này, không có bên đại diện hay thay mặt Bên Cho Thuê được trao đổi với Bên Thuê về điều kiện Môi Trường liên quan đến Khu Đất.
- (ii) Bên Thuê theo đây xác nhận và đồng ý rằng Bên Thuê đã có cơ hội để thực hiện một cuộc Kiểm Tra Đất theo Hợp Đồng này và chỉ căn cứ duy nhất vào Báo Cáo của cuộc Kiểm Tra Đất đó, nếu có, để đánh giá Môi Trường của Khu Đất và Bên Thuê chấp nhận mọi rủi ro và trách nhiệm liên quan đến Môi Trường của Khu Đất từ Ngày Bàn Giao do Bên Thuê chọn không tiến hành Kiểm Tra Đất, hoặc do Bên Thuê không cung cấp kết quả Kiểm Tra Đất.

13.2.3 Các cam kết về môi trường mà Bên Thuê đang thực hiện

- (i) Để bảo vệ môi trường, Bên Thuê sẽ:
 - (1) tại mọi thời điểm phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật về bảo vệ môi trường hiện hành cũng như các sửa đổi trong tương lai và Nội Quy Khu Công Nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn ở bất kỳ quy định nào về tiếng ồn và khí thải công nghiệp;
 - (2) tuân thủ Luật và quy định của Việt Nam hiện hành liên quan tới việc lưu trữ chất thải, chất gây ô nhiễm môi trường, chất thải nguy hại và xử lý chất thải nguy hại;
 - (3) tuân thủ tất cả quy định khác về bảo vệ môi trường theo Luật.
- (ii) Bên Thuê sẽ không làm tổn hại tới Bên Cho Thuê và sẽ trả mọi khoản phí liên quan đến khí thải, bảo vệ môi trường và các phí khác, nếu có, liên quan đến Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất và/hoặc các hoạt động của Bên Thuê trên đó theo Luật và quy định hiện hành cũng như luật thay thế trong tương lai trong suốt Thời Hạn Thuê.
- (iii) Bên Thuê sẽ không tự mình hoặc cho phép các đại lý, nhân viên, nhà thầu, nhà thầu phụ, khách hàng hoặc người được mời của mình sử dụng, tàng trữ, tạo ra hoặc tiêu hủy



bất kỳ Chất Nguy Hại nào trong, trên, dưới hoặc xung quanh Khu Đất hoặc Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất, trừ Chất Nguy Hại đã được thông báo trước cho Bên Cho Thuê và được Bên Cho Thuê chấp thuận ("**Chất Nguy Hại Được Phép**"). Bất kỳ Chất Nguy Hại Được Phép nào như vậy sẽ được sử dụng, bảo quản, lưu trữ và tiêu hủy theo đúng Nội Quy Khu Công Nghiệp và các Quy Định Pháp Luật về Môi Trường.

- (iv) Với mục đích bảo vệ môi trường, Bên Cho Thuê hoặc đại diện được Bên Cho Thuê chỉ định tại bất kỳ thời điểm nào bằng việc gửi thông báo trước cho Bên Thuê về thời gian và mục đích kiểm tra, có thể vào Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất để kiểm tra việc thực thi nghĩa vụ chung của Bên Thuê liên quan đến việc bảo vệ môi trường, với điều kiện Bên Cho Thuê sẽ phải tuân thủ theo hướng dẫn của Bên Thuê nếu hợp lý và khả thi và tuân thủ theo thông lệ ngành hiện hành được thừa nhận tại Việt Nam và hướng dẫn đó sẽ được gửi trước cho Bên Cho Thuê. Các Bên hiểu rằng việc này sẽ không miễn trách nghĩa vụ của Bên Thuê.
- (v) Bên Thuê cam kết giữ Khu Đất và Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất trong tình trạng và điều kiện tốt, và thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa để đảm bảo rằng không có bất kỳ Chất Nguy Hại nào bị tràn, rò rỉ, phát tán, bốc hơi hoặc lắng đọng vào hoặc ra khỏi Khu Đất và Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất và Môi Trường tại Khu Đất và Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất không bị ô nhiễm. Bên Thuê không được xả thải chất gây ô nhiễm môi trường vào Khu Đất, Khu Công Nghiệp hoặc khu vực của bên thứ ba.
- (vi) Trước khi hoàn trả Khu Đất cho Bên Cho Thuê, Bên Thuê phải di dời tất cả các Chất Nguy Hại ra khỏi Khu Đất, và dọn sạch hay nói cách khác là khắc phục bất kỳ ô nhiễm Môi Trường nào khác có trong, bên dưới hoặc xung quanh Khu Đất hoặc phát sinh từ Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất, tuy nhiên Bên Thuê sẽ không chịu trách nhiệm làm như vậy đối với Chất Nguy Hại mà:
- (1) đã tồn tại trong Môi Trường của Khu Đất vào Ngày Bàn Giao, như được nêu trong Báo Cáo của cuộc Kiểm Tra, nếu có; hoặc
 - (2) đã tồn tại bên trong, trên, dưới hoặc xung quanh Khu Đất hoặc Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất do Bên Cho Thuê cố ý làm sai hoặc cẩu thả có bằng chứng chứng minh sau Ngày Bàn Giao.
- (vii) Không mâu thuẫn với và ngoài các quyền lợi của Bên Cho Thuê theo Hợp Đồng này, USTC hoặc bất kỳ Hợp Đồng Dịch Vụ và Hợp Đồng Tiện Ích nào có liên quan hoặc bất kỳ hợp đồng nào khác, nếu Bên Thuê:
- (1) gây ra thiệt hại môi trường hoặc ô nhiễm cho Khu Đất hoặc Khu Công Nghiệp hoặc công trình và tài sản của bên thứ ba do hoạt động của Bên Thuê trong Khu Công Nghiệp; hoặc
 - (2) nhận được bất kỳ khiếu nại nào về môi trường từ Cơ Quan Nhà Nước, từ Bên Cho Thuê hoặc bất kỳ bên thứ ba nào

thì Bên Thuê sẽ ngay lập tức thực hiện tất cả các biện pháp khắc phục cần thiết và phù hợp để tránh lặp lại trong tương lai và bồi thường bất kỳ tổn thất nào đã gây ra trong thời gian tối đa bốn (45) Ngày Làm Việc kể từ ngày có yêu cầu từ Bên Cho Thuê, và/hoặc Cơ Quan Nhà Nước hoặc theo khung thời gian mà Cơ Quan Nhà Nước yêu cầu.



PHỤ LỤC 1

ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

1. Định nghĩa

Bên Cho Thuê và Bên Thuê được gọi riêng là một “**Bên**”, và gọi chung là “**Các Bên**”.

Trong Hợp Đồng này, những từ và cụm từ dưới đây có nghĩa như sau:

Tiền Thuê Đất Hàng Năm	có nghĩa là tiền thuê đất hàng năm mà Bên Thuê phải trả cho việc sử dụng Khu Đất như quy định tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này;
Bộ Tài Liệu và Điều Khoản Chung	có nghĩa là các hợp đồng, điều khoản và điều kiện chung, và các thỏa thuận giữa Bên Thuê và Bên Cho Thuê hoặc Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiềm Ích đối với việc cung cấp Dịch Vụ và Tiềm Ích theo mẫu của Bên Cho Thuê với những điều khoản và điều kiện chính được quy định tại <u>PHỤ LỤC 3</u> của Hợp Đồng này;
Hợp Đồng	có nghĩa là Hợp Đồng Cho Thuê Lại Quyền Sử Dụng Đất Đã Có Hạ Tầng Kỹ Thuật Trong Dự Án Bất Động Sản này và bất kỳ phụ lục nào được đính kèm theo Hợp Đồng này;
Khu Vực Dành Chung	có nghĩa là bất kỳ tiện ích và/hoặc cơ sở hạ tầng và/hoặc khu vực nào trong Khu Công Nghiệp mà không thuộc về, hoặc được thuê bởi bất kỳ khách hàng thuê đất nào trong Khu Công Nghiệp;
Tiềm Ích Chung	có nghĩa là đường đi, ống dẫn nước, ống xả thải, kênh tự nhiên, kênh nhân tạo, đường dẫn nước, đường dẫn điện, đèn đường, đường trục, đường ống, dây điện, dây cáp, hoặc những phương tiện truyền dẫn khác nhằm cung cấp nước, điện và những dịch vụ khác vào và ra khỏi Khu Đất, dù những phương tiện truyền dẫn này được lắp đặt bên trong, bên dưới hoặc bên trên khu đất bên cạnh hoặc xung quanh Khu Đất hoặc bên trong, bên dưới hoặc bên trên bất kỳ bất động sản nào;
Khoản Đặt Cọc	có nghĩa là khoản tiền cọc bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của Bên Thuê theo Hợp Đồng Giữ Đất HPIP/CSM/CON/24/9, ký ngày 19 tháng 06 năm 2024, giữa Bên Cho Thuê và MAXSUN (DALIAN) CO., LTD;
Ngày Hiệu Lực	có nghĩa như được quy định tại Điều 15.1 của Hợp Đồng này;
Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp	có nghĩa là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền cấp cho Bên Thuê, ghi nhận sự thành lập và thông tin doanh nghiệp của Bên Thuê;
Môi Trường	có nghĩa là toàn bộ hoặc bất kỳ yếu tố nào sau đây: không khí (bao gồm cả không khí bên trong các tòa nhà hoặc những công trình tự nhiên hoặc nhân tạo khác dù ở trên mặt đất hay dưới lòng đất), nước (bao gồm cả nước ngầm, nước trong ống nước hoặc hệ thống xả thải), và bất kỳ sinh vật, hệ thống sinh thái



	nào được tạo nên bởi những yếu tố đó;
Bên Tư Vấn Môi Trường	có nghĩa là một công ty tư vấn môi trường có danh tiếng và đầy đủ chuyên môn với kinh nghiệm không dưới ba (03) năm, chuyên tư vấn về môi trường liên quan đến bất động sản và hoạt động tương tự như của Khu Đất và Khu Công Nghiệp, và đã được Bên Cho Thuê chấp thuận là một công ty tư vấn phù hợp;
Quy Định Pháp Luật về Môi Trường	có nghĩa là tất cả luật và quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về môi trường có hiệu lực và mang tính ràng buộc kể từ Ngày Hiệu Lực;
Sự Kiện Mất Khả Năng Thanh Toán	có nghĩa là tình trạng mất khả năng trả nợ của Bên Thuê trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán cho Bên Cho Thuê hoặc bất cứ Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiềm Ích nào khác;
Sự Kiện Bất Khả Kháng	có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của một Bên khiến cho việc thực hiện nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp Đồng này không khả thi và/hoặc không thể thực hiện được hoặc, bằng cách khác, ngăn cản Bên đó thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này, bao gồm, nhưng không giới hạn các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng này;
Cơ Quan Nhà Nước	có nghĩa là bất kỳ hoặc toàn bộ những cơ quan sau: Chính Phủ Việt Nam, Thủ Tướng, Văn Phòng Chính Phủ, Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hải Phòng, Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư, bất kỳ bộ nào khác của Chính Phủ Việt Nam, bất kỳ cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, bất kỳ chính quyền cấp tỉnh, thành phố nào, Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp, và bất kỳ cơ quan có thẩm quyền liên quan nào; mà những chấp thuận, phê duyệt, cam kết, sự tham gia hoặc tư vấn của họ là bắt buộc cho bất kỳ sự việc hoặc vấn đề nào được nhắc đến hoặc quy định bởi Hợp Đồng này;
Ngày Bàn Giao	có nghĩa là ngày mà Khu Đất được bàn giao cho Bên Thuê theo Điều 5.5.2 của Hợp Đồng này;
Chất Nguy Hại	có nghĩa là bất kỳ nguyên vật liệu hoặc chất nào bao gồm cả chất thái nguy hại có chứa một hoặc nhiều yếu tố độc hại, như độc tính, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác, là đơn chất hoặc kết hợp với chất khác, gây hại hoặc có thể gây nguy hại tới Môi Trường hoặc sức khỏe và an toàn của con người hoặc bất kỳ vật liệu hoặc vật chất nào như được định nghĩa bởi Luật;
Khu Công Nghiệp	có nghĩa là Khu Công Nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2), tọa lạc tại Phường Đông Hải 2, Phường Tráng Cát, Quận Hải An, Khu Kinh Tế Đình Vũ – Cát Hải, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam, được phát triển và quản lý bởi Bên Cho Thuê theo giấy chứng



	nhận đăng ký đầu tư số 1031560545, do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 tháng 04 năm 2014, được sửa đổi vào từng thời điểm;
Tiền Cơ Sở Hạ Tầng	có nghĩa là khoản tiền Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê cho việc sử dụng cơ sở hạ tầng trong Khu Công Nghiệp trong toàn bộ Thời Hạn Thuê như quy định tại Điều 2.2 của Hợp Đồng này;
Nội Quy Khu Công Nghiệp	có nghĩa là nội quy của Khu Công Nghiệp, như được nêu tại <u>PHỤ LỤC 9</u> đính kèm theo Hợp Đồng này và bản sửa đổi vào từng thời điểm;
Dự Án Đầu Tư	có nghĩa là dự án đầu tư phát triển và thực hiện Mục Tiêu Đầu Tư trên Khu Đất phù hợp với Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư;
Mục Tiêu Đầu Tư	có nghĩa là mục tiêu xây dựng nhà máy sản xuất bếp ga di động trên Khu Đất;
Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư	có nghĩa là Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư số 9858644445, do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Hải Phòng, hoặc bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào cấp, vào ngày 30 tháng 08 năm 2024, được sửa đổi vào từng thời điểm, theo đó Bên Thuê được cấp phép thực hiện Mục Tiêu Đầu Tư, và tiến hành công việc kinh doanh liên quan trên Khu Đất phù hợp với thời hạn và tiến độ được quy định trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư;
Dịch Vụ KCN	có nghĩa là những dịch vụ được Bên Cho Thuê cung cấp cho Bên Thuê như được quy định tại <u>PHỤ LỤC 4</u> đính kèm theo Hợp Đồng này;
Tiền Dịch Vụ KCN	có nghĩa là các khoản phí mà Bên Thuê phải trả cho các Dịch Vụ KCN được cung ứng;
Khoản Đặt Cọc Tiền Dịch Vụ KCN	có nghĩa là tiền đặt cọc mà Bên Thuê phải trả cho Bên Cho Thuê theo định nghĩa tại Điều 7.2.3 của Hợp Đồng;
Khu Đất	có nghĩa là khu đất rộng 16,364 m ² trong Khu Công Nghiệp, và được ký hiệu là khu đất CN7.2K trên tờ bản đồ hoặc bản vẽ dẫn chiếu tại <u>PHỤ LỤC 2</u> của Hợp Đồng này;
Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất	có nghĩa là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền cấp cho Bên Thuê, ghi nhận việc Bên Cho Thuê cho Bên Thuê thuê Khu Đất;
Luật	có nghĩa là hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư, các văn bản pháp quy, văn bản hành chính hoặc văn bản áp dụng pháp luật được sửa đổi vào từng thời điểm, đang có hiệu lực tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam do Cơ Quan Nhà Nước ban hành, và có thể được áp dụng bởi các cơ quan có thẩm quyền liên quan, có hiệu lực và ràng buộc



	trong Thời Hạn Thuê, liên quan đến việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng này;
Quy Định Pháp Luật	có nghĩa là bất kỳ hoặc toàn bộ quy định pháp luật nào cần phải được tuân thủ liên quan đến việc chiếm hữu và sử dụng Khu Đất, việc xây dựng và hoạt động trên Khu Đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến Khu Công Nghiệp và Khu Đất, Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư và bất kỳ quy định hoặc nguyên tắc hành chính nào do bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào áp dụng liên quan đến Khu Công Nghiệp và Khu Đất;
Thời Hạn Thuê	có nghĩa là thời hạn thuê như được xác định tại Điều 5.1 của Hợp Đồng này;
Ban Quản Lý	có nghĩa là Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Hải Phòng, được thành lập bởi Thủ Tướng theo Quyết Định số 1329/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 09 năm 2008, hoặc bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào khác tiếp nhận nhiệm vụ của Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Hải Phòng liên quan đến Khu Công Nghiệp;
Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất	có nghĩa là Khu Đất và bất kỳ phần nào của Khu Đất, công với toàn bộ toà nhà, công trình xây dựng (bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ phần móng) nếu có, đã, đang hoặc sẽ được xây dựng trên đó, toàn bộ phần xây thêm, thay thế hoặc cải tạo nếu có, và những đồ đạc, trang thiết bị trong các công trình xây dựng này;
Giấy Phép Thiết Yếu Bắt Buộc	có nghĩa là những giấy phép, quyết định, chấp thuận, phê duyệt, giấy chứng nhận và cấp phép có mẫu theo quy định pháp luật, cần thiết cho mỗi Bên để, một cách hợp pháp, (i) tham gia vào Hợp Đồng này, hoặc (ii) có được, sử dụng, xây dựng trên, hoặc tiến hành hoạt động trên Khu Đất, hoặc (iii) thực hiện bất kỳ hành vi hoặc công việc nào khác được quy định bởi Hợp Đồng này;
Lý Do An Toàn	có nghĩa là một vấn đề về an toàn đã hoặc đe dọa xảy ra và gây sự cố cho Khu Công Nghiệp, Khu Đất, hoặc Tiện Ích Chung;
Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích	có nghĩa là Bên Cho Thuê hoặc một nhà cung cấp được chỉ định bởi Bên Cho Thuê để cung ứng một Dịch Vụ hoặc Tiện Ích cụ thể;
Dịch Vụ	có nghĩa là các dịch vụ do Bên Cho Thuê hoặc bên được Bên Cho Thuê chỉ định cung cấp trong Khu Công Nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn Dịch Vụ KCN, dịch vụ quản lý mạng lưới viễn thông, phân phối nước, thu gom và xử lý nước thải, phân phối điện, thu gom rác thải sinh hoạt và sẽ được quy định tại Bộ Tài Liệu và Điều Khoản Chung;
Hợp Đồng Dịch Vụ	có nghĩa là các hợp đồng cung cấp Dịch Vụ cho Bên Thuê;
Phí Dịch Vụ	có nghĩa là các loại phí mà Bên Thuê phải trả để được cung



<i>USTC</i>	cấp các Dịch Vụ; có nghĩa là Điều Khoản và Điều Kiện Chung về Dịch Vụ và Tiện Ích;
<i>Tiện Ích</i>	có nghĩa là nước đã qua xử lý, điện và việc thu gom và xử lý nước thải;
<i>Hợp Đồng Tiện Ích</i>	có nghĩa là các hợp đồng phân phối Tiện Ích cho Bên Thuê;
<i>Giá Tiện Ích</i>	có nghĩa là các chi phí Bên Thuê phải trả cho việc phân phối các Tiện Ích;
<i>Thuế GTGT</i>	có nghĩa là thuế giá trị gia tăng hiện đang được áp dụng hoặc trong tương lai sẽ thay thế hoặc bổ sung mức thuế hiện tại, và bất kỳ loại thuế nào khác có bản chất tương tự có thể được Cơ Quan Nhà Nước áp dụng và thay thế thuế giá trị gia tăng vào từng thời điểm;
<i>Công Trình</i>	có nghĩa là công trình các nhà xưởng, tòa nhà văn phòng và/hoặc cơ sở vật chất khác và bất kỳ phần sửa chữa, bổ sung, thay thế, cải tạo hoặc nâng cấp của các công trình này, trên Khu Đất, hoặc bên ngoài Khu Đất tại nơi mà Bên Cho Thuê đồng ý, xây dựng bởi Bên Thuê nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của Bên Thuê trong Thời Hạn Thuê; và
<i>Ngày Làm Việc</i>	có nghĩa là bất kỳ (những) ngày mà ngân hàng ở Việt Nam nói chung mở cửa làm việc, trừ những ngày thứ bảy, chủ nhật, và bất kỳ ngày nghỉ lễ của Việt Nam, theo Luật về lao động và/hoặc thông báo chính thức của Cơ Quan Nhà Nước.

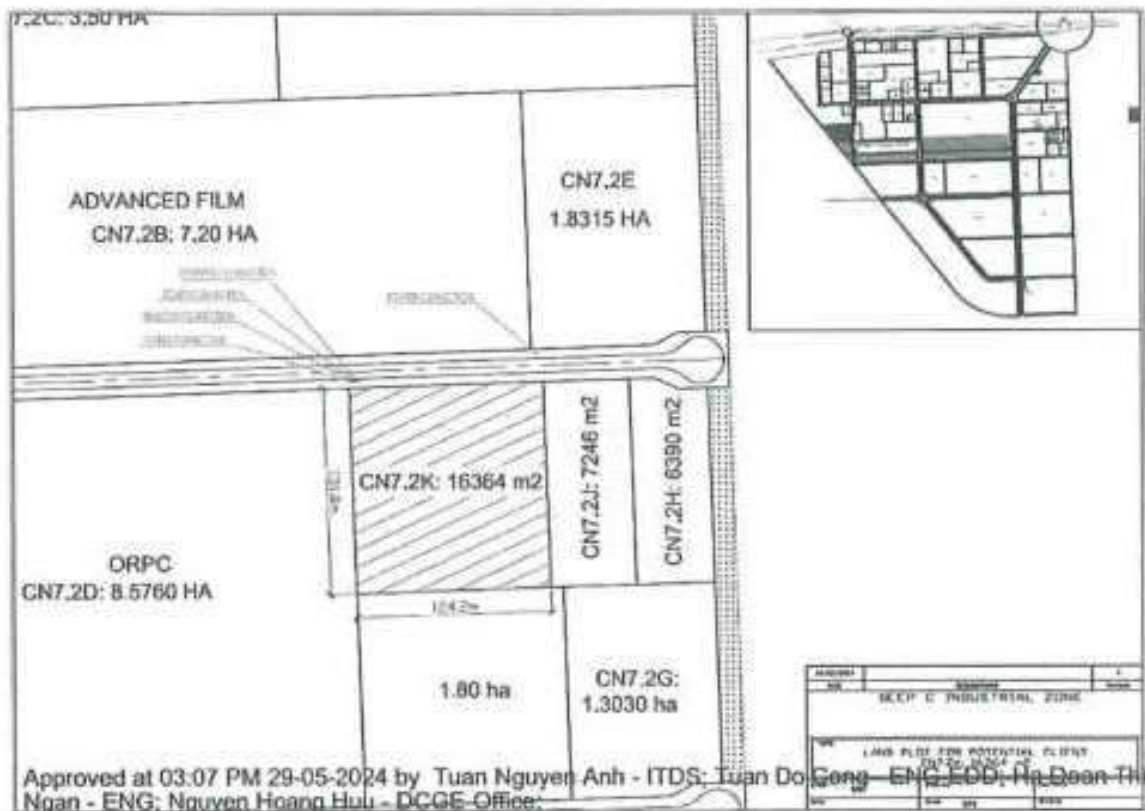
2. Diễn giải

Hợp Đồng này được diễn giải theo các nguyên tắc sau:

- (i) Hợp Đồng này bao gồm cả các Phụ Lục;
- (ii) Các từ chỉ số ít cũng bao hàm số nhiều và ngược lại;
- (iii) Khi một Bên gồm hai hay nhiều người, những người này sẽ cùng liên đới và riêng rẽ chịu trách nhiệm thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào được quy định cụ thể phải được thực hiện bởi Bên đó;
- (iv) Các tiêu đề của điều khoản và đoạn chỉ nhằm mục đích tham chiếu và không ảnh hưởng đến việc diễn giải Hợp Đồng này;
- (v) Bất kỳ Phụ Lục nào đính kèm theo Hợp Đồng này cũng là bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này; và
- (vi) Một tham chiếu đến một Điều, Bên, Phụ Lục, hoặc Biểu là một tham chiếu đến Điều, Bên, Phụ Lục, hoặc Biểu đó trong Hợp Đồng này.



PHỤ LỤC 2
KHU ĐẤT VÀ CÁC ĐIỂM ĐẦU NỒI TIỆN ÍCH



PHỤ LỤC 3

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHÍNH

1. GIÁ ĐẦU NỒI TIỆN ÍCH

Bên Thuê sẽ thanh toán cho Bên Cho Thuê hoặc Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích liên quan các khoản tiền đầu nôi sau, không khấu trừ, trước khi Bên Cho Thuê hoặc Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích liên quan cung cấp điểm đầu nôi khả dụng:

- Giá đầu nôi điện: 665.585 VNĐ/kVA (chưa bao gồm Thuế GTGT) (tính theo công suất đầu nôi), tối thiểu bằng 449.232.504 VNĐ (thanh toán một lần, chưa bao gồm Thuế GTGT). Trường hợp cần bổ sung công suất đầu nôi, Bên Thuê sẽ thanh toán thêm giá đầu nôi bổ sung theo mức giá tiêu chuẩn áp dụng hiện hành.
- Giá đầu nôi nước (áp dụng đối với công suất tiêu thụ tối đa <360 m³/ngày): 299.082.800 VNĐ (thanh toán một lần, chưa bao gồm Thuế GTGT). Trường hợp cần bổ sung công suất đầu nôi, Bên Thuê sẽ thanh toán giá đầu nôi bổ sung theo mức giá tiêu chuẩn áp dụng hiện hành.

2. GIÁ TIỆN ÍCH VÀ PHÍ DỊCH VỤ

Theo quy định tại Bộ Tái Liệu và Điều Khoản Chung liên quan, Bên Thuê sẽ thanh toán các Giá Tiện Ích như sau (chưa bao gồm Thuế GTGT):

2.1. Giá tiêu thụ điện	22kV
• Giờ bình thường • Giờ cao điểm • Giờ thấp điểm	1,669 VNĐ/kwh 3,093 VNĐ/kwh 1,084 VNĐ/kwh
2.2. Giá vận hành, phân phối và quản lý điện	66,407 VNĐ/kVA/tháng (theo công suất đầu nôi kVA)
2.3. Giá tiêu thụ nước sạch	20,627 đồng/m ³
2.4. Giá tiêu thụ nước tối thiểu hàng tháng	50% lượng nước sạch tối đa hàng tháng đã đăng ký
2.5. Giá thu gom và xử lý nước thải	22,811 VNĐ/m ³ , 80% lượng tiêu thụ nước sạch
2.6. Giá thu gom và xử lý nước thải tối thiểu hàng tháng	50% công suất nước thải hàng tháng đã đăng ký
2.7. Giá thu gom rác thải sinh hoạt	Theo mức giá do nhà cung cấp dịch vụ quy định
2.8. Giá sử dụng dịch vụ viễn thông	Theo mức sử dụng thực tế và mức giá do nhà cung cấp dịch vụ bên thứ ba quy định



2.9. Phí dịch vụ của dịch vụ quản lý mạng lưới	1,267,300 VNĐ/đường truyền tải/tháng (tối thiểu 02 đường truyền tải)
--	---

3. ĐẦU NỔ TIỆN ÍCH

Bên Cho Thuê sẽ làm việc với các Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích, đảm bảo cung cấp cho Bên Thuê các tiện ích sau, tại điểm đầu nổ chỉ định tại bản vẽ đính kèm PHỤ LỤC 2. Các Bên hiểu rằng Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích cần ít nhất 120 ngày để chuẩn bị đầu nổ điện, 90 ngày để chuẩn bị đầu nổ nước và nước thải và 30 ngày để chuẩn bị đầu nổ viễn thông sau khi ký Hợp Đồng Tiện Ích (Điện), Hợp Đồng Tiện Ích (Nước) và Hợp Đồng Dịch Vụ (Quản Lý Mạng Lưới) hoặc theo quy định khác trong Hợp Đồng Tiện Ích (Điện), Hợp Đồng Tiện Ích Nước và Hợp Đồng Dịch Vụ (Quản Lý Mạng Lưới).

Đầu nổ tiện ích (bao gồm điện, nước, nước thải, thoát nước) phải được thiết kế phù hợp với Nội Quy Khu Công Nghiệp.



PHỤ LỤC 4

PHẠM VI CÁC DỊCH VỤ KCN

Bên Cho Thuê sẽ cung cấp cho Bên Thuê các dịch vụ trong Khu Công Nghiệp như sau:

1. Cung cấp điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước mặt như thể hiện trong bản vẽ đính kèm tại PHỤ LỤC 2 của Hợp Đồng, với điều kiện Bên Thuê, ngay khi có thể sau Ngày Hiệu Lực, phải cung cấp cho Bên Cho Thuê kế hoạch xây dựng, và trong suốt Thời Hạn Thuê phải luôn duy trì hệ thống thoát nước thải từ Khu Đất và Tái Sản Gắn Liền Với Đất của Bên Thuê vào hệ thống thu gom của Bên Cho Thuê và cuối cùng xả thải ra môi trường tuân thủ đầy đủ Nội Quy Khu Công Nghiệp, các Luật và tiêu chuẩn thị trường tại Việt Nam. Hệ thống thoát nước chỉ dành để xả nước mưa không bị ô nhiễm;
2. Bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa, làm lại mặt đường, xây dựng lại và vệ sinh: tất cả các tuyến đường (trừ đường do chính quyền địa phương quản lý), vỉa hè, các khu vực trồng, cống thoát nước và các kênh mương hồ dẫn nước hiện đang được xây dựng, lắp đặt hoặc triển khai tại các Khu Vực Dừng Chung trong thời gian mà Bên Cho Thuê chịu trách nhiệm cho các hạng mục đó;
3. Bảo vệ và chăm sóc các khu vực có cây trồng trong các Khu Vực Dừng Chung cắt xén cỏ cho các khu vực đó;
4. Cung cấp và bảo trì các biển chỉ dẫn tại các Khu Vực Dừng Chung và mọi thiết bị hoặc cơ sở vật chất nào khác được cung cấp vì lợi ích hoặc nhu cầu sử dụng của bên thuê hoặc người sử dụng Khu Đất trong Khu Công Nghiệp, do Bên Cho Thuê quyết định;
5. Cung cấp, bảo trì, sửa chữa, và duy tu hệ thống đèn đường chiếu sáng tại các Khu Vực Dừng Chung.



PHỤ LỤC 5

DANH SÁCH CÁC TÀI LIỆU BÊN THUÊ CẦN NỘP CHO BÊN CHO THUÊ TRƯỚC KHI XÂY DỰNG

Bên Thuê sẽ cung cấp cho Bên Cho Thuê các tài liệu bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau trước khi xây dựng:

1. Thiết kế cơ sở kỹ thuật và xây dựng đã được Cơ Quan Nhà Nước chấp thuận (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
2. Báo cáo khảo sát địa chất (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
3. Giấy Phép Xây Dựng (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
4. Đăng Ký Môi Trường hoặc Giấy Phép Môi Trường (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
5. Bản phê duyệt Báo Cáo Đánh Giá Tác Động Môi Trường do Cơ Quan Nhà Nước chấp thuận (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
6. Bản thiết kế Phòng Cháy và Chữa Cháy đã được Cơ Quan Nhà Nước phê duyệt (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê).

Bên Cho Thuê xác nhận việc nhận các tài liệu trên bằng văn bản.



PHỤ LỤC 6

DANH SÁCH CÁC TÀI LIỆU CẦN NỘP CHO BÊN CHO THUÊ TRƯỚC KHI BÊN THUÊ HOẠT ĐỘNG

Bản sao các tài liệu cần thiết phải nộp cho Bên Cho Thuê trước khi Dự Án Đầu Tư được mô tả trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư của Bên Thuê được đưa vào hoạt động bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau, có thể được sửa đổi và bổ sung tùy từng thời điểm dựa trên sự thay đổi của Luật và Các Quy Định Pháp Luật, các quy định và bất kỳ yếu tố có liên quan khác, như là quyết định riêng của Bên Cho Thuê:

- Báo cáo đóng cọc thử nghiệm (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
- Các bản vẽ hoàn công của dự án (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
- Biên bản rà soát/kiểm tra và nghiệm thu các Công Trình (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
- Biên bản nghiệm thu hệ thống phòng cháy, chữa cháy do Phòng Cảnh sát Phòng Cháy và Chữa Cháy – Công an Thành Phố Hải Phòng cấp (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
- Đăng Ký Môi Trường hoặc Giấy Phép Môi Trường (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
- Bản phê duyệt Báo Cáo Đánh Giá Tác Động Môi Trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
- Biên bản kiểm tra và nghiệm thu vận hành của các thiết bị xử lý môi trường (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
- Hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải, nếu có (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
- Tài Liệu Hướng Chính Sách Thuế, nếu áp dụng (một bản sao có đóng dấu của Bên Thuê);
- Các hợp đồng bảo hiểm đã được đăng ký và giấy chứng nhận của các hợp đồng đó, xác nhận đóng phí bảo hiểm theo quy định tại Điều 7.2.12 của Hợp Đồng này (một bản sao có công chứng).



PHỤ LỤC 7

DANH SÁCH CÁC TÀI LIỆU CẦN CHO THỦ TỤC XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Bên Thuê sẽ cung cấp các tài liệu sau là hồ sơ đề nghị cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất:

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất (*Bản gốc*);
- Trích lục bản đồ địa chính của Khu Đất (*Bản gốc*);
- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp (*2 bản sao có công chứng*);
- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư (*2 bản sao có công chứng*);

Bản đồ địa chính được lập sau khi nộp hồ sơ theo hướng dẫn của Cơ Quan Nhà Nước.

2. Bên Cho Thuê sẽ phối hợp với Bên Thuê lập hồ sơ cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất với các tài liệu sau:

- Biên bản xác nhận nghĩa vụ thanh toán (*Bản gốc*);
- Hợp Đồng Cho Thuê Lại Quyền Sử Dụng Đất Đã Có Hạ Tầng Kỹ Thuật Trong Dự Án Bất Động Sản (*Bản gốc*);
- Biên Bản Bàn Giao Khu Đất (*Bản gốc*).

Các hồ sơ nêu trên trong PHỤ LỤC này có thể được bổ sung theo từng thời điểm như được yêu cầu của các Quy Định Pháp Luật và Cơ Quan Nhà Nước.



PHỤ LỤC 8

HAND-OVER MINUTES OF PRE-ENTRY SOIL REPORT

The Hand-over Minutes of Pre-Entry Soil Report (the "*Minutes*") is made on [●].

Between

1. [●] COMPANY

Representative: [●], General Director

Address: [●]

Telephone: [●] Facsimile:

Enterprise code number: [●]

Hereinafter referred as the "Lessor".

2. [●] COMPANY

Representative: [●], General Director

Address: [●]

Telephone: [●] Facsimile:

Enterprise code number: [●]

Herein after referred as the "Lessee".

The Lessor and Lessee jointly referred to as the "*Parties*".

Whereas:

- The signed Contract for Sublease of Land Use Right with Technical Infrastructure in Real Estate Project Ref. [●] dated [●] between [●] Company and [●] Company (the "*CIL*").
- Attached document; Result of Soil Analysis of the Land issued on [●] (the "*Report*") by [●] with regards to the Land as provided in the CIL.

Both Parties agree to enter into this Minutes with the main terms and conditions as follows:

1. Location of samples

BIÊN BẢN BÀN GIAO BÁO CÁO PHÂN TÍCH MẪU ĐẤT TRƯỚC KHI NHẬN ĐẤT

Biên Bản Bàn Giao Báo Cáo Phân Tích Mẫu Đất Trước Khi Nhận Đất ("*Biên Bản*") này được lập vào ngày [●].

Giữa

1. CÔNG TY [●]

Đại diện: [●], Tổng Giám đốc

Địa chỉ: [●]

Điện thoại: [●] Fax:

Mã số doanh nghiệp: [●]

Dưới đây được hiểu là "Bên Cho Thuê".

2. CÔNG TY [●]

Đại diện: [●], Tổng Giám đốc

Địa chỉ: [●]

Điện thoại: [●] Fax:

Mã số doanh nghiệp: [●]

Dưới đây được hiểu là "Bên Thuê".

Bên Cho Thuê và Bên Thuê được hiểu là "*Các Bên*".

Căn cứ:

- Hợp Đồng Cho Thuê Lại Quyền Sử Dụng Đất Đã Có Hạ Tầng Kỹ Thuật Trong Dự Án Bất Động Sản số [●] đã ký ngày [●] giữa Công ty [●] và Công ty [●] ("*CIL*").
- Tài liệu đính kèm: Phiếu Kết Quả Phân Tích Mẫu Đất của Khu Đất ngày [●] ("*Báo Cáo*") do [●] phát hành liên quan đến Khu Đất như quy định tại CIL.

Hai Bên thống nhất ký kết Biên Bản này với những điều khoản và điều kiện chính dưới đây:

1. Địa điểm lấy mẫu



Total of [●] samples in Land plot [●], [●] Industrial Zone.

2. Date of sampling

Date of sampling: [●]

3. Acknowledgment

- The Parties agree and accept the attached Report to execute the relevant terms and conditions as regulated in the CIL.
- The Lessee confirms that the Report attached in this Minutes is the final result.
- This Minutes is an integral part of the CIL.

This Minutes is made into two (02) bilingual originals in English and Vietnamese, each Party shall keep one (01) original for execution.

Tổng [●] mẫu đất bên trong Khu Đất [●], Khu Công Nghiệp [●].

2. Thời gian thực hiện

Ngày lấy mẫu: [●]

3. Xác nhận

- Các Bên đồng ý và chấp nhận Báo Cáo đính kèm để thực hiện các điều khoản và điều kiện liên quan được quy định tại CIL.
- Bên Thuê xác nhận Báo Cáo đính kèm trong Biên Bản này là kết quả cuối cùng.
- Biên Bản này là một phần không tách rời của CIL.

Biên Bản này được lập thành hai (02) bản gốc song ngữ bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt, mỗi bên sẽ giữ một (01) bản để làm cơ sở thực hiện.

REPRESENTATIVE OF THE LESSOR

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ

[●]

[●]

REPRESENTATIVE OF LESSEE

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ

[●]

[●]



PHỤ LỤC 9
NỘI QUY KHU CÔNG NGHIỆP



NỘI QUY KHU CÔNG NGHIỆP

(cập nhật ngày 04/5/2022)

4.3.2	Công việc đào xới các Khu Vực Dừng Chung	12
4.3.3	Bảo vệ môi trường	12
4.3.4	Các quy định khác	13
4.4	Triển khai thi công Công Trình	13
5	Giao thông	13
5.1	Tốc độ và tải trọng cho phép	13
5.2	Đỗ xe	13
5.4	Các quy định khác	14
6	Quy định chung	15
6.1	Quy định bảo dưỡng chung	15
6.2	Quy định an toàn chung cho Khu Công Nghiệp	15
6.3	Quy định chung đối với các sản phẩm nguy hiểm	15
6.4	Quy định chung đối với các tình huống nguy hiểm	16
6.6	Cư trú trong Khu Công Nghiệp	16
6.7	Quy định về việc nuôi giữ động vật trong Khu Công Nghiệp	16
8	Tiện Ích	16
8.1	Nước	16
8.1.1	Bể dự trữ nước	16
8.1.2	Quy Trình Đầu Nối Tiêu Chuẩn	17
8.1.3	Kiểm tra	17
8.1.4	Thay đổi Đầu Nối Tiện Ích Nước	18
8.1.5	Yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống đầu nối tiện ích nước	19
(a)	Đầu Nối Tiện Ích Nước Sạch	19
(b)	Đầu Nối Tiện Ích Nước Thô	20
8.2	Điện	21
8.3	Hệ thống nước cứu hỏa	29
8.3.1	Nước cứu hỏa chỉ sử dụng trong trường hợp khẩn cấp	29
8.3.2	Nước cứu hỏa sử dụng trong các trường hợp khác (không đảm bảo, tùy thuộc vào thông báo và thỏa thuận trước)	29
8.3.3	Sử dụng nước cứu hỏa không đúng mục đích	30
9.1	Các hệ thống thu gom Nước Thái bên trong Khu Đất	30
9.2	Nước – Nước mưa – Ô nhiễm	31
9.4	Đầu Nối Tiện Ích Nước Thái	31
10	Thiết bị phòng cháy chữa cháy	32
11	Liên lạc	32
12	Khu Vực Hóa Dầu	33
12.1	Ra vào Khu Vực Hóa Dầu	33
12.2	Nguy cơ gia nhiệt và nguy cơ gây cháy	33
13	Xây dựng/ Bảo dưỡng giá đỡ đường ống hoặc Cầu cảng	33

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Nội Quy KCN này, những từ và cụm từ dưới đây có nghĩa như sau:

Rìa Ranh Giới	có nghĩa là rìa ngoài cùng của Mạng Lưới Phân Phối Tiện Ích, được tính từ điểm đầu nối của Thiết Bị Đầu Nối của Bên Sử Dụng Dịch Vụ đến Mạng Lưới Phân Phối Tiện Ích của Bên Cung Cấp Dịch Vụ & Tiện Ích;
Khu Vực Cây Xanh	có nghĩa là khu vực trồng cây xanh trong Khu Đất với tỷ lệ được quy định tại Điều 1.3 dưới đây.
Cầu Cảng	có nghĩa là cơ sở vật chất được xây dựng trên mặt nước, bao gồm nhiều bến đỗ và hệ thống giá đỡ đường ống, và các thiết bị phụ trợ với mục đích tiếp nhận các tàu hàng lỏng và nâng đỡ đường ống để Bên Thuê lắp đặt hệ thống ống và thiết bị bơm/hút hàng để bơm/hút các sản phẩm lỏng từ tàu đến Kho chứa của Bên Thuê và ngược lại;
Dan Vĩ Công Tư	có nghĩa là một bộ thiết bị bao gồm một Công Tư và van điều khiển (và (nếu có) Van Một Chiều và Máy Giám Áp)
Biên Bản Bàn Giao Hành Lang Đường Ống	có nghĩa là biên bản được ký bởi đại diện Các Bên cho mỗi lần Bên Cung Cấp Dịch Vụ & Tiện Ích bàn giao phần Hành Lang Đường Ống cho Bên Thuê và ngược lại để ghi nhận, ngoài những thông tin khác, tình trạng của Hành Lang Đường Ống tại thời điểm bàn giao;
Khu Vực Phi Hóa Dầu	có nghĩa là khu vực trong Khu Công Nghiệp nằm ngoài Khu Vực Hóa Dầu được định nghĩa dưới đây;
Giấy Phép Làm Việc	có nghĩa là giấy phép do Bên Cho Thuê cấp cho Bên Thuê để thi công bất kỳ Công Trình nào bên trong và/hoặc bên ngoài Khu Đất theo biểu mẫu được đính kèm trong Phụ Lục 6 của Nội Quy Khu Công Nghiệp này.
Khu Vực Hóa Dầu	là khu vực dành cho ngành công nghiệp hóa chất hóa dầu của Khu Công Nghiệp theo quy hoạch chi tiết đã được Cấp Thẩm Quyền phê duyệt và điều chỉnh tùy từng thời điểm;
Đường Ống	là kết cấu đường ống, van và các lắp đặt liên quan được thiết kế, thi công và/hoặc vận hành bởi Bên Thuê, bao gồm nhưng không giới hạn ở các thiết bị điều khiển, an toàn và vận hành, có quy cách và kích thước tuân thủ các quy định của Nội Quy Khu Công Nghiệp, Luật áp dụng, các quy định quốc tế mà chính phủ Việt Nam thừa nhận áp dụng, thực tiễn ngành hàng được công nhận và áp dụng quốc tế hoặc địa phương, chạy từ Kho/Nhà máy đến Cầu Cảng để kết nối với Tàu của Bên Thuê và được sử dụng để di chuyển hàng hóa và hoặc sản phẩm từ Tàu của Bên Thuê neo dọc Cầu Cảng đến Kho/Nhà máy và ngược lại;
Hành Lang Đường Ống	là phần bệ và giá đỡ cho Đường Ống của Bên Thuê và một cầu bắc qua đường để lắp đặt Đường Ống được thiết kế, thi công và/hoặc vận hành bởi EJVN như thể hiện tại Phụ Lục 9 của Hợp Đồng Sử Dụng Cầu Cảng;
Khoảng Lùi	Là khoảng không gian giữa các công trình chính và các kết cấu khác bên trong Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất sẽ được thiết kế tuân thủ theo nội dung Phụ Lục 1 của Nội Quy KCN này và theo Bản Vẽ Tổng Mặt Bằng được Bên Thuê và Cơ Quan Nhà Nước phê duyệt hoặc bất kỳ quy định nào khác theo Luật hiện hành.
Thủ Tục Đầu Nối Tiêu Chuẩn	Có nghĩa là thủ tục đầu nối được mô tả tại Điều 3.1.2 của Nội Quy KCN;

- Tỷ lệ cây xanh: Bên Thuê phải duy trì Khu Vực Cây Xanh với tỷ lệ tối thiểu là 20% (hai mươi phần trăm)
 - Khoảng cách an toàn: Bên Thuê phải đảm bảo nghiêm túc tuân thủ tất cả các quy định về khoảng cách an toàn trong Khu Đất.
 - Khoảng Lùi: Khoảng Lùi được quy định tại Phụ lục 1 của Nội Quy KCN này.
- Bên Thuê phải dành tỷ lệ đất cho khoảng trống phù hợp với Quy Hoạch Tổng Thể đã được phê duyệt tại thời điểm thuê đất hoặc theo tỷ lệ quy định trong Giấy phép xây dựng của Bên Thuê, tùy theo tỷ lệ nào cao nhất.

1.4 Khoảng Lùi của Công Trình

1.4.1 Công Trình cao dưới 12 (mười hai) mét

Đối với các Công Trình có chiều cao không vượt quá 12 (mười hai) mét, yêu cầu có Khoảng Lùi ít nhất 6 (sáu) mét tính từ cột ngoài cùng hoặc mép ngoài cùng của tường đến hàng rào hoặc đường ranh giới phía trước Khu Đất và bất kỳ đường ranh giới khác nơi đặt cổng vào Khu Đất.

1.4.2 Công Trình cao trên 12 (mười hai) mét

Đối với Công Trình cao trên 12 (mười hai) mét, yêu cầu Khoảng Lùi bằng hoặc trên 12 (mười hai) mét và khoảng cách giữa đường giọt gianh (mái hiên) với tường rào hoặc đường ranh giới phía trước của Khu Đất ít nhất phải là 4 (bốn) mét.

1.4.3 Đường nội bộ

Phải để Khoảng Lùi ít nhất 6 (sáu) mét giữa hàng cột ngoài hoặc mặt ngoài của tường với hàng rào hoặc đường ranh giới của Khu Đất không phải là đường ranh giới phía trước hoặc với đường ranh giới không có lối đi ra vào Khu Đất nhưng tiếp giáp đường nội bộ trong Khu Công Nghiệp.

1.4.4 Đối với khu đất bên cạnh

Phải để Khoảng Lùi ít nhất 5 (năm) mét tính từ hàng cột ngoài hoặc mặt ngoài của tường tới đường ranh giới với khu đất bên cạnh. Khoảng cách giữa đường giọt gianh và khu đất bên cạnh phải rộng ít nhất 2 (hai) mét. Cao độ của mái hiên/mái tối thiểu là 5 (năm) mét.

1.4.5 Bồn bể

Phải để Khoảng Lùi theo chiều ngang giữa cạnh hoặc phần nào của bồn bể xây cao trong phạm vi Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất với các hàng rào hoặc đường ranh giới của Khu Đất rộng ít nhất 5 (năm) mét.

Trường hợp quy định của Luật có quy định khoảng cách lớn hơn thì Bên Thuê phải tuân thủ theo quy định của Luật đó.

1.5 Mốc tọa độ

Bên Cho Thuê sẽ cung cấp cho Bên Thuê mốc tọa độ hiện có trong Khu Công Nghiệp nhưng Bên Thuê phải chịu trách nhiệm theo dõi hàng ngày đảm bảo độ chính xác của mốc trong suốt quá trình thi công.

1.6 Bãi đỗ xe và nhà kho

Bên Thuê phải bố trí diện tích đất thích hợp để làm nơi đỗ xe bên trong Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất phục vụ cho nhân viên, khách và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu/sản phẩm.

Bên Thuê không được phép bố trí chỗ đỗ xe, nhà kho tạm thời hoặc lâu dài cho các phương tiện xe cộ, hàng hóa hoặc các thiết bị của Bên Thuê hoặc phục vụ cho Bên Thuê, đi và đến Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất tại Khu Vực Dừng Chung trừ khi được sự đồng ý của Bên Cho Thuê trong từng trường hợp cụ thể. Trong trường hợp đó, Bên Thuê phải gửi yêu cầu bằng văn bản xin chấp thuận của Bên Cho Thuê về việc bố trí chỗ đỗ xe hoặc nhà kho trước 3 (ba) ngày.

2.3.2 Khoảng cách tới đường ranh giới Khu Đất

Mọi lối vào Khu Đất phải cách đường ranh giới Khu Đất ít nhất 25 (hai mươi lăm) mét. Khoảng cách 25 (hai mươi lăm) mét này được tính từ điểm giữa của lối vào tới đường ranh giới Khu Đất (minh họa chi tiết tại Phụ lục 2.3 của Nội Quy KCN này).

2.4 Công - thi công xây dựng

2.4.1 Thiết kế công ra vào

Bên Thuê xây dựng công ra vào Khu Đất theo sự hướng dẫn của Bên Cho Thuê. Vị trí các công ra vào cần tránh đi qua các công trình tiện ích hiện tại hoặc có kế hoạch xây dựng (theo quy hoạch tổng thể của Bên Cho Thuê) như hồ ga, cột điện, hoặc các tiện ích ngầm công cộng, v.v. Bên Thuê cần thống nhất với Bên Cho Thuê về thiết kế công trước khi trình Cơ Quan Nhà Nước để xin phê duyệt giấy phép xây dựng hoặc bất kỳ giấy phép nào khác.

Để tránh hiểu nhầm, Bên Thuê sẽ cùng kiểm tra với Bên Cho Thuê xem công ra vào hoặc đường nối từ công ra vào Khu Đất ra đường khu công nghiệp có đi qua kênh mương hở, Hào Tiềm Ích và/hoặc các tiện ích ngầm tại Khu Vực Dùng Chung. Bên Cho Thuê sẽ chấp thuận thiết kế công vào hay đường nối trên cơ sở hướng dẫn và quy định cụ thể của từng khu vực trước khi Bên Thuê tiến hành xây dựng. Nếu Bên Thuê thiết kế bố trí công ra vào Khu Đất của Bên Thuê tại vị trí có các tiện ích đã được xây dựng như cột điện, hồ ga, ..., khi đó Bên Cho Thuê sẽ cân nhắc với điều kiện Bên Thuê thống nhất chịu mọi chi phí di dời các công trình hiện có đó tới vị trí gần nhất không thuộc phạm vi thiết kế công ra vào Khu Đất của Bên Thuê theo quyết định của Bên Cho Thuê.

Bên Thuê, bằng chi phí riêng của mình, sẽ thiết kế công ra vào để bảo vệ toàn bộ mạng lưới tiện ích ngầm đã có sẵn của Khu Công Nghiệp để đảm bảo vận hành ổn định và bảo trì dễ dàng trong tương lai. Khuyến khích lắp đặt ống lồng cho tuyến ống nước thải, tuyến ống nước sạch, phòng cháy chữa cháy ... cũng như bản giám tải trên các tuyến ống.

Để tránh ngập và hư hỏng đoạn nối giữa lối vào của Bên Thuê và đường chính của Bên Cho Thuê, Bên Thuê phải lắp đặt một tấm dãnh thu nước hở bằng thép trên bề mặt của công vào, cạnh đường chính của Bên Cho Thuê và lối vào của Bên Thuê như được chỉ trong Phụ lục 2. Bề mặt của tấm rãnh thép phải đủ cứng để chịu được tải trọng của các phương tiện giao thông qua lại.

Trong mọi trường hợp, trước khi tiến hành xây dựng công ra vào Khu Đất, Bên Thuê phải (i) lắp đặt 01 (một) đường ống đường kính DN600 được bịt kín 2 đầu ống (ống HDPE hoặc ống bê tông cốt thép H30 hoặc HL93) đối với khu vực đã có Hào Tiềm Ích hoặc (ii) tuân thủ theo hướng dẫn và phê duyệt của Bên Cho Thuê đối với khu vực không có Hào Tiềm Ích trong Khu Công Nghiệp.

Bên Thuê bằng chi phí của mình làm đường nối từ công ra vào Khu Đất đến đường (bao gồm phần đường dẫn đi qua vỉa hè và/hoặc khu vực dùng chung). Bên Thuê chịu mọi chi phí làm đường nối từ Khu Đất đến hệ thống đường của Khu Công Nghiệp và chịu trách nhiệm khắc phục mọi hư hại đối với Tiềm Ích Chung và/hoặc Khu Vực Dùng Chung trong Khu Công Nghiệp. Bản vẽ chi tiết của Hào Tiềm Ích và phần đi qua Hào Tiềm Ích được thể hiện tại Phụ lục 2. Thiết kế chi tiết phần đi qua Hào Tiềm Ích phải do Bên Thuê đề xuất và được Bên Cho Thuê phê duyệt. Bên Thuê phải thiết kế phù hợp với Hào Tiềm Ích đã có sẵn.

2.4.2 Các Tiềm Ích mới

Tùy theo quyết định của Bên Cho Thuê, các Tiềm Ích mới đi qua lối vào Khu Đất của Bên Thuê có thể lắp đặt vào ống HDPE như đã quy định trong Điều 2.4.1 trên đây hoặc lắp đặt cạnh đó, tùy thuộc theo quyết định của Bên Cho Thuê.

Sau khi hoàn thiện lắp đặt các tiện ích mới, Bên Cho Thuê sẽ lắp rãnh đã đào để phục vụ việc lắp đặt các tiện ích mới kể trên bằng cát và đá.

2.4.3 Bảo trì lối vào

3 Triển khai Công Trình ở Khu Vực Dùng Chung và bên ngoài Khu Đất

3.1 Yêu cầu, phối hợp, giám sát

Mọi trường hợp triển khai Công Trình bên ngoài Khu Đất của Bên Thuê, Bên Thuê phải có được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Cho Thuê theo các bước sau:

- (i) Gửi yêu cầu cho Bên Cho Thuê mô tả chi tiết Công Trình cần triển khai, thiết kế, biện pháp thi công, phân tích an toàn, đánh giá rủi ro, thời gian thực hiện công việc và kế hoạch bảo dưỡng trong tương lai (nếu có).
- (ii) Có sự chấp thuận từ các Cơ Quan Nhà Nước liên quan (nếu cần).
- (iii) Thống nhất với Bên Cho Thuê về việc triển khai, phối hợp và giám sát công việc.

Bên Thuê cũng sẽ tuân thủ các bước trên đối với việc triển khai các Công Trình dự kiến do Bên thứ ba được Bên Thuê thuê thực hiện để phục vụ Dự Án Đầu Tư của Bên Thuê (ví dụ lắp đặt đường viễn thông).

Sau khi phê duyệt các Công Trình dự kiến và/hoặc hoạt động xây dựng, Bên Cho Thuê sẽ cấp Giấy Phép Làm Việc cho Bên Thuê hoặc bên thứ ba (nếu cần thiết). Bên Thuê không được phép thi công bất kỳ Công Trình nào bên ngoài Khu Đất của Bên Thuê nếu không có Giấy Phép Làm Việc hợp lệ. Trong quá trình xây dựng các Công Trình, Bên Thuê sẽ mời Bên Cho Thuê tới kiểm tra chất lượng, khảo sát phần công trình đã xây trước khi san lấp hoàn trả mặt bằng. Sau khi hoàn thành xây dựng Công Trình, Bên Thuê cần nộp 02 (hai) bộ tài liệu hoàn công cho Bên Cho Thuê phê duyệt và lưu trữ (01 (một) bộ sẽ được Bên Cho Thuê lưu).

3.2 Thiệt hại

Trong trường hợp việc thi công Công Trình hoặc hoạt động kinh doanh của Bên Thuê có khả năng gây thiệt hại cho bất kỳ phần nào của Khu Vực Dùng Chung hoặc bất kỳ tài sản nào của bên thứ ba thì trước khi triển khai các Công Trình hoặc hoạt động kinh doanh đó, Bên Thuê phải được sự đồng ý của Bên Cho Thuê và/hoặc Bên thứ ba có liên quan. Trường hợp xảy ra hư hỏng, Bên Thuê phải ngay lập tức thông báo cho Bên Cho Thuê (qua điện thoại tới số điện thoại đã đăng ký trước và email tới địa chỉ email đã đăng ký trước) và tự sửa chữa hư hỏng (sau khi Bên Cho Thuê chấp thuận phương án sửa chữa) hoặc thanh toán chi phí sửa chữa cho Bên Cho Thuê và/hoặc Bên thứ ba. Để tránh xảy ra hư hỏng đối với hệ thống tiện ích ngầm cũng như các cơ sở vật chất khác của Bên Cho Thuê, Bên Thuê chỉ được phép sử dụng các biện pháp đào thủ công. Bên Cho Thuê được quyền yêu cầu Bên Thuê bảo lãnh bằng tài chính khi Bên Thuê thực hiện bất kỳ Công Trình nào bên ngoài Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất để đảm bảo mặt bằng được hoàn trả theo nguyên trạng.

4 Quy định liên quan đến Công Trình

4.1 Thông báo

Bên Thuê phải gửi thông báo bằng văn bản cho Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Bên Cho Thuê trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 3 (ba) Ngày Làm Việc. Thông báo này cần được kèm theo:

- (i) Giấy phép xây dựng;
- (ii) Bản vẽ thiết kế xây dựng đã được phê duyệt; và
- (iii) Báo cáo Đánh giá tác động môi trường hoặc Báo cáo kế hoạch bảo vệ môi trường đã được chấp thuận.

4.2 Tiền đặt cọc

Tất cả các nhà thầu khi thi công bất kỳ Công Trình nào phục vụ hoạt động và sản xuất của Bên Thuê phải thanh toán một khoản đặt cọc cho Bên Cho Thuê trước khi tiến hành công việc xây dựng. Đối với nhà thầu chính được ủy quyền bởi Bên Thuê, phải thanh toán một khoản đặt cọc 75 triệu VNĐ cho Bên Cho Thuê.

phương hại đến các quyền của Bên Cho Thuê quy định trong Hợp Đồng Thuê Đất và Sử Dụng Cơ Sở Hạ Tầng.

4.3.4 Các quy định khác

- Nghiêm cấm mọi hành động phá hoại an ninh công cộng
- Nghiêm cấm mọi hành động đánh bạc cũng như tổ chức đánh bạc trong Khu Công Nghiệp
- Nghiêm cấm khoan giếng trong Khu Đất
- Các phương tiện giao thông phải tuân thủ quy định về giới hạn tốc độ trong Khu Công Nghiệp.
- Yêu cầu xe tải/các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu phải phủ bạt khi di chuyển.
- Bố trí xây dựng trạm rửa dành cho xe tải trong quá trình thi công.
- Tất cả các phương tiện phục vụ Bên Thuê cho bất kỳ mục đích nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở công trình xây dựng, phải được làm sạch trước khi vào Khu Công Nghiệp và trước khi ra khỏi Khu Đất của Bên Thuê để tránh bụi hoặc rơi nguyên vật liệu trên đường.

Bằng chi phí của mình, Bên thuê chịu trách nhiệm về việc toàn bộ rác thải, vật liệu dư thừa, các phần công trình xây dựng tạm thời và các thiết bị sử dụng trong suốt quá trình thi công phải được giữ gọn gàng tại đúng vị trí được quy định tại công trường trong toàn bộ quá trình thi công và đặc biệt là sau khi thi công xong.

4.4 Triển khai thi công Công Trình

Trong quá trình triển khai Dự Án Đầu Tư, nếu Bên Thuê gây ra bất cứ sự tổn hại hay mất mát tài sản nào của Bên Cho Thuê và/hoặc Bên thứ ba, Bên Thuê chịu trách nhiệm bồi thường/sửa chữa khắc phục về trạng thái ban đầu.

Trong trường hợp, có bất kỳ sự khác biệt nào giữa công trình đã hoàn thiện và bản thiết kế đã được phê duyệt, Bên Thuê sẽ, bằng chi phí của mình, lập tức tiến hành điều chỉnh, khắc phục vô điều kiện theo yêu cầu của Bên Cho Thuê cho đến khi được Bên Cho Thuê chấp thuận sau lần khảo sát cuối cùng của Bên Cho Thuê.

5 Giao thông

5.1 Tốc độ và tải trọng cho phép

Bên Thuê sẽ tuân thủ và tôn trọng mọi quy định dưới đây do Bên Cho Thuê đề ra.

Tốc độ tối đa cho phép trong Khu Vực Phí Hóa Dầu là 30 (ba mươi) km/h. Tốc độ tối đa cho phép trong Khu Vực Hòa Dầu là 25 (hai mươi lăm) km/h.

Chiều cao tối đa của các phương tiện là 4,1 (bốn phẩy một) m.

Tải trọng tối đa cho phép lưu thông trên các tuyến đường Khu Công Nghiệp tuân thủ tiêu chuẩn Việt Nam, 120 kN/trục hay dưới 30 tấn cho toàn bộ tải trọng của phương tiện. Các nhân viên, khách và khách hàng của Bên Thuê phải tuân thủ quy trình kiểm soát ra vào của đội ngũ bảo vệ Khu công nghiệp.

Bên Thuê có thể liên hệ với Bên Cho Thuê để xin miễn trừ ngoại lệ. Việc miễn trừ được áp dụng tùy theo từng trường hợp cụ thể và theo quyết định của Bên Cho Thuê.

Bên Cho Thuê có thể lắp đặt thiết bị cần để kiểm soát tải trọng và có quyền từ chối xe quá tải vào trong Khu Công Nghiệp.

5.2 Đỗ xe

Lái xe của Bên Thuê chỉ được phép dừng, đỗ xe đúng khu vực quy định trong Khu Công Nghiệp. Không được đỗ xe ở đường của Bên Cho Thuê.



(ii) Ít nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước khi xe nâng bắt đầu di chuyển trên các tuyến đường của Khu Công Nghiệp, Bên Thuê phải gửi cho Bên Cho Thuê các giấy chứng nhận sau:

- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện và thiết bị chuyên dùng nhập khẩu (còn hiệu lực);
- Giấy phép lái xe dành cho người điều khiển được cấp bởi các cơ sở đào tạo (còn hiệu lực);
- Hồ sơ kiểm định an toàn kỹ thuật lần đầu (đăng ký lại sau mỗi 2 năm);
- Giấy chứng nhận đăng ký cho phép xe nâng lưu thông trên đường được cấp bởi Bộ Giao thông, có biển số xe nâng (với số LA);
- Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe nâng (còn hiệu lực);

Việc vận chuyển xe nâng trong Khu Công Nghiệp phải được đăng ký theo quy định tại Điều 5.3 trên đây.

Trong quá trình lưu thông, cảng xe nâng phải được bọc kín để tránh xảy ra va chạm với các phương tiện và người tham gia giao thông.

Xe nâng phải di chuyển ở phía bên phải của làn đường.

6 Quy định chung

6.1 Quy định bảo dưỡng chung

Bên Thuê sẽ đảm bảo Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất gồm tường, hàng rào, đường nội bộ, vỉa hè, đường cống, rãnh thoát nước, Khu Vực Cây Xanh thuộc Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất trong điều kiện tốt.

6.2 Quy định an toàn chung cho Khu Công Nghiệp

Để đảm bảo môi trường an toàn và sức khỏe cho tất cả các khách hàng trong Khu Công Nghiệp và dân cư xung quanh, Bên Cho Thuê có quyền tiến hành tất cả các công việc cần thiết để đảm bảo an toàn chung trong Khu Công Nghiệp. Trách nhiệm giám sát an toàn của Bên Cho Thuê sẽ không miễn trách Bên Thuê đối với những thiệt hại mà Bên Thuê gây ra.

6.3 Quy định chung đối với các sản phẩm nguy hiểm

Nếu Bên Thuê kinh doanh các vật liệu có khả năng gây nguy hiểm, bao gồm nhưng không giới hạn các hóa chất hoặc các chất hóa dầu, Bên Cho Thuê có quyền thuê một công ty kiểm định độc lập bằng chi phí của Bên Thuê để tiến hành kiểm tra toàn diện Công Trình nhằm đảm bảo Bên Thuê tuân thủ mọi quy định

8.1.2 Quy Trình Đầu Nối Tiêu Chuẩn

Bên Thuê có quyền được yêu cầu đầu nối vào Mạng Lưới Phân Phối Tiện Ích và được phân phối các Tiện Ích bằng việc gửi đăng ký đề Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích phê duyệt. Quy Trình Đầu Nối Tiêu Chuẩn dưới đây mô tả các bước cần thực hiện trước khi điểm đầu nối nước được đưa vào sử dụng.

(a) Hồ sơ giấy tờ cần chuẩn bị trước khi tiến hành đầu nối

Bên Thuê phải trình Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích các tài liệu sau:

- (i) Thông Báo Đăng ký và Chấp Thuận theo mẫu được đính kèm tại Phụ Lục 3 của Hợp Đồng Tiện Ích (Nước) và do đại diện ủy quyền hai Bên ký kết;
- (ii) Biểu đồ sử dụng nước (như đính kèm tại Phụ lục 5) khi nhà máy đi vào hoạt động;
- (iii) Bản vẽ Điểm đầu nối Tiện Ích nước do đại diện ủy quyền hai bên ký kết;
- (iv) Bản vẽ sơ đồ Đầu Nối Tiện Ích Nước của Bên Thuê thể hiện tại các Hình 1, Hình 2, Hình 3 gồm:
 - o Vật liệu và kích thước đường ống;
 - o Kích thước bể chuyển tiếp;
 - o Tất cả các trang thiết bị đầu nối vào Đầu Nối Tiện Ích Nước
- (v) Hình chiếu bằng của Đầu Nối Tiện Ích Nước tại Khu Đất;
- (vi) Bảng tiên lượng tất cả các trang thiết bị (van một chiều, các loại van, máy đo áp suất, công tơ nước, v.v...) đầu nối và Đầu Nối Tiện Ích Nước. Bảng tiên lượng phải nêu cụ thể nhãn hiệu, loại, số seri, số giấy chứng nhận v.v...
- (vii) Nếu Bên Thuê xây dựng công đi qua đường ống cống, đường ống cấp nước thô và nước sạch, Bên Thuê sẽ phải trình cho Bên Cho Thuê phê duyệt bản vẽ chi tiết và phương án thi công để lắp đặt đường ống bọc chờ sẵn (hoặc đường hầm bê tông cho đường ống lớn);
- (viii) Kế hoạch bảo trì hệ thống đầu nối tiện ích nước; và
- (ix) Xác nhận hoàn thành các khoản tiền đặt cọc và phí đầu nối (nếu có).

Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích sẽ phản hồi trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ khi nhận được toàn bộ các giấy tờ hợp lệ được liệt kê ở trên.

Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích cần 12 (mười hai) tuần để chuẩn bị Mạng Lưới Phân Phối Tiện Ích kể từ khi phê duyệt hồ sơ đầu nối nêu trên.

(b) Trong thời gian thi công đầu nối

Khi triển khai các công việc ngoài ranh giới Khu Đất, Bên Thuê phải tuân thủ theo quy định của Nội Quy KCN này.

(c) Khi hoàn thành đầu nối

Khi hoàn thành việc lắp đặt điểm Đầu Nối Tiện Ích Nước, Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích Nước sẽ:

- (i) Lập biên bản nghiệm thu và bàn giao điểm đầu nối tiện ích nước cho Bên Thuê.
- (ii) Thông báo cho Bên Thuê về việc lắp đặt điểm đầu tiện ích nước đã hoàn thành để Bên Thuê có thể kết nối vào Mạng Lưới Phân Phối Tiện Ích.

Các điều kiện nêu trong Nội Quy KCN này chủ yếu dựa trên các quy định của Luật được áp dụng tại thời điểm đầu nối. Khi có sự thay đổi của Luật, Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích có thể yêu cầu Bên Thuê bổ sung thông tin hay quy cách, hoặc lắp đặt thêm thiết bị mới (bổ sung) theo quy định của Luật. Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tiện Ích có quyền thay đổi Quy Trình Đầu Nối Tiêu Chuẩn nêu trên và chỉ thực hiện đầu nối cho Bên Thuê kể từ thời điểm nhận được các thông tin và xác nhận về việc lắp đặt các thiết bị đó.

8.1.3 Kiểm tra

- (i) Bản vẽ sơ đồ hoàn công của hệ thống Đầu Nối Tận Ích Nước;
- (ii) Hình chiếu bằng hoàn công của hệ thống Đầu Nối Tận Ích Nước trên Khu Đất;
- (iii) Một file ảnh hoàn công của toàn bộ đường ống. Chụp ảnh đường ống ngầm trước khi lấp lại đất;
- (iv) Một bản liệt kê hoàn công tất cả các thiết bị (van một chiều, các loại van, máy đo áp suất, công tơ ...) kết nối vào hệ thống Đầu Nối Tận Ích Nước. Bảng liệt kê này cũng thể hiện các nội dung nhãn hiệu, chủng loại, số seri và hình ảnh của thiết bị.

Nếu Đầu Nối Tận Ích Nước và hồ sơ đáp ứng đầy đủ yêu cầu, các bên sẽ lập biên bản xác nhận đầu nối hệ thống Đầu Nối Tận Ích Nước.

Nếu Đầu Nối Tận Ích Nước và hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tận Ích sẽ thông báo cho Bên Thuê và yêu cầu thực hiện các sửa đổi cần thiết.

8.1.5 Yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống đầu nối tận ích nước

Để đảm bảo chất lượng và tránh gây ô nhiễm nước phân phối trong Mạng Lưới Phân Phối Tận Ích Nước, Bên Thuê cần phải thiết kế, thi công và bảo trì hệ thống đầu nối tận ích theo quy định của Nội Quy KCN này.

Bên Thuê bằng chi phí của mình có thể thiết kế hệ thống Đầu Nối Tận Ích Nước sau các thiết bị bảo vệ do Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tận Ích ấn định. Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tận Ích cung cấp nước sạch, nước thô, thu gom và xử lý tất cả nước thải trong Khu Công Nghiệp. Thiết kế an toàn của hệ thống Đầu Nối Tận Ích Nước phụ thuộc vào việc sử dụng nước.

(a) Đầu Nối Tận Ích Nước Sạch

Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tận Ích cung cấp nước sạch phân phối trong Khu Công Nghiệp từ Nhà Cung Cấp Tận Ích. Thông qua một trạm bơm độc lập, Bên Cung Cấp Dịch Vụ và Tận Ích phân phối nước sạch đến Bên Thuê qua hệ thống phân phối HDPE cho các Bên Thuê.

Các thông số kỹ thuật của nước sạch tuân thủ theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia về Chất Lượng Nước Uống.

Bên Thuê phải thiết kế, xây dựng và bảo trì Hệ Thống Đầu Nối Tận Ích Nước theo các quy định của Nội Quy KCN này.

Bên Thuê sử dụng nước sạch phải thiết kế hệ thống Đầu Nối Tận Ích Nước như trình bày dưới đây. Vì mục đích cung cấp nước sạch ổn định tại Khu Công Nghiệp, hệ thống đầu nối nước tới Bên Thuê được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế. Hình 1 thể hiện các yêu cầu tối thiểu của hệ thống Đầu Nối Tận Ích Nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Rìa Ranh Giới giữa Hệ Thống Phân Phối Tận Ích Nước và Đầu Nối Tận Ích Nước là sau Đơn Vị Công Tơ.

Các yêu cầu an toàn tối thiểu của Hệ Thống Tận Ích Nước Sạch gồm:

- (i) Đường ống ngầm từ Rìa Ranh Giới tới Khu Đất;
- (ii) Đường ống nổi và ngầm từ hàng rào Khu Đất đến bể chuyển tiếp nước sạch;
- (iii) Bể chuyển tiếp nước sạch có công suất dự trữ ước tính có thể sử dụng trong 48 giờ sản xuất công nghiệp và phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau:
 - Có công tắc báo mức;
 - Có van điều khiển đóng mở tự động;
 - Đầu nối với mạng lưới nước sạch của Bên Thuê;
 - Mái che
- (iv) Van một chiều
- (v) Van điều khiển tự động

(v) Van điều khiển tự động

Bể chuyển tiếp nước thô được làm đầy nhờ van điều khiển tự động đóng mở tùy thuộc mực nước trong Bể chuyển tiếp nước thô. Với nguyên tắc hoạt động này Bể chuyển tiếp nước thô có hai chức năng: Đảm bảo không để xảy ra hiện tượng nước bắn chảy ngược từ quy trình sản xuất vào Mạng Lưới Phân Phối Tiện Ích và đảm bảo cho Bên Thuê có nguồn cấp nước thô dự phòng phục vụ sản xuất.

8.2 Điện

8.2.1 Dịch vụ phân phối điện cho Bên Thuê

Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiện Ích có thể cung ứng các dịch vụ phân phối điện như sau cho Bên Thuê:

- Phương án 1: Điện trung thế – công suất: theo nhu cầu
- Phương án 2: Điện hạ thế – công suất: 180/250/320/400/560/630 kVA

Có thể áp dụng các phương án cung cấp điện khác nhau và tính khả thi của mỗi phương án cần được thảo luận trực tiếp với đơn vị quản lý Khu Công Nghiệp. Các phương án thay thế khác chỉ được phép áp dụng cho các trường hợp đặc biệt.

Bên Thuê cần kiểm tra với Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiện Ích về khả năng phân phối điện trong giai đoạn thi công. Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiện Ích không cam kết về khả năng cung cấp điện cho thi công, việc đăng ký điện cho thi công cũng cần phải được đề xuất tối thiểu 2 (hai) tháng trước khi khởi công.

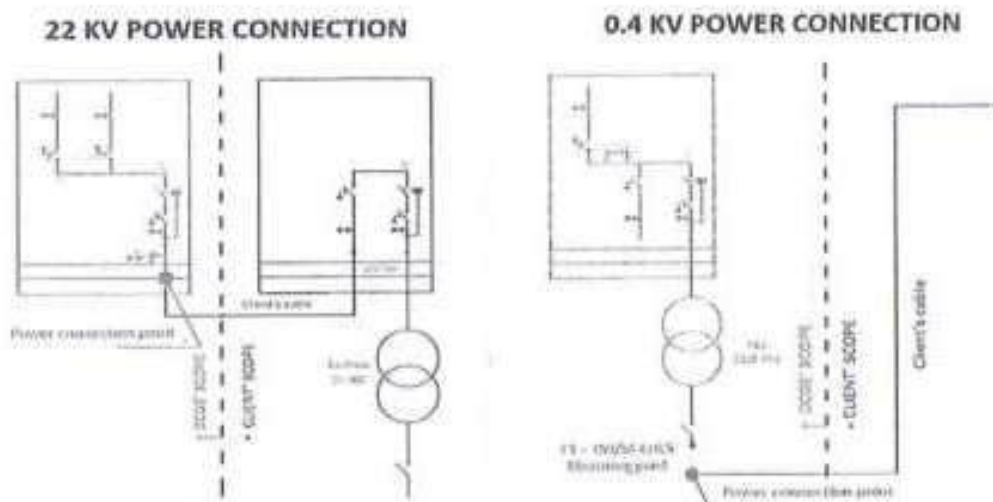
8.2.2 Quy trình kể từ khi đăng ký đến khi kết nối điện

Sơ đồ các bước dưới đây thể hiện quy trình từ giai đoạn đăng ký đến khi kết nối điện:

- (iii) Vị trí và số lượng điểm đấu nối dự kiến, về cơ bản mỗi khách hàng có một (01) điểm đấu nối;
- (iv) Ngày đấu nối điện dự kiến và kế hoạch nâng công suất điện, nếu có (công suất cần thiết cho mỗi giai đoạn);
- (v) Các loại máy móc/thiết bị nhạy cảm với sự thay đổi điện áp (dao động điện áp);
- (vi) Nguồn điện dự phòng nếu cần;
- (vii) Các loại động cơ điện/máy nén khí ≥ 75 kW (MV & LV);
- (viii) Loại hình kinh doanh: loại hình sản xuất;
- (ix) Số giờ/ngày làm việc và số ngày/tháng làm việc.

8.2.4 Trao đổi với Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiềm Ích/Bên Thuê

Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiềm Ích gửi dự thảo phương án phân phối điện dựa trên thông tin sơ bộ từ Bên Thuê. Hai Bên cần phối hợp để thực hiện thỏa thuận kỹ thuật – được coi là một phần của Hợp Đồng Tiềm Ích (Điện). Phương án thiết kế sơ bộ về sự phát triển và điểm ranh giới cũng cần được thống nhất giữa Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiềm Ích và Bên Thuê trong giai đoạn này. Bản vẽ dưới đây thể hiện phạm vi đầu tư của mỗi bên để làm ranh giới đấu nối.



Hai bên phải bảo trì đúng quy cách tất cả các thiết bị thuộc phạm vi ranh giới trách nhiệm của mình. Trong quá trình trao đổi, Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiềm Ích sẽ chia sẻ các tài liệu liên quan đến chính sách vận hành và bảo trì mà Bên Thuê phải thực hiện. Đồng thời, việc phân định ranh giới cũng được áp dụng tương tự cho trường hợp xử lý sự cố với sự hợp tác của cả hai bên.

8.2.5 Hợp Đồng Tiềm Ích (Điện)

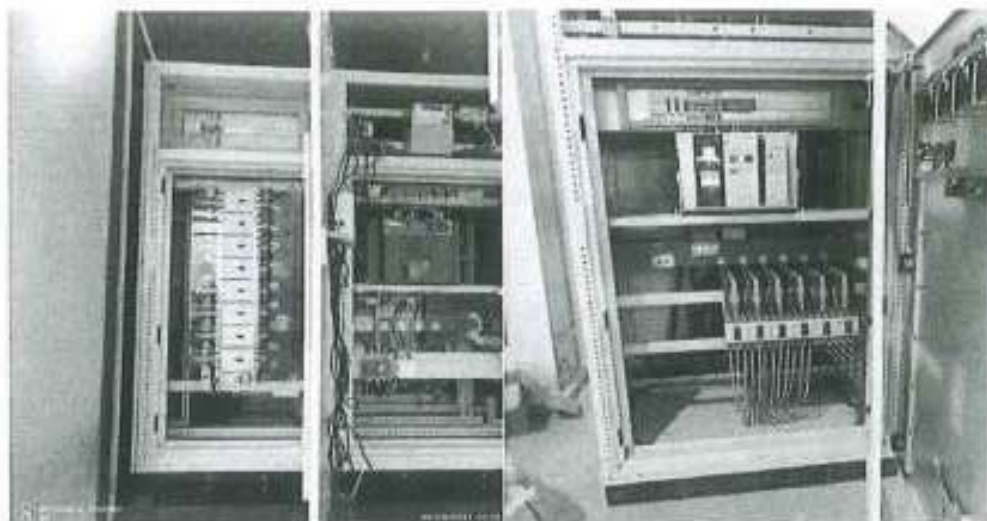
Nếu Bên Thuê được cung cấp điện thông qua hệ thống đấu nối Trung thế hoặc Hạ thế, thì Bên Thuê cần phải ký kết Hợp Đồng Tiềm Ích (Điện) với Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiềm Ích tối thiểu 16 (mười sáu) tuần trước khi cấp điện.

8.2.6 Bên Thuê thanh toán Giá Đấu Nối

Bên Thuê thanh toán Giá Đấu Nối cho Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiềm Ích như đã thỏa thuận trong Hợp Đồng Tiềm Ích (Điện) trước khi Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiềm Ích tiến hành thi công.

8.2.7 Thi công bởi Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiềm Ích

Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiềm Ích sẽ chuẩn bị điểm đấu nối bao gồm tủ đóng cắt điện và tủ đo điện áp ở bên ngoài Khu Đất như đã thỏa thuận trong Hợp Đồng Tiềm Ích (Điện). Bản vẽ dưới đây thể hiện tổng quan về tủ điện được lắp đặt để đấu nối.



- Cáp nối vào tủ điện phải được cố định và đặt thẳng
- Thiết kế dụng cụ/vật liệu/thiết bị tiêu chuẩn sẽ được thông báo bởi Công ty Tiện Ích Điện. Bên Thuê cần phải tuân thủ theo thiết kế này.

8.2.9 Thiết kế chi tiết đối với trạm biến áp của Bên Thuê

Bên Thuê phải thiết kế trạm biến áp phù hợp với tiêu chuẩn bao gồm điện áp trung thế hoặc hạ thế để đáp ứng quy định/yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu về an toàn. Phần này liên quan đến Bên thuê có nhu cầu hoạt động với công suất lên đến 5MVA. Bên Thuê có nhu cầu vận hành với công suất cao hơn cần kiểm tra với Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiện Ích nếu cần áp dụng các yêu cầu bổ sung về mặt kỹ thuật tùy thuộc vào phương án sơ bộ đã được thống nhất trong Hợp đồng Tiện Ích (Điện).

(i) Quy định áp dụng đối với chất lượng điện

Điện được cấp đến Khu Đất và Tái Sản Gắn Liền Với Đất của Bên Thuê phải tuân thủ theo Thông tư số 39/2015/TT-BCT và số 30/2019/TT-BCT đã được sửa đổi và cập nhật theo từng thời điểm. Bên Thuê phải tuân thủ các quy định này khi thiết kế nhà máy. Khu Công Nghiệp/Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiện Ích có thể hỗ trợ Bên Thuê giải đáp các câu hỏi liên quan đến chất lượng điện và có thể cung cấp dữ liệu về chất lượng điện khi có yêu cầu.

(ii) Phương án thiết kế bắt buộc

Yêu cầu kỹ thuật trong quá trình lắp đặt của Bên Thuê như sau:

- o Đường cáp chạy từ điểm đấu nối với Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiện Ích phải được lắp đặt ngầm. Không sử dụng đường cáp chạy trên cao;
- o Yêu cầu trang bị máy cắt 22 kV và rơ le bảo vệ của đường dẫn tới đối với trường hợp đấu nối điện trung thế;
- o Sơ đồ bảo vệ tiêu chuẩn trên bảng phân phối điện hạ thế để không ảnh hưởng đến lưới điện của Công ty Tiện Ích Điện;
- o Bên thuê phải duy trì Hệ số công suất $\cos\varphi \geq 0,9$;
- o Mức sóng hài tối đa của mạng điện trung thế/điện hạ thế phải tuân thủ các quy định liên quan của Thông tư 39/2015/TT-BCT do Bộ Công Thương ban hành ngày 18/11/2015 về hệ thống phân phối điện, được sửa đổi và bổ sung theo từng thời điểm;
- o Tất cả phần mang điện của thanh cái phải được bọc kín kể cả trong trường hợp được lắp đặt trong trạm, một số bộ phận mang điện trên máy biến áp/thiết bị đóng cắt sẽ bị lộ ra ngoài. Các bộ phận mang điện tiếp xúc phải được đặt trong tủ có khóa, chỉ những nhân viên được đào tạo và có chứng chỉ mới có thể tiếp cận được.
- o Các thiết bị chính, như thiết bị ngắt mạch và máy biến áp, phải được lắp đặt trong một trạm biến áp kín, trong nhà. Yêu cầu không có bất kỳ bộ phận mang điện nào trên thiết bị, phải có vỏ bọc và các

- o Mức cách điện: BIL 125 kV
- o Điện áp xung: 50 kV
- o Nếu cầu dao tiếp đất được lắp đặt vào đường dây dẫn tới từ Công ty Tiệp Ích Điện, Bên thuê sẽ cho phép Công ty Tiệp Ích Điện lắp đặt ổ khóa để khóa hãm và mở khóa bộ điều khiển tiếp địa để thông báo về bất kỳ sự vận hành nào theo thỏa thuận, nhằm đảm bảo an toàn cho người/thiết bị

Rơ le bảo vệ 22kV

Áp dụng cho các Khu Công Nghiệp

Bên Thuê phải đầu nối tới hệ thống của Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiệp Ích bằng máy cắt cao áp được cài đặt như sau:

Chức năng bảo vệ quá tải	Dòng điện	Thời gian
F50	$1.2 \cdot I_n$	[400- 600]ms
F51	$[2.5-3] \cdot I_n$	0- 0.04s
F50N	$[0.8-1] \cdot I_n$	[400- 600]ms
F51N	$[0.2-0.25] \cdot I_n$	0- 0.04s

Ghi chú:

- o Bên Thuê nên liên hệ với Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiệp Ích để cung cấp các cài đặt rơ le cho thiết bị ngắt mạch đầu vào. Việc cài đặt rơ le cần được tính toán và chỉ có thể được thực hiện khi Công ty Tiệp Ích Điện nhận được tất cả thông tin từ Bên Thuê;
- o Rơ le bảo vệ phải được cài đặt thời gian theo tính toán dựa trên công suất của mạch vòng;
- o Chọn đường cong đặc tính tải là đường IEC có thời gian độc lập;
- o Tắt tất cả các tính năng không cần thiết;
- o Rơ le được chia là 2 loại: loại (1) tự cấp điện hoặc (2) được cấp điện qua nguồn điện bên ngoài với bộ lưu điện online;

Cần chì 22kV trường hợp cần lắp đặt:

- o Dòng cắt ngắn mạch cực đại 16 kA/3s hoặc 20 kA/1s, sẽ được chỉ định trong giai đoạn thảo luận trước khi thiết kế.
- o Loại cách điện: Loại SF 6 hoặc chân không
- o Điện áp định mức: 24 kV
- o Dòng điện định mức: Lớn tới 1600kVA
- o Tần số định mức: 50 Hz
- o Cấp cách điện: BIL 125 kV
- o Điện áp xung: 50KV

Thiết bị điện hạ thế

- o Tất cả cáp sẽ được đi vào từ phía dưới cùng của tủ điện. Tất cả cáp đi vào từ bên cạnh hay trên đỉnh của tủ điện đều không được chấp thuận.

nhu xây dựng, vận tải, trồng cây hoặc bất cứ hoạt động nào tương tự như vậy đều không được phép đặt trong phạm vi hành lang an toàn lưới điện. Dưới đây là khoảng cách cụ thể cho hành lang an toàn lưới điện (Bên thuê cần thường xuyên cập nhật thông tin về việc này và triển khai các biện pháp cần thiết khi có sự thay đổi về khoảng cách của hành lang an toàn lưới điện).

- **Hành lang an toàn lưới điện trên không**

Khoảng cách từ bất kỳ bộ phận nào của nhà, kiến trúc đến dây dẫn điện gần nhất ở vị trí võng cực đại không nhỏ hơn quy định trong bảng sau:

Điện áp	Khoảng cách (m)
Đến 35kV (0,4kV; 22kV)	3
110kV	4
220kV	6

Lưu ý: Bên Thuê cần kiểm tra với cấp thẩm quyền trước khi thực hiện.

Việc xây dựng các hạng mục công trình gần lưới điện phải tuân thủ các yêu cầu về hành lang an toàn điện và được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

- **Hành lang an toàn cáp ngầm**

Khoảng cách đến lưới điện 0,4kV và 22kV tối thiểu là 1m; đến lưới điện 110kV tối thiểu là 2m.

Lưu ý: trước khi tiến hành các công việc liên quan đến khu vực tủ điện hoặc mạng lưới của Công ty Tiềm Ích Điện, Bên Thuê phải nộp cho Công ty Tiềm Ích Điện bản thiết kế, sơ đồ bố trí, kế hoạch và phương pháp thực hiện.

Việc xây dựng các hạng mục công trình gần hành lang an toàn cáp ngầm phải được sự chấp thuận của Công ty Tiềm Ích Điện.

8.2.10 Phương tiện vận tải

Yêu cầu lưu ý đặc biệt về giới hạn chiều cao và chiều rộng đối với các phương tiện vận tải và các hoạt động khác trong phạm vi hành lang an toàn lưới điện cao thế qua các tuyến đường Khu Công Nghiệp.

Bên Thuê có trách nhiệm lắp các biển báo giới hạn và chiều cao để đảm bảo an toàn cho các phương tiện vận tải và các hoạt động khác.

8.3 Hệ thống nước cứu hỏa

8.3.1 Nước cứu hỏa chỉ sử dụng trong trường hợp khẩn cấp

Bên Thuê chịu trách nhiệm về hệ thống nước cứu hỏa bên trong Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất. Hệ thống cấp nước cứu hỏa nội bộ của Bên Thuê cần tuân thủ các tiêu chuẩn hiện hành và Luật và phải được Cơ Quan Nhà Nước phê duyệt.

8.3.2 Nước cứu hỏa sử dụng trong các trường hợp khác (không đảm bảo, tùy thuộc vào thông báo và thỏa thuận trước)

Hệ thống nước cứu hỏa trong Khu Công Nghiệp chỉ sử dụng trong trường hợp khẩn cấp.

Trong trường hợp nước cứu hỏa dùng cho mục đích dập tắt đám cháy do Cơ Quan Nhà Nước yêu cầu, Bên Thuê cần gửi thông báo tối thiểu trước 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc cho Bên Cho Thuê. Bên Cho Thuê và Bên Thuê sẽ ký thỏa thuận riêng liên quan đến việc sử dụng nước cứu hỏa. Bên Thuê sẽ phải thanh toán tiền nước và khoản phí quản lý hành chính là 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng) (chưa bao

9.2 Nước – Nước mưa – Ô nhiễm

Nước mưa được thu gom trong hệ thống nước mưa được đưa thẳng ra sông hồ mà không qua xử lý.

Bên Thuê phải lắp đặt rãnh thoát nước mưa tạm trong vòng 3 (ba) tháng đầu kể từ Ngày Bàn Giao Đất. Trường hợp Bên Thuê không lắp đặt rãnh thoát nước mưa tạm trong khoảng thời gian trên, giấy phép ra vào của Bên Thuê sẽ bị vô hiệu.

Bên Thuê phải đảm bảo rằng nước mưa được thu gom sao cho không có chất gây ô nhiễm trước khi xả vào hệ thống thu gom nước mưa chung của Khu Công Nghiệp và hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Để tránh rò rỉ rác từ hệ thống thoát nước của Bên Thuê sang hệ thống thoát nước của Bên Cho Thuê, Bên Thuê sẽ lắp đặt một "rãnh hứng rác nằm dọc" bên trong Khu Đất (cùng với rãnh thu nước hoặc nắp cống). Rãnh hứng rác phải làm bằng thép không gỉ với mắt lưới rộng 20 (hai mươi) xen-ti-mét.

Nước xả thải phải tuân thủ tất cả các yêu cầu về xả thải trực tiếp ra nguồn nước mặt mà không qua xử lý và không xả thải vào hệ thống thu gom Nước Thải của Khu Công Nghiệp. Bên Thuê phải có các biện pháp phù hợp để tránh ô nhiễm dòng nước mưa trong khu đất của Bên Thuê.

Bên Cho Thuê có quyền vào Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất của Bên Thuê để tiến hành kiểm tra theo cách mà Bên Cho Thuê cho là cần thiết nếu Bên Cho Thuê nghi ngờ bất kỳ sự ô nhiễm nào bên trong Khu Đất và Tài Sản Gắn Liên Với Đất.

9.3 Xử lý Nước Thải

Bên Cho Thuê đã xây dựng và vận hành Nhà Máy Xử Lý Nước Thải ứng dụng công nghệ xử lý hóa học và vi sinh. Tất cả Nước Thải được thu gom bên trong Khu Đất được dẫn qua hệ thống thoát nước thải ngầm để xử lý. Nước Thải sau thu gom được tiếp tục xử lý trước khi xả thải.

Bên Thuê cần phải bảo trì hệ thống thu gom Nước Thải nội bộ tới Rìa Ranh Giới mô tả trong Hình 3 để tránh bị tắc và không được xả Nước Thải cho bất kỳ bên thứ ba nào để xử lý hoặc xả thải.

9.4 Đầu Nối Tiện Ích Nước Thải

Bên Thuê phải thiết kế hệ thống Đầu Nối Tiện Ích Nước để thu gom Nước Thải như được mô tả dưới đây. Để đảm bảo xử lý Nước Thải an toàn và liên tục tại Khu Công Nghiệp, việc Đầu Nối Nước Thải với Bên Thuê được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế. Hình 3 thể hiện các yêu cầu tối thiểu của Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước để thu gom Nước Thải. Rìa Ranh Giới giữa "Mạng Lưới Phân Phối Tiện Ích" và "Hệ Thống Đầu Nối Tiện Ích Nước" là từ Hồ ga nước thải.

Các thiết bị an toàn tối thiểu đối với nước thải:

- (i) Nước Thải: van đóng xả Nước Thải
- (ii) Nước Thải: Hồ ga lấy mẫu Nước Thải

(ii) Giảm lượng khí thải CO₂ là một phần không thể thiếu trong bộ quy tắc ứng xử của Khu Công Nghiệp, khuyến khích các Bên Thuê giảm lượng khí thải carbon.

Liên quan đến phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp:

- Bên Cho Thuê không cho phép Bên Thuê sử dụng lao động trẻ em;
- Bên Cho Thuê khuyến khích thực hiện bình đẳng giới;
- Bên Cho Thuê khuyến khích tuyển dụng trực tiếp thay vì lao động thời vụ;
- Mức lương tối thiểu cần được tuân thủ;
- Bên Cho Thuê không cho phép các hành vi tham nhũng trong Khu Công nghiệp.

CHƯƠNG III. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG VỚI BÊN THUÊ HOẠT ĐỘNG TRONG KHU VỰC HÓA DẦU

Chương này dành cho các Bên Thuê hoạt động trong Khu Vực Hóa Dầu.

12 Khu Vực Hóa Dầu

12.1 Ra vào Khu Vực Hóa Dầu

Các nhân viên, khách và khách hàng của Bên Thuê phải tuân thủ quy trình kiểm soát ra vào của cán bộ an ninh Khu Công Nghiệp.

12.2 Nguy cơ gia nhiệt và nguy cơ gây cháy

Tuyệt đối cấm hút thuốc và sử dụng các nguồn gây cháy.

Cá nhân bị phát hiện hút thuốc trong Khu Vực Hóa Dầu sẽ bị cấm vào Khu Công Nghiệp vĩnh viễn.

13 Xây dựng/ Bảo dưỡng giá đỡ đường ống hoặc Cầu cảng

Mọi hoạt động xây dựng tại, trên hoặc xung quanh Hành Lang Đường Ống hoặc Cầu Cảng cần có sự đồng ý bằng văn bản của Bên Phân Phối Dịch Vụ và Tiềm Ích trước khi tiến hành.

13.1 Cổng

Để bảo đảm an toàn cho con người và phương tiện ra vào Khu Vực Hóa Dầu, mọi lối vào của Khu Đất phải rộng tối thiểu 8,5 (Tám phẩy năm) mét. Cổng chính của Khu Đất phải thiết kế Khoảng Lùi sâu 8 (Tám) mét đối với Khu Đất và Tải Sản Gắn Liên Với Đất ở Khu Vực Hóa Dầu. Bán kính thiết kế cho xe quay đầu R = 10 (mười) mét. Thiết kế cổng tuân thủ theo thiết kế cổng Kiểu 2 minh họa tại Phụ lục 2 dưới đây.

13.2 Quy định chung

Đường Ống của Bên Thuê từ Cầu cảng đến Khu Đất, cứ cách 10 (Mười) m ghi tên của Bên Thuê và tên loại hàng hóa của Bên Thuê trên đường ống và được tiến hành bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo tình trạng không bị mờ chữ.

Bên Thuê phải đảm bảo các đường ống trên các giá đỡ và các đường ống phải được sơn đồng đều cùng màu trên toàn bộ chiều dài.

13.3 Công việc xây dựng

Bên Thuê nộp các tài liệu sau để được Bên Cho Thuê chấp thuận trước khi tiến hành thi công lắp đặt Đường Ống:

- (i) Thiết kế mặt cắt ngang của Đường Ống;

14.3 Giao thông

Thuyền trưởng Tàu đắm va vào Cầu Cảng, phao dẫn đường, dềm va, v.v không được phép điều khiển Tàu tới Cầu Cảng trong vòng 6 (sáu) tháng.

14.4 Hạn chế ra vào Cầu Cảng

Trường hợp Bên Thuê đã nhận bàn giao Cầu Cảng và có sự cố xảy ra, Bên Cho Thuê có quyền không cho Bên Thuê sử dụng Cầu Cảng cho đến khi các thiệt hại đã được khắc phục và giải quyết. Bên Cho Thuê không chịu trách nhiệm với Bên Thuê đối với mất mát về lợi nhuận, mất mát doanh thu, mất cơ hội do việc ngừng hoạt động của Bên Thuê do việc thực hiện trách nhiệm của Bên Cho Thuê theo quy định tại mục này. Trường hợp Bên Thuê không trang bị thiết bị PCCC phù hợp cho việc sử dụng Cầu Cảng/Khu Đất và Tài Sản Gắn Liền Với Đất và/hoặc triển khai thi công Công Trình, Bên Cho Thuê có quyền không cho Tàu sử dụng Cầu Cảng cho đến khi các thiết bị đó đã được lắp đặt.

14.5 Làm hàng tại Cầu Cảng

Trước, trong và sau khi quá trình bơm sản phẩm và/hoặc hàng hóa từ tàu đến kho và ngược lại, Bên Thuê không được làm tràn/rò rỉ hàng hóa cũng như không được đặt họng nhập hàng của Bên Thuê trên họng nhập hàng của các bên khác và phải bàn giao lại họng nhập hàng ở vị trí an toàn bên cạnh đường ống để đảm bảo công việc này không gây cản trở trên lối đi lại trên Cầu Cảng.

CHƯƠNG IV. THỰC HIỆN NỘI QUY KCN

15.1 Nội Quy KCN này thay thế cho các phiên bản trước đây kể từ ngày được ghi tại phần đầu của tài liệu và sẽ được thông báo công khai cho tất cả các Bên Thuê trong Khu Công Nghiệp.

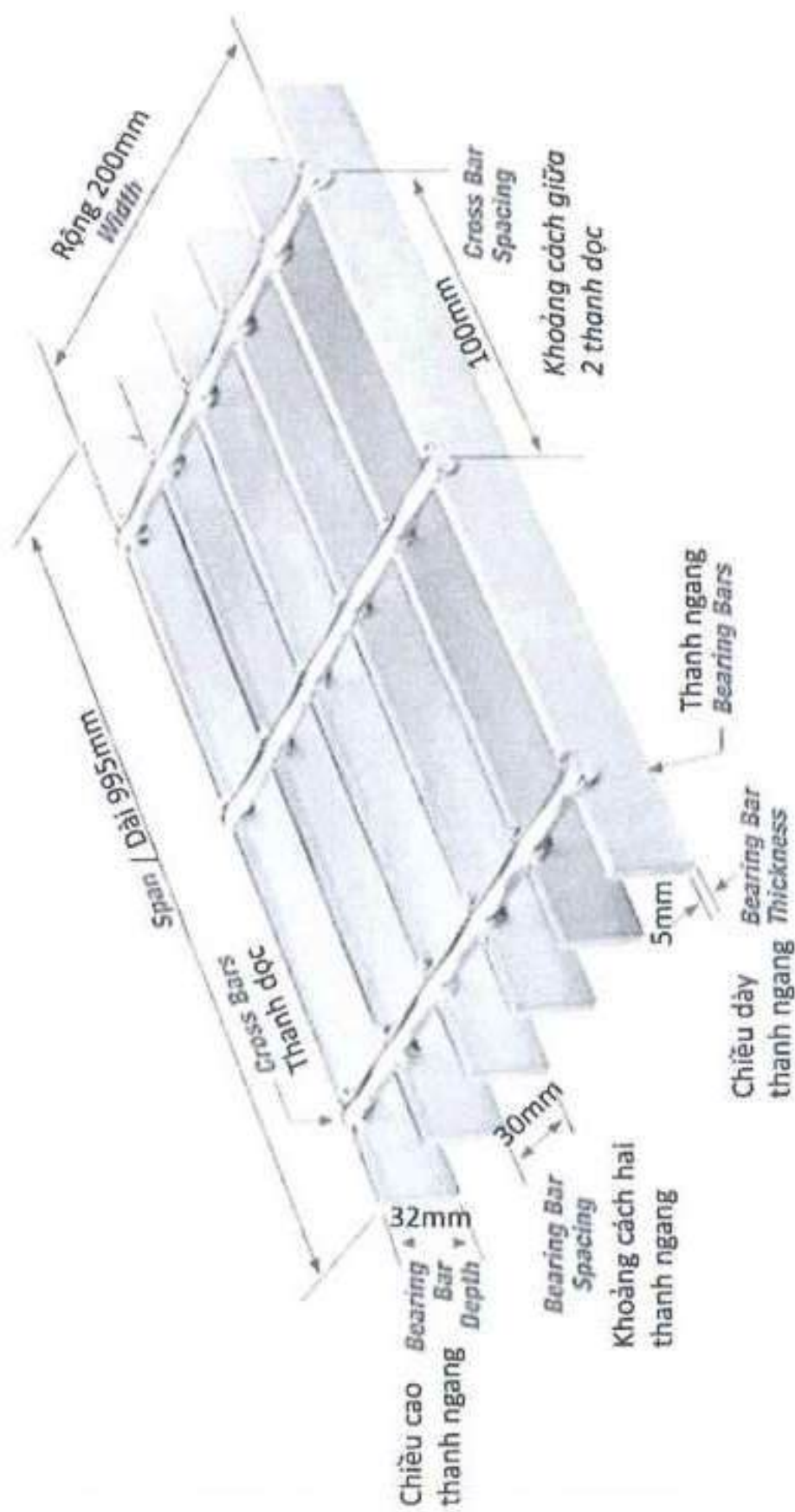
15.2 Các từ viết hoa được sử dụng trong Nội Quy KCN này, trừ khi có định nghĩa khác trong Nội Quy KCN này, có cùng cách diễn giải như được quy định trong Hợp Đồng Thuê Đất và Sử Dụng Cơ Sở Hạ Tầng.

15.3 Nội Quy KCN này là một phần không tách rời của Hợp Đồng và được hiểu là phù hợp với các quy tắc diễn giải áp dụng trong Hợp Đồng Thuê Đất và Sử Dụng Cơ Sở Hạ Tầng. Trường hợp có sự khác biệt giữa Nội Quy KCN này và Hợp Đồng Thuê Đất và Sử Dụng Cơ Sở Hạ Tầng, nội dung trong Hợp Đồng Thuê Đất và Sử Dụng Cơ Sở Hạ Tầng sẽ được ưu tiên áp dụng.

PHỤ LỤC 2

2.1 YÊU CẦU THIẾT KẾ CÔNG CHÍNH RA VÀO KHU ĐẤT THUẾ - KIỂU 1

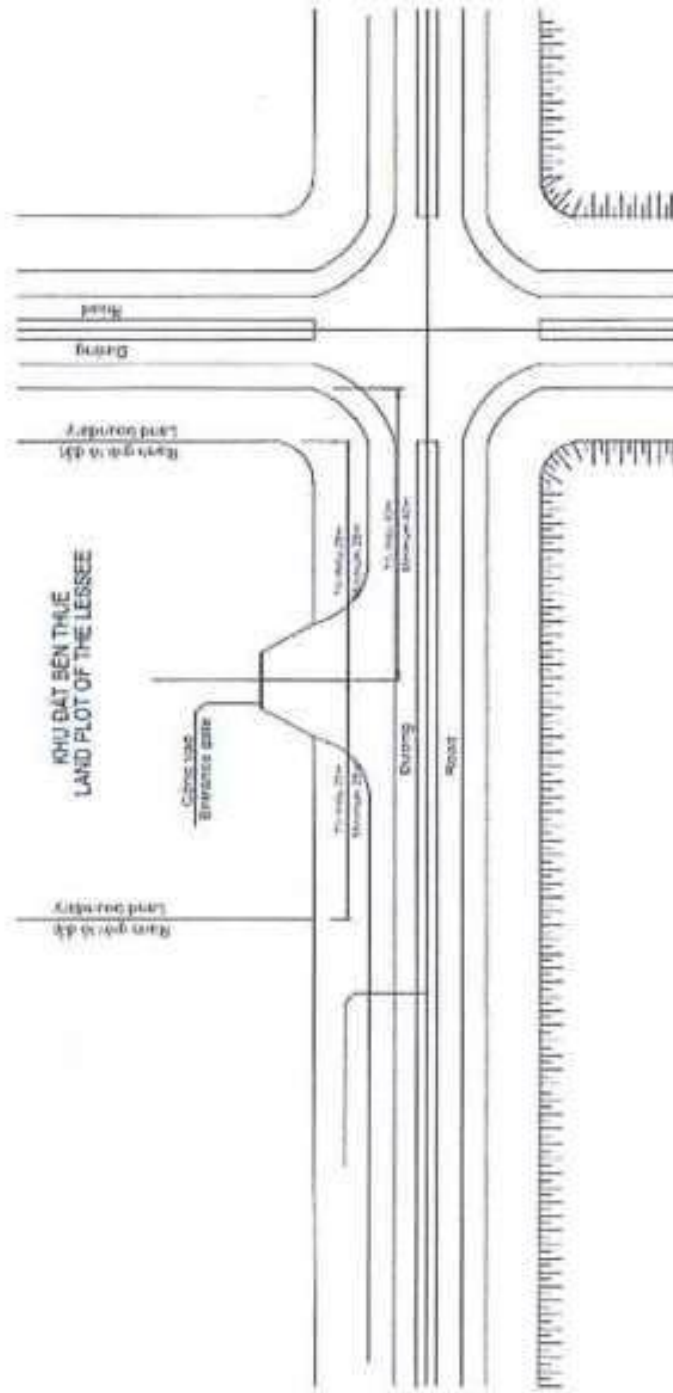
QUY ĐỊNH THIẾT KẾ MẶT BẰNG CỔNG CHÍNH NHÀ MÁY (NGOÀI KHU VỰC HÓA DẦU)
REQUIRED LAYOUT OF MAIN GATE (NON PETROCHEMICAL AREA)



Quy cách thiết kế rãnh thu nước

2.3. KHOẢNG CÁCH TỪ ĐIỂM GIAO CẮT ĐƯỜNG VÀ RANH GIỚI KHU ĐẤT THUÊ

KHOẢNG CÁCH TỪ CỔNG ĐẾN ĐIỂM GIAO CẮT ĐƯỜNG & ĐƯỜNG RANH GIỚI LỘ ĐẤT
DISTANCE FROM GATE TO ROAD INTERSECTION & LAND BOUNDARY

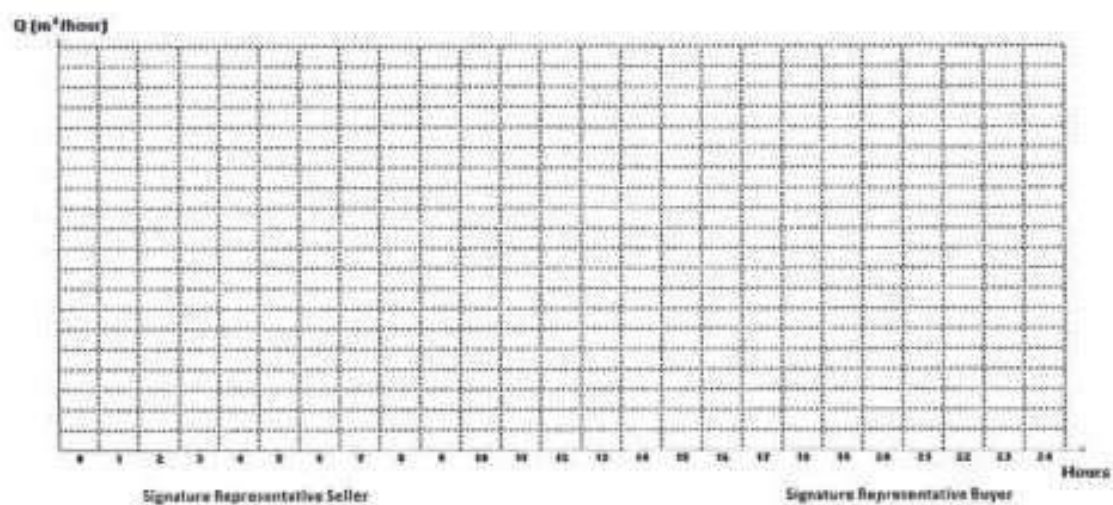


26	Organophosphorus Pesticides	mg/l	0.3
27	Organochlorinated Pesticides	mg/l	0.1
28	Sulfide ion	mg/l	0.5
29	Fluoride (F)	mg/l	10
30	Chloride (Cl)	mg/l	1000
31	Ammonium (NH ₄) (as N)	mg/l	10
32	Total Nitrogen (N)	mg/l	40
33	Total Phosphours (P)	mg/l	6
34	Coliform	MPN/100ml	10,000
35	Total α - ray Activity	Bq/l	0.1
36	Total β - ray Activity	Bq/l	1

PHỤ LỤC 5
BIỂU ĐỒ SỬ DỤNG TIỆN ÍCH NƯỚC SẠCH

Water Utilities Load Chart

Customer



I have read, understood and commit to comply with the approved MOS and instruction, supervision of Authorized person. During construction work, installation, I and my team shall obey DEEP C internal regulation as provided in attached herewith. Any damages to the Common Utilities and claim by tenants shall be subject to indemnification to DEEP C and our DEEP C's tenants subject to attached penalty table and actual loss/damages.

Tôi đã đọc, hiểu và cam kết sẽ tuân thủ đúng Biện pháp thi công đã được phê duyệt và chỉ dẫn, giám sát của Người có thẩm quyền. Trong quá trình thi công xây dựng, lắp đặt, tôi và nhóm của mình sẽ tuân theo quy định nội bộ của DEEP C được quy định trong tài liệu đính kèm. Và có trách nhiệm bồi thường cho DEEP C và khách hàng của DEEP C khi xảy ra bất kỳ hư hỏng nào đối với các Tiện ích chung và theo khiếu nại của các khách hàng theo bảng chế tài đính kèm và tổn thất/thiệt hại thực tế.

Tel/Điện thoại:

Name & Signature:

Tên và chữ ký

Date/Ngày:

E. Completion PTW/ Hoàn thiện giấy phép làm việc

The works are completed on/Công việc đã hoàn thành vào ngày: / /
I certify that this job is complete, all machineries and materials have been removed. The job site has been left clean and tidy/ Tôi xác nhận rằng công việc đã hoàn tất, tất cả các thiết bị đã được di dời. Công trường đã được dọn dẹp sạch sẽ và gọn gàng.

	PTW Applicant Người xin cấp giấy phép	Entities/ Dept. in charge Đơn vị/Phòng phụ trách	Engineering Dept. Phòng kỹ thuật	POF
Name & signature Tên và chữ ký				

PHỤ LỤC 7

ĐẦU MỐI LIÊN HỆ CỦA KHU CÔNG NGHIỆP

PHÒNG LIÊN HỆ	NGƯỜI PHỤ TRÁCH	SỐ LIÊN HỆ
Phòng Quản lý tiện ích KCN	Ông Vũ Hồng Minh – Phó phòng Quản lý tiện ích KCN Ông David Van der Meeren – Trưởng bộ	T: 0225 3 614 255 M: 0902 240 740 (Ông Minh) E: minh.vu@deepe.vn david.vanderveeren@deepe.vn
Phụ trách Khu Vực Hóa Dầu	Ông Trần Mạnh Chiến – Phụ trách giám sát cầu cảng	T: 0225 3 714 879 M: 091 211 9014 E: jetty@deepe.vn
Phòng kỹ thuật (liên quan đến Tổng mặt bằng)	Ông Đỗ Công Tuấn	E: tuan.do@deepe.vn M: 0979 630 6686
Phòng kỹ thuật (liên quan đến biện pháp thi công và các hoạt động xây dựng tại công trường)	DEEP C 1:	E: dang.dang@deepe.vn
	Ông Đặng Hải Đăng	M: 0904397079
	DEEP C 2: Ông Nguyễn Xuân Thắng	E: thang.nguyen@deepe.vn M: 0915 199 209
	DEEP C 3:	E: manh.dang@deepe.vn
	Ông Đặng Công Mạnh	M: 0987 198 007
Kỹ sư điện	DEEP C Red:	E: cong.hui@deepe.vn
	Ông Bùi Văn Công	M: 070 575 8585
Nước/ nước thải	Ông Hồ Quang Lâm	0913 325 649
	Bà Nguyễn Thị Minh Thu	0225 3 625 168/0945 351 015
Chăm sóc khách hàng	Bà Đào Thị Ngọc Quỳnh - Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng	T: 0225 3 836 169 F: 0225 3 859 130 Ms. Quỳnh 0904 124 628 E: quynh.dao@deepe.vn

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp
Deep C2A” tại phường Đông Hải 2 và phường Tràng Cát, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Deep C2A” tại phường Đông Hải 2 và phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng họp ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại Hà Nội;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Deep C2A” tại phường Đông Hải 2 và phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 014/2019/HPIP-ENV ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Deep C2A” tại phường Đông Hải 2 và phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung sau:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Xây dựng và vận hành hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Deep C2A trên diện tích khoảng 513,4 ha tại phường Đông Hải 2 và phường Tràng Cát, quận

Hải An, thành phố Hải Phòng theo Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000.

Dự án tiến hành xây dựng và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, bao gồm các hạng mục công trình chính như sau:

1.1. Hoàn thành san lấp mặt bằng với khối lượng san nền còn lại khoảng 91,2% tương đương với 468,4 ha.

1.2. Hệ thống giao thông.

1.3. Hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

1.4. Hệ thống cấp nước.

1.5. Hệ thống thông tin liên lạc.

1.6. Hệ thống thoát nước mưa.

1.7. Khu cây xanh, mặt nước.

1.8. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải với tổng công suất trạm xử lý nước thải công nghiệp là 14.000 m³/ngày.đêm, bao gồm hạng mục công trình hỗ trợ phó sự cố với tổng dung tích 25.000 m³.

Chi tiết các hạng mục công trình của Dự án được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường phê duyệt kèm theo Quyết định này.

Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường không bao gồm hoạt động: (1) xây dựng tuyến đê biển quốc gia, (2) khai thác và vận chuyển các loại nguyên liệu, vật liệu phục vụ thi công hạ tầng khu công nghiệp.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Tuân thủ các quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

2.2. Chỉ tiếp nhận vào khu công nghiệp các dự án đầu tư thuộc những ngành nghề đăng ký và được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, thực hiện phân khu chức năng trong khu công nghiệp và đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh theo quy định.

2.3. Quy định cụ thể đối với các dự án đầu tư vào khu công nghiệp về việc xử lý nước thải và thực hiện biện pháp kiểm soát các nguồn nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

2.4. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành, Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng Khu công nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2.5. Thực hiện việc thu gom nước thải công nghiệp về xử lý tại trạm xử lý

nước thải công nghiệp của Khu công nghiệp Đình Vũ trong giai đoạn đầu theo nội dung chấp thuận tại Công văn số 1559/BTNMT-TCMT ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong các giai đoạn tiếp theo, tiến hành xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung đảm bảo toàn bộ các loại nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp cột B với các hệ số $K_q = 1,3$ và $K_r = 0,9$ trước khi thải ra môi trường; không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự cố với trạm xử lý nước thải tập trung hoặc nước thải sau xử lý không đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B với các hệ số nêu trên; lắp đặt và vận hành hệ thống giám sát tự động lưu lượng và các thông số nhiệt độ, pH, DO, COD, TSS của nước thải tại cửa xả trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp; kết nối kết quả quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng để theo dõi, giám sát; bố trí cửa xả ở vị trí thuận lợi, minh bạch cho việc kiểm tra, giám sát.

2.6. Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.7. Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong toàn bộ các hoạt động của Dự án.

2.8. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Chỉ được triển khai thực hiện Dự án khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

3.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và vận hành của Dự án.

3.3. Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý khu kinh tế thành phố Hải Phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng trong quá trình thực hiện Dự

án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *an*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Sở TN&MT thành phố Hải Phòng;
- Ban Quản lý Khu kinh tế thành phố Hải Phòng;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Lưu: VT, TCMT(3), VPMC, VTH11.

an *an*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG
Ký bởi: Bộ Tài
nguyên và Môi
trường
Email:
bctnmt@monre.gov.vn

Họ Tâi
nguyên và Môi
trường
Ngày ký: 25.06.2019
10:16:18 +07:00
Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thư gửi	
CĐ	
ĐGD-Ngành	
ĐGD-Hành	
MKT	
TAM	
ENG	
PO	
Admin	

Số: 1559 /BTNMT-TCMT

Thu gom và xử lý nước thải công nghiệp tập trung tại KCN Đình Vũ thành phố Hải Phòng.

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ

RECEIVED

08 APR 2019

Phúc đáp Văn bản số 027/2019/DVIZ-EN ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ về việc đề xuất thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án "Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Đình Vũ - giai đoạn II", Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau: -

1. Chấp thuận việc thu gom và xử lý nước thải công nghiệp của Khu công nghiệp Deep C2A (Chủ đầu tư là Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ) và Khu công nghiệp Deep C2B (Chủ đầu tư là Công ty cổ phần Công nghiệp Hồng Đức) tại trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ (Chủ đầu tư là Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ) theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu. Trong quá trình thực hiện, Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ chịu trách nhiệm về hiệu quả xử lý nước thải công nghiệp tại trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ theo quy định. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung được đề xuất điều chỉnh và thực hiện cam kết về tiến độ đầu tư môi trường xử lý nước thải công nghiệp tập trung như trong Văn bản số 027/2019/DVIZ-EN ngày 30 tháng 01 năm 2019 và hồ sơ đính kèm.

2. Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

- Vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Đình Vũ theo Quyết định số 537/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án, Giấy Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án số 81/GXN-TCMT ngày 20 tháng 7 năm 2015 của Tổng cục Môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2842/GP-BTNMT ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thu hút các ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp theo quy định và phù hợp với năng lực thu gom, xử lý nước thải của trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung Khu công nghiệp Đình Vũ. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn nước thải công nghiệp được thu gom và tiếp tục thực hiện việc quan trắc tự động nước thải công nghiệp sau xử lý. Không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự

cổ với trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung hoặc xử lý nước thải công nghiệp không đạt quy chuẩn ra môi trường. Nghiêm túc thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố hỏa chất và kế hoạch ứng phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành Khu công nghiệp Đình Vũ;

- Tuân thủ quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Hải Phòng (để phối hợp);
- Sở TN&MT thành phố Hải Phòng;
- Công ty cổ phần Công nghiệp Hồng Đức (để thực hiện);
- Lưu: VT, TCMT (TD(2), MTMB).VTH9.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 311 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 66A/2023/CV-TĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1)" - Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (223,7 ha) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ, địa chỉ tại Số 768B Ngô Gia Tự, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1)" - Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (diện tích 223,7 ha), tại phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1) - Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (diện tích 223,7 ha).

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2228055434 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 01 năm 2018 (Cấp đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 02221000024 cấp ngày 06 tháng 5 năm 2009); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200765782 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0200765782.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư:

- Nhóm ngành gia công chế tạo cơ khí chế tạo lắp ráp: Lắp ráp máy móc công cụ; Sản xuất thiết bị chuyên dụng cho các nhà máy; Sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy; Sản xuất các sản phẩm dùng trong nông, lâm nghiệp (không có hóa chất bảo vệ thực vật); Sản xuất các thiết bị dùng trong du lịch; Cơ khí, chế tạo máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện, chế tạo và lắp ráp các kết cấu thép; Sản xuất khuôn chính xác, linh kiện nhựa chính xác; Chế tạo sản xuất thiết bị kiểm định chuẩn đoán ô tô, bộ phận linh kiện ô tô; Chế tạo sản xuất động cơ (motor) cho thiết bị gia dụng; Sản xuất, gia công chế tạo sản phẩm các loại nút xốp dùng cho ngành ô tô, đồ gia dụng; Sản xuất chế tạo bộ phận linh kiện hệ thống an toàn thụ động ô tô,....

- Nhóm ngành công nghiệp điện tử, điện lạnh: Sản xuất hàng điện tử và vi điện tử; Lắp ráp hệ thống thiết bị điện tử viễn thông; Sản xuất và lắp ráp điện thoại di động; Sản xuất và lắp ráp máy vi tính; Chế tạo khuôn mẫu; Sản xuất thiết bị điện lạnh cho tiêu dùng và công nghiệp; Cấp điện công nghiệp và viễn thông (không sản xuất sim mạng); Công nghiệp điện máy, sản xuất máy móc, thiết bị phụ tùng điện công nghiệp và điện gia dụng; Ngành công nghiệp điện tử, công nghệ tin học, phương tiện thông tin, viễn thông, truyền hình, công nghệ kỹ thuật cao,...

- Nhóm ngành thiết bị điện: Sản xuất các loại ổ cắm, phích cắm, công tắc, atomat, lưu điện, máy hút bụi; Sản xuất dây và cáp điện; Sản xuất hệ thống phát điện dùng năng lượng gió, mặt trời, thủy triều, sóng biển, địa nhiệt,....

- Nhóm vật liệu xây dựng: Sản xuất vật liệu nhẹ, siêu nhẹ dùng để làm tường, vách ngăn; Sản xuất các vật liệu xây dựng không nung; Sản xuất các loại ngói tráng men, ngói trang trí,....

- Nhóm ngành hóa chất - cao su nhựa: Sản xuất các sản phẩm hóa dầu; Xây dựng vận hành đường ống dẫn dầu, dẫn khí, kho chứa LPG; Sản xuất sơn (đáp ứng các điều kiện theo quy định); Sản xuất hóa chất, cao su và hóa mỹ phẩm,...

- Nhóm ngành công nghiệp nhẹ: Sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành may mặc (công nghiệp hỗ trợ); may mặc (không thực hiện công đoạn nhuộm); dệt sợi, các sản phẩm nhựa; dụng cụ thể thao,...

- Nhóm ngành sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao.

- Nhóm ngành sản xuất vật liệu bao bì đóng gói.

- Hậu cần và kho vận.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 1.329,11 ha (khu đất phía Bắc có tổng diện tích 369,7 ha và khu đất phía Nam có tổng diện tích 959,41 ha).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô công suất:

+ Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1) - Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (diện tích 223,7 ha).

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc, công suất 2.500 m³/ngày (Đã hoàn thành).

+ Khu vực diện tích 300 m² trong khu kỹ thuật đầu mối 1 làm khu lưu chứa chất thải của khu công nghiệp. Được chia thành 3 ngăn để lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. Trong đó diện tích kho lưu giữ chất thải rắn thông thường là 262,5 m², còn kho chứa chất thải nguy hại là 37,5 m² (Đã hoàn thành).

+ Đầu tư trạm bơm cưỡng bức nước mưa từ hồ điều hòa của hệ thống thu gom và thoát nước mưa, đường ống xả nước thải sau xử lý cùng điểm xả thải nước thải của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1) (Chưa thực hiện).

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 2) công suất 6.700 m³/ngày - khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) công suất 2.500 m³/ngày khu phía Nam (diện tích 223,7 ha) (Chưa thực hiện).

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng trên phần diện tích 735,71 ha khu phía Nam, bao gồm: san nền 40% diện tích; xây dựng hệ thống giao thông; hệ thống thoát nước thải, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thông tin liên lạc,... hệ thống xử lý nước thải công suất 25.300 m³/ngày) (Chưa thực hiện).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô

nhiệm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày ³⁰..... tháng ⁸..... năm 2023 đến ngày tháng năm 2030).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 119/GP-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 54/GXN-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19 tháng 7 năm 2021 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND thành phố Hải Phòng (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng;
- Ban Quản lý Khu kinh tế thành phố Hải Phòng;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ;
- Lưu: VT, KSONMT, TT.12.



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành tạm thời khu công nghiệp – khu phía Bắc tại trạm bơm nước cấp và phòng cháy chữa cháy của khu công nghiệp.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc.
- Nguồn số 03: Nước rỉ rác từ khu vực nhà rác (các kho chất thải) - khu phía Bắc.
- Nguồn số 04: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp - khu phía Bắc.
- Nguồn số 05: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp - khu phía Nam (diện tích 223,7 ha).
- Nguồn số 06: Nước thải từ máy ép bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Vùng nước biển ven bờ cửa Nam Triệu, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc công suất thiết kế 2.500 m³/ngày.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Tọa độ điểm xả thải: X = 2302541; Y = 611972.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' mũi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.500 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Bơm cưỡng bức, xả mặt, xả ven bờ.
- Nước thải sau khi xử lý được bơm cưỡng bức theo đường ống HDPE ra hố ga cuối và tự chảy ra vùng nước biển ven bờ cửa Nam Triệu. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp

ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 1,3$ và $K_t = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	Màu	Pt/Co	150		-
3	pH	-	5,5 - 9		Đã lắp đặt
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	65		-
5	COD	mg/l	195		Đã lắp đặt
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	130		Đã lắp đặt
7	Axen	mg/l	0,13		-
8	Thủy ngân	mg/l	0,013		-
9	Chì	mg/l	0,65		-
10	Cadimi	mg/l	0,13		-
11	Crom (VI)	mg/l	0,13		-
12	Crom (III)	mg/l	1,3		-
13	Đồng	mg/l	2,6		-
14	Kẽm	mg/l	3,9		-
15	Niken	mg/l	0,65		-
16	Mangan	mg/l	1,3		-
17	Sắt	mg/l	6,5		-
18	Tổng xianua	mg/l	0,13		-
19	Tổng Phenol	mg/l	0,65		-
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	13		-
21	Sunfua	mg/l	0,65		-
22	Florua	mg/l	13		-
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	13		Đã lắp đặt
24	Tổng nitơ	mg/l	52		-
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	7,8		-
26	Clo dư	mg/l	2,6		-
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,13	01 năm/lần	-
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1,3		-

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
29	Tổng PCB	mg/l	0,013		-
30	Coliform	VK/100 ml	5.000	03 tháng/lần	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		-
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành tạm thời khu công nghiệp - khu phía Bắc tại trạm bơm nước cấp và phòng cháy chữa cháy được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại (thể tích 2,72 m³), sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại (thể tích 2,72 m³), sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước rỉ rác từ khu vực nhà rác - khu phía Bắc được thu gom về hố ga và hố bơm sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp - khu phía Bắc, được xử lý sơ bộ tại các doanh nghiệp để đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp - khu phía Nam (diện tích 233,7 ha), được xử lý sơ bộ tại các doanh nghiệp để đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trước khi thu gom về 02 trạm bơm nước thải nổi tiếp (thể tích 65m³/trạm và công suất bơm đẩy là 125 m³/giờ) và bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải từ máy ép bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc được thu gom về bể trung hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể trung hòa → Hồ kỵ khí → Bể Aerotank 1, 2 → Bể lắng 1, 2 → Hồ sinh học → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 2.500 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H_2SO_4 , $FeCl_3$, Clorin, ri mật, vi sinh (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

- Đã đầu tư 01 máy ép bùn 2,2 kW cho hệ thống xử lý nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại bể chứa nước thải sau xử lý, trước khi xả ra môi trường.

- Thông số lắp đặt: pH, nhiệt độ, COD, TSS, lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng theo dõi, giám sát. (Thông số pH, nhiệt độ, COD, DO, TSS, lưu lượng xả thải đã hoàn thành và được xác nhận việc dẫn truyền dữ liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng tại biên bản xác nhận của đại diện Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng và Trung tâm quan trắc môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 12 năm 2019; Amoni, lưu lượng đầu vào đã hoàn thành và được xác nhận việc dẫn truyền dữ liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng tại biên bản xác nhận của đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng và Trung tâm quan trắc môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 5 năm 2021).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích $5.772 m^3$. Đáy và thành hồ được xây bằng bê tông cốt thép, đảm bảo chống rò rỉ, không thấm thấu nước ra môi trường. Mực nước trong hồ được duy trì ở cao độ +2,0 m so với đáy hồ để bảo dưỡng công trình.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, ngừng bơm nước thải sau xử lý ra môi trường. Bơm toàn bộ nước mưa lưu chứa trong hồ sự cố ra hệ thống thoát nước mưa khu công nghiệp, sau đó nước thải từ bể thu gom và bể chứa nước thải sau xử lý được bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể trung hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

- Trường hợp 01 trong 02 bể Aerotank của hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố thiết bị, nước thải đầu vào được xử lý bằng bể Aerotank còn lại, đồng thời bơm toàn bộ nước mưa lưu chứa trong hồ sự cố ra hệ thống thoát nước mưa khu công nghiệp. Sau đó nước thải từ bể Aerotank bị sự cố được bơm về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể trung hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Trường hợp cả 02 bể Aerotank của hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố thiết bị, ngừng bơm nước thải sau xử lý ra môi trường. Bơm toàn bộ nước mưa lưu chứa trong hồ sự cố ra hệ thống thoát nước mưa khu công nghiệp, sau đó nước thải tại các bể

Aerotank, bể thu gom, bể chứa nước thải sau xử lý sẽ được bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể trung hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động phát sinh nước thải từ các doanh nghiệp, kiểm tra đầu nổi và song chắn rác. Lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng nạo vét đường ống để phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp sự cố tắc nghẽn và rò rỉ trong hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên vệ sinh và nạo vét các trạm bơm trung chuyển hạn chế gây sự cố cho bơm trung chuyển.

- Bố trí cán bộ chuyên môn chịu trách nhiệm vận hành, giám sát hệ thống đồng thời ghi nhật ký vận hành đầy đủ.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các trang thiết bị, hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Trang bị một số thiết bị dự phòng cho một số máy móc dễ hư hỏng như bơm dự phòng, máy thổi khí, các phụ tùng khác...

- Đối với chất lượng nước thải sau xử lý: Công tác giám sát chất lượng nước thải sau xử lý được thực hiện liên tục, tự động thông qua trạm quan trắc chất lượng nước thải. Số liệu quan trắc được lưu trữ và theo dõi tại Công ty. Trường hợp phát hiện sự cố, Đơn vị vận hành sẽ tiến hành khắc phục ngay.

- Đối với chất lượng nước thải tại các công đoạn: Định kỳ 02 lần/ngày (sáng và chiều), Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra theo dõi chất lượng nước thải tại công đoạn để phát sinh sự cố như bể Aerotank, hồ sinh học thông qua cảm quan như: màu, mùi, mật độ bùn vi sinh (tại bể Aerotank), cá thể thủy sinh (hồ sinh học) và các thiết bị cảm tay như: pH, DO, độ dẫn điện. Trong trường hợp chất lượng nước thải tại các công đoạn này bắt đầu diễn biến xấu thì tiến hành cô lập dòng nước thải và khắc phục ngay.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (đầu vào khu công nghiệp)
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	45
2	Màu	Pt/Co	170
3	pH	-	5 – 9
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	300
5	COD	mg/l	500
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200
7	Asen (As)	mg/l	0,1
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,01
9	Chì (Pb)	mg/l	0,5
10	Cadimi (Cd)	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (đầu vào khu công nghiệp)
13	Đồng (Cu)	mg/l	2
14	Kẽm (Zn)	mg/l	3
15	Niken (Ni)	mg/l	0,5
16	Mangan (Mn)	mg/l	1
17	Sắt (Fe)	mg/l	5
18	Tổng xianua (CN ⁻)	mg/l	0,1
19	Tổng Phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,5
22	Florua (F ⁻)	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	20
24	Tổng nitơ	mg/l	80
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	8
26	Clo dư	mg/l	2
27	Clorua	mg/l	1.000
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,01
31	Coliform	Vi khuẩn/100 ml	7.500
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
34	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	10

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường này.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc, công suất 2.500 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tại bể thu gom.

- Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tại bể chứa nước thải sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (theo cam kết của chủ đầu tư), cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của khu công nghiệp.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường

và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Chủ dự án được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.8. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 5kVA tại trạm bơm trên tuyến đường T18 khu phía Bắc.
- Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 5kVA tại trạm bơm trên tuyến đường T19 khu phía Bắc.
- Nguồn số 03: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 125kVA tại trạm bơm số 1 khu phía Nam.
- Nguồn số 04: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 125kVA tại trạm bơm số 2 khu phía Nam.
- Nguồn số 05: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 125kVA tại trạm xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc của Khu công nghiệp.
- Nguồn số 06: Khu vực máy thổi khí của trạm xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc của Khu công nghiệp.
- Nguồn số 07: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 80kVA tại trạm bơm nước thải sau xử lý (bể 400m³).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 2302438; Y = 610558
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 2302901; Y = 610546
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 2301285; Y = 610095
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 2300122; Y = 610134
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 2302694; Y = 610012
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 2302680; Y = 609984
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 2302581; Y = 610408

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' mũi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
I	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giám thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chung loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	350
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	20
TỔNG KHỐI LƯỢNG			370

1.2. Khối lượng, chung loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	5
2	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 02	2
3	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	119.110
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	40
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	50
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	100
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	200
TỔNG KHỐI LƯỢNG			119.507

Chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

1.3. Khối lượng, chung loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bao bì không chứa thành phần nguy hại thải	0,05
2	Cặn thải từ quá trình nạo vét hệ thống thu gom nước mưa Khu công nghiệp	0,6
TỔNG KHỐI LƯỢNG		0,65

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	85,6
	Tổng khối lượng	85,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa, có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng và bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho chứa có diện tích 37,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho:

+ Móng xây gạch đặc; nền bê tông trên lớp base đầm chặt dày 20 cm, mái lợp tôn sóng; tường làm tôn; có cửa che chắn bằng tôn có khóa đảm bảo không bị mưa nắng thâm nhập; chiều cao kho chứa 4,4 m.

+ Nền kho có thiết kế rãnh thu kích thước 0,2x0,2m; ga thu chất thải nguy hại lòng phòng sự cố đổ tràn kích thước 0,3x0,3m.

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xèng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải (chất thải công nghiệp phải kiểm soát):

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải → Bể chứa bùn → Máy ép bùn 2,2 kW → Sân phơi bùn (10 m x 5 m) → Bùn khô (lưu giữ trong bao) → Kho chứa chất thải nguy hại.

- Diện tích sân phơi bùn: 50 m².

- Kết cấu sân phơi bùn: Sân đổ bê tông, gạch xây bao quanh cao 0,3 m.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 112,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho:

+ Móng xây gạch đặc; nền bê tông trên lớp base đầm chặt dày 20 cm, có bố trí rãnh thu nước trong nhà rộng 0,2 m; mái lợp tôn sóng dày 0,4 mm; tường xây gạch đặc dày 22 cm; chiều cao kho chứa 4,4 m.

+ Bố trí gờ chắn ngăn nước rỉ rác kích thước 400x150 mm. Sân được đánh mái dốc 1% về phía 3 hố thu nước, nước rỉ rác theo hố thu nước chảy về 2 hố ga và 1 hố bơm kích. Hố bơm có bố trí bơm công suất 0,75 kW, nước rỉ rác theo đường ống áp lực HDPE D20,

chiều dài 100 m về bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 04 xe gom có thể tích 500 lít/xe, có bạt che đảm bảo hạn chế phát sinh mùi và côn trùng gây hại.

- Kho/khu lưu chứa: 150 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có cùng thiết kế, cấu tạo với kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPM-TBTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Công ty đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1895/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt của Dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1) đối với Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (diện tích 223,7 ha) tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1895/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 7 năm 2019) mà chủ cơ sở tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này, bao gồm các nội dung như sau:

2.1. Các hạng mục cơ sở hạ tầng:

- Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng trên phần diện tích đã được san nền của khu phía Nam bao gồm: Xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ; hệ thống thu gom thoát nước mưa; hệ thống cấp nước; hệ thống thu gom thoát nước thải; hệ thống điện chiếu sáng; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy chữa cháy; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống kỹ thuật, cây xanh... (đã thực hiện san nền khoảng 60% diện tích trên phần diện tích 735,71 ha khu phía Nam).

- Tiếp tục hoàn thiện việc san nền trên phần diện tích còn lại của khu vực 735,71 ha khu phía Nam.

2.2. Xây dựng công trình bảo vệ môi trường:

- Xây dựng trạm bơm cưỡng bức nước mưa từ hồ điều hòa của hệ thống thu gom và thoát nước mưa cùng điểm xả thải nước mưa của khu công nghiệp.

- Xây dựng đường ống xả nước thải sau xử lý cùng điểm xả thải nước thải của khu công nghiệp.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Đối với khu phía Bắc: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.700 m³/ngày.

+ Đối với khu phía Nam: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 27.800 m³/ngày khu phía Nam (diện tích 959,41 ha).

+ Chủ đầu tư sẽ chia thành từng modul với công suất 2.500 m³/ngày hoặc theo công

suất phù hợp với tiến độ thu hút đầu tư.

+ Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B với hệ số $K_q = 1,3$ và $K_f = 1,0$).

2.3. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Đối với việc thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt của nhà vệ sinh di động được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) hiện hữu của Khu công nghiệp để xử lý; tuyệt đối không xả thẳng ra ngoài môi trường.

+ Nước thải từ hoạt động rửa bánh xe của phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường được thu gom và xử lý bằng phương pháp hồ lắng 2 ngăn có tấm chắn lọc dầu, hồ lắng có dung tích 3 m^3 , sau đó thải vào hệ thống thoát nước mưa. Bùn đất, cát tại hồ lắng được nạo vét và thuê các đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Váng dầu mỡ, vật liệu hấp phụ dầu được thu gom, lưu chứa tại kho chất thải nguy hại; định kỳ thuê đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động dưỡng hộ bề tông được thu gom, xử lý cạn bằng hồ thu có dung tích khoảng 02 m^3 và lọc qua băng lọc cát trước khi sau đó thu về hệ thống xử lý nước thải hiện hữu để xử lý.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công của Dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 1,3$; $K_f = 1,0$) đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Đối với việc thu gom và xử lý nước mưa trong giai đoạn xây dựng:

Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm trong quá trình thi công. Bố trí rãnh thoát nước bao xung quanh khu vực công trường thu vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn xây dựng:

+ Thường xuyên thu gom đất cát, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và tận dụng cho hoạt động san lấp của Khu công nghiệp.

+ Tận dụng một phần đất đá, bê tông, phế liệu phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng để phục vụ quá trình thi công, xây dựng; phần không sử dụng phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy, sau đó chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát trong giai đoạn xây dựng:

+ Bố trí các thiết bị chuyên dụng chứa chất thải nguy hại, có nắp đậy và dán nhãn, thu gom về kho lưu chứa chất thải hiện hữu diện tích $37,5 \text{ m}^2$ có thùng chứa phân biệt riêng từng loại, dán nhãn và mã, biển cảnh báo, biện pháp thu gom chất thải lỏng và chuyển giao

cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nhiễu tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công:

- + Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bố trí nhân sự tại các chốt để điều tiết giao thông trong phạm vi khu công nghiệp; yêu cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi khu công nghiệp.

- + Trồng cây xanh đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định.

- + Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng:

- + Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.

- + Chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

- + Tưới nước tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất 2 lần/ngày.

- + Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1) tại phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1895/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 7 năm 2019.

2.4. Các biện pháp khác trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: Xây dựng phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công, dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của các hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động thi công xây dựng và vận hành của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành các hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

- Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của khu công nghiệp, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi hoàn thành hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn tiếp theo của dự án, Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn tiếp theo của dự án theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Bụi, khí thải từ 06 máy phát điện dự phòng (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, công suất 5 kVA (02 máy), 125 kVA (03 máy) và 80 kVA (01 máy)), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện) không kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai

thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./



Bảng dữ liệu an toàn (SDS)

Theo Quy định (EC) số 453/2010

PRC X-LINKER LOẠI 2 không dung môi

Ngày cấp: 27-06-2022

Ngày tái đánh giá: 2027-06-05

Phiên bản: 00002.0000

MỤC LỤC DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT VÀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN

1.1. Thông tin chung sản phẩm

Tên chất	: Siloxan và Silicat, H ₂ hydro (SCM008)
Số EC	:
Số đăng ký REACH	:
Số CAS	: 63548-57-2

1.2. Việc sử dụng chất hoặc hỗn hợp do dự định và các cách sử dụng được khuyến cáo không nên thực hiện

1.2.1. Sử dụng được các định và liên quan

- Các nhân liên kết ngoại

1.2.2. Sử dụng được truyền các thông tin

- Không sử dụng cho mục đích khác.

1.3. Chỉ tiết nhà cung cấp bảng dữ liệu an toàn: KCC

Nhà cung cấp nhà sản xuất	Corporation
Địa chỉ	: 881, Guseok-ro, Songdeok-myeon, Wonju-si, Jeollabuk-do
Điện thoại	: 82-43-240-1700
E-mail	:

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Số khẩn cấp trên toàn cầu: 112

Xem phần 16.6 để biết danh sách số điện thoại của các trung tâm chống độc trong khu vực kinh tế Châu Á.

MỤC LỤC CÁC THÔNG TIN HÓA CHẤT

2.1. Phân loại chất hỗn hợp

2.1.1. Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008 CLP

- Không áp dụng

2.2. Yêu cầu nhãn

2.2.1. Nhãn nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008 CLP

- * (Các) biểu tượng nguy hiểm
 - Không áp dụng
- * Từ tín hiệu
 - Không áp dụng
- * Báo cáo nguy hiểm
 - Không áp dụng
- * (Các) tuyên bố phòng ngừa
 - 1) Phòng ngừa
 - Không áp dụng
 - 2) Phản hồi
 - Không áp dụng
 - 3) Xử lý tốt
 - Không áp dụng
 - 4) Sử lý
 - Không áp dụng

2.3. Các nhà nguy hiểm khác

- Không có sẵn

MỤC 3: THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN

3.1. VẬT LIỆU VÀ DỤNG CỤ

Tên	Số (XS)	VẬT TƯ Số đăng ký	% (cấp độ)	Phân loại (1272/2008/ĐC)
Silicon và Silicon, hệ hợp kim	03140-37-2	-	99 - 100	Không phải chất lỏng

3.2. Hỗn hợp

- Không áp dụng

MỤC 4: BIỆN PHÁP CỨU CỨ

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu

Tiếp xúc

- Không có thông tin chung.

Hít vào

- Khi tiếp xúc với lượng lớn bụi hoặc khí độc, hãy di chuyển đến nơi có không khí trong lành.
- Có triệu chứng đau tại cơ thể cần chú ý.

Tiếp xúc với da

- Rửa sạch da với nhiều nước ít nhất 15 phút trong khi chờ bộ phận an toàn và gây độc bị nhiễm bẩn.
- Nếu da bị ngứa hoặc đau bị nhiễm bẩn trước khi rửa tại cơ thể.

Tiếp xúc bằng mắt

- Rửa mắt ngay.

- Rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất 15 phút và gọi bác sĩ hoặc cấp cứu.

Ngập

- Xin báo số từ viên an toàn gây nên sự nguy hiểm.
- Gọi nhiều người hỗ trợ ngay lập tức.

4.2. Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cá cấp tính và biểu hiện chậm

- Không có sẵn

4.3. Dấu hiệu cần đi gặp chuyên gia y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt

- Thông báo cho nhân viên y tế về tình hình bị nhiễm và yêu cầu họ thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp.

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1. Phương tiện chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp

- Khí chất khô, CO2, chất chữa cháy dạng bột thông thường, bình cứu hỏa.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp

- Tránh sử dụng tia nước để chữa cháy.

5.2. Các mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Lưu ý nguy hiểm

- Không có sẵn

5.3. Lưu ý khi vận hành cho tính an toàn

- Sử dụng thiết bị thông gió hoặc quạt cơ học.
- Thông báo cho trạm cứu hỏa địa phương của bạn về thông tin về TSC này và báo hiệu về địa điểm nguy hiểm.
- Sử dụng các thiết bị thông gió hoặc quạt cơ học trong trường hợp cháy lớn và để yên cho cháy nếu không bắt buộc.
- Tránh hít phải vật liệu hoặc các sản phẩm của quá trình đốt cháy.
- Thông tin cần nêu bản chất bị cháy.
- Lưu ý thông tin về cách phân loại.

- Áp dụng các quy trình điều chỉnh phù hợp với khu vực xung quanh.
- Kiểm soát môi đất ở nguồn ô nhiễm và xử lý xử lý nước thải sinh hoạt.

Phần 4. Quản lý môi trường xã hội

4.1. Phòng ngừa và giảm thiểu tác động xã hội từ dự án

- Thiết lập báo cáo: Hàng tháng và báo cáo kết quả.

- Quy trình quản lý: Hàng tháng và hàng năm.
- Thông báo cho các cơ quan có liên quan theo tất cả các quy định hiện hành.

4.1.1. Đánh giá tác động xã hội từ dự án

- Thông tin cho không gian xã hội từ dự án.
- Phân tích tác động xã hội, để người dân có thể hiểu rõ.
- Hàng năm có báo cáo tác động xã hội để người dân có thể hiểu rõ và có thể tham gia vào dự án.
- Các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định khác.
- Thông tin về các cơ quan có liên quan và các quy định khác.

4.2. Những phòng ngừa và giảm thiểu tác động

- Quản lý môi trường và tiếp xúc với môi trường, cũng như các quy định.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Thông tin về các cơ quan có liên quan và các quy định khác.

4.3. Phương pháp và vật liệu để ngăn ngừa và giảm thiểu

4.3.1. Hệ thống quản lý

- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.

4.3.2. Hệ thống quản lý

- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.

4.3.3. Thông tin quản lý

- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.

4.4. Quản lý các phần khác

- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.

Phần 5. Quản lý và môi trường

5.1. Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu tác động

- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.
- Các quy định khác, các quy định khác, các quy định khác.

- không kết nối vào bất kỳ mạng nào khác.

7.2. Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tự nguyện thích

- Bảo quản tại kho lạnh, thông gió.
- Bảo vệ chống chuột và các loài động vật khác.
- Không chứa đựng chất độc hại.
- Lưu trữ tại nơi khô ráo, thoáng mát.
- Không tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng.

7.3. Các yêu cầu khác về bảo quản và vận chuyển

- Bảo quản và vận chuyển theo các quy định của pháp luật về bảo quản và vận chuyển.

8.1. Thông tin điều kiện

8.1.1. Điều kiện bảo quản và vận chuyển

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

Điều kiện bảo quản và vận chuyển theo quy định của pháp luật

- không có yêu cầu

- Vật liệu này ổn định trong điều kiện hỏa quân và nó tự đốt đi không nguy.

10.3. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm - Tự tương

- nguy hiểm sẽ tương xảy ra.

10.4. Điều kiện cần tránh

- Tránh tiếp xúc với các vật liệu và tình trạng không tương thích.
- Tránh: Tiếp xúc trực tiếp, Sốt đỏ, Ngọn lửa và bề mặt nóng

10.5. Vật liệu không tương thích

- Không có sẵn

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

- Có thể phát ra hơi i sẽ cháy nếu gặp lửa.

11. THÔNG TIN ĐỘC HỌC

11.1. Độc tính cấp tính

- Không
 - [Silicon và Silicones, No Hydro] : LD50 > 300000 / g / Chuột (ACUTE)
- Da
 - Không có sẵn
- Hít phải
 - Không có sẵn

11.2. Ăn mòn/kích ứng da

- Không có sẵn

11.3. Tác dụng kích ứng mắt nghiêm trọng

- Không có sẵn

11.4. Thay đổi hô hấp

- Không có sẵn

11.5. Gây tổn thương da

- Không có sẵn

11.6. Năng gây đột biến tế bào máu

- Không có sẵn

11.7. Tính gây ung thư

- IARC
 - Không có sẵn
- OSM
 - Không có sẵn
- ACSN
 - Không có sẵn
- ATP
 - Không có sẵn
- EU CLP
 - Không có sẵn

11.8. Độc tính sinh sản

- Không có sẵn

11.9. Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể (phải điền đủ x 10)

- Không có sẵn

11.10. Đọc tính từ quan mục tiêu cụ thể (phải điền nhiều lần):

- Không có sẵn

11.11. Thời hạn quy định:

- Không có sẵn

ĐỀ 12: THÔNG TIN VỀ TÍNH TÍNH

12.1. Đọc tính

12.1.1. Cơ

- Không có sẵn

12.1.2. Máy chỉ bằng có trong máy

- Không có sẵn

12.1.3. Tần số

- Không có sẵn

12.2. Tính bản vững và khả năng phân hủy

12.2.1. Kiểm tra

- [Silicon và Silicones, 96 nước] : log base = 3,78 (0,6 nước)

12.2.2. Khả năng phân hủy

- Không có sẵn

12.3. Tính năng tích tụ sinh học

12.3.1. Tích lũy sinh học

- Không có sẵn

12.3.2. Khả năng tích tụ sinh học

- Không có sẵn

12.4. Tính di động trong đất

- Không có sẵn

12.5. Kết quả đánh giá PBT và POP

- Không có sẵn

12.6. Các tác động phụ khác

- Không có sẵn

ĐỀ 13: CÁC MỤC DỮ LIỆU

13.1. Phương pháp xử lý chất thải

- Có thể phân loại hai loại chất thải được quy định trên đây như sau: xử lý riêng, có thể phân loại hoặc để phân loại phương pháp để hoặc quy trình xử lý tự nhiên.

- Nếu có thể tách nước thải, xử lý từ bộ tổng quy trình tách nước thải.

- Tiêu hủy bằng cách đốt.

- Sẽ được tiêu hủy bằng phương pháp tách dầu và nước.

- Người sử dụng cần phân hủy phát tự nhiên thải bỏ hoặc áp dụng cho người xử lý chất thải hoặc người tái chế và xử lý chất thải của người khác, người tham gia và vận hành các cơ sở xử lý chất thải.

- Xử lý chất thải phù hợp với tất cả các luật và quy định hiện hành.

ĐỀ 14: THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

14.1. Số lượng

14.1.1. Số UN (ADR/RID/ADR)

- Không áp dụng

14.1.2. Số UNQ (THQG)

- Không áp dụng

14.1.3. Số UNQ (TCAO)

- Không áp dụng

14.2. Các yêu cầu chính của Liên hợp quốc

- Không áp dụng

14.3. (Các) loại nguy hiểm vận chuyển

14.3.1. Lớp ADR/RID/ADR

- Không áp dụng

14.3.2. Lớp ADR/RID/ADR

- Không có sẵn

14.3.3. Số nhân ADR

- Không áp dụng

14.3.4. Lớp DROG

- Không áp dụng

14.3.5. Lớp/Độ phân TCAO

- Không áp dụng

14.3.6. Nhân vận chuyển -

Không áp dụng

14.4. Nhãn đóng gói

14.4.1. Nhãn đóng gói ADR/RID/ADR

- Không áp dụng

14.4.2. Nhãn đóng gói DROG -

Không áp dụng

14.4.3. Nhãn đóng gói TCAO -

Không áp dụng

14.5. Môi nguy hiểm môi trường

- Không áp dụng

14.6. Hạn chế phòng ngừa đối với các loại hàng nguy hiểm

- Vận tải địa phương tuân thủ theo Luật Quản lý an toàn hàng hóa nguy hiểm.

- Việc đóng gói và vận chuyển tuân theo các yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải (DOT) và các cơ quan quản lý khác.

- ICH OADR - Không có sẵn

- ICH TADR - Không có sẵn

- Vận tải hàng không (IATA): Sản phẩm này không được phân loại là nguy hiểm đối với vận tải IATA.

14.7. Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

- Không áp dụng

Phần 15: Yêu cầu vận chuyển

15.1. Quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất hoặc hỗn hợp

13.1.1. Quy định Châu Âu

13.1.1.1 REACH (Chức năng hạn chế theo REACH)

- không áp dụng

13.1.1.2 REACH Các chất bị cấm/cấp phép theo REACH

- không áp dụng

13.1.1.3 PMT SVHC

- không áp dụng

13.1.1.4 PBT Châu Âu -

- không áp dụng

13.1.1.5 Văn chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ của Liên minh Châu Âu (EII) - Đánh giá hàng hóa nguy hiểm

- không áp dụng

15.2. Đánh giá an toàn hóa chất

- không triển khai

PHẦN II: GIỚI THIỆU

16.1. Chỉ báo thay đổi

- Bảng dữ liệu an toàn đã được xem xét và dữ liệu trong đó đã được sửa đổi và trình bày theo yêu cầu của Quy định của Ủy ban (EU) số 453/2010

16.2. OW viết tắt và từ viết tắt

- 1272/2008 CLP : Quy định về phân loại, ghi nhãn và đóng gói.
- REACH : Bảng kê, đánh giá và cấp phép các chất hóa học.
- SDS : Lấy mẫu không có hiệu ứng
- PBT : Bảng kê dự đoán không an toàn

16.3. Tài liệu tham khảo chính và nguồn dữ liệu

- Bảng dữ liệu An toàn này đã được biên soạn với dữ liệu và thông tin từ các nguồn sau: REACH, ECHA, MSDS, SDS, CLP, Datasheet, CEAS, Hóa chất 20

16.4. Thủ tục phân loại

- Việc phân loại hỗn hợp được tiến hành dựa trên việc phân loại các thành phần riêng lẻ theo các quy tắc được nêu trong Quy định (EC) số 1272/2008 (CLP) cũng như các hướng dẫn tại Phụ lục VII của cùng quy định.

16.5. Từ vấn đề tạo

- không áp dụng

16.6. Thêm thông tin

- MSDS là một công cụ Truyền thông Nguy hiểm và vào được sử dụng để hỗ trợ đánh giá rủi ro. Nhiều yếu tố quyết định liệu các dữ liệu hiện có có đủ để làm rõ và phải là đủ, và tại nơi làm việc hay các môi trường khác hay không. Khi cần có thể được xác định bằng cách tham khảo các dịch vụ chuyên môn. Phải xem xét quy mô sử dụng, tần suất sử dụng và các biện pháp kiểm soát kỹ thuật hiện tại hoặc cần có.

- Thông tin này dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi và nhằm mục đích hỗ trợ các sản phẩm chỉ nhằm mục đích đáp ứng các yêu cầu về sức khỏe, an toàn và môi trường.

- Do đó, nó không nên được hiểu là đảm bảo tính đặc tính cụ thể nào của sản phẩm.

+ Liên hệ với trung tâm biển khơi châu Âu, danh sách số điện thoại: HUNGARY (Vienna Minor) +36 1 486 41 43; BÉ (Brussela Brussel) +32 70 245 245; BULGARIA (So. 1a) +359 2 5134 499; CỘNG HÒA SÉC (Praha Praha) +420 224 819 243; DAN MẠCH (Copenhagen) 45 12 12 12; ESTONIA (Tallinn) 112; PHÂN LAN (Helsinki) +358 9 471 877; PHÁP (Paris) +33 1 48 8548 48; ĐỨC (Berlin) +49 30 10248; HY LẠP (Athens Athens) +36 10 770 5777; HUNGARY (Budapest) 86 86 28 11 99; ISLAND (Reykjavik) +354 525 111, +354 543 2222; IRELAND (Dublin) +353 1 8379964; Ý (Roma) +39 06 393 4343; LATVIA (Riga) +371 784 3408; LITHUANIA (Vilnius) +370 5 236 26 52 hoặc +370 887 11379; MALTA (Valletta) 1425 0000; HÀ LAN (Rotterdam) +31 20 274 08 08; HÀ QUÝ (Oslo) 22 051208; ĐÁ LAN (Oslo) +48 58380 65 10 hoặc +48 58 549 3831; BỐ ĐÀO MÀ (Lisbon Lisbon) 800 258 343; ROMANIA (Bucharest) +40 21 3183986; SLOVAKIA (Bratislava) +421 2 54 77 4106; SLOVENIA (Ljubljana) +386 41 638 588; TÂY BAN MÀ (Barcelona) +34 93 227 96 33 hoặc +34 93 227 54 00 klap 196; THỤY ĐIỂN (Stockholm) 112 hoặc +46 8 33 10 21 (Thủ tục-Thủ tục 9.88-17.88); VƯƠNG QUỐC ANH (London) 112 hoặc 0845 4647 (AMS Direct).

UNIPREP SP 1150 LLVersion 4.1
SDS_CN

SDS Number: 1688155

Revision Date: 2023/09/19
Print Date: 2024/01/13**1. PRODUCT AND COMPANY IDENTIFICATION**

Product name : UNIPREP SP 1150 LL

Product code : 1688155

Chemical nature : Solid

Manufacturer or supplier's details

Company : Atotech Deutschland GmbH & Co. KG

Address : Erasmusstrasse 20
Berlin 10553
Germany

Telephone : +4930349850

Company : 安美特（中国）化学有限公司

Address : 广州经济技术开发区永和经济区新庄二路73号
511356
China

Telephone : +862082975160

Telefax : +862082975170

Company : Atotech (China) Chemicals Ltd.

Address : No.73, Xinzhuang 2-Lu, Yonghe District
GETDD, Guangzhou 511356
China

Telephone : +862082975160

Telefax : +862082975170

Company : 安美特（扬州）化学有限公司

Address : 江苏省扬州市仪征市 扬州化学工业园 华电路11号
211400
China

Telephone : +8651483974000

Telefax : +8651483974029

UNIPREP SP 1150 LL

Version 4.1
SDS_CN

SDS Number: 1688155

Revision Date: 2023/09/19
Print Date: 2024/01/13

Company : Atotech (Yangzhou) Chemicals Ltd.

Address : No.11 Hua Dian Road, Yangzhou Chemical Industry Park
Yizheng, Yangzhou, JiangSu 211400
China

Telephone : +8651483974000

Telefax : +8651483974029

Prepared by
Product Safety Department (PSD): product-safety@atotech.com

Inquiries
E-mail address for a competent person responsible for the safety data sheet: product-safety@atotech.com

Emergency telephone number : 企业应急电话: +8613925053196
国家化学事故导急咨询电话: +8653283889090
Emergency Contact #: 0061395733112

Recommended use of the chemical and restrictions on use

Recommended use : Plating agents and metal surface treating agents
Surface treatment

Restrictions on use : For industrial use only.

2. HAZARDS IDENTIFICATION

Emergency Overview

Appearance	: solid
Color	: beige, brown, light brown
Odor	: odorless

May be corrosive to metals. Causes severe skin burns and eye damage. May cause respiratory irritation.

GHS Classification

Corrosive to metals : Category 1

Skin corrosion/irritation : Category 1B

Serious eye damage/eye irritation : Category 1

Specific target organ toxicity - single exposure : Category 3 (respiratory tract irritation)

GHS label elements

UNIPREP SP 1150 LL

Version 4.1
SDS_CN

SDS Number: 1688155

Revision Date: 2023/09/19
Print Date: 2024/01/13

Hazard pictograms



Signal word

: Danger

Hazard statements

: H290 May be corrosive to metals.
H314 Causes severe skin burns and eye damage.
H335 May cause respiratory irritation.

Precautionary statements

: **Prevention:**
P234 Keep only in original container.
P260 Do not breathe dust or mist.
P261 Avoid breathing dust.
P280 Wear protective gloves/ protective clothing/ eye protection/ face protection.
Response:
P301 + P330 + P331 IF SWALLOWED: Rinse mouth. Do NOT induce vomiting.
P303 + P361 + P353 IF ON SKIN (or hair): Take off immediately all contaminated clothing. Rinse skin with water/ shower.
P304 + P340 IF INHALED: Remove person to fresh air and keep comfortable for breathing.
P305 + P351 + P338 IF IN EYES: Rinse cautiously with water for several minutes. Remove contact lenses, if present and easy to do. Continue rinsing.
P310 Immediately call a POISON CENTER/ doctor.
Storage:
P405 Store locked up.
Disposal:
P501 Dispose of contents/ container to an approved waste disposal plant.

Physical and chemical hazards

May be corrosive to metals.

Health hazards

Causes severe skin burns and eye damage. Causes serious eye damage. May cause respiratory irritation.

Environmental hazards

Not classified based on available information.

Other hazards which do not result in classification

None known.

3. COMPOSITION/INFORMATION ON INGREDIENTS

UNIPREP SP 1150 LL

 Version 4.1
 SDS_CN

SDS Number: 1688155

 Revision Date: 2023/09/19
 Print Date: 2024/01/13

Substance / Mixture : Mixture

Components

Chemical name	CAS-No.	Concentration (% w/w)
Sodium carbonate	497-19-8	>= 40 -< 60
Sodium metasilicate	6834-92-0	>= 40 -< 60
Octenylsuccinic acid	28805-58-5	>= 3 -< 5

4. FIRST AID MEASURES

- General advice : Call a physician or poison control center immediately.
Show this safety data sheet to the doctor in attendance.
- If inhaled : Call a physician or poison control center immediately.
Move to fresh air.
- In case of skin contact : Wash off immediately with plenty of water for at least 15 minutes.
Take off all contaminated clothing immediately.
Consult a physician.
- In case of eye contact : Consult a physician.
In case of contact, immediately flush eyes with plenty of water for at least 30 minutes.
- If swallowed : Never give anything by mouth to an unconscious person.
Call a physician or poison control center immediately.
Do not induce vomiting without medical advice.
- Most important symptoms and effects, both acute and delayed : Redness
Blindness
Necrosis
Shortness of breath
Causes serious eye damage.
May cause respiratory irritation.
Causes severe burns.
- Protection of first aid responders : First Aid responders should pay attention to self-protection and use the recommended protective clothing
- Notes to physician : For specialist advice physicians should contact the Poisons Information Service.

5. FIRE-FIGHTING MEASURES

- Suitable extinguishing media : Water spray
Foam
Carbon dioxide (CO2)
Dry chemical
- Unsuitable extinguishing media : None known.

UNIPREP SP 1150 LL

Version 4.1
SDS_CN

SDS Number: 1688155

Revision Date: 2023/09/19
Print Date: 2024/01/13

Specific hazards during fire fighting	: Hazardous decomposition products formed under fire conditions.
Hazardous combustion products	: Carbon oxides Sulfur oxides Silicon oxides
Specific extinguishing methods	: Use a water spray to cool fully closed containers. Collect contaminated fire extinguishing water separately. This must not be discharged into drains. Fire residues and contaminated fire extinguishing water must be disposed of in accordance with local regulations.
Special protective equipment for fire-fighters	: In the event of fire, wear self-contained breathing apparatus and full protective gear.

6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

Personal precautions, protective equipment and emergency procedures	: Use personal protective equipment. Avoid breathing dust. Avoid contact with skin, eyes and clothing. Evacuate personnel to safe areas. Prevent unauthorized access.
Environmental precautions	: Prevent product from entering drains. Prevent further leakage or spillage if safe to do so. If the product contaminates rivers and lakes or drains inform respective authorities.
Methods and materials for containment and cleaning up	: Avoid dust formation. Use approved industrial vacuum cleaner for removal. Shovel or sweep up. Keep in suitable, closed containers for disposal. Clean contaminated surface thoroughly. Dispose of in accordance with local regulations.

7. HANDLING AND STORAGE

Handling

Advice on protection against fire and explosion	: Provide appropriate exhaust ventilation at places where dust is formed.
Advice on safe handling	: Avoid formation of respirable particles. Do not breathe vapors/dust. For personal protection see section 8. Smoking, eating and drinking should be prohibited in the application area. Provide sufficient air exchange and/or exhaust in work rooms. Dispose of rinse water in accordance with local and national regulations.

UNIPREP SP 1150 LL

Version 4.1
SDS_CN

SDS Number: 1688155

Revision Date: 2023/09/19
Print Date: 2024/01/13

Handle in accordance with good industrial hygiene and safety practice.
Avoid breathing dust.

Avoidance of contact : Acids
Metals
Strong oxidizing agents

Storage

Conditions for safe storage : Keep container tightly closed in a dry and well-ventilated place.
May be corrosive to metals.

Recommended storage temperature : -5 - 40 °C

8. EXPOSURE CONTROLS/PERSONAL PROTECTION

Ingredients with workplace control parameters

Contains no substances with occupational exposure limit values.

Engineering measures : Ensure adequate ventilation, especially in confined areas.

Personal protective equipment

Respiratory protection : In case of insufficient ventilation, wear suitable respiratory equipment.
When workers are facing concentrations above the exposure limit they must use appropriate certified respirators.

No personal respiratory protective equipment normally required.

Eye/face protection : Tightly fitting safety goggles
Face-shield
Ensure that eyewash stations and safety showers are close to the workstation location.

Skin and body protection : Choose body protection according to the amount and concentration of the dangerous substance at the work place.

Hand protection

Material : Chloroprene
Break through time : 480 min
Glove thickness : 0,65 mm
Manufacturer : e.g. KCL
Recommendation : e.g. KCL Camapren® 720

Remarks : The selected protective gloves have to satisfy the specifications of Regulation (EU) 2016/425 and the standard EN 374 derived from it. The information is based on our own

UNIPREP SP 1150 LL

 Version 4.1
 SDS_CN

SDS Number: 1688155

 Revision Date: 2023/09/19
 Print Date: 2024/01/13

tests, on data from literature and information from protective glove producers or is based on data obtained from similar substances.

If used in solution, or mixed with other substances, and under conditions which differ from EN 374, contact the supplier of the CE approved gloves. Be aware that in daily use the durability of a chemical resistant protective glove can be notably shorter than the break through time measured according to EN 374, due to the numerous outside influences (e.g. temperature). Gloves should be discarded and replaced if there is any indication of degradation or chemical breakthrough.

Hygiene measures : Avoid contact with skin, eyes and clothing.
 Avoid breathing dust.
 When using do not eat or drink.

9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

Appearance	: solid
Color	: beige, brown, light brown
Odor	: odorless
pH	: 11,3 - 12,6 (20 °C) Concentration: 10 % (as aqueous solution)
Melting point/freezing point	: ≤ 0 °C
Initial boiling point and boiling range	: > 100 °C
Flash point	: does not flash
Upper explosion limit / Upper flammability limit	: not determined, mixture of various components
Lower explosion limit / Lower flammability limit	: not determined, mixture of various components
Vapor pressure	: Not classified due to lack of data.
Relative vapor density	: not determined, mixture of various components
Relative density	: Not applicable on account of solid.
Density	: not relevant for solids

UNIPREP SP 1150 LL

Version 4.1
SDS_CN

SDS Number: 1688155

Revision Date: 2023/09/19
Print Date: 2024/01/13

Solubility(ies)	
Water solubility	: soluble
Partition coefficient: n-octanol/water	: not determined, mixture of various components
Autoignition temperature	: not determined, stable under normal process conditions
Decomposition temperature	: not determined, stable under normal process conditions
Viscosity	
Viscosity, kinematic	: Not applicable on account of solid.
Oxidizing properties	: The substance or mixture is not classified as oxidizing.

10. STABILITY AND REACTIVITY

Reactivity	: May be corrosive to metals.
Chemical stability	: Stable under recommended storage conditions.
Possibility of hazardous reactions	: Gives off hydrogen by reaction with metals. Risk of violent reaction Potential for exothermic hazard
Conditions to avoid	: Avoid dust formation. To avoid thermal decomposition, do not overheat. Exposure to moisture
Incompatible materials	: Acids Metals Strong oxidizing agents
Hazardous decomposition products	: Carbon oxides Sulfur oxides

11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

Exposure routes	: Inhalation Eye contact Skin Absorption
-----------------	---

Acute toxicity

Based on available data, the classification criteria are not met.

Product:

Acute oral toxicity	: Acute toxicity estimate: > 5.000 mg/kg Method: Calculation method
Acute dermal toxicity	: Acute toxicity estimate: > 5.000 mg/kg

UNIPREP SP 1150 LL

Version 4.1
SDS_CN

SDS Number: 1688155

Revision Date: 2023/09/19
Print Date: 2024/01/13

Method: Calculation method

Components:

Octenylsuccinic acid:

Acute oral toxicity : LD50 Oral (Rat, female): 1.190 mg/kg
Acute dermal toxicity : LD50 Dermal (Rabbit, male): 1.750 mg/kg

Skin corrosion/irritation

Causes severe burns.

Product:

Remarks : Extremely corrosive and destructive to tissue.
May cause irreversible skin damage such as necrosis, ulcers or burns.

Components:

Sodium metasilicate:

Species : Rabbit
Assessment : Corrosive
Method : OECD Test Guideline 404
Remarks : published study from scientific journal
see user defined free text

Serious eye damage/eye irritation

Causes serious eye damage.

Product:

Remarks : May cause irreversible eye damage such as corneal damage and blindness.

Components:

Sodium carbonate:

Species : Rabbit
Result : Irritating to eyes.
Assessment : Irritating to eyes.
Remarks : published study from scientific journal
see user defined free text

Respiratory or skin sensitization

Skin sensitisation

Based on available data, the classification criteria are not met.

Respiratory sensitisation

Based on available data, the classification criteria are not met.

UNIPREP SP 1150 LL

Version 4.1
SDS_CN

SDS Number: 1688155

Revision Date: 2023/09/19
Print Date: 2024/01/13

Germ cell mutagenicity

Based on available data, the classification criteria are not met.

Carcinogenicity

Based on available data, the classification criteria are not met.

Reproductive toxicity

Based on available data, the classification criteria are not met.

STOT - single exposure

May cause respiratory irritation.

Components:

Sodium metasilicate:

Exposure routes	: inhalation (dust/mist/fume)
Target Organs	: Respiratory organs
Assessment	: May cause respiratory irritation.

STOT - repeated exposure

Based on available data, the classification criteria are not met.

Aspiration toxicity

Based on available data, the classification criteria are not met.

Further information

Product:

Remarks : No data available

12. ECOLOGICAL INFORMATION

Ecotoxicity

Components:

Sodium carbonate:

Toxicity to fish : LC50 (Lepomis macrochirus (Bluegill sunfish)): 300 mg/l
Exposure time: 96 h

Toxicity to daphnia and other aquatic invertebrates : EC50 (Daphnia magna (Water flea)): 265 mg/l
Exposure time: 48 h

Persistence and degradability

No data available

Bioaccumulative potential

No data available

Mobility in soil

No data available

UNIPREP SP 1150 LL

Version 4.1

SDS_CN

SDS Number: 1688155

Revision Date: 2023/09/19

Print Date: 2024/01/13

Other adverse effects

Product:

Additional ecological information : No data available

13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

Disposal methods

Waste from residues : Do not dispose of waste into sewer.
Do not contaminate ponds, waterways or ditches with chemical or used container.
Dispose of in accordance with local regulations.

Contaminated packaging : Empty containers should be taken to an approved waste handling site for recycling or disposal.

14. TRANSPORT INFORMATION

International Regulations

UNRTDG

UN number : UN 3253
Proper shipping name : DISODIUM TRIOXOSILICATE
Class : 8
Packing group : III
Labels : 8

IATA-DGR

UN/ID No. : UN 3253
Proper shipping name : Disodium trioxosilicate
Class : 8
Packing group : III
Labels : Corrosive
Packing instruction (cargo aircraft) : 864
Packing instruction (passenger aircraft) : 860

IMDG-Code

UN number : UN 3253
Proper shipping name : DISODIUM TRIOXOSILICATE
Class : 8
Packing group : III
Labels : 8
EmS Code : F-A, S-B
Marine pollutant : no

Transport in bulk according to Annex II of MARPOL 73/78 and the IBC Code
Not applicable for product as supplied.

UNIPREP SP 1150 LL

Version 4.1
SDS_CN

SDS Number: 1688155

Revision Date: 2023/09/19
Print Date: 2024/01/13

Domestic regulation

GB 6944/12268

UN number	: UN 3253
Proper shipping name	: DISODIUM TRIOXOSILICATE
Class	: 8
Packing group	: III
Labels	: 8

Special precautions for user

The transport classification(s) provided herein are for informational purposes only, and solely based upon the properties of the unpackaged material as it is described within this Safety Data Sheet. Transportation classifications may vary by mode of transportation, package sizes, and variations in regional or country regulations.

15. REGULATORY INFORMATION

National regulatory information

Law on Prevention and Control of Environment Pollution by Solid Waste

GB13690: General rule for classification and hazard communication of chemicals

Regulations on Safety Management of Hazardous Chemicals

GB/T 16483-2008: Safety Data Sheet for Chemical Products Content and Order of Sections

Yangtze River Protection Law

This product does not contain any dangerous chemicals prohibited for inland river transport.

Substances currently restricted by WEEE/RoHS (European Directives 2015/863/EU, 2012/19/EU and 2011/65/EU) or ELV (European Directive 2000/53/EC):

PBDE	PBB	CrVI	Hg	Pb	Cd
-	-	-	-	-	-
Phthalates:		DEHP	BBP	DBP	DIBP
		-	-	-	-

Please note: Current legislation according to WEEE/RoHS or ELV restricting the use of certain substances applies to "homogeneous material" in finished articles being supplied to the market. Substances deposited during surface finishing may have a composition (weight percent) higher than the weight percent of the substance in the operating solution from which the deposit is made. Atotech encourages its customers to implement systems to ensure their finished products comply with the regulations in force.

16. OTHER INFORMATION

Further information

Other information : Indication of changes: Vertical lines in the left hand margin indicate an amendment from the previous version.

UNIPREP SP 1150 LL

Version 4.1

SDS_CN

SDS Number: 1688155

Revision Date: 2023/09/19

Print Date: 2024/01/13

Date format : yyyy/mm/dd

Full text of other abbreviations

(Q)SAR - (Quantitative) Structure Activity Relationship; ANTT - National Agency for Transport by Land of Brazil; ASTM - American Society for the Testing of Materials; bw - Body weight; CPR - Controlled Products Regulations; DIN - Standard of the German Institute for Standardisation; ECx - Concentration associated with x% response; ELx - Loading rate associated with x% response; EmS - Emergency Schedule; ErCx - Concentration associated with x% growth rate response; ERG - Emergency Response Guide; GHS - Globally Harmonized System; IARC - International Agency for Research on Cancer; IATA - International Air Transport Association; IBC - International Code for the Construction and Equipment of Ships carrying Dangerous Chemicals in Bulk; IC50 - Half maximal inhibitory concentration; ICAO - International Civil Aviation Organization; IMDG - International Maritime Dangerous Goods; IMO - International Maritime Organization; ISO - International Organisation for Standardization; LC50 - Lethal Concentration to 50 % of a test population; LD50 - Lethal Dose to 50% of a test population (Median Lethal Dose); MARPOL - International Convention for the Prevention of Pollution from Ships; n.o.s. - Not Otherwise Specified; Nch - Chilean Norm; NO(A)EC - No Observed (Adverse) Effect Concentration; NO(A)EL - No Observed (Adverse) Effect Level; NOELR - No Observable Effect Loading Rate; NOM - Official Mexican Norm; NTP - National Toxicology Program; OECD - Organization for Economic Co-operation and Development; OPPTS - Office of Chemical Safety and Pollution Prevention; PBT - Persistent, Bioaccumulative and Toxic substance; REACH - Regulation (EC) No 1907/2006 of the European Parliament and of the Council concerning the Registration, Evaluation, Authorisation and Restriction of Chemicals; SADT - Self-Accelerating Decomposition Temperature; SDS - Safety Data Sheet; TDG - Transportation of Dangerous Goods; UN - United Nations; UNRTDG - United Nations Recommendations on the Transport of Dangerous Goods; vPvB - Very Persistent and Very Bioaccumulative; WHMIS - Workplace Hazardous Materials Information System; CMR - Carcinogen, Mutagen or Reproductive Toxicant; GLP - Good Laboratory Practice

Disclaimer

The information provided in this Safety Data Sheet is correct to the best of our knowledge, information and belief at the date of its publication. The information given is designed only as a guidance for safe handling, use, processing, storage, transportation, disposal and release and is not to be considered a warranty or quality specification. The information relates only to the specific material designated and may not be valid for such material used in combination with any other materials or in any process, unless specified in the text.

CN / EN

MSDS

化学品安全技术说明书

Samples Name: Powder paint

样品名称: 粉末涂料

Client Name: HLM Powder Coating Co., Ltd.

委托单位: 中山虹丽美新材料科技有限公司

Client Address: No.7 Huanmao 2nd Road, National Torch High-Tech Development zone, Zhongshan City, Guangdong, China.

地址: 中山市火炬开发区环茂二路7号

Signed for and on behalf of
Eurones (Dongguan) Consumer Products Testing Service Co., Ltd

WRITTEN BY:

REVIEWED BY:

APPROVED BY:

Fair Lu

Sunshine Liu

Will Pan

卢剑飞, Fair
报告编写员

刘小芳, Sunshine
报告审核员

潘坚定, Will
技术总监

Note: This Test report shall be invalid if it is not stamped with the special seal for testing. Only responsible for the tested samples, invalid if rewritten, added and deleted. This test report cannot be reproduced, except in full, without prior written permission of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this report is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Any demurral to the content of test report, please propose in 15 days after the report's sending out, it will not be accepted after this date.

说明: 报告未盖本机构“检测专用章”无效。报告只对委托之样品负责, 报告涂改、自行删减无效。未经本机构批准, 不得复制(全文复制除外)本报告, 未经授权对本报告的内容或外观进行任何更改, 伪造或篡改均属于违法行为, 违者将受到法律起诉。如果客户对本报告有异议, 请于报告发出之日起15日内提出, 逾期不予受理。

400 111 6218

Eurones (Dongguan) Consumer Products Testing Service Co., Ltd.
东莞市欧冠检测技术服务有限公司
Room 1062, No.12, East of Houjie Avenue, Houjie, Dongguan, Guangdong, China
中国·广东·东莞·厚街镇厚街大道东12号1062室
电话 Tel: (86-769) 38937858 传真 Fax: (86-769) 38937858 网址 Http://www.cpstlab.com
邮编 Postcode: 523245 邮箱 E-mail: service@cpstlab.com

Material Safety Data Sheet

化学品安全技术说明书

Section 1 - Chemical Product and Company Identification

第一项: 化学品名称和制造商信息

Samples Name: Powder paint

样品名称: 粉末涂料

Client Name: HLM Powder Coating Co.,Ltd.

委托单位: 中山虹丽美新材料科技有限公司

Client Address: No.7 Huanmao 2nd Road,National Torch High-Tech Development zone,Zhongshan City,Guangdong,China.

地址: 中山市火炬开发区环茂二路7号

Contact person: Zhu LJ

联系人: 朱丽

Tel:18024276091

电话: 18024276091

Email:zhuli@hlmpowder.com

邮箱: zhuli@hlmpowder.com

Note: This Test report shall be invalid if it is not stamped with the special seal for testing. Only responsible for the tested samples, invalid if rewritten, added and deleted. This test report cannot be reproduced, except in full, without prior written permission of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this report is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Any demurral to the content of test report, please propose in 15 days after the report's sending out, it will not be accepted after this date.

说明: 报告未盖本机构“检测专用章”无效。报告只对委托之样品负责。篡改涂改、自行删减无效。未经本机构批准,不得复制(全文复制除外)本报告。未经授权对本报告的内容或外观进行任何更改。伪造或篡改均属于违法行为,违者将受到法律起诉。如果客户对本报告有异议,请于报告发出之日起15日内提出,逾期不予受理。



400 111 6218

Eurores (Dongguan) Consumer Products Testing Service Co., Ltd.

东莞市欧冠检测技术服务有限公司

电话 Tel: (86-769) 38937858

Room 1092, No.12, East of Houjie Avenue, Houjie, Dongguan, Guangdong, China

中国·广东·东莞·厚街镇厚街大道东12号1092室

传真 Fax: (86-769) 38937858 网址 Http://www.cpelab.com

邮编 Postcode: 523945

邮箱 E-mail: service@cpelab.com

Section 2 - Hazards Identification

第二项: 危害信息

Fatality grade: In accordance with Regulation (EC) No. 1272/2008, the sample is not divided into dangerous.
危险性类别: 根据指令(EC) No. 1272/2008, 该样品未被划分为危险品。

Invasion route: Skin contact: May stimulate the skin.

侵入途径: 皮肤接触: 可能刺激皮肤。

Eyes contact: May stimulate the eyes.

眼睛接触: 可能刺激眼睛

Inhalation: Inhaling harmful.

吸入: 吸入有害。

Ingestion: It can cause our stomach upset if we swallowed.

摄入: 吞食可引起身体不适。

Health hazard: May irritate skin and eyes. Harmful by inhalation. May cause physical discomfort if swallowed.

健康危害: 可能刺激皮肤, 眼睛。吸入有害。吞食可引起身体不适。

Environment hazards: Do not release materials into the surrounding environment without permission from the government.

环境危害: 若无政府许可, 勿将材料排入周围环境。

Burn & burst danger: The sample can be burned but non flammable.

燃爆危险: 样品可燃但不易燃。

Note: This Test report shall be invalid if it is not stamped with the special seal for testing. Only responsible for the tested samples, invalid if rewritten, added and deleted. This test report cannot be reproduced, except in full, without prior written permission of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this report is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Any demand to the content of test report, please propose in 15 days after the report's sending out, it will not be accepted after this date.

说明: 报告未盖本机构“检测专用章”无效, 报告只对委托之样品负责。报告修改、自行删减无效。未经本机构批准, 不得复制(全文复制除外)本报告。本机构对本报告的内容或外观进行任何更改, 伪造或篡改均属于违法行为; 违者将受到法律起诉。如果客户对本报告有异议, 请于报告发出之日起 15 日内提出, 逾期不予受理。



400 111 6218

Eurores (Dongguan) Consumer Products Testing Service Co., Ltd

东莞市欧冠检测技术服务有限公司

Room 1092, No.12, East of Houjie Avenue, Houjie, Dongguan, Guangdong, China

中国·广东·东莞·厚街镇厚街大道东12号1092室

电话 Tel: (86-769) 38937858 传真 Fax: (86-769) 38937859 网址: <http://www.cpsdtab.com>

邮编 Postcode: 523945

邮箱 E-mail: service@cpsdtab.com

Section 3 –Composition/Information on Ingredient

第三项: 组成信息

Pure ☐ Admixture ☒
纯品 ☐ 混合物 ☒

Composition:
化学成分:

Chemical Name 化学名称	CAS No. CAS 号	Composition 成份 (in% by weight) 重量百分比
Resin and curing agent 树脂及固化剂	—	60%
Packing 填料	—	35%
Pigment 颜料	—	3%
Acrylic acid 丙烯酸	79-10-7	2%

Section 4 - First Aid Measures

第四项: 急救措施

Skin touch: Remove contaminated clothes and rinse the skin with plenty of water, and then cleaning with water or soapy water.

皮肤接触: 立即脱去污染的衣着,用流动清水或肥皂水彻底冲洗皮肤。

Eyes touch: Lifting the upper and lower eyelids, flush the eyes with plenty of water or saline water.

Get medical aid.

眼睛接触: 提起眼睑,用流动清水或生理盐水冲洗。就医。

Inhalation: If exposure to fumes from overheating, move to fresh air immediately. Keep the respiratory tract smooth. Use oxygen if available. Get medical aid.

吸入: 迅速脱离现场至空气新鲜处。保持呼吸道通畅。如呼吸困难,给输氧。就医。

Ingestion: Drink sufficient hot water and induce vomiting. Get medical aid.

摄入: 饮足量温水,催吐。就医。

Note: This Test report shall be invalid if it is not stamped with the special seal for testing. Only responsible for the tested samples, invalid if rewritten, added and deleted. This test report cannot be reproduced, except in full, without prior written permission of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this report is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Any demand to the content of test report, please propose in 15 days after the report's sending out, it will not be accepted after this date.

说明: 报告未盖本机构“检测专用章”无效。报告只对委托之样品负责。报告涂改、自行删减无效。未经本机构批准,不得复制(全文复制除外)本报告。未经授权对本报告的内容或外观进行任何更改。伪造或篡改均属于违法行为,违者将受到法律起诉。如客户对本报告有异议,请于报告发出之日起15日内提出,逾期不予受理。

400 111 6218

Eurores (Dongguan) Consumer Products Testing Service Co., Ltd.
东莞市欧冠检测技术服务有限公司 电话 Tel: (86-769) 38937858 传真 Fax: (86-769) 38937859 网址 Http://www.cpstlab.com
Room 1002, No.12, East of Houjie Avenue, Houjie, Dongguan, Guangdong, China
中国, 广东, 东莞, 厚街镇厚街大道东12号1002室 邮编 Postcode: 523945 邮箱 E-mail: service@cpstlab.com

Section 5 - Fire Fighting Measures

第五项: 消防措施

Danger characteristic: In open flame, high heat combustible.

危险特性: 遇明火、高热可燃。

Hazardous combustion products: CO, CO₂.

有害燃烧产物: 一氧化碳、二氧化碳。

Fire-Fighting method & media: The staff must equip with filtermask (full mask) or isolated breathing apparatus.

The staff must wear the clothes which can defense the fire and the toxic gas. Put out the fire in the upwind direction. Remove the container to the open space as soon as possible. Spray water on the containers in the fireplace to keep them cool, until finish extinguishment. Containers in the fire site must be evacuated immediately if they are discolored or produce sound from the safety relief device. Media: hazy water, foam, powder, sandy clay.

灭火方法及灭火剂: 消防人员必须佩戴过滤式防毒面具(全面罩)或隔离式呼吸器。穿全身防火防毒服,在上风向灭火。尽可能将容器从火场移至空旷处。喷水保持火场容器冷却,直至灭火结束。处在火场中的容器若已变色或从安全泄压装置中产生声音,必须马上撤离。灭火剂: 雾状水、泡沫、干粉、砂土。

Section 6 -Accidental Release Measures

第六项: 泄露应急处理

Emergency treatment: Cut off the fire source. Evacuate the personnel to a safe place as soon as possible, isolate the polluted area, restrict on access. It is advised that the staff wear dust respirator, working clothes. Small amount of divulgence: clean off. Put into bags and transfer to safe places. Massive divulgence: Recycle or transport to waste treatment place for handling.

应急处理: 切断火源。将人员疏散到安全的地方,隔离污染区,限制人员进入。建议人员戴防尘口罩,工作服。少量泄露: 清理干净。放进瓶中转移至安全地方。大量泄露: 回收或运至废物处理场所处置。

Note: This Test report shall be invalid if it is not stamped with the special seal for testing. Only responsible for the tested samples, invalid if rewritten, added and deleted. This test report cannot be reproduced, except in full, without prior written permission of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this report is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Any demand to the content of test report, please propose in 15 days after the report's sending out, it will not be accepted after this date.

说明: 报告未盖本机构“检测专用章”无效, 报告只对委托之样品负责。报告涂改、自行增删无效, 未经本机构批准, 不得复制(全文复制除外)本报告。未经授权对本报告的内容或外观进行任何更改。伪造或篡改均属于违法行为, 违者将受到法律起诉。如果客户对本报告有异议, 请于报告发出之日起15日内提出, 逾期不予受理。



400 111 6218

Eurores (Dongguan) Consumer Products Testing Service Co., Ltd.
东莞市欧冠检测技术服务有限公司 电话 Tel: (86-769) 38937858 传真 Fax: (86-769) 38937858 网址 Http://www.cpslab.com
Room 1082, No.12, East of Houjie Avenue, Houjie, Dongguan, Guangdong, China
中国·广东·东莞·厚街镇厚街大道东12号1082室 邮编 Postcode: 523945 邮箱 E-mail: service@cpslab.com

Section 7 - Handling and Storage

第七项: 操作和储存

Handling: Supply with sufficient partial air exhaust. The operating staff must have received special training and abide by the operating regulations. It is advised that the staff wear self-contained breathing dust respirator, protective gloves, and working clothes. Keep away from fire and heating sources. No smoking in the workplace. Avoid producing dust. Prevent contacting with water, organic solvents, oil and other solvents. Equip with relevant types and quantities of the extinguishment instruments and devices for divulgence handling.

操作注意事项: 密闭操作, 提供充分的局部排风。操作人员必须经过专门培训, 严格遵守操作规程。建议操作人员佩戴自给式防护口罩, 佩戴防护手套。远离火种、热源, 工作场所严禁吸烟。避免产生烟雾。避免与水、有机溶剂、油和其他溶剂接触。配备相应品种和数量的消防器材及泄漏应急处理设备。

Storage: Stored in dry place And well packed, damp proof, low temperature, natural ventilation, separated from oxidizer. Keep away from fire and heating sources. Do not expose the powder coating to the air after use. Always cover or tighten the bag to avoid mixing impurities. Equip with relevant types and quantities of the extinguishment instruments. Prevent static electricity in the storage environment.

储存注意事项: 储存于干燥处并妥善包装, 防潮, 低温, 自然通风, 与氧化剂分开存放。远离火种、热源。粉末涂料用后勿随意露于空气中, 应随时加盖或压紧袋口避免杂物混入。配备相应品种和数量的消防器材。防止储存环境中产生静电。

Section 8 - Exposure Controls, Personal Protection

第八项: 接触控制和个人防护措施

Maximum admissible concentration: No standard yet

最高容许浓度: 未制定标准。

Engineering control: Provide adequate exhaust air.

工程控制: 提供充分的排风。

Respiratory Protection: Emergency rescue or evacuation, air breathing apparatus should be worn.

呼吸系统防护: 紧急事态抢救或撤离时, 应该佩戴空气呼吸器。

Eyes Protection: We need to wear safety glasses or goggles.

眼睛防护: 戴防护眼镜。

Body Protection: We need to wear appropriate protective clothing.

身体防护: 穿工作服

Hands Protection: Wear appropriate chemical resistant gloves.

手防护: 戴防护手套

Other Protections: No smoking, dining and drinking water in the workplace. Keep good habit of hygiene. Provide shower and eye wash equipment.

其他防护: 工作现场禁止吸烟、进食和饮水。保持良好的卫生习惯。提供安全淋浴和洗眼设备。

Note: This Test report shall be invalid if it is not stamped with the special seal for testing. Only responsible for the tested samples, invalid if rewritten, added and deleted. This test report cannot be reproduced, except in full, without prior written permission of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this report is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Any demerit to the content of test report, please propose in 15 days after the report's sending out, it will not be accepted after this date.

说明: 报告由本机构“检测专用章”生效。报告只对委托之样品负责。报告涂改、自行删减无效。未经本机构批准, 不得复制(含文复制除外)本报告。本机构对本报告的内容或外观进行任何更改。伪造或篡改均属于违法行为, 违者将受到法律起诉。如果客户对本报告有异议, 请于报告发出之日起15日内提出, 逾期不予受理。

400 111 6218

Euronas (Dongguan) Consumer Products Testing Service Co., Ltd.
东莞市欧冠检测技术服务有限公司 电话 Tel: (86-769) 36037858 传真 Fax: (86-769) 36037859 网址 Http://www.cpslab.com
Room 1092, No.12, East of Houjie Avenue, Houjie, Dongguan, Guangdong, China
中国·广东·东莞·厚街镇厚街大道东12号1092室 邮编 Postcode: 523945 邮箱 E-mail: service@cpslab.com

Section 9 - Physical and Chemical Properties

第九项: 物理和化学特性

Appearance: No specific data

外观: 无相关数据

Color: No specific data

颜色: 无相关数据

Odor: No specific data

气味: 无相关数据

Flashpoint: N/A

闪点: N/A

Ignition temperature: N/A

燃点温度: N/A

Solubility: Insoluble in water

溶解性: 不溶于水。

Section 10 - Stability and Reactivity

第十项: 稳定性和反应性

Stability: Stable under normal temperature and pressure.

稳定性: 常态下稳定

Distribution of Ban: Strong oxidizing agent strong acid.

禁配物: 强氧化剂和强酸。

Conditions to Avoid: Fire, high temperature.

避免接触的条件: 火源, 高温。

Hazardous Polymerization: No Polymer...

聚合危害: 不聚合

Hazardous Decomposition Products: Under normal conditions of storage and use, hazardous decomposition products should not be produced.

分解产物: 正常条件下不会产生分解物及其他刺激性物质。

Note: This Test report shall be invalid if it is not stamped with the special seal for testing. Only responsible for the tested samples, invalid if rewritten, added and deleted. This test report cannot be reproduced, except in full, without prior written permission of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this report is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Any demurral to the content of test report, please propose in 15 days after the report's sending out, it will not be accepted after this date.

说明: 报告系盖本机构“检测专用章”无效。报告只对委托之样品负责, 报告修改、自行增删无效, 未经本机构批准, 不得复制(全文复制除外)本报告。未经授权对本报告的内容或外观进行任何更改、伪造或篡改均属于违法行为, 违者将受到法律起诉。如果客户对本报告有异议, 请于报告发出之日起 15 日内提出, 逾期不予受理。

400 111 6218

Eurocon (Dongguan) Consumer Products Testing Service Co., Ltd.
东莞市欧冠检测技术服务有限公司 电话 Tel: (86-760) 38937858 传真 Fax: (86-760) 38937859 网址 Http://www.cpstab.com
Room 1052, No.12, East of Houjie Avenue, Houjie, Dongguan, Guangdong, China
中国·广东·东莞·厚街镇厚街大道东12号1052室 邮编 Postcode: 523945 邮箱 E-mail: service@cpstab.com

Section 11 - Toxicological Information

第十一项: 毒理学信息

Acute Toxicity: No specific data.

急性毒性: 无相关数据

Sub-acute and Chronic Toxicity: No specific data.

亚急性和慢性毒性: 无相关数据

Irritation: No specific data.

刺激性: 无相关数据

Sensitization: No specific data.

致敏性: 无相关数据

Mutagenicity: No specific data.

致突变性: 无相关数据

Carcinogenicity: No specific data.

致癌性: 无相关数据

Others: No specific data.

其他: 无相关数据

Section 12 - Ecological Information

第十二项: 生态学信息

Eco-toxicity: No specific data.

生态毒性: 无相关数据

Biodegradable: No specific data.

生物降解性: 无相关数据

Non-biodegradable: No specific data.

非生物降解性: 无相关数据

Bioconcentration or biological accumulation: No specific data.

生物富集或生物积累性: 无相关数据

Other harmful effects: No specific data.

其他有害作用: 无相关数据

Note: This Test report shall be invalid if it is not stamped with the special seal for testing. Only responsible for the tested samples, invalid if rewritten, added and deleted. This test report cannot be reproduced, except in full, without prior written permission of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this report is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Any demerit to the content of test report, please propose in 15 days after the report's sending out, it will not be accepted after this date.

说明: 报告未盖本机构“检测专用章”无效。报告只对委托之样品负责。报告修改、自行删减无效。未经本机构批准,不得复制(全文复制除外)本报告。请对报告对本报告的内容或外观进行任何更改,伪造或篡改均属于违法行为,违者将受到法律起诉。如果客户对本报告有异议,请于报告发出之日起15日内提出,逾期不予受理。

400 111 6218

Euronics (Dongguan) Consumer Products Testing Service Co., Ltd.

东莞市欧冠检测技术服务有限公司

电话 Tel: (86-769) 38937858

传真 Fax: (86-769) 38937859

网址 Http://www.cpslab.com

Room 1092, No.12, East of Houjie Avenue, Houjie, Dongguan, Guangdong, China

中国, 广东, 东莞, 厚街镇厚街大道东12号1092室

邮编 Postcode: 523945

邮箱 E-mail: service@cpslab.com

Section 13 - Disposal Considerations

第十三项: 废弃处置

Nature of waste: This product is not regarded as hazardous waste, as defined by Regulation (EC) No. 1272/2008.

废弃物性质: 本样品不属于危险废弃物, 所定义的法规(EC)No.1272/2008。

Waste disposal methods: Refer to National or Local regulations before handling.

废弃处置方法: 处置前应参阅国家和地方有关法规。

Attention abandoned: Avoid polluting the environment. Prevent waste from entering sewers, surface water and groundwater.

废弃注意事项: 避免污染环境。防止废弃物进入下水道、地表水和地下水。

Section 14 - Transport Information

第十四项: 运输信息

Number of dangerous goods: No applicable.

危险品数量: 不适用。

UN Number: No applicable.

联合国编号: 不适用。

Packaging Mark: No applicable.

包装标志: 不适用。

Packaging Method: No specific data.

包装方法: 无相关数据。

Transport Fashion: No specific data.

运输方式: 无相关数据。

Transport Attentions: Examine whether the package of the containers are integrate or not before transport. No divulgence, no collapse, no precipitation or no damage during the course of transportation. Don't put the goods together with oxidizer and strong acid. The transport vehicle and ship must be cleaned and sterilized otherwise it is not allowed to assemble articles. During transport, the vehicle should prevent exposure, rain and high temperature. For stopovers, the vehicle should be away from fire and heat sources. When transported by sea, the assemble place should keep away from bedroom and kitchen, and isolated from the engine room, power and fire source.

运输注意事项: 运输前应先检查包装容器是否完整、密封, 运输过程中要确保容器不泄漏、不倒塌、不坠落、不损坏。严禁与氧化剂、食用化学品等混装混运。运输车船必须彻底清洗、消毒, 否则不得装运其他物品。运输时车辆应避免雨淋和高温, 中途停留时, 车辆应远离明火和高温热源。船运时, 配装位置应远离卧室、厨房, 并与机舱、电源、火源等部位隔离。

Note: This Test report shall be invalid if it is not stamped with the special seal for testing. Only responsible for the tested samples, invalid if rewritten, added and deleted. This test report cannot be reproduced, except in full, without prior written permission of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this report is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Any demurral to the content of test report, please propose in 15 days after the report's sending out, it will not be accepted after this date.

说明: 报告未盖本机构“检测专用章”无效。报告只对委托之样品负责, 报告涂改、自行删减无效。未经授权, 不得复制或全文复制除本机构。未经授权对本报告的内容或外观进行任何更改, 伪造或篡改均属于违法行为, 违者将受到法律起诉。如果客户对本报告有异议, 请于报告发出之日起 15 日内提出, 逾期不予受理。

 400 111 6218

Eurores (Dongguan) Consumer Products Testing Service Co., Ltd.
东莞市欧冠检测技术有限公司
Room 1092, No.12, East of Houjie Avenue, Houjie, Dongguan, Guangdong, China
中国·广东·东莞·厚街镇厚街大道东12号1092室
电话 Tel: (86-769) 38937858 传真 Fax: (86-769) 38937859 网站 Http://www.cpslab.com
邮编 Postcode: 523945 邮箱 E-mail: service@cpslab.com

Section 15 - Regulatory Information

第十五项: 法规信息

Regulatory Information: ISO 11014-2009 Safety data sheet for chemical products - Content and order of sections.
法规信息: ISO 11014-2009 化学品安全资料表的内容和项目顺序。

Regulation (EC) No. 1272/2008 Classification, Labelling and Packaging of Substances and Mixtures.
法规(EC)No.1272/2008, 标签和包装的物质和混合物。

Section 16 - Additional Information

第十六项: 其他信息

To the best of our knowledge, the information contained herein is accurate. However, neither the above named supplier, nor any its subsidiaries, assumes any liability whatsoever for the accuracy or completeness of the information contained herein.

Final determination of suitability of any material is the sole responsibility of the user. All materials may present unknown hazards and should be used with caution. Although certain hazards are described herein, we cannot guarantee that these are the only hazards that exist.

以上信息基于数据准确的基础上, 因为此信息可能在我们无法控制的情况下被应用, 或者被修改, 对此我们不承担任何责任。此信息在收件人决定对材料的专有目的的情况下而配置。

Declaration: Report C221230061001-3A was repealed and replaced by Report C221230061001-3B.

声明: 报告 C221230061001-3A 作废, 由报告 C221230061001-3B 所取代。

*** End of Report ***

报告结束

Note: This Test report shall be invalid if it is not stamped with the special seal for testing. Only responsible for the tested samples, invalid if rewritten, added and deleted. This test report cannot be reproduced, except in full, without prior written permission of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this report is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Any demurral to the content of test report, please propose in 15 days after the report's sending out, it will not be accepted after this date.

说明: 报告未盖本机构“检测专用章”无效; 报告只对委托之样品负责, 报告发出后, 自行增添无效, 未经本机构批准, 不得复制(全文复制除外)本报告, 未授权对本报告的内容或外观进行任何更改, 否则属篡改行为, 违者将受到法律起诉。如果客户对本报告有异议, 请于报告发出之日起15日内提出, 逾期不予受理。



400 111 6218

Euronex (Dongguan) Consumer Products Testing Service Co., Ltd

东莞市欧冠检测技术服务有限公司

电话 Tel: (86-769) 38937858

传真 Fax: (86-769) 38937858

网址 Http://www.cpstlab.com

Room 1092, No.12, East of Houjie Avenue, Houjie, Dongguan, Guangdong, China

中国, 广东, 东莞, 厚街镇厚街大道东12号1092室

邮编 Postcode: 523945

邮箱 E-mail: service@cpstlab.com



Hải Phòng, ngày 23 tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số:2079 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Maxsun Vina; Mã số doanh nghiệp: 0202255674.
Địa chỉ: Lô đất CN7.2K, tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Người đại diện: Ông HAHM KWANG HO; Chức vụ: Tổng Giám đốc
2. Được phép xây dựng công trình thuộc Dự án Bếp ga di động Maxsun Vina.
 - Tổng số hạng mục công trình: 17.
 - Do: Công ty TNHH MVW DESIGN WORKSHOP lập hồ sơ thiết kế.
Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Đinh Quang Long (kiến trúc); Vũ Thị Hà (kết cấu)
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Xây dựng và Kiểm định công trình Kinh Bắc.
Chủ trì thẩm tra: Đỗ Hữu Khiêm; Dương Gia Viên.
 - Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III.
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng: Lô đất CN7.2K, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Theo quy hoạch được phê duyệt.
 - + Mật độ xây dựng: 22,67%; Hệ số sử dụng đất: 0,24
 - + Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo quy hoạch được duyệt.
 - + Tên công trình; Diện tích xây dựng tầng 1; Tổng diện tích sàn; Chiều cao công trình; Số tầng: *Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.*
3. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Không.
4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA 00165663, số vào sổ cấp GCN: VP1301 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/02/2025.
5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Maxsun Vina;
- TB, các PTB;
- Lưu VP, QHXD.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quang Minh

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định và thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:.....
.....
.....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép xây dựng số 2079 /GPXD ngày 23 tháng 5 năm 2025)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Maxsun Vina.

Địa chỉ: Lô đất CN7.2K, tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc Dự án Bếp ga di động Maxsun Vina:

STT	Hạng mục	Số tầng	CCCT (m)	DTXD (m ²)	TDTS (m ²)
1	Nhà xưởng	1	12,8	2.629,81	2.629,81
2	Văn phòng	1	12,8	410,56	410,56
3	Nhà bảo vệ	1	4,7	34,92	34,92
4	Phòng bơm	1	4,7	35,8	35,8
5	Bể nước ngầm	-	-	-	-
6	Nhà để xe máy	1	4,7	142,19	142,19
7	Bãi xe ô tô	1	4,7	81,27	81,27
8	Phòng máy phát	1	4,7	50,75	50,75
9	Phòng điện	1	4,7	30,26	30,26
10	Phòng máy biến áp	1	4,7	31,04	31,04
11	Kho dự phòng	1	4,7	29,44	29,44
12	Nhà rác	1	4,7	86,40	86,40
13	Phòng vệ sinh nam	1	4,7	58,69	58,69
14	Phòng vệ sinh nữ	1	4,7	69,76	69,76
15	Bể ngầm Frp 20m3	-	-	-	-
16	Chòi nghỉ (2 chòi)	1	4,45	20,00	20,00
17	Cổng, tường rào, hệ thống hạ tầng kỹ thuật: đường nội bộ, cấp thoát nước, cấp điện,... (theo bản vẽ cấp phép xây dựng được duyệt kèm theo)				

Ghi chú: Chiều cao công trình (CCCT); Diện tích xây dựng (DTXD); Tổng diện tích sàn (TDTS).

Số: 51.../TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1101/TD-PCCC ghi ngày 11/01/2025 của Công ty TNHH Maxsun Vina.

Người đại diện theo pháp luật là ông: HAHM KWANG HO; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TP. HẢI PHÒNG
CHỨNG NHẬN

Công trình: Dự án bếp ga di động Maxsun Vina (Giai đoạn 1)

Địa điểm xây dựng: Lô đất CN 7.2K, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu2) (DEEP-C 2A), Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Maxsun Vina.

Đơn vị tư vấn thiết kế:

- Công ty TNHH MVW DESIGN WORKSHOP.

- Công ty Cổ phần Công nghệ Đại Hải.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Bố trí công năng; Hạng nguy hiểm cháy nổ (hạng C); Bậc chịu lửa (Nhà xưởng, nhà văn phòng: Bậc IV chịu lửa, Nhà trạm bơm: Bậc II chịu lửa);
2. Đường giao thông cho xe chữa cháy;
3. Khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy;
4. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Giải pháp thoát nạn;
5. Giải pháp chống tụ khói (Thông gió tự nhiên);
6. Hệ thống báo cháy tự động;
7. Hệ thống chữa cháy trong nhà (hệ thống chữa cháy tự động bằng nước sprinkler đối với chiều cao hàng hóa tối đa 5,5m) và ngoài nhà;
8. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC;
9. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
10. Phương tiện chữa cháy (phương tiện xách tay, dụng cụ phá dỡ thô sơ).

Quy mô công trình, danh mục các tài liệu, bản vẽ đã được thẩm duyệt về PCCC ghi tại trang 2.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Đội 2.

Hải Phòng, ngày 23... tháng 01... năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Hoàng Văn Bình

QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ
ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
số 51../TD-PCCC ngày 23./01./2025 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH Khu đất xây dựng công trình có diện tích: 16.364m ² . - Giai đoạn 1 (diện tích 3.690,89 m ²) bao gồm các hạng mục: Nhà xưởng sản xuất, diện tích 2.629,81m ² , 01 tầng; Nhà văn phòng diện tích 410,56m ² , 01 tầng và các hạng mục phụ trợ gồm: Nhà bảo vệ, phòng máy biến áp, nhà để xe, nhà chứa rác thải, trạm xử lý nước thải, trạm bơm, đường giao thông nội bộ, cây xanh. - Tính chất sử dụng: Sản xuất bếp ga di động.	Thẩm duyệt
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
1.	Bố trí công năng; Hạng nguy hiểm cháy nổ (Hạng C): 00.A3.301 đến 303, 00.A4.401 đến 403, 01.A1.101 đến 106, 02.A1.101 đến 108. Tính chất sử dụng.	
2.	Đường giao thông cho xe chữa cháy: 00.A3.301 đến 303, 00.A4.401 đến 403	
3.	Bậc chịu lửa (Nhà xưởng, nhà văn phòng: Bậc IV chịu lửa, Nhà trạm bơm: Bậc II chịu lửa): 00.A3.301 đến 303, 00.A4.401 đến 403, 01.A1.101 đến 106, 02.A1.101 đến 108.	
4.	Khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy: 00.A3.301 đến 303, 00.A4.401 đến 403.	
5.	Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan: 00.A3.301 đến 303, 00.A4.401 đến 403, 01.A1.101 đến 106, 02.A1.101 đến 108.	
6.	Giải pháp thoát nạn: 00.A3.301 đến 303, 00.A4.401 đến 403, 01.A1.101 đến 106, 02.A1.101 đến 108.	
7.	Giải pháp chống tụ khối (Thông gió tự nhiên): MS-FP-18, 01.A1.101 đến 106.	
8.	Hệ thống báo cháy tự động: MS-FP-08 đến MS-FP-13.	
9.	Hệ thống chữa cháy trong nhà (hệ thống chữa cháy tự động bằng nước sprinkler đối với chiều cao hàng hóa tối đa 5.5m) và ngoài nhà: MF-FP-00 đến MF-FP-05, MS-FP-19 đến MS-FP-23.	
10.	Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC: MS-FP-01, MS-FP-08, MS-FP-14.	
11.	Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: MS-FP-14 đến MS-FP-17	
12.	Phương tiện chữa cháy (phương tiện xách tay, dụng cụ phá dỡ thô sơ): MS-FP-04, MS-FP-06, MS-FP-07.	
13.	Các tài liệu liên quan: - Hợp đồng thuê đất số HPIP/CSM/CON/24/24 ngày 14/10/2024 giữa Công ty cổ phần khu công nghiệp Hải Phòng (đơn vị cho thuê đất) và Công ty TNHH Maxsun Vina (đơn vị thuê đất). - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9858644445 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 30/8/2024. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202255674 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/9/2024.	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 429 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày²⁰ tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án “Bếp ga di động Maxsun Vina”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án “Bếp ga di động Maxsun Vina” của Công ty TNHH Maxsun Vina tại Văn bản số 2602/CV-MAXSUN ngày 26 tháng 02 năm 2025 và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Bếp ga di động Maxsun Vina” thực hiện tại Lô CN7.2K, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Maxsun Vina (sau đây gọi là Chủ Dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Maxsun Vina;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Sở NN&MT thành phố Hải Phòng;
- BQL KKT Hải Phòng;
- Lưu: VT, VPMC, CMT, HS_{Tev}.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “BẾP GA DI ĐỘNG MAXSUN VINA”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Bếp ga di động Maxsun Vina.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Lô CN7.2K, Khu công nghiệp (KCN) Nam Đình Vũ (khu 2) (DEEP C2A), phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Chủ đầu tư Dự án: Công ty TNHH Maxsun Vina.
- Địa chỉ liên hệ: Lô CN7.2K, KCN Nam Đình Vũ (khu 2) (DEEP C2A), phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Dự án đã được Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 9858644445, chứng nhận lần đầu ngày 30/8/2024 với quy mô sản xuất bếp ga di động công suất 1.200.000 chiếc/năm tương đương 2.208 tấn/năm.

Tọa độ khép góc các điểm mốc giới hạn khu đất thực hiện Dự án theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3° được thể hiện tại bảng dưới đây:

Stt	Tên điểm	Tọa độ điểm	
		X (m)	Y (m)
1	A	2300684,780	609066,819
2	B	2300688,875	609190,953
3	C	2300557,194	609195,301
4	D	2300553,099	609071,163

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Dự án thực hiện trên tổng diện tích 16.364 m^2 tại lô CN7.2K, KCN Nam Đình Vũ (khu 2) (DEEP C2A), phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Loại hình: Sản xuất đồ điện dân dụng.
- Công suất sản phẩm: 1.200.000 chiếc/năm tương đương 2.208 tấn/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất của Dự án

Dự án sử dụng công nghệ sản xuất như sau:

+ Quy trình sản xuất linh kiện bán thành phẩm:

Nguyên vật liệu đầu vào (Cuộn thép) → Dập tạo hình bán thành phẩm → Rửa bằng dung dịch kiềm loãng → Sấy khô → Phủ tráng men và gia nhiệt/Sơn tĩnh điện và sấy → In lưới và sấy UV → Chuyển qua công đoạn lắp ráp chính.

+ Quy trình công đoạn lắp ráp cho hệ thống khóa bình ga:

Nguyên liệu → Lắp cụm thanh trượt và cần cố định bình ga vào tấm ngăn khoang chứa bình ga → Lắp lò xo kéo dài vào cụm tấm ngăn khoang chứa bình ga → Lắp chân nhựa vào đáy khoang chứa bình ga và bộ phận tấm ngăn → Lắp ráp bộ van lửa vào cụm tấm ngăn khoang chứa bình ga → Chuyển qua công đoạn lắp ráp chính.

+ Quy trình công đoạn lắp ráp cho bộ phận đốt:

Nguyên liệu → Khoan lỗ có đường kính 0,3 mm để cố định điện cực vào bên thân đầu đốt (điều bếp ga) → Lắp ráp đầu đốt (điều bếp ga) với cụm thân đốt → Lắp ráp điện cực (kim sứ) vào cụm đầu đốt → Chuyển qua công đoạn lắp ráp chính.

+ Quy trình công đoạn lắp ráp chính toàn bộ bếp ga:

Nguyên liệu → Cố định cần gạt van an toàn vào bảng điều khiển phía trước bằng đinh tán → Lắp bộ đánh lửa vào bộ lắp bảng điều khiển phía trước → Lắp ráp bảng điều khiển phía trước, bảng điều khiển phía sau, tấm đáy và hệ thống khóa bình ga → Lắp ráp bộ phận đốt → Lắp bảng điều khiển và núm điều khiển → Lắp ráp khoang chứa bình ga → Kiểm tra thiết bị bảo vệ quá áp → Kiểm tra hiệu suất → Kiểm tra rò rỉ → Kiểm tra ngoại quan → Đặt kiềng bếp lên mặt bếp và bọc túi nilon → Chuyển qua công đoạn đóng gói.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Các hạng mục công trình chính và phụ trợ: Nhà xưởng 01 diện tích xây dựng 2.629,81 m²; nhà Văn phòng diện tích xây dựng 410,56 m²; Nhà bảo vệ diện tích xây dựng 34,92 m²; Phòng bơm diện tích xây dựng 35,8 m²; Bể nước ngầm diện tích xây dựng 171,06 m²; Nhà để xe máy diện tích xây dựng 142,19 m²; Bãi xe ô tô diện tích xây dựng 81,27 m²; Phòng máy biến áp diện tích xây dựng 31,04 m²; Máy phát diện tích xây dựng 50,75 m²; Phòng điện diện tích xây dựng 30,26 m²; nhà vệ sinh nam nữ diện tích xây dựng 128,45 m²; kho dự phòng diện tích xây dựng 29,44 m².

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Kho lưu giữ chất thải diện tích xây dựng 86,4 m²; khu vực xử lý nước thải diện tích xây dựng 35 m², hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải, diện tích cây xanh, sân thể thao diện tích 9.322,29 m².

1.4.2. Hoạt động của Dự án đầu tư

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Xây dựng nhà xưởng, các hạng mục công trình phụ trợ, hoàn thiện các hạng mục của Dự án.

- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công ở công trường.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công.

- Hoạt động hoàn thiện nhà xưởng và các hạng mục công trình phụ trợ.

- Hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của khu vực sản xuất gồm các dây chuyền sản xuất bếp ga di động.

- Hoạt động của xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm ra vào nhà máy.
- Hoạt động của các bộ công nhân viên nhà máy, cán bộ công nhân viên các nhà thầu và khách đến nhà máy.
- Hoạt động Trạm xử lý nước thải (XLNT) sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm về môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) và nằm trong nội thành, nội thị của đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị (quận Hải An), là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thi công xây dựng nhà xưởng (hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, thiết bị máy móc sản xuất, hoạt động của máy móc thi công), hoạt động lắp đặt máy móc dây chuyền sản xuất nhà máy, hoạt động của công nhân xây dựng.

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động của các công trình chính (nhà xưởng, văn phòng); hoạt động của các công trình phụ trợ (phòng máy biến áp; phòng máy phát; phòng điện; nhà bảo vệ,...); hoạt động của các công trình bảo vệ môi trường thu gom và thoát nước mưa, hoạt động thu gom và xử lý nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, kho lưu chứa chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, CTR công nghiệp, kho lưu chứa chất thải nguy hại (CTNH) và các công trình phụ trợ.

Các hoạt động nêu trên có khả năng tác động xấu đến môi trường như: Phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, mùi, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường khu vực Dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Trong giai đoạn thi công:

- Hoạt động của công nhân thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng tối đa khoảng 6,75 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD₅, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, coliforms.

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 6,2 m³/ngày đêm từ hoạt động vệ

sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị, dụng cụ, sàn xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Dầu mỡ, TSS.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của người lao động làm việc tại Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với tổng lưu lượng khoảng 7,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD₅, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, coliforms.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình tẩy rửa bề mặt các linh kiện bán thành phẩm trước khi sơn tĩnh điện với lưu lượng khoảng 0,1 m³/tháng. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ, NaOH.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Trong giai đoạn thi công:

- Hoạt động của máy móc trên công trường thi công và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công phát sinh chủ yếu là bụi và khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, SO₂, NO₂.

- Hoạt động đào móng các hạng mục công trình phát sinh chủ yếu là bụi.

- Hoạt động hàn, cắt phát sinh khói hàn. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CO, NO₂.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, SO₂, NO₂.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Hoạt động phun sơn tĩnh điện phát sinh bụi, khí thải với lưu lượng khoảng 10.692 m³/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi.

- Hoạt động sấy các bán thành phẩm sau khi sơn tĩnh điện phát sinh khí thải với lưu lượng khoảng 3.418 m³/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: n-Propanol, Toluen.

- Hoạt động dập tấm thép phát sinh bụi. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Dự án phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, SO₂, NO₂.

- Hoạt động tập kết chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khí có mùi hôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, CH₄.

- Hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày phát sinh mùi hôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, CH₄, Methyl mercaptan.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR thông thường

a) Trong giai đoạn thi công:

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng tối đa khoảng 64,5 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: Vỏ đồ hộp, giấy báo, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn.

- Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh CTR xây dựng với khối lượng khoảng 7,72 tấn. Thành phần chủ yếu bao gồm: Xi măng thải, sắt, thép, ván, cốt pha, nhựa.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của người lao động làm việc tại Dự án phát sinh CTR sinh hoạt với tổng khối lượng khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Hoạt động sản xuất các sản phẩm của Dự án phát sinh CTR công nghiệp thông thường với tổng khối lượng khoảng 24.776 kg/năm. Thành phần chính: Thép vụn phế liệu; bìa carton, bao bì đóng gói thải; sản phẩm lỗi hỏng; bùn cặn từ hệ thống bể phốt, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và hố ga thoát nước.

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH

a) Trong giai đoạn thi công:

Hoạt động văn phòng tại công trường thi công, hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh CTNH với tổng khối lượng khoảng 80 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ từ việc bảo dưỡng các máy móc thiết bị, giẻ lau dính dầu; thùng sơn, chất thải hàn xì.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Hoạt động sản xuất các sản phẩm của Dự án phát sinh CTNH với tổng khối lượng khoảng 1.785 kg/năm. Thành phần chính: Cặn, nước thải từ quá trình tẩy rửa bề mặt; chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau; bao bì dính các thành phần nguy hại; hộp mực in thải; các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải, than hoạt tính thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công (xe tải, máy đào, máy đầm, máy ủi, máy trộn vữa, xe lu) và hoạt động khoan, hàn, cắt, đào, đầm phát sinh tiếng ồn.

- Hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công (xe tải, máy đào, máy đầm, máy ủi, máy trộn vữa, xe lu) phát sinh độ rung.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ra vào Dự án; hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; hoạt động vận hành máy phát điện dự phòng và các công trình XLNT của Dự án phát sinh tiếng ồn, rung chấn.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án với lưu lượng khoảng 0,2696 m³/giây tương ứng với trận mưa lớn nhất. Thành phần chủ yếu là TSS.

- Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị có khả năng gây ra sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy, nổ.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích Dự án với lưu lượng khoảng 0,6344 m³/giây tương ứng với trận mưa lớn nhất. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

- Hoạt động sản xuất, vận hành của Dự án có khả năng xảy ra nguy cơ sự

cổ cháy, nổ; sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất; sự cố hệ thống xử lý nước thải và khí thải; sự cố tại khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, khu lưu giữ CTNH; sự cố đối với hệ thống cấp và thoát nước.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Trong giai đoạn thi công

- Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí 05 nhà vệ sinh di động tại khu vực công trường (mỗi nhà vệ sinh có 02 buồng) để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân. Mỗi nhà vệ sinh có kích thước 95 cm x 130 cm x 250 cm với dung tích bể chứa nước thải 0,4 m³; nước thải được định kỳ hút và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Quy trình: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải thi công xây dựng: Bố trí 05 hố lắng tạm trên công trường (dung tích 03 m³/hố; có bố trí gói thấm dầu) để thu gom nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình. Sau khi qua lắng cát và tách dầu, lượng nước này được tái sử dụng để tưới ẩm không xả ra môi trường, gói thấm dầu được thu gom về kho CTNH.

Nước thải rửa xe được thu gom vào 01 hố lắng tại khu vực cầu rửa xe có dung tích 05 m³, có bố trí gói thấm dầu để lắng cặn chất rắn lơ lửng như bùn, đất bám dính vào xe, tách dầu, lượng nước này được tái sử dụng cho hoạt động tưới ẩm, không xả ra môi trường, gói thấm dầu được thu gom về kho CTNH.

Quy trình xử lý: Nước thải thi công/nước thải rửa xe → Rãnh thoát nước → Hố lắng tạm (bố trí gói thấm dầu) → Tái sử dụng để tưới ẩm không xả ra ngoài môi trường.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải từ các nhà vệ sinh qua bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về Trạm XLNT của Dự án để xử lý trước trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A). Dự án xây dựng 03 bể tự hoại, với tổng thể tích 16 m³ (01 bể tự hoại tại khu nhà ăn có thể tích 03 m³; 01 bể tự hoại khu nhà bảo vệ có thể tích 03 m³ và 01 bể tự hoại tại khu nhà xưởng có thể tích 10 m³).

+ Nước thải từ nhà ăn (có chứa dầu mỡ) được dẫn qua bể tách mỡ có thể tích 03 m³ trước khi đưa về Trạm XLNT sinh hoạt của Dự án.

+ Trạm XLNT sinh hoạt của Dự án có công suất 20 m³/ngày có kết cấu bằng composite được lắp đặt ngầm, xử lý đạt tiêu chuẩn đầu vào của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A) tại 01 điểm đầu nối.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt như sau:

Nước thải sinh hoạt (nước thải nhà vệ sinh, nhà ăn) → Đường ống thu gom (uPVC D200) → Ngăn thu gom → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng sinh học → Ngăn khử trùng → Hệ thống thu gom thoát nước thải của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A).

- Nước thải sản xuất từ công đoạn tẩy rửa dầu mỡ bề mặt bán thành phẩm để loại bỏ bụi bẩn và dầu mỡ được xử lý qua bộ lọc màng khí nén. Nước thải sau đó được tuần hoàn tái sử dụng cho công đoạn tẩy rửa dầu mỡ. Cặn lơ lửng và dầu mỡ nổi phát sinh trong quá trình XLNT sản xuất định kỳ 01 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý như CTNH.

Quy trình thu gom, xử lý tuần hoàn nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Vớt tách dầu mỡ nổi → Bơm → Bộ lọc màng khí nén → Nước tái sử dụng cho quá trình tẩy rửa dầu mỡ (Cặn lơ lửng và dầu mỡ nổi định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý).

c) Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Tách riêng hệ thống thu gom nước thải với hệ thống thoát nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án.

- Đảm bảo thu gom triệt để nước thải sinh hoạt, xử lý tại Trạm XLNT đạt tiêu chuẩn đầu nổi trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (DEEP C2A).

- Tuyệt đối không được xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

4.1.2. Về xử lý bụi khí thải

a) Trong giai đoạn thi công

- Phun ẩm ở những khu vực đổ đất, cát, đá và nơi có mật độ xe vận chuyển cao vào mùa khô, khi gió mạnh,... để giảm lượng bụi do gió bốc lên tối thiểu 02 lần/ngày vào những ngày không mưa.

- Bố trí các phương tiện vận chuyển có bạt che phủ, không chở vượt trọng tải quy định khi vận chuyển ra vào Dự án; di chuyển với vận tốc thấp.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng đường nội bộ hoàn chỉnh và tiến hành phân tuyến đường nội bộ để đảm bảo giao thông thông suốt; hạn chế tốc độ đối với các phương tiện di chuyển trong khuôn viên Dự án, yêu cầu tắt máy trong thời gian xe chờ; vệ sinh các tuyến đường nội bộ thường xuyên để giảm thiểu tối đa bụi phát sinh; trồng cây xanh xung quanh Dự án và đảm bảo diện tích cây xanh theo quy định.

- Bụi sơn từ mỗi buồng phun sơn được thu gom vào 01 bộ lọc thu hồi bụi sơn bằng polyester gắn kèm trong mỗi buồng sơn (kích thước mỗi bộ lọc là 300 mm x 600 mm gồm 05 lõi lọc bụi bằng polyester), sau đó được dẫn theo đường ống thu gom kích thước đường kính 300 mm về hệ thống thu hồi bụi thứ cấp (gồm 12 lõi lọc bụi bằng polyester chống ẩm, kích thước Ø325 mm x 900 mm).

Quy trình công nghệ: Bụi sơn từ buồng sơn → Bộ lọc thu hồi bụi sơn (mỗi buồng gồm 05 lõi lọc bụi bằng polyester) → Đường ống thu gom Ø300 mm → Hệ thống thu hồi bụi thứ cấp (bao gồm 12 lõi lọc bụi bằng polyester) →

Quạt hút ly tâm công suất 12.000 m³/h → Ống thoát khí D300 chiều cao 07 m tính từ mặt đất.

- Khí thải phát sinh từ quá trình sấy sau sơn được thu gom bởi chụp hút có kích thước 1.000 x 1.978 mm bằng tôn mạ kẽm, dày 1,2 mm (bố trí tại cửa ra vào của buồng sấy) dẫn vào hệ thống xử lý (bằng tia UV và than hoạt tính) trước khi thoát ra ngoài môi trường.

Quy trình công nghệ: Khí thải từ quá trình sấy → Chụp hút/hệ thống đường ống dẫn khí → Hệ thống UV → Hộp than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí D300 chiều cao 15 m tính từ mặt đất.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thu gom và xử lý toàn bộ các nguồn bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, với Kp = 0,9; Kv = 0,6) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Các công trình, biện pháp quản lý CTR thông thường

a) Trong giai đoạn thi công

- CTR sinh hoạt: Được thu gom vào 02 thùng rác, mỗi thùng có 03 ngăn (để chứa riêng chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; CTR sinh hoạt khác) dung tích mỗi ngăn 20 lít.

- CTR xây dựng: Thu gom, phân loại và bố trí bãi tập kết chất thải tại công trường của Dự án; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định

- Các loại phế thải như sắt thép vụn, gỗ vụn, bao xi măng, thùng đóng gói,... được thu gom và chuyển giao cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Các loại chất thải khác không thể tái chế như bao giấy, dây nhựa,... được tách riêng và hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt được thu gom vào 05 thùng rác, mỗi thùng có 03 ngăn (để chứa riêng chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; CTR sinh hoạt khác) dung tích mỗi ngăn 20 lít đặt tại các khu vực như văn phòng, khu vệ sinh, hành lang. CTR sinh hoạt được thu gom và chuyển về kho chứa CTR sinh hoạt của Dự án có diện tích 27,9 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo đúng quy định.

- CTR công nghiệp thông thường được thu gom, lưu giữ tại khu lưu giữ CTR công nghiệp thông thường của Dự án có diện tích 27,9 m². Các CTR có thể tái chế như: Nhựa, giấy, bìa carton, nilon, phế liệu phế phẩm được tận dụng và bán cho các đơn vị tái chế; các CTR không thể tái chế được hợp

đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo đúng quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại CTR công nghiệp thông thường, CTR sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý CTNH

a) Trong giai đoạn thi công

Bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích khoảng 10 m² có kết cấu đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định. CTNH được thu gom vào các thùng chứa thể tích 100 lít, có nắp đậy, dán nhãn và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Toàn bộ khối lượng CTNH được thu gom các thùng chứa có thể tích 120 lít và 240 lít, bằng nhựa màu cam có nắp đậy và dán nhãn. Các thùng chứa được bố trí tại các vị trí phù hợp của khu vực xưởng.

- CTNH được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời tại kho chứa CTNH có diện tích 27,9 m²; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ khối lượng CTNH phát sinh đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị được kiểm định theo quy định.

- Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân lao động.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Sử dụng máy móc, thiết bị sản xuất đồng bộ; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của các dây chuyền sản xuất.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân lao động.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn

a) Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn trong giai đoạn thi công xây dựng

- Thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường; xây dựng hệ thống rãnh thoát nước và hố ga lắng cặn xung quanh khu vực Dự án với khoảng cách khoảng 50 m/hố để thu gom nước mưa chảy tràn trong phạm vi Dự án trước khi thực hiện thi công. Toàn bộ nước mưa chảy tràn tại các công trường thi công được thu gom vào hệ thống mương, rãnh, hố lắng kích thước L x B x H khoảng (1,0 x 1,0 x 1,0) m/hố, thể tích khoảng 1,0 m³/hố, có song chắn rác, khe thoát nước với kích thước không quá 05 cm bố trí dọc theo hướng thoát nước xung quanh Dự án để lắng cặn trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A).

- Quy trình thu gom: Nước mưa chảy tràn → Rãnh thoát nước → Hố ga lắng cặn → Hệ thống thoát nước mưa của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A).

b) Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn trong giai đoạn vận hành

Thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án về hệ thống rãnh thoát nước, qua song chắn rác rồi chảy vào các hố ga thu gom xung quanh Dự án, có kết cấu bằng bê tông cốt thép, đường kính D160, D200, D400 và D600; tổng chiều dài đường ống thu gom là 364,5 m, độ dốc $i=0,3\%$. Trên đường thoát nước mưa bố trí 18 hố ga lắng cặn bằng bê tông cốt thép (BTCT), nắp hố ga được đặt bằng tấm đan BTCT. Nước mưa được đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A) tại 01 điểm đầu nối.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước thải; đầu tư xây dựng, đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án; đảm bảo toàn bộ nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án đều được thu gom, lắng cặn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A).

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) theo quy định của pháp luật về PCCC.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định. Thực hiện các quy định về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ hóa chất.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường

ông dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ CTR, CTNH: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với Trạm XLNT sinh hoạt:

- + Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của Trạm XLNT.

- + Bố trí nhân viên quản lý, vận hành Trạm XLNT, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho Trạm XLNT của Dự án.

- + Trang bị các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố. Bảo đảm hoạt động của hệ thống van chặn tại các bể của Trạm XLNT và các bể có thể lưu chứa nước thải tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố của Trạm XLNT.

- + Trường hợp xảy ra sự cố: Tiến hành tạm dừng hoạt động của Trạm XLNT để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi Trạm XLNT được khắc phục, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình vận hành đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Nam Đình Vũ (Khu 2) (Deep C2A).

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với các hệ thống xử lý khí thải:

- + Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế, chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống xử lý khí thải của Dự án.

- + Thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, xử lý khí thải và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- + Định kỳ giám sát đo chỉ số Iodine để theo dõi; định kỳ thay than hoạt tính cho hệ thống xử lý khí thải.

- + Trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, khí thải đầu ra vượt quy chuẩn cho phép, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát định kỳ môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

- + Điểm 1: Khu vực tiếp giáp cổng ra vào Dự án.

- + Điểm 2: Khu vực tiếp giáp Dự án cuối hướng gió chủ đạo tại khu vực.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt giai đoạn thi công xây dựng.

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường và CTNH

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.
- Định kỳ chuyển giao CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát định kỳ nước thải sinh hoạt sau xử lý

Thực hiện chương trình giám sát nước thải sinh hoạt định kỳ sau xử lý tại Trạm XLNT sinh hoạt tập trung theo điều kiện đầu nối nước thải thỏa thuận với Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nam Đình Vũ (Khu 2).

5.2.2. Giám sát định kỳ khí thải sau xử lý

- Vị trí giám sát: 02 vị trí gồm 01 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn tĩnh điện và 01 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sấy sau phun sơn tĩnh điện.

- Thông số giám sát:
 - + Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn tĩnh điện: Lưu lượng, Bụi.
 - + Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sấy sau phun sơn tĩnh điện: Lưu lượng, n-Propanol, Toluene.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, với K_p = 0,9; K_v = 0,6) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

6.1. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.2. Không sử dụng các máy móc thiết bị thuộc danh mục cấm hoặc hạn

chế chuyển giao theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động xấu đến cảnh quan, môi trường, các công trình hạ tầng trong quá trình thi công xây dựng, vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

6.4. Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan chức năng để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án. Chủ Dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

6.5. Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn hóa chất, an toàn lao động, đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

6.6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ công nhân viên tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án.

6.7. Thực hiện các biện pháp phù hợp để giảm thiểu tác động của Dự án đến các hoạt động giao thông.

6.8. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào Dự án đầu tư, Dự án đầu tư xây dựng.

6.9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6.10. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6.11. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.12. Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất đối với ít nhất một hoạt động hoặc công đoạn sản xuất theo lộ trình do Chính phủ quy định.

6.13. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.14. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.

CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

=====o0o=====

Số: 15072025/MSV-TB

Hải phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2025

Kính gửi: Quý Khách hàng, Đối tác và Toàn thể Cán bộ nhân viên

To: Valued Customers, Partners, and All Employees

Công ty TNHH MAXSUN VINA xin trân trọng thông báo:

We would like to formally inform you of the following:

Căn cứ **Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025** của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng (có hiệu lực từ ngày 16/6/2025, chính quyền mới hoạt động từ ngày 01/7/2025), *Pursuant to Resolution No. 1669/NQ-UBTVQH15 dated June 16, 2025 of the Standing Committee of the National Assembly on the reorganization of commune-level administrative units in Hai Phong City (effective from June 16, 2025, with new local authorities operating from July 1, 2025),*

Địa chỉ đăng ký của Công ty TNHH MAXSUN VINA đã được điều chỉnh như sau:
Our registered company address has been updated as follows:

- Địa chỉ cũ / *Previous address:* **Lô đất CN7.2K tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) (Deep C 2A) Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng, Việt Nam.**
- Địa chỉ mới / *Updated address:* **Lô đất CN7.2K tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) (Deep C 2A) Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, Tp. Hải Phòng, Việt Nam.**
- Thông tin thay đổi này **không ảnh hưởng đến** các thông tin pháp lý khác của Công ty như mã số thuế, số điện thoại, tài khoản ngân hàng, email,... Các hợp đồng và giao dịch hiện tại vẫn tiếp tục được thực hiện bình thường.
This update does not affect other legal or business information such as tax code, phone number, bank account, or email. All existing contracts and transactions remain valid and effective.

Kính đề nghị Quý Khách hàng, Đối tác và Nhân viên cập nhật địa chỉ mới trong các văn bản, chứng từ, và giao dịch liên quan kể từ ngày 15/7/2025.
We kindly request that you update our new address in all related documents and transactions from July 15, 2025.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự đồng hành và hợp tác của Quý vị.
We sincerely thank you for your continued support and cooperation.

Trân trọng thông báo!

Sincerely,

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
COMPANY REPRESENTATIVE**

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu vp



**TỔNG GIÁM ĐỐC
HAHM KWANG HO**

MS. Hoa : 096-119.4898.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 04 tháng 07 năm 2025

ĐƠN XIN XÁC NHẬN ĐỊA CHỈ MỚI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân phường Đông Hải

Đơn vị xin xác nhận địa chỉ: Công ty MAXSUN VINA

Mã số doanh nghiệp: 0202255674

Do việc thực hiện Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 của UBTVQH về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025 dẫn đến việc địa chỉ Công ty chúng tôi thay đổi như sau:

Địa chỉ cũ: Lô đất CN 7.2K tại KCN Nam Đình Vũ (khu 2) (DEEP C 2A), Khu kinh tế Đình Vũ- Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ mới: Lô đất CN 7.2K tại KCN Nam Đình Vũ (khu 2) (DEEP C 2A), Khu kinh tế Đình Vũ- Cát Hải, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Để tiện cho việc giao dịch kinh doanh của Công ty, chúng tôi đề nghị UBND phường Đông Hải xác nhận cho Công ty chúng tôi việc thay đổi địa chỉ như trên.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!



PHÓ CHỦ TỊCH
Đinh Minh Tâm

CÔNG TY MAXSUN VINA



TỔNG GIÁM ĐỐC
HAHM KWANG HO

Số: HPIP/CSM/LET/25/9

THỎA THUẬN ĐẦU NỔI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
DỰ ÁN: BẾP GA DI ĐỘNG MAXSUN VINA
Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA

Căn cứ Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản số: HPIP/CSM/CON/24/24 ký ngày 14/10/2024 giữa Công ty TNHH Maxsun Vina và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng.

Căn cứ nội quy Khu công nghiệp và Hệ thống tiện ích kỹ thuật của Khu công nghiệp.

Hôm nay, ngày 14 tháng 03 năm 2025, tại lô đất CN7.2K tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2), thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam, chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ ĐẤT:

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng

Đại diện: Ông Bruno Johan O. Jaspaert, Tổng Giám đốc

2. ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ ĐẤT:

Công ty TNHH Maxsun Vina

Đại diện: Ông Hahm Kwang Ho, Tổng Giám đốc

Các bên cùng thống nhất xác nhận số lượng và vị trí các điểm đầu nối tiện ích (điện, viễn thông, nước, nước thải và thoát nước mặt) của Dự án theo bản vẽ đính kèm, làm căn cứ cho việc thiết kế, thi công, nghiệm thu Dự án.

Thủ tục đầu nối sẽ tuân thủ theo Điều khoản và điều kiện chung về dịch vụ và tiện ích ký kết giữa hai bên Công ty TNHH Maxsun Vina và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng./.

CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA



TỔNG GIÁM ĐỐC
HAHM KWANG HO

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG
NGHIỆP HẢI PHÒNG**



TỔNG GIÁM ĐỐC
BRUNO JOHAN O. JASPAERT



CN7.2E
1.8315 HA

DRAINAGE CONNECTION

SEWER CONNECTION

TELECOM CONNECTION

WATER CONNECTION

POWER CONNECTION

ORPC

CN7.2D: 8.5760 HA

CN7.2K: 16364 m2

CN7.2J: 7246 m2

CN7.2H: 6390 m2

1.80 ha

CN7.2G:
1.3030 ha

26/02/2024

DATE _____

DEEP C INDUSTRIAL ZONE

10401

LAND PLOT FOR POTENTIAL CLIENT

CN7.2K: 16364 m2

Drum

9-ENG-EDD; HADDO

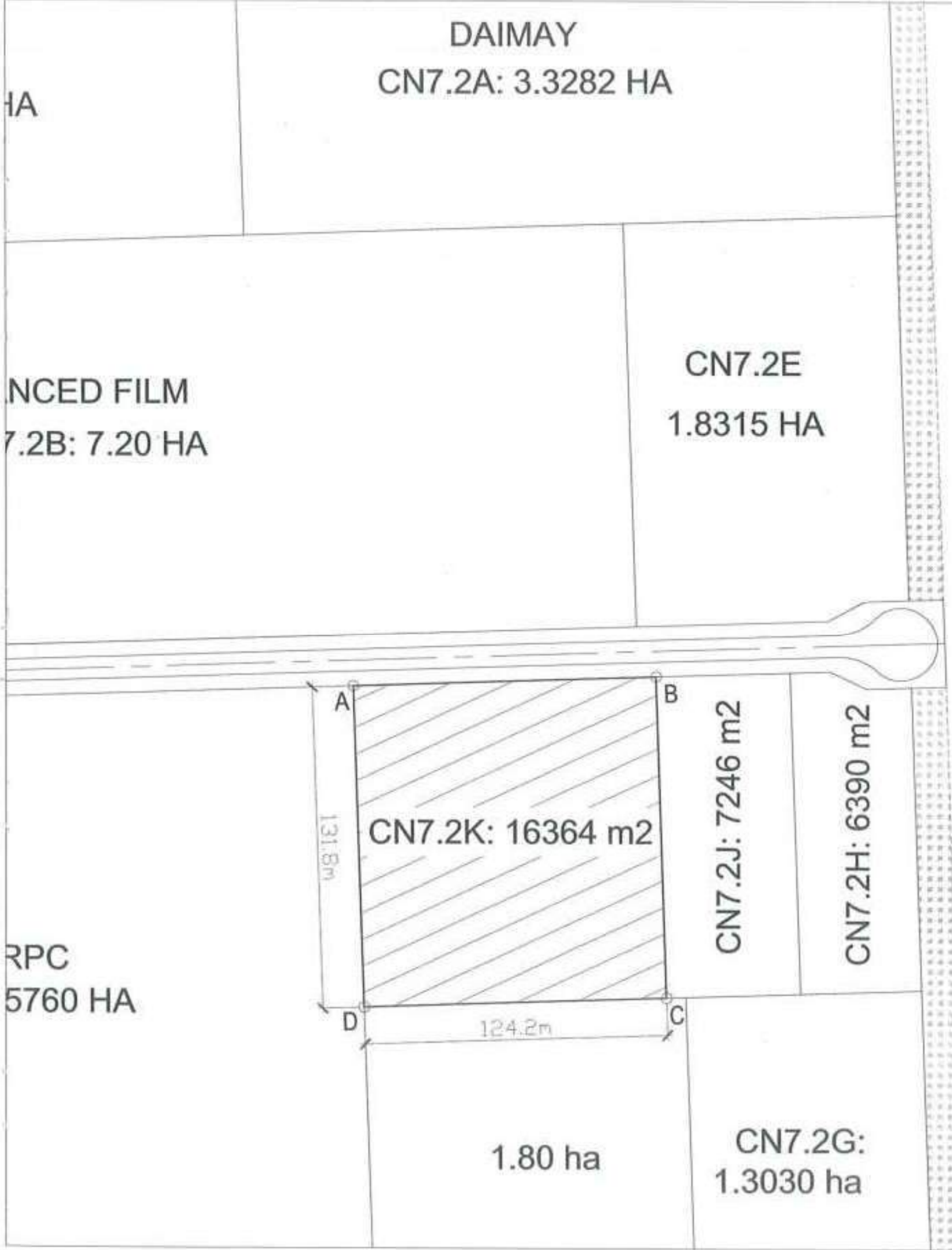
Do the

Scale

NTS

Discussion

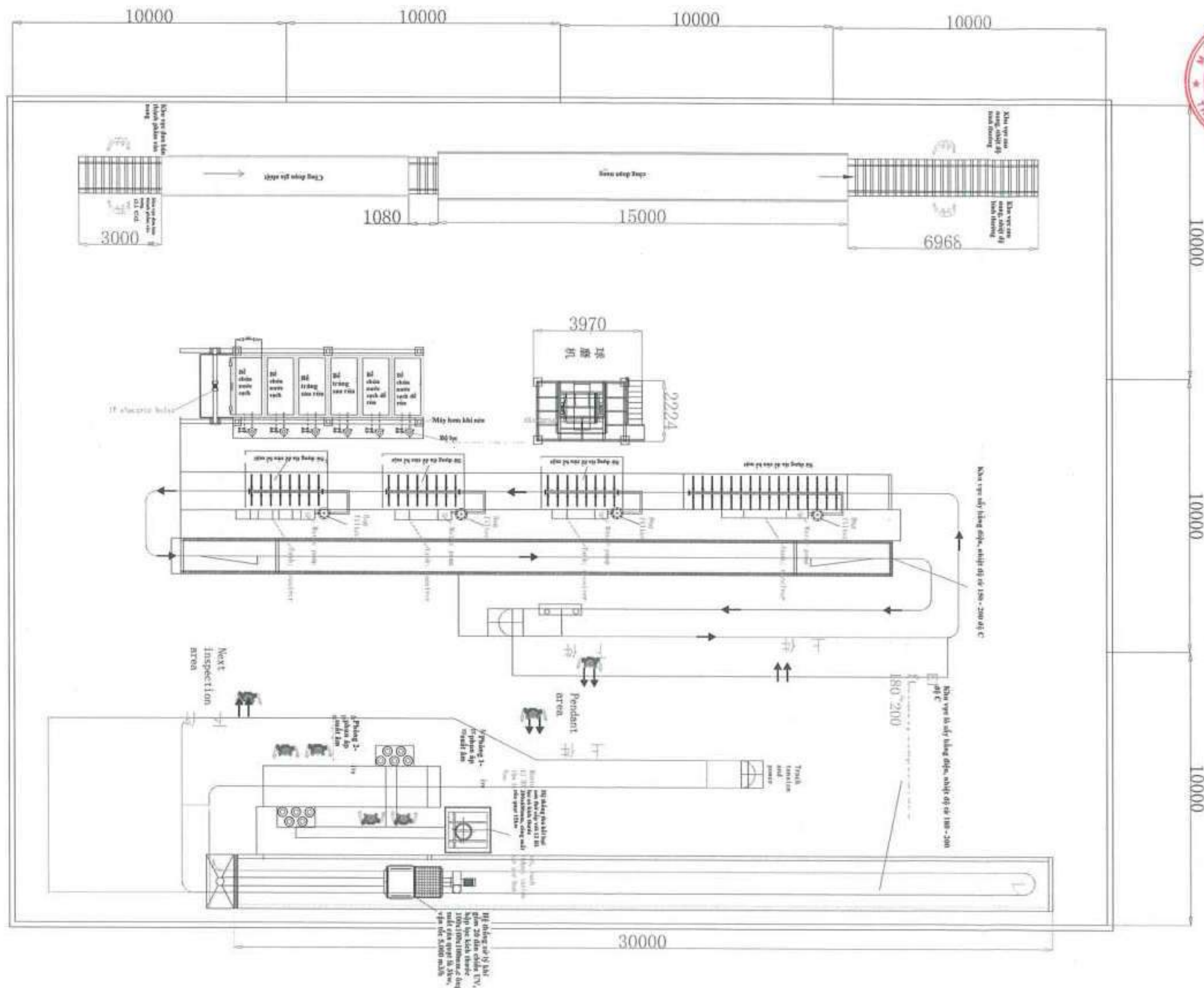
Approved at 03:07 PM 29-05-2024 by Tuan Nguyen Anh - ITDS; Tuan Do Cong - ENG-EDD; Ha Do Ngan - ENG; Nguyen Hoang Huu - DCGE-Office;



COORDINATES OF THE LAND PLOT:

- A: E=609066.819 N=2300684.780
B: E=609190.953 N=2300688.875
C: E=609195.301 N=2300557.194
D: E=609071.163 N=2300553.099

26/03/2024		1
DATE	DESCRIPTIONS	Revision
DEEP C  DEEP C INDUSTRIAL ZONE		
INDUSTRIAL ZONES		
TOPIC		
LAND PLOT FOR POTENTIAL CLIENT CN7.2K: 16364 m ²		
Drawn	Checked	Approved
Date	Scale	Drawing
	NTS	



DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA
MAXSUN FACTORY
PHASE-1

ĐC: Lô đất 7.2k, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu vực 2) (deep c 2A), khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

GHI CHÚ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN
MVW DESIGN WORKSHOP
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NO 50/1, 31 THO THAP STREET, DICH VONG HAU WARD
CAU GIAY DISTRICT, HANOI, VIETNAM
TEL: +84(9)34 323 8588

Director - Giám đốc
Lee Sang Ho
Project manager - Chủ nhiệm dự án
Đình Quang Long
Principal - Chủ trì
Đình Quang Long
Designer - Thiết kế
Đình Quang Long
Hàng mục - REM

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME
KHU VỰC NUNG SẢN PHẨM

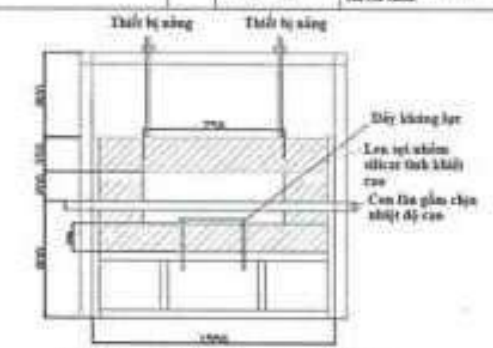
SCALE	SCALE	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONS DESIGN AS-BUILT	
DATE	DEC. 2024	

CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA

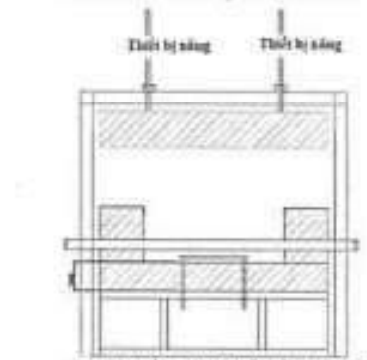
THIẾT BỊ NÂNG THIẾT BỊ NÂNG

Địa chỉ xây dựng : Lô đất 7.2k, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu vực 2) (deep c 2A), khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

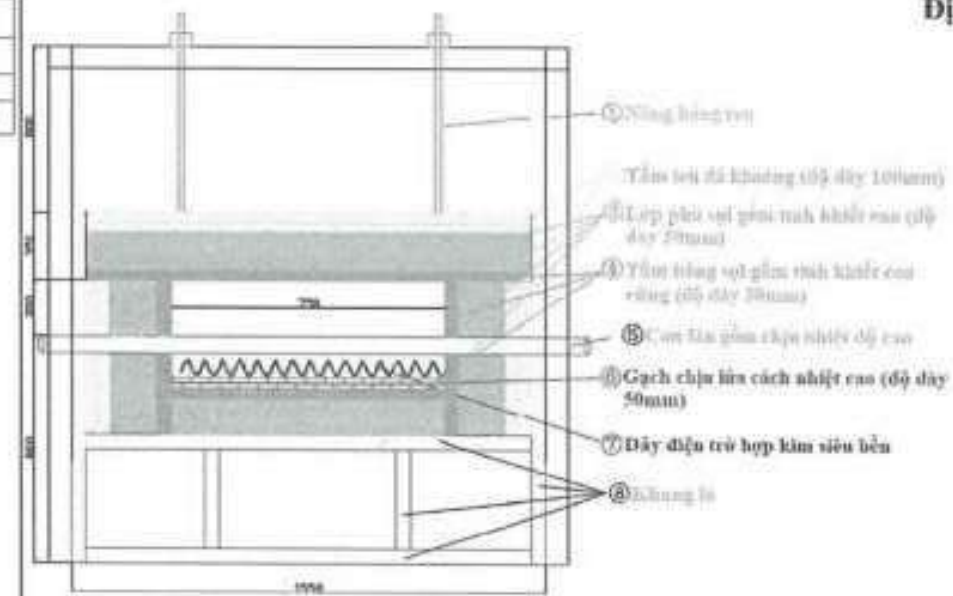
Loại	Đơn vị	Đơn vị	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
Nguyên liệu chính	kg	300	Công suất định mức	Kg	270
Tổng số chính	kg	300	Thiết bị định mức	kg	300
Số phụ kiện	kg	3	Tổng số phụ kiện	kg	1.200/1.200
Tổng khối lượng thiết bị	kg	300	Thiết bị định mức	kg	150
Kích thước hàng hóa vận chuyển	mm	1200x750x200	Thiết bị	mm	
Kích thước của cửa sổ	mm	600x100	Thiết bị	mm	
			Thiết bị	mm	
			Thiết bị	mm	



TRẠNG THÁI TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT



TRẠNG THÁI TRONG QUÁ TRÌNH BẢO TRÌ



STT	Tên bộ phận	Nguyên liệu chính
1	Thiết bị nâng	Thép các bon
2	Tấm lót đỡ hàng (độ dày 10mm)	Basalt, cát thạch anh và các sợi đã khử.
3	Tấm lót đỡ hàng (độ dày 10mm)	Vật liệu chịu lửa, sợi, nhôm silicat, không có sợi amiăng
4	Tấm lót đỡ hàng (độ dày 10mm)	Vật liệu chịu lửa, sợi, nhôm silicat, không có sợi amiăng
5	Cốt thép gia cường chịu nhiệt độ cao	Oxit nhôm, oxit sắt
6	Gạch chịu lửa cách nhiệt cao (độ dày 70mm)	Đất sét, bauxite, perlite
7	Dây điện truyền tải điện	Cr20Ni80
8	Thiết bị nâng	Thép các bon

Nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Zhengtuo (Thiên Tấn).

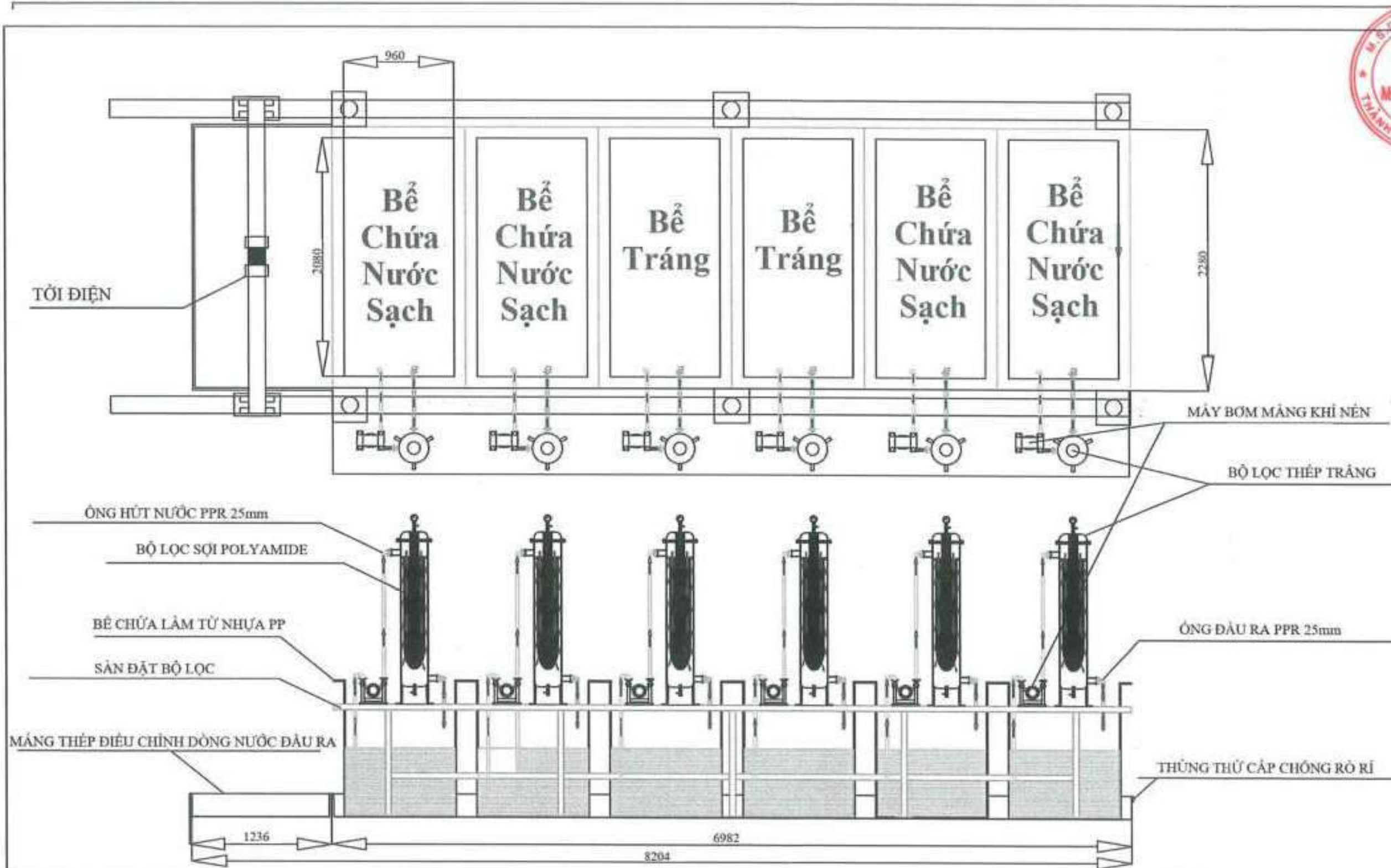


KHU VỰC CẮT NUNG KẾT

ĐÂY LÀ GIẢI PHÁP SƠ BỘ VÀ TẤT CẢ KÍCH THƯỚC CÓ THỂ ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH THEO ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ

VÙNG GIA NHIỆT CHẠM





THIẾT BỊ XỬ LÝ SƠ BỘ VÀ SỬ LỌC			
CHẤT LIỆU LÂM BỂ CHỨA	NHỰA KỸ THUẬT DÂY 12mm	KÍCH CỠ TỦI LỌC	ø180x8200.45-800µm
BỂ CHỨA	2080x960x1200mm	ÔNG CẤP VÀ THOÁT NƯỚC	ÔNG NHỰA PPR ø25mm
THÙNG THỦ CẤP CHỐNG RỖ RỈ	THÉP TRẮNG SUS304 DÂY 2.0mm	KÍCH CỠ THÙNG THỦ CẤP CHỐNG RỖ RỈ	6982x2280x200mm
CHẤT LIỆU LÂM BỒN RỬA	THÉP TRẮNG SUS304 DÂY 2.0mm	KÍCH CỠ BỒN RỬA	1236x2280x200mm
KÍCH CỠ BƠM MĂNG KHÍ NÉN	BƠM MĂNG QHY3-25PTFF VÀ MĂNG TEFLON	TỎI XÍCH ĐIỆN	1T XÍCH ĐƠN/380V
MẪU TỦI LỌC BỤI BẰNG THÉP KHÔNG GỈ	MD-DS219-2	GIÁ ĐỒ TỎI ĐIỆN	CỘT ÔNG SẮT ø150mm, KHUNG THÉP H 100x100
KÍCH CỠ TỦI LỌC BỤI BẰNG THÉP KHÔNG GỈ	ø210x1320	CƠ SỞ SẢN XUẤT THIẾT BỊ	CÔNG TY TNHH LIANLONG COATING EQUIPMENT



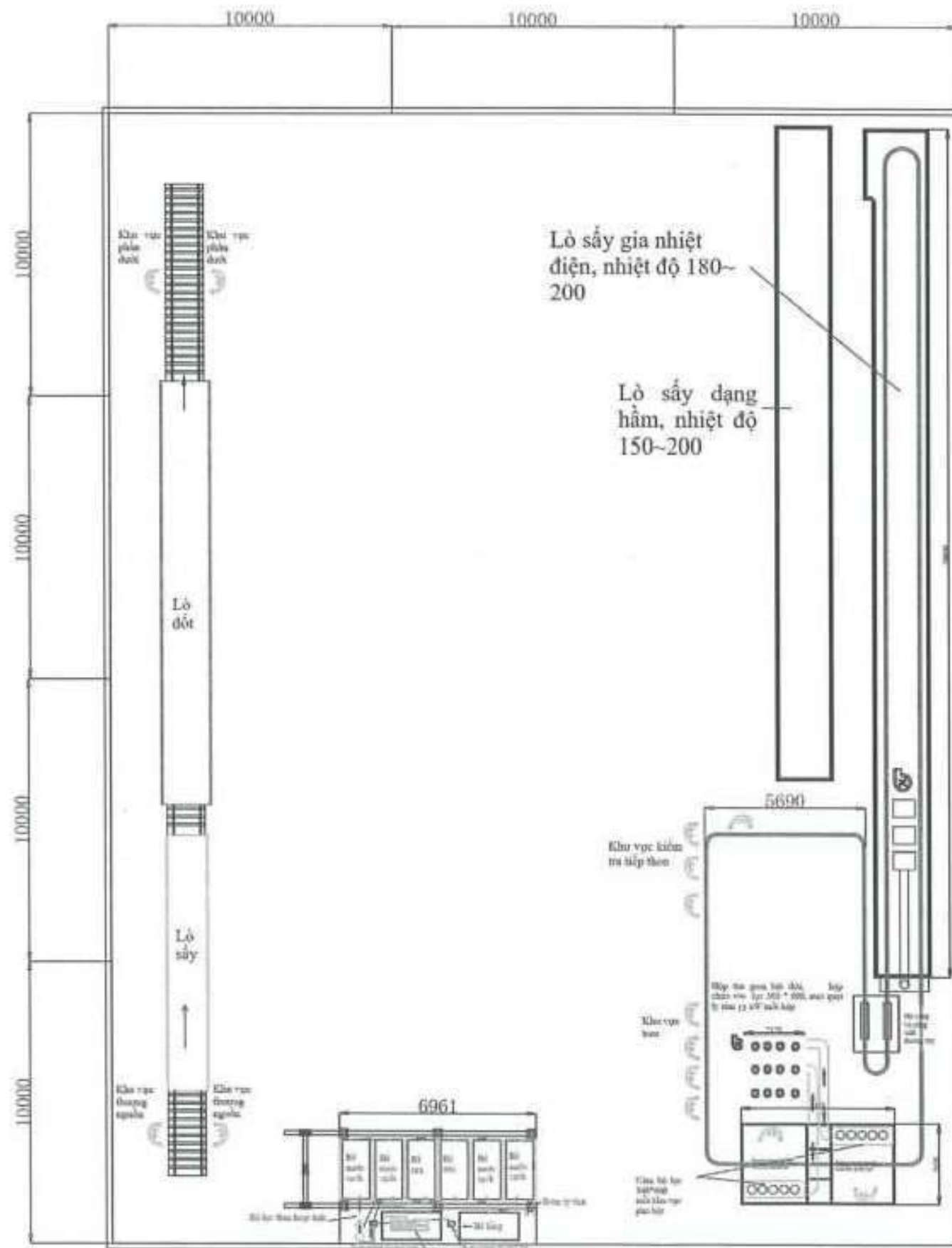
DỰ ÁN - PROJECT
Ư ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA
MAXSUN FACTORY
PHASE-1
ĐC: 10/10/2023, KCN Nam Thành Việt (Huyện) (Độc lập), phường Hùng Vương, Quận 10, TP. HCM
Khu vực: Quận 10, TP. HCM

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN
MVW DESIGN WORKSHOP
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP
NO 50/1, 31 THO THÁP STREET, QUẬN HẢI HƯNG
CAU GIAY DISTRICT, HANOI, VIETNAM
TEL: +84(0)34 323 8588
Director - Giám đốc
Lê Sang Ho
Project manager - Chủ nhiệm dự án
Đinh Quang Long
Principal - Chủ trì
Đinh Quang Long
Designer - Thiết kế
Đinh Quang Long
HẠNG MỤC - ITEM

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME
KHU VỰC RỬA SẢN PHẨM

SCALE	SCALE	DRAWING NO.
STATUS	FOR COM DESIGN HS-TRTC	
DATE	DEC. 2024	



DỰ ÁN - PROJECT
DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA
MAXSUN FACTORY
PHASE-1

ĐC: LỘ CHỢ X, HUYỆN KINH VĨ (Phía D) (ĐẾP CÀ), phường Hùng Hải 2,
quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
KHO: LỘ CHỢ X, Huyện Kinh Vĩ (Phía D) (ĐẾP CÀ), Đường Hùng Hải 2, xã
Hải An, huyện Kinh Vĩ, Thành phố Hải Phòng

GH CHÚ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NO 301, 31 THO THÁP STREET, DỊCH VANG HAU WARD
QUẬN QUẬN, HANOI, VIETNAM

TEL: +84(0)34 323 8588

Director - Giám đốc
Lee Sang Ho

Project manager - Chủ trì dự án
Đinh Quang Long

Principal - Chủ trì
Đinh Quang Long

Designer - Thiết kế
Đinh Quang Long

HÀNG MỤC - ITEM

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

KHU VỰC NUNG, SẤY SẢN PHẨM

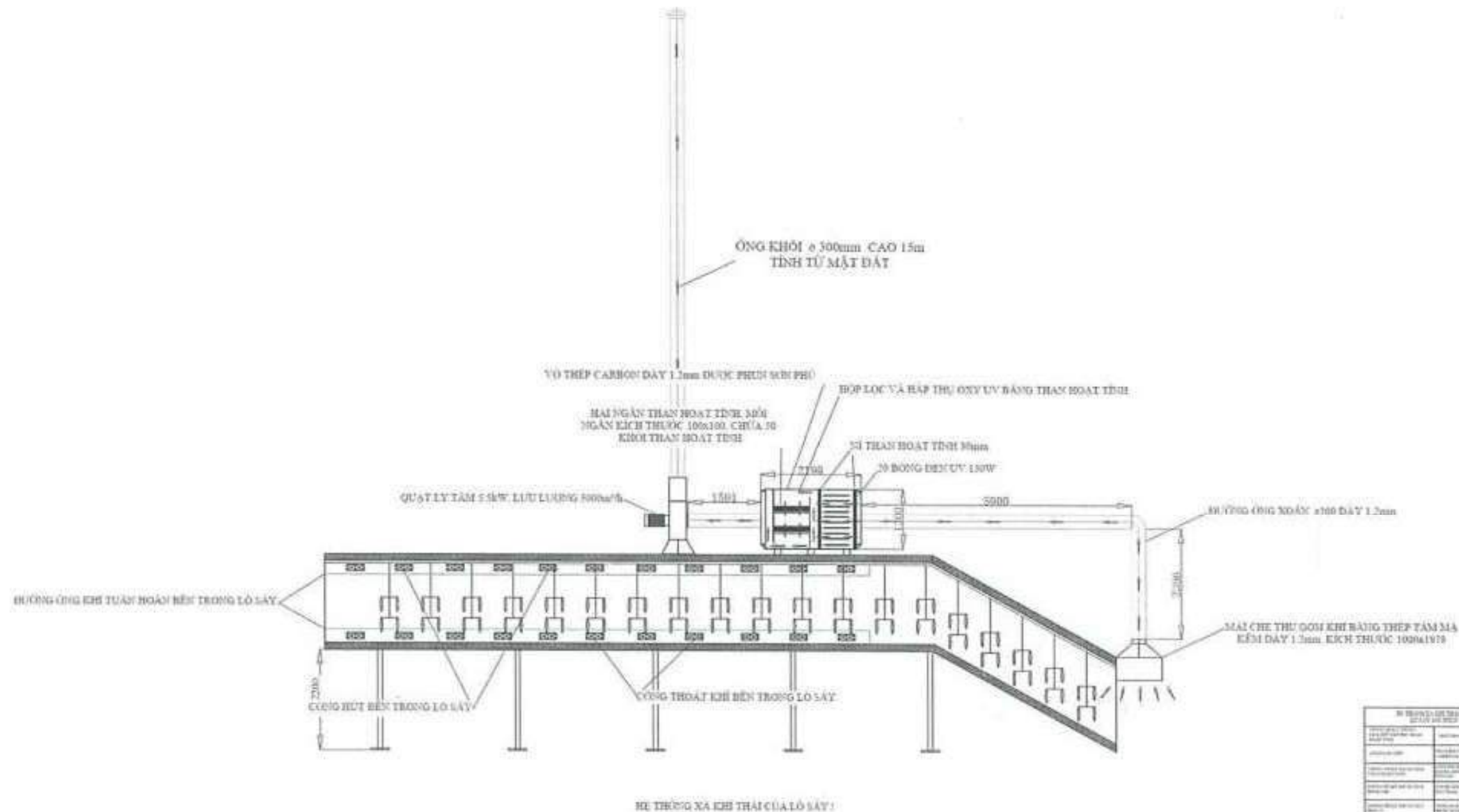
SCALE	SCALE	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONG DESIGN HS-THUC	
DATE	DEC. 2024	

DU AN - PROJECT

**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA
MAXSUN FACTORY
PHASE-1**

HC: 14/03/2016, KCN Nam Dinh 05 (Phu 2) (DEEP CO), phuong hien H&C,
cduy H&A, kien yduy H&P, V&P Nam
KH: 14/03/2016, Nam Dinh Vn Industrial Park (Area 2) (DEEP CO), long hai 2 nam,
hai An kien, hai Phung cduy, V&P Nam

GH CHU - NOISE



NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO.,LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NO 501, 31 THO THAP STREET, DICH VONG HAU WARD
CAU GIAY DISTRICT, HANOI, VIETNAM

TEL +84(0)34 323 8588

Director - Galen Bock

Lee Sang Ho

Project manager - Chủ nhiệm dự án

Định Quang Long

Principal - Child 11

Đinh Quang Long

Designer - Thien An

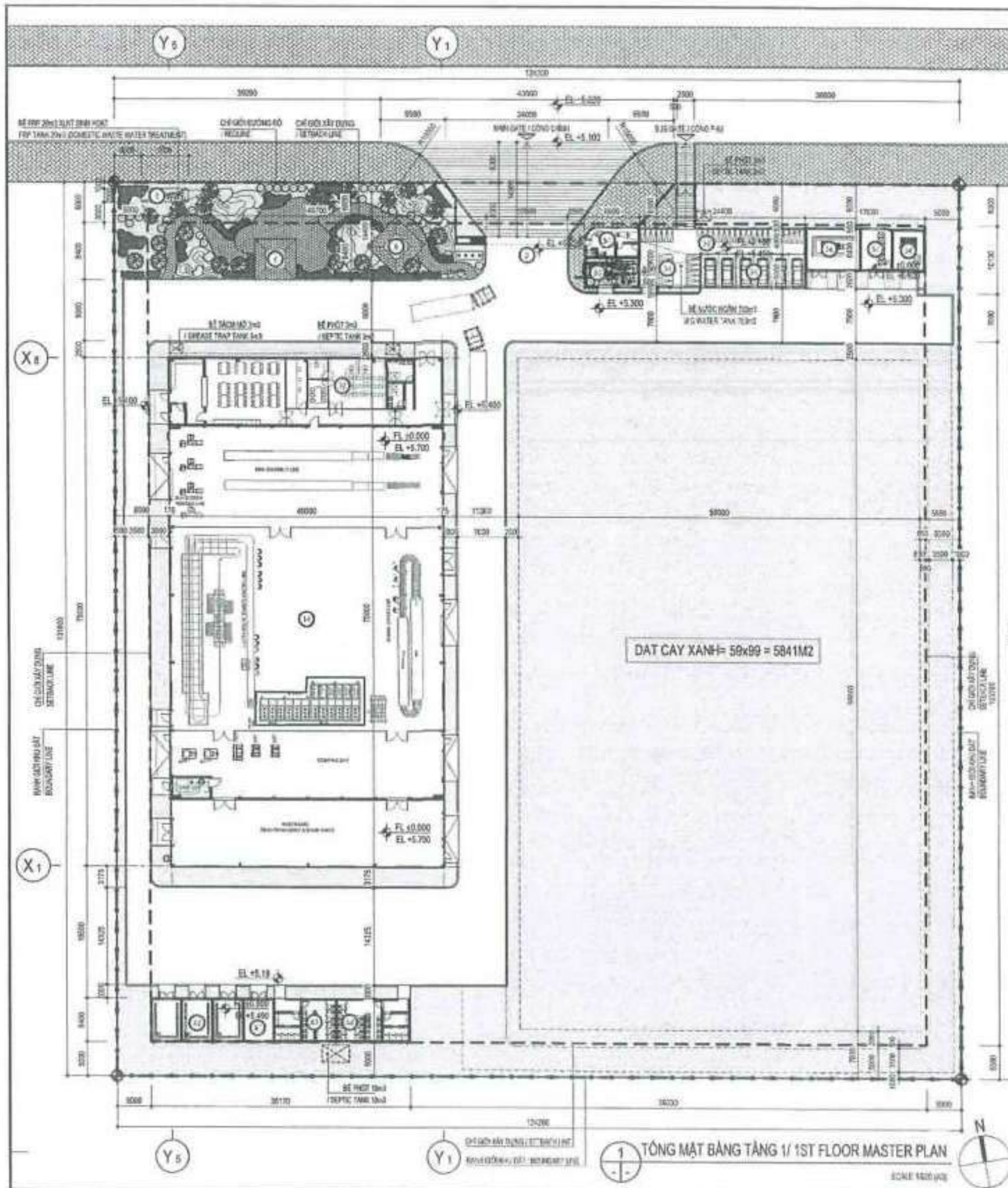
Đinh Quang Long

HẠNG MỤC - ITEM	ĐIỂM
1. Tên đề tài nghiên cứu	10
2. Mục đích nghiên cứu	10
3. Đối tượng nghiên cứu	10
4. Phạm vi nghiên cứu	10
5. Phương pháp nghiên cứu	10
6. Kết quả nghiên cứu	10
7. Kết luận	10
8. Tổng cộng	80

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
KHU VỰC SẤY SẢN PHẨM

SCALE	SCALE	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION	
DATE	DEC. 2024	



VỊ TRÍ DỰ ÁN / KEYMAP



BẢNG CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT / AREA SUMMARY-DETAIL

STT	HẠNG MỤC / SEPARATION	DIỆN TÍCH / AREA (M ²)	MẬT ĐỘ / DENSITY	THIẾT DẠNG / REGULATION	SỐ LƯỢNG / NUMBER	GH CHÚ / REMARK
1	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT / TOTAL PROJECT SITE AREA	15.304,00	100,00%			
2	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN / TOTAL FLOOR AREA	2.955,35				
3	TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG / TOTAL CONSTRUCTION AREA	2.690,00	22,80%	80,00%	37,40%	
4	SÂN, ĐƯỜNG NỘI BỘ, BÃI ĐÓNG XE / YARD, ROAD, CAR PARKING AREA	1.356,42	30,40%			
5	CÂY XANH, SÂN THỂ THAO / LANDSCAPE AREA	8.322,28	54,97%	30,00%	33,97%	
6	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT / LANDUSE RATIO				0,34	

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT / AREA SUMMARY-GENERAL

STT	HẠNG MỤC / SEPARATION	DIỆN TÍCH / AREA (M ²)	MẬT ĐỘ / DENSITY	THIẾT DẠNG / REGULATION	SỐ LƯỢNG / NUMBER	GH CHÚ / REMARK
1	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT / TOTAL PROJECT SITE AREA	15.304,00	100,00%			
2	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN / TOTAL FLOOR AREA	2.955,35				
3	TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG / TOTAL CONSTRUCTION AREA	2.690,00	22,80%	80,00%	37,40%	
4	SÂN, ĐƯỜNG NỘI BỘ, BÃI ĐÓNG XE / YARD, ROAD, CAR PARKING AREA	1.356,42	30,40%			
5	CÂY XANH, SÂN THỂ THAO / LANDSCAPE AREA	8.322,28	54,97%	30,00%	33,97%	
6	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT / LANDUSE RATIO				0,34	

NOTES/GH CHÚ

---	DIỆN TÍCH SÀN / FLOOR AREA		DIỆN TÍCH SÀN / FLOOR AREA
---	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG / CONSTRUCTION AREA		DIỆN TÍCH XÂY DỰNG / CONSTRUCTION AREA
---	DIỆN TÍCH SÂN / YARD		DIỆN TÍCH SÂN / YARD

Maxsun
MAXSUN (DAIJIAN) CO., LTD
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG
Số 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG MAXSUN VINA

ĐC: 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Số 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Số 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

GH CHÚ / NOTES
*NOTE: QL ±0,000 = EL +5,450
(See CIVIL Drawing for more information)

STT	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MYW DESIGN WORKSHOP
CÔNG TY TNHH MYW DESIGN WORKSHOP

MYW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MYW DESIGN WORKSHOP
Số 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Số 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Director - Giám đốc: Lee Sang Ho
Project manager - Chỉ huy dự án: Đinh Quang Long
Piraga - Chỉ huy: Đinh Quang Long
Designer - Thiết kế: Đinh Quang Long

LANDSCAPE - BHM

GENERAL

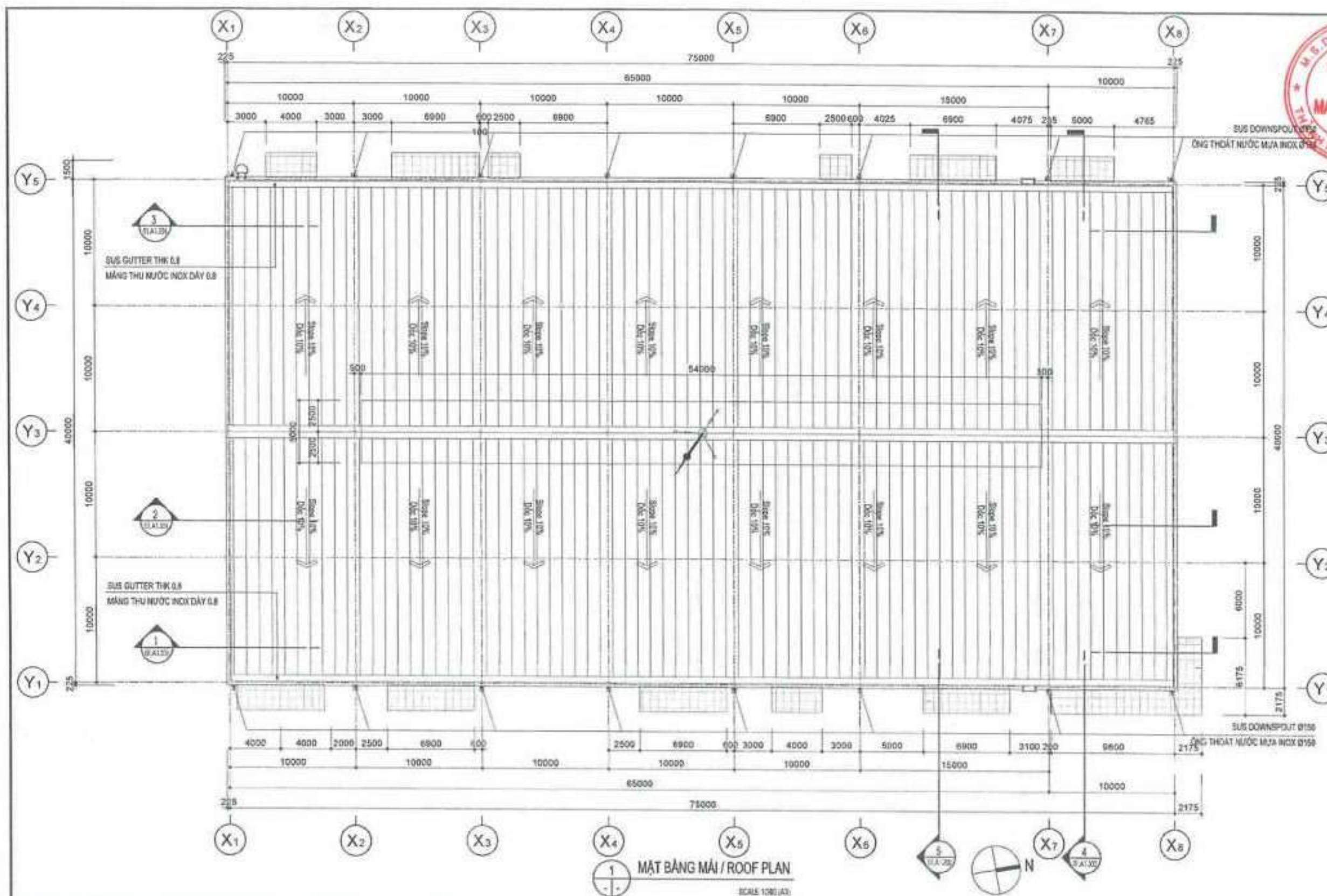
TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

TỔNG MẶT BẰNG TẦNG 1
1st FL MASTER PLAN

SCALE	1:500	DRAWING NO.
STATUS	HÀNG LƯU THIẾT KẾ - NTC	00/001
DATE	DEC. 2021	

NHÀ XƯỞNG / WORKSHOP





MẶT BẰNG Mái / ROOF PLAN

SCALE 1:500 (A3)

LOCATION		Roof Area	Wall area	Drain Area	Safety factor	Rain fall intensity (in l/s to 1m ²)	Capacity of rain water	Capacity of pipe										The Number of pipe D follow calculation result					Choice of pipe D (Vertical)	Choice of pipe D (Horizontal)
Province	Room	m ²	m ²	m ²	K	(l/s to 1m ²)	(l/s)	D150		D200		D250		D300		D375		D150	D200	D250 (Horizontal)	D300 (Horizontal)	D375 (Horizontal)	Diameter/mm number of pipe	Diameter/mm number of pipe
Hai Phong	Workshop	F1	F2	F=F1+F2	2	q	Q	Vertical	Horizontal	Vertical	Horizontal	Vertical	Horizontal	Vertical	Horizontal	Vertical	Horizontal	10.20	4.75				150/11	
		Zone A	3000	1175																				

CALCULATION : Zone A: 11 each D150 / DESIGN : Zone A: 16 each D150

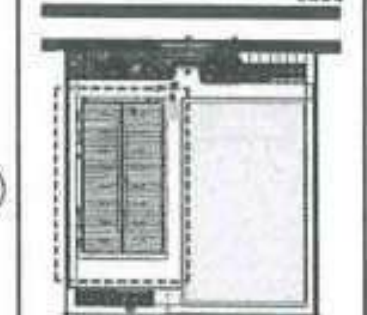


DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA

8C LƯU CHỖ, KINH SANG BẾP VÀ BẾP 2 ĐÓNG CHỖ, PHƯỜNG ĐÔNG HẢI
QUẬN HẢI HƯNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM
MÔ TẢ CHI TIẾT: KINH SANG BẾP VÀ BẾP 2 ĐÓNG CHỖ, PHƯỜNG ĐÔNG HẢI
HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

GIỚI THIỆU / NOTES

KEY PLAN



NO	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NO 01/11 THUẬN HƯNG, PHƯỜNG ĐÔNG HẢI
QUẬN HẢI HƯNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM
TEL: +84 911 323 8588

Director - Chief architect
Lee Sang Ho
Project manager - Chief architect
Đinh Quang Long
Principal - Chief architect
Đinh Quang Long
Designer - Chief architect
Đinh Quang Long

HÀNG MỤC - BOM

WORKSHOP

TÊN SẴN VẼ - DRAWING NAME

MẶT BẰNG Mái
ROOF PLAN

SCALE	1:500	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION	01.A1.002
DATE	DEC. 2024	

NHÀ PHỤ TRỢ 2: NHÀ RÁC, KHO, NHÀ VỆ SINH & NHÀ TẮM
SUB BUILDING 2: GARBAGE R.M, STORAGE, TOILET & SHOWER

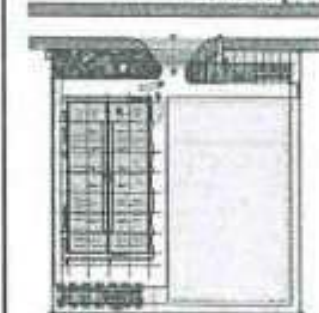




102 13-0207-2K, 1028 have been 10-010-2, 1029-200, growing along the 2
road 100 m from 10-010-200, 10-010-200, 10-010-200, 10-010-200, 10-010-200,
1029-200, 10-010-200, 10-010-200, 10-010-200, 10-010-200, 10-010-200,
the location of 10-010-200, 10-010-200, 10-010-200, 10-010-200, 10-010-200,

618 CH 6 - NOTES

KEY PLAN



NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN EFFECTS



MYW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CONTACT WITH MYW DESIGN WORKSHOP

NO 501, 31 TWO BAO STREET, HO CHI MINH CITY
 (IN THE DISTRICT OF HO CHI MINH CITY)
 TEL. +84-234 233 8288

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
HÀNG KIỆT

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA
MÔN QUẢN LÝ

THE ARCH/DESIGN
DAO VAN DUONG

KIỂM/CHẾK BY DINH DUANG LONG	01/01/2019
---------------------------------	------------

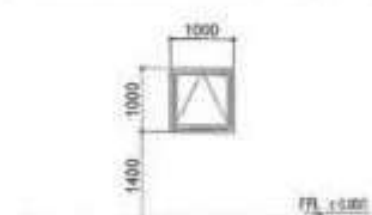
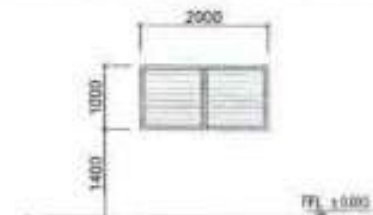
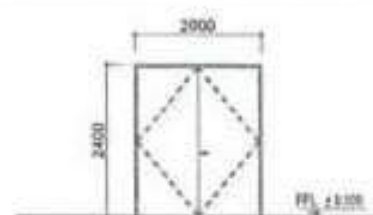
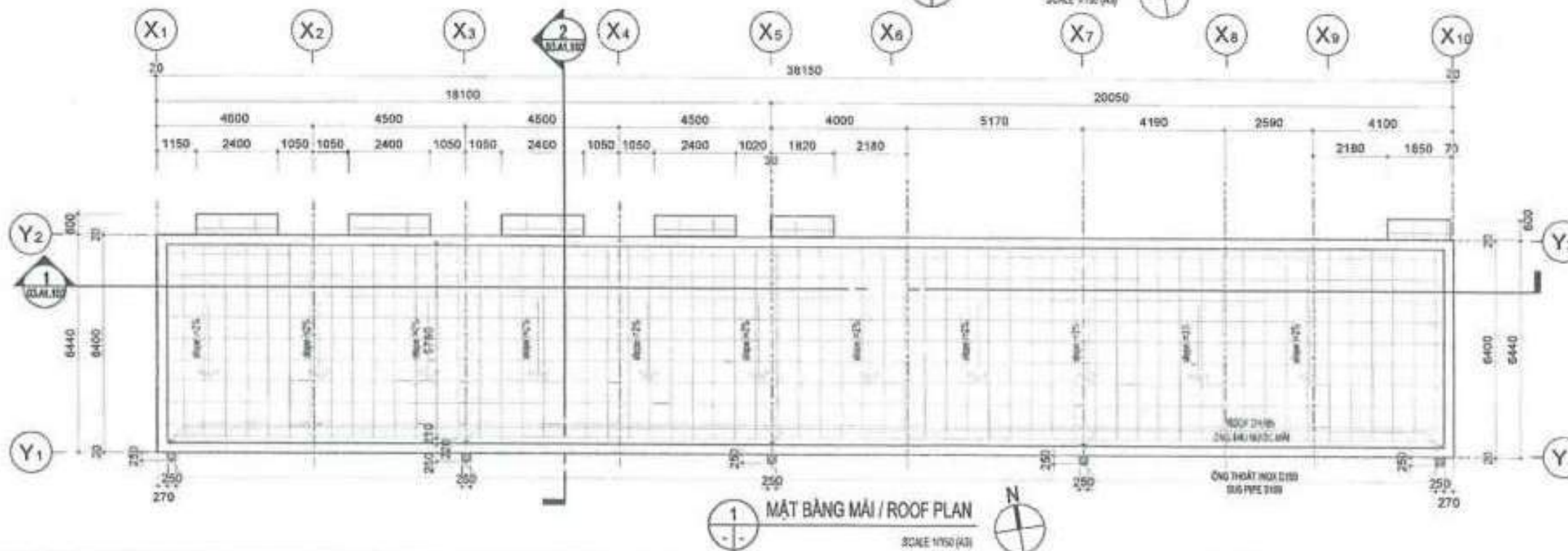
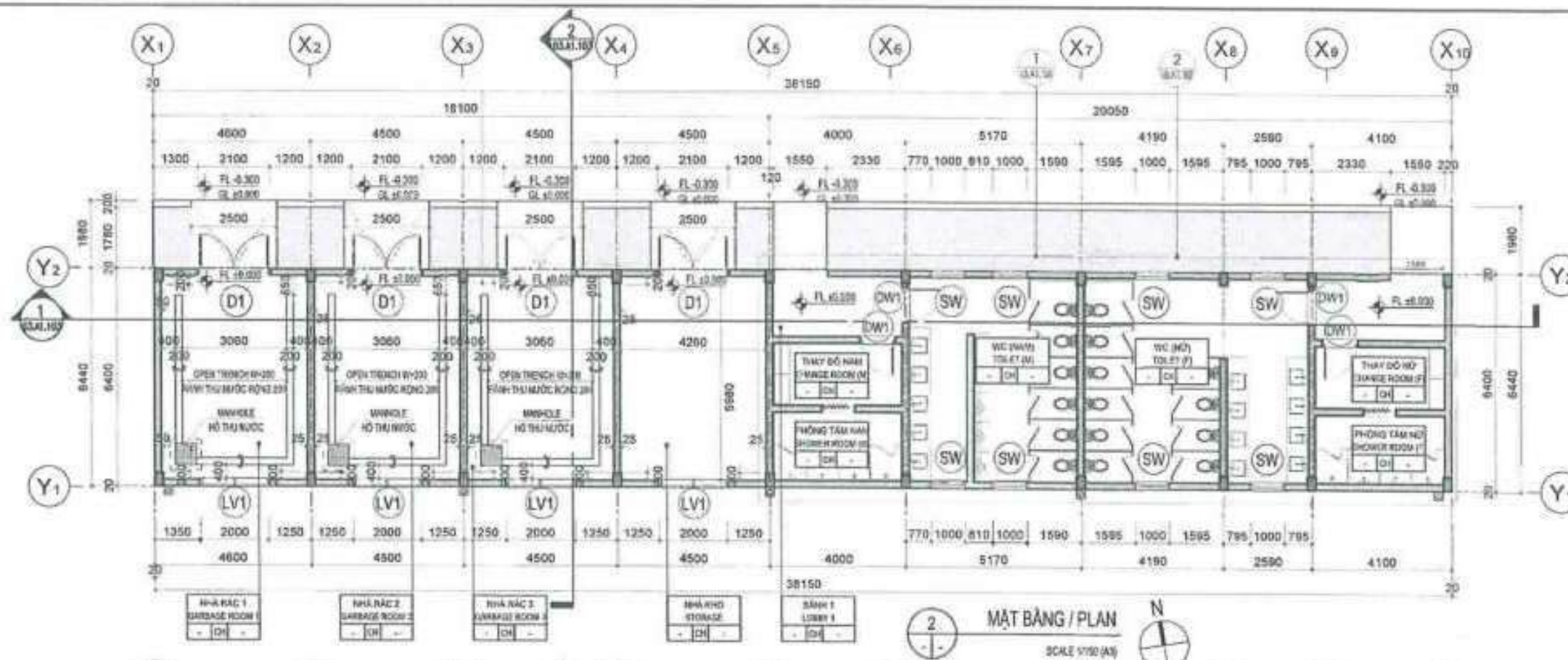
- HANG MUC - ITEM

NHÀ PHỤ TRỢ 2
SUB-BUILDING 2

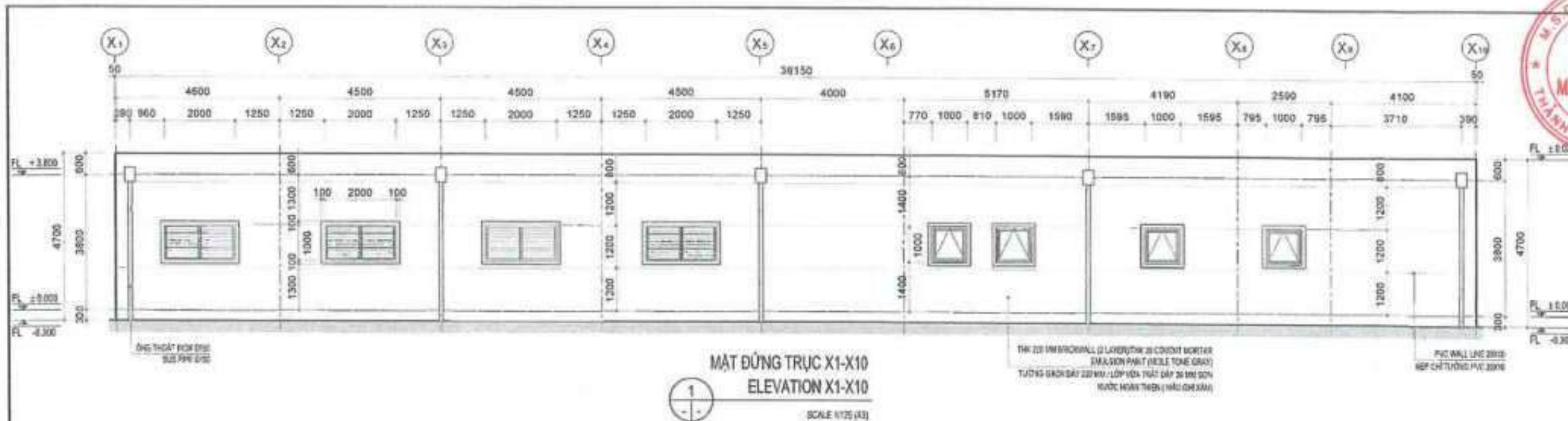
THE NAME - DRAWING NAME

MẶT BẰNG TẦNG 1 - MẶT BẰNG MÃI CH
TIẾT CỬA
1ST FLR PLAN - ROOF PLAN-DOOR
DETAIL

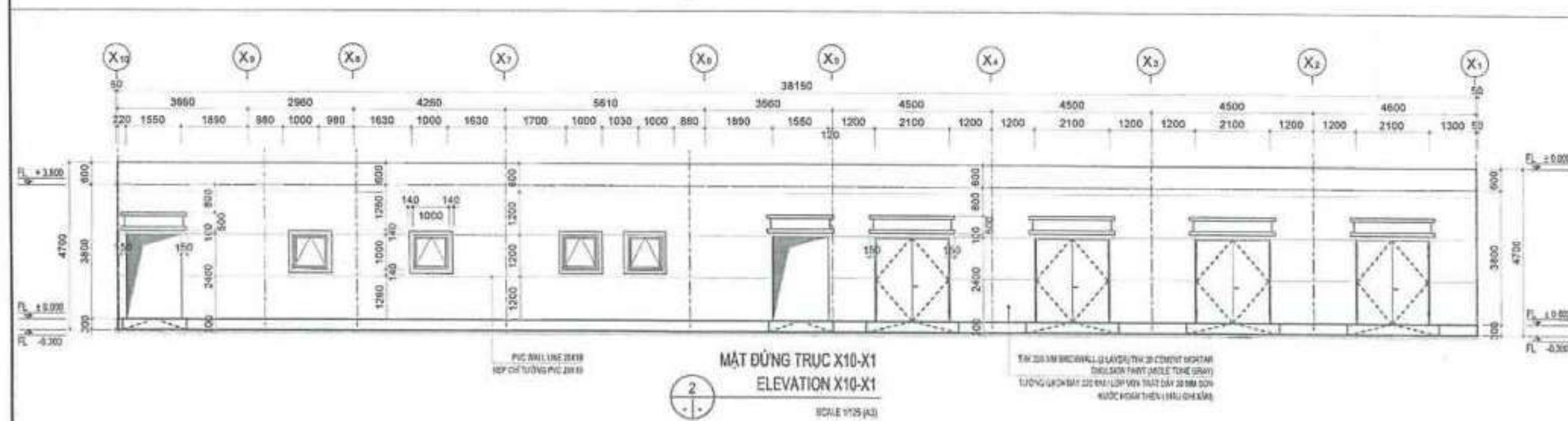
SCALE	1/150	DRAWING NO.
STATUS	FOR BASIC DESIGN HS-PIES	83.A1.101
DATE	OCT. 2024	



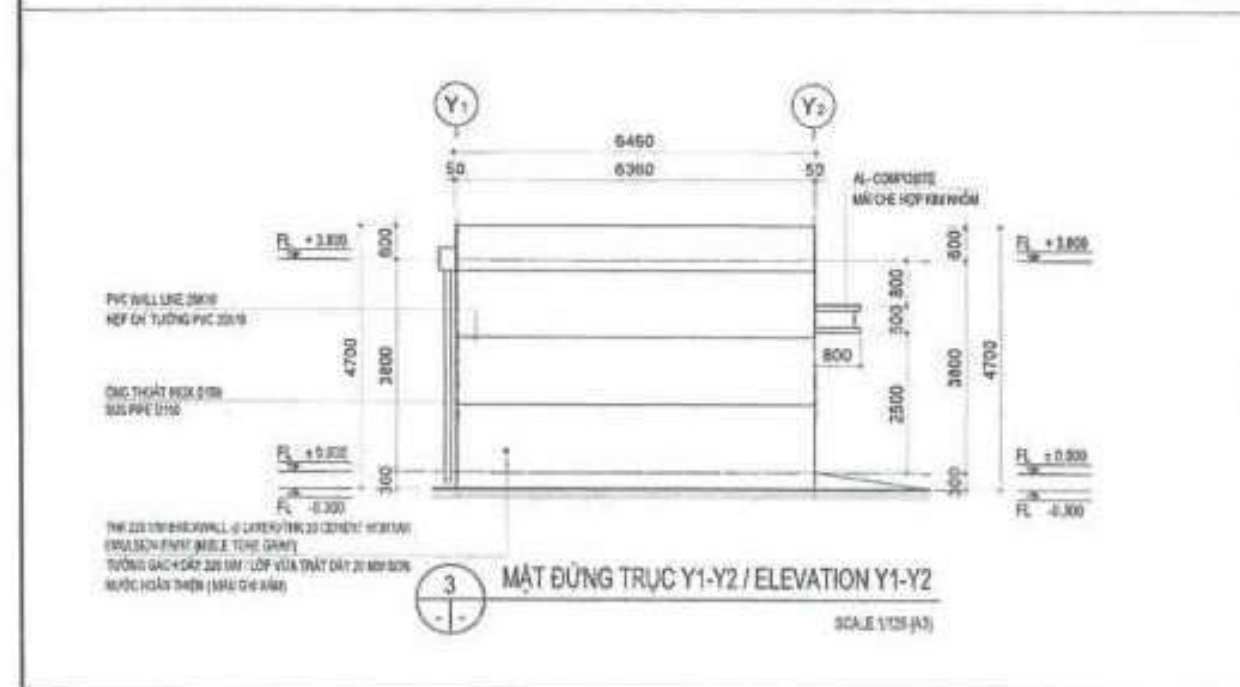
(HƯỚNG DẪN) MÀU / VẬT LIỆU (MATERIALS / PHỤ KIỆN) PHÒNG / V. TRỢ	CỬA BẾP THÉP / STEEL DOOR CỬA THÉP, KHUNG THÉP / STEEL PLATE, STEEL FRAM PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ / SYNCHRONIZED PHÒNG PHỤ TRỢ / UTILITY ROOM	4 EA	CỬA CHẬP NHÓM / ALUMINUM / COVER PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ / SYNCHRONIZED	4 EA	CỬA SỔ NHÓM KÍNH / ALUMINUM GLASS WINDOW KHUNG NHÓM, KÍNH TRONG AL FRAME 50x1.2, CLEAR GLASS (6+6) PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ / SYNCHRONIZED PHÒNG TẮM & VỆ SINH / TOILET & SHOWER ROOM	8 EA	CỬA NHỰA LỖI THÉP / CỬA BẾP CHẬP NHÓM CỬA MỘC / DOOR / UNDER GRILL WOODEN PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ / SYNCHRONIZED PHÒNG TẮM & VỆ SINH / TOILET & SHOWER ROOM	4 EA	CỬA Xếp NHỰA / PVC FOLDING DOOR PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ / SYNCHRONIZED PHÒNG TẮM / SHOWER ROOM	2
---	--	------	---	------	--	------	---	------	---	---



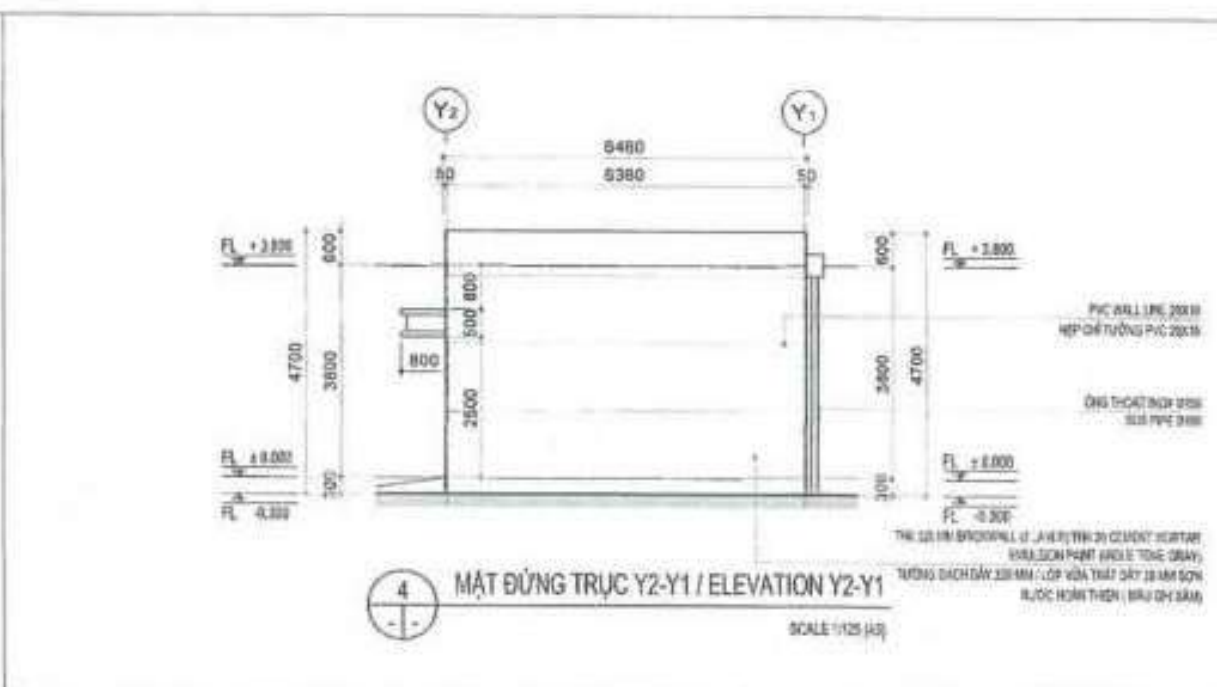
MẶT ĐỨNG TRỰC X1-X10
ELEVATION X1-X10
SCALE 1/125 (A3)



MẶT ĐỨNG TRỰC X10-X1
ELEVATION X10-X1
SCALE 1/125 (A3)



MẶT ĐỨNG TRỰC Y1-Y2 / ELEVATION Y1-Y2
SCALE 1/125 (A3)

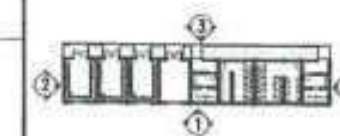


MẶT ĐỨNG TRỰC Y2-Y1 / ELEVATION Y2-Y1
SCALE 1/125 (A3)

DỰ ÁN - PROJECT
**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINH**

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MAXSUN VINH
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MAXSUN VINH
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MAXSUN VINH

KEY PLAN



NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

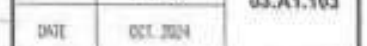
MAIN DESIGN
MMW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MMW DESIGN WORKSHOP
1 MMW DESIGN
VĂN PHÒNG: 07 THỊ THUYẾT, ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU MÃT
CÁI LẬY, BÌNH THẠNH, HOÀNG ANH GIANG
TEL: +84 904 111 111

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER: LEE SANG HO
CHỦ THỂ THIẾT KẾ / TECH. MANAGEMENT: DINH QUANG LONG
THỂ HIỆN / DESIGN: DAO VAN DUONG
KIỂM TRA / CHECK BY: DINH QUANG LONG

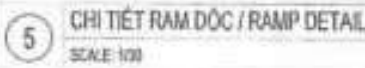
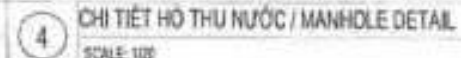
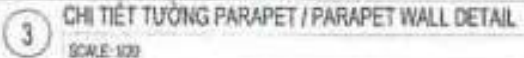
HẠNG MỤC - ITEM
**NHÀ PHỤ TRỢ 2
SUB-BUILDING 2**

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME
**MẶT ĐỨNG
ELEVATION**

SCALE	1/125	DRAWING NO.
STATUS	FOR BASE DESIGN 45-1025	03.A1.102
DATE	OCT. 2024	



1. 1991年10月1日起实施的《中华人民共和国
 2. 1991年10月1日起实施的《中华人民共和国
 3. 1991年10月1日起实施的《中华人民共和国
 4. 1991年10月1日起实施的《中华人民共和国
 5. 1991年10月1日起实施的《中华人民共和国
 6. 1991年10月1日起实施的《中华人民共和国
 7. 1991年10月1日起实施的《中华人民共和国
 8. 1991年10月1日起实施的《中华人民共和国
 9. 1991年10月1日起实施的《中华人民共和国
 10. 1991年10月1日起实施的《中华人民共和国



SCALE	1/125	DRAWING NO.
STATUS	FOR BASIC DESIGN HS-7025	03.A1.103
DATE	OCT. 2024	



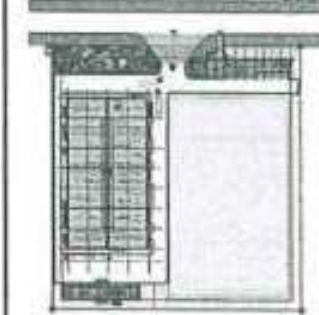
DỰ ÁN - PROJECT

DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINH

100 LUYỆN ĐƯỜNG, KINH DOANH TỰ NHU 3, CHỢ CỎ, PHƯỜNG BÌNH HẠO,
QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
100 LUYỆN ĐƯỜNG, KINH DOANH TỰ NHU 3, CHỢ CỎ, PHƯỜNG BÌNH HẠO,
QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GHÉ CHỖ - NOTES

KEY PLAN



NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN

MYW DESIGN WORKSHOP

MYW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MYW DESIGN WORKSHOP
100 LUYỆN ĐƯỜNG, KINH DOANH TỰ NHU 3, CHỢ CỎ, PHƯỜNG BÌNH HẠO,
QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TEL: 094 054 323 8588

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER
LÊ SANG HO
CHỦ THIẾT KẾ / DESIGN MANAGER
ĐINH QUANG LONG
THẺ HIỆU / DESIGN
ĐẠI VÂN QUANG
KIỂM TRA / CHECK BY
ĐINH QUANG LONG

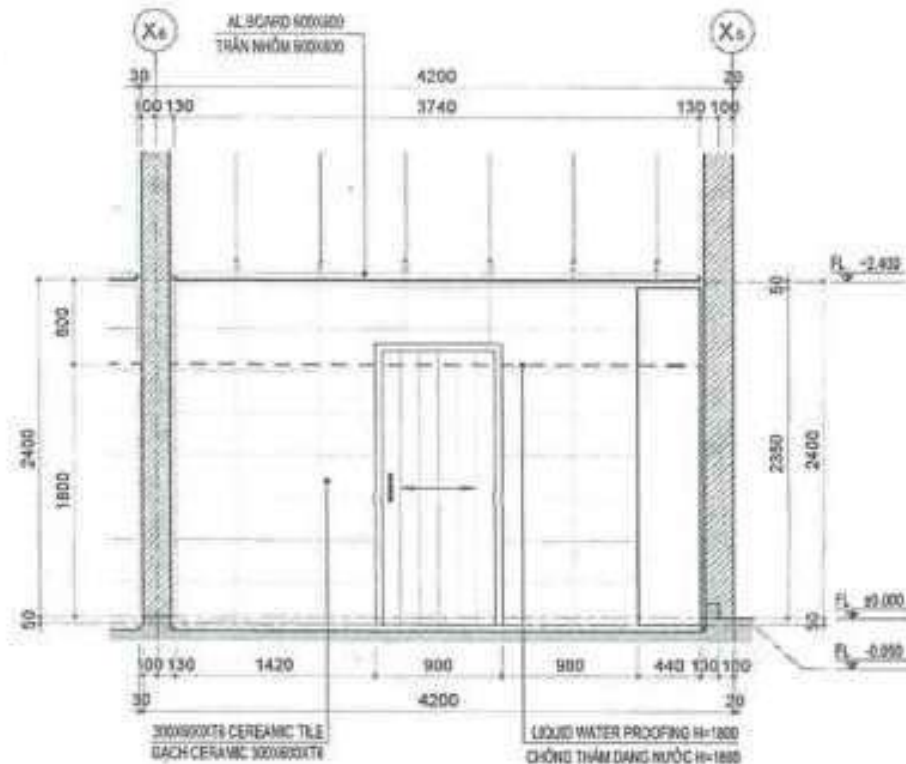
HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ PHỤ TRỢ 2
SUB-BUILDING 2

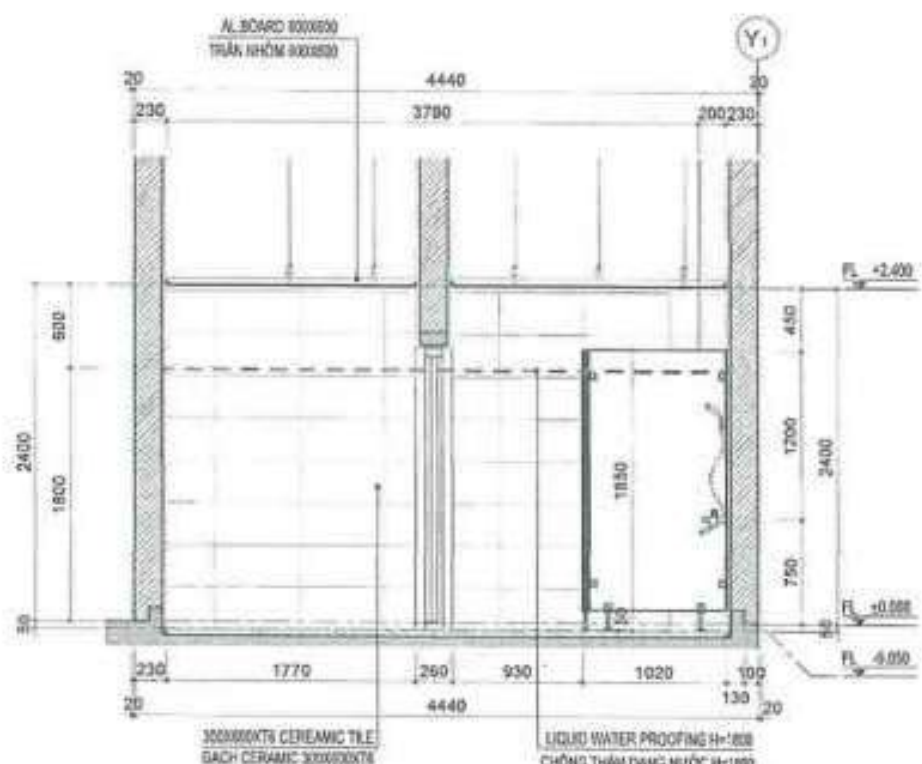
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

HƯỚNG NHÌN MẶT ĐŨNG NHÀ TẮM (NAM)
ELEVATION VIEW SHOWER PLAN (M)

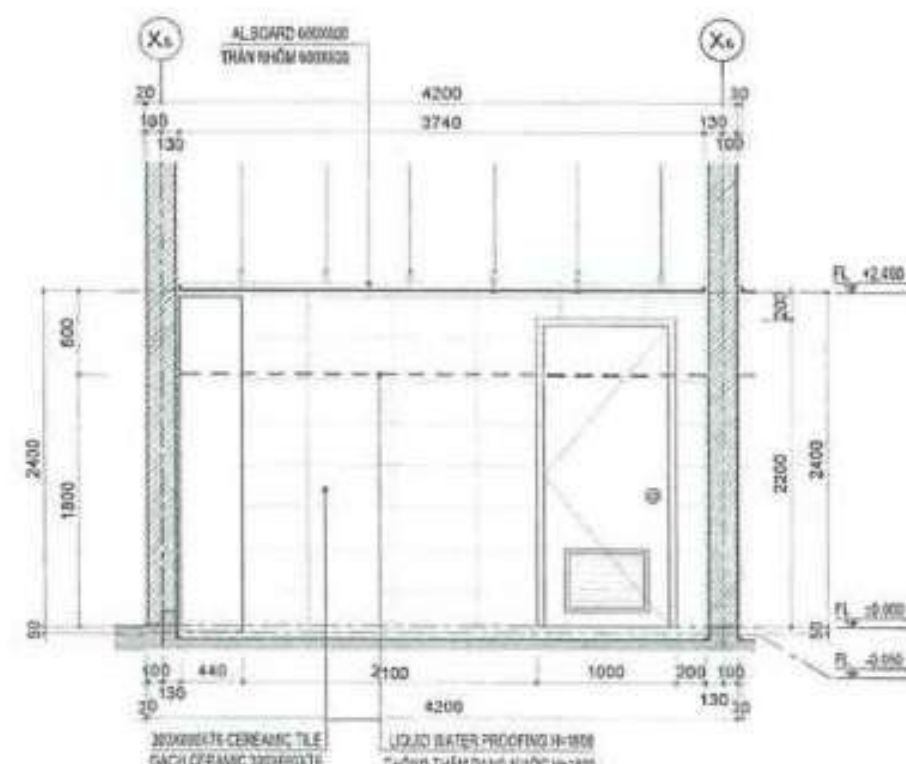
SCALE	1/50	DRAWING NO.
STATUS	FOR BASIC DESIGN V0-TRCS	03.A1.105
DATE	OCT, 2024	



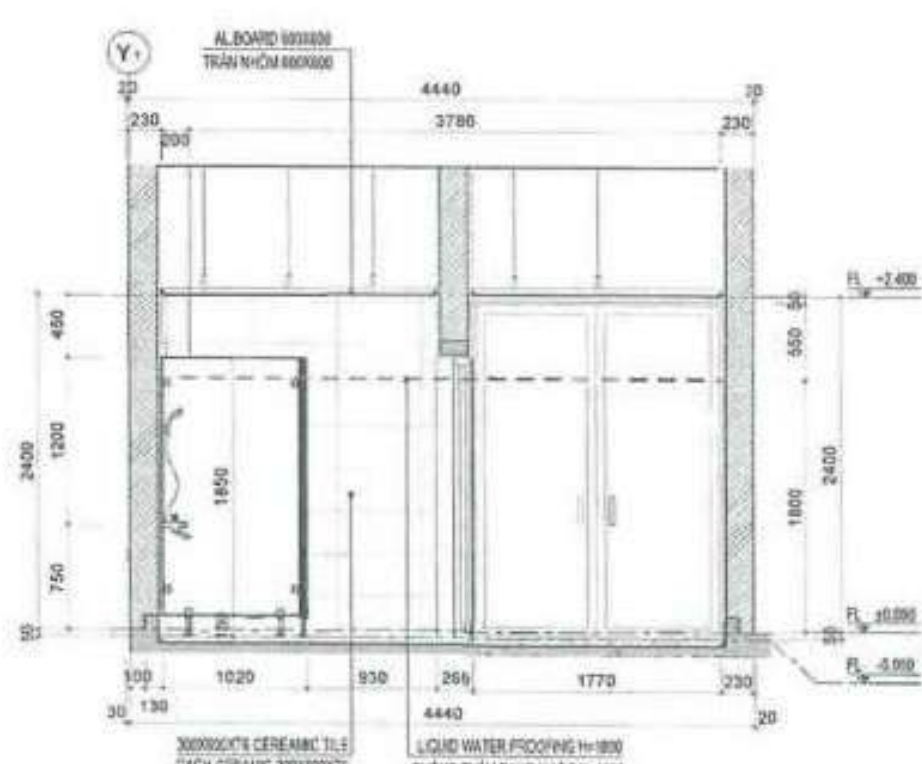
1 ELEVATION 1 / HƯỚNG NHÌN 1
SCALE: 1/50 (A3)



2 ELEVATION 2 / HƯỚNG NHÌN 2
SCALE: 1/50 (A3)



3 ELEVATION 3 / HƯỚNG NHÌN 3
SCALE: 1/50 (A3)



4 ELEVATION 4 / HƯỚNG NHÌN 4
SCALE: 1/50 (A3)



DỰ ÁN - PROJECT

**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINHA**

ĐC: LƯU CHỖ, KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ ĐÓNG GẮN TRONG CỘNG ĐỒNG
KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ ĐÓNG GẮN TRONG CỘNG ĐỒNG
KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ ĐÓNG GẮN TRONG CỘNG ĐỒNG
KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ ĐÓNG GẮN TRONG CỘNG ĐỒNG

GIẢI THÍCH - NOTES

KEY PLAN



NO	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

HỒ SƠ: 31 THỦ TỤC THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH VÀO MÀU
CƠ QUAN CHỦ QUẢN: (CHỖ CHỮA) (CHỖ CHỮA)
TEL: +84 24 353 8588

CHỦ ĐẦU TƯ/PHONG CÁCH: (CHỖ CHỮA)
LÊ SANG HÒ

CHỦ YẾU THIẾT KẾ/TECH. MANAGER: (CHỖ CHỮA)

THẺ NHẬN/DESIGN: (CHỖ CHỮA)

Kiểm/Check by: (CHỖ CHỮA)

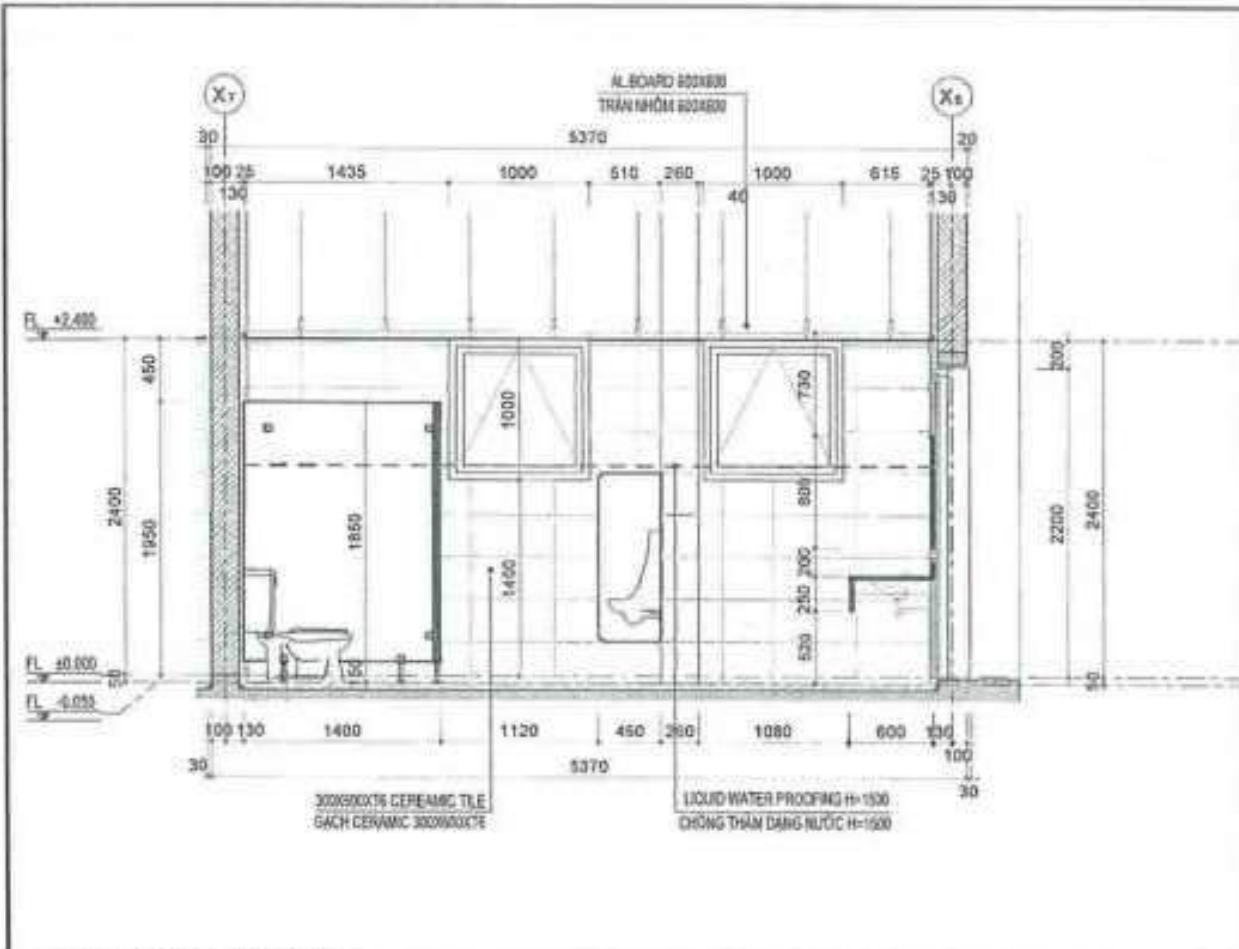
HẠNG MỤC - ITEM

**NHÀ PHỤ TRỢ 2
SUB-BUILDING 2**

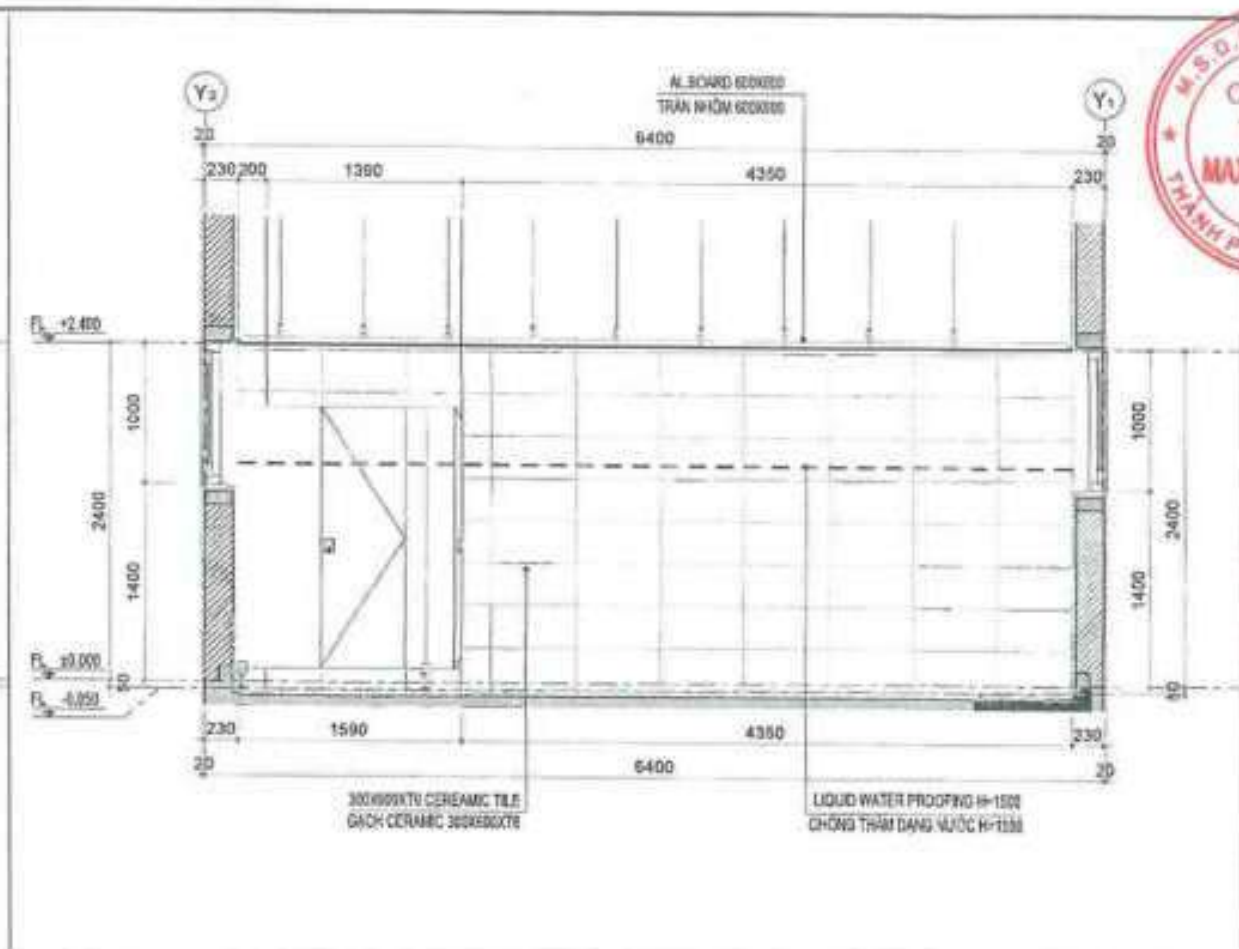
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

**HƯỚNG NHÌN MẶT ĐỪNG TOILET (NAM)
TOILET ELEVATION VIEW (M)**

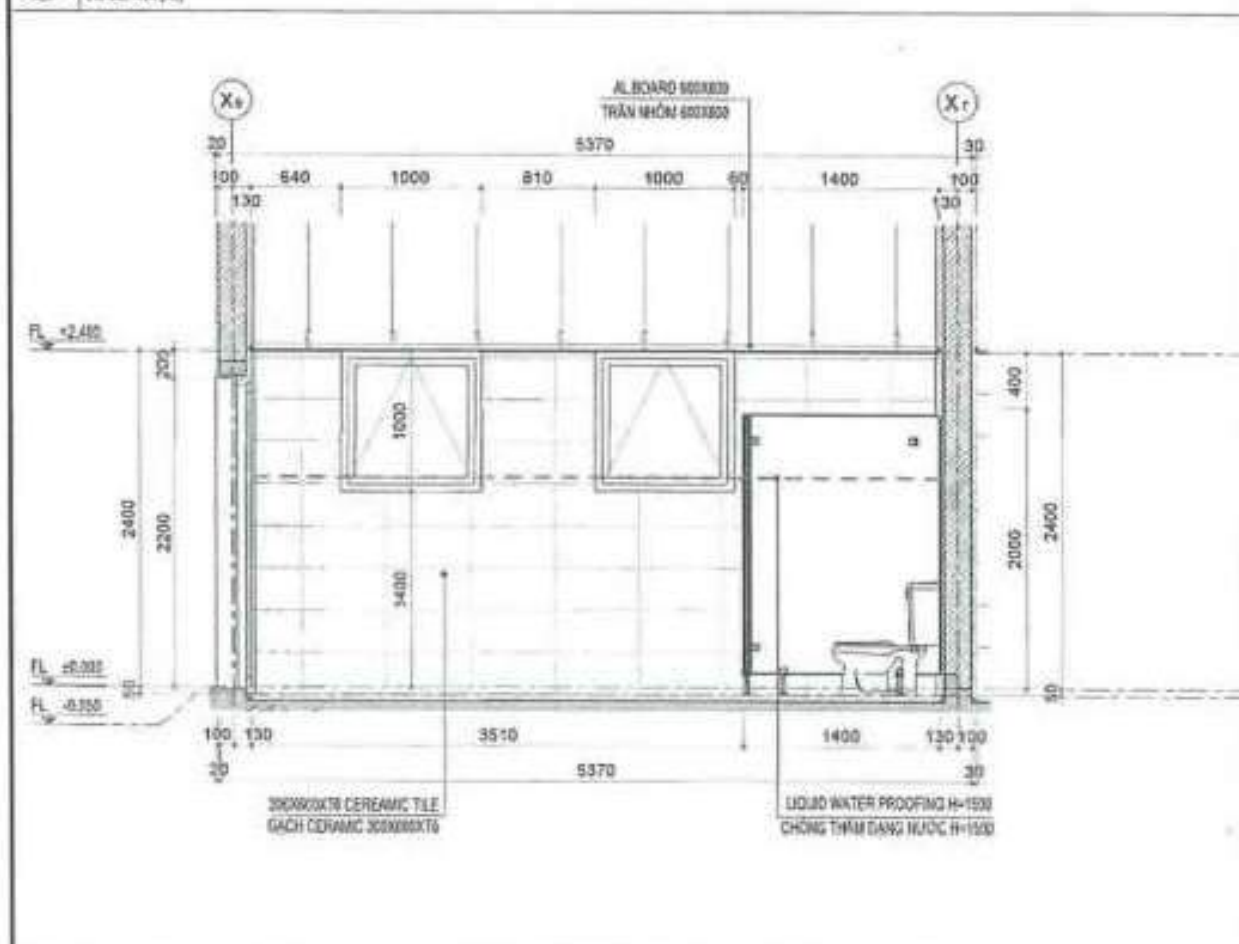
SCALE	1/50	DRAWING NO.
STATUS	FOR BASIC DESIGN HS-7/25	03.A1.100
DATE	OCT. 2024	



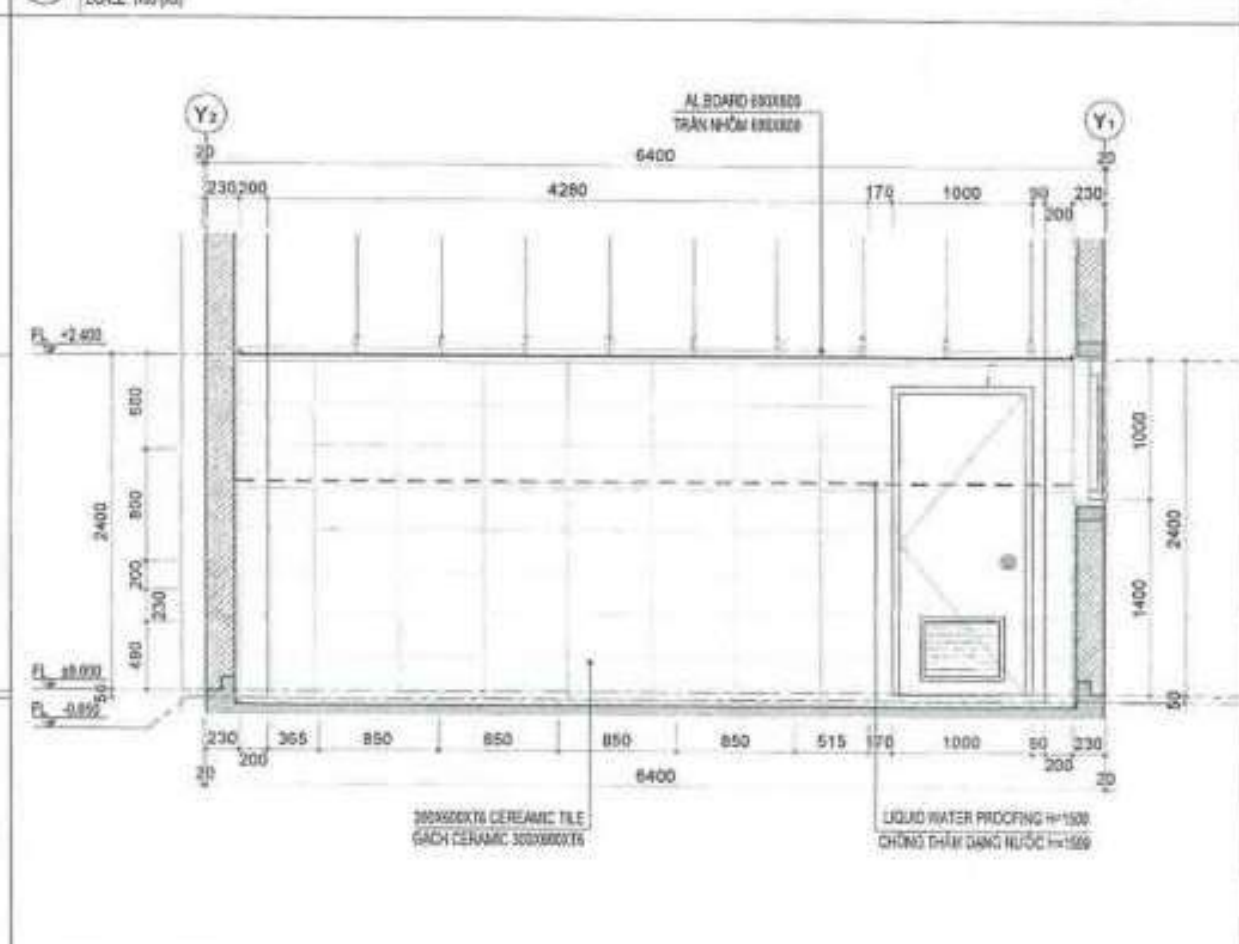
5 ELEVATION 5 / HƯỚNG NHÌN 5
SCALE: 1/50 (A3)



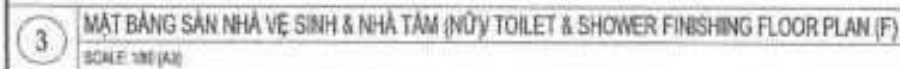
6 ELEVATION 6 / HƯỚNG NHÌN 6
SCALE: 1/50 (A3)



7 ELEVATION 7 / HƯỚNG NHÌN 7
SCALE: 1/50 (A3)



8 ELEVATION 8 / HƯỚNG NHÌN 8
SCALE: 1/50 (A3)



**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA**

ĐC: 14/03/18, KCH Nara Kishida và phụ 2 - Dinesh CH, giảng dạy (Hội)
 người Hô An, trên phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 ĐD: 14/03/18, Nara Kishida và phụ 2 - Dinesh CH, giảng dạy (Hội)
 14/03/18, Nara Kishida và phụ 2 - Dinesh CH, giảng dạy (Hội)

GRU CHU - NOTES

KEY PLAN



NO.	DATE	DESCRIPTION	REMARKS
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN

MVW DESIGN WORKSHOP

MMW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MMW DESIGN WORKSHOP

★ MIVE DESIGN ★
86301, 21 THE TRAP STREET DOERING, HUNG HOI
CAYEN, DENISE, AND VICTOR

TEL +84(21)4 323 8588

Giáo viên/Teacher: Nguyễn Văn Hùng

CHỦ TỊCH THỦY SẢN/STEEL MANAGEMENT | 11

DIAM QUANG LONG	CHAU
-----------------	------

THẺ HIỆN/DESIGN
ĐẠO VINH DƯƠNG

VIEW/CHECK BY	
---------------	---

HANG MỤC - ITEM	
-----------------	--

NHÀ PHỤ TRỢ 2
SUB-BUILDING 2

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:

MẶT BẰNG CHI TIẾT TOILET &
NHÀ TẮM (NỮ)
TOILET & SHOWER DETAIL
PLAN (F)

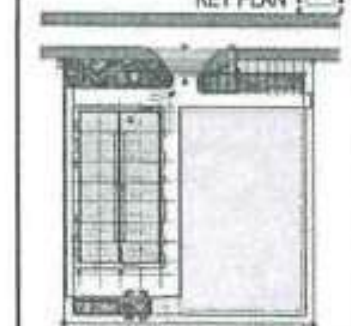
SCALE	1/80	DRAWING NO. 03.A1.107
STATUS	FOR BASIC DESIGN HS-7005	
DATE	OCT. 2004	



**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINH**

DO: LƯU ĐÌNH LAM, KTS. Nền tảng kỹ thuật: Công nghệ, chuyên nghiệp, sáng tạo.
Giới thiệu: An toàn, bền vững, tiết kiệm chi phí.
Kính gửi: Quý khách hàng, chúng tôi xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn.
Thân ái,
LƯU ĐÌNH LAM, KTS.

GH CHÚ - NOTES



NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



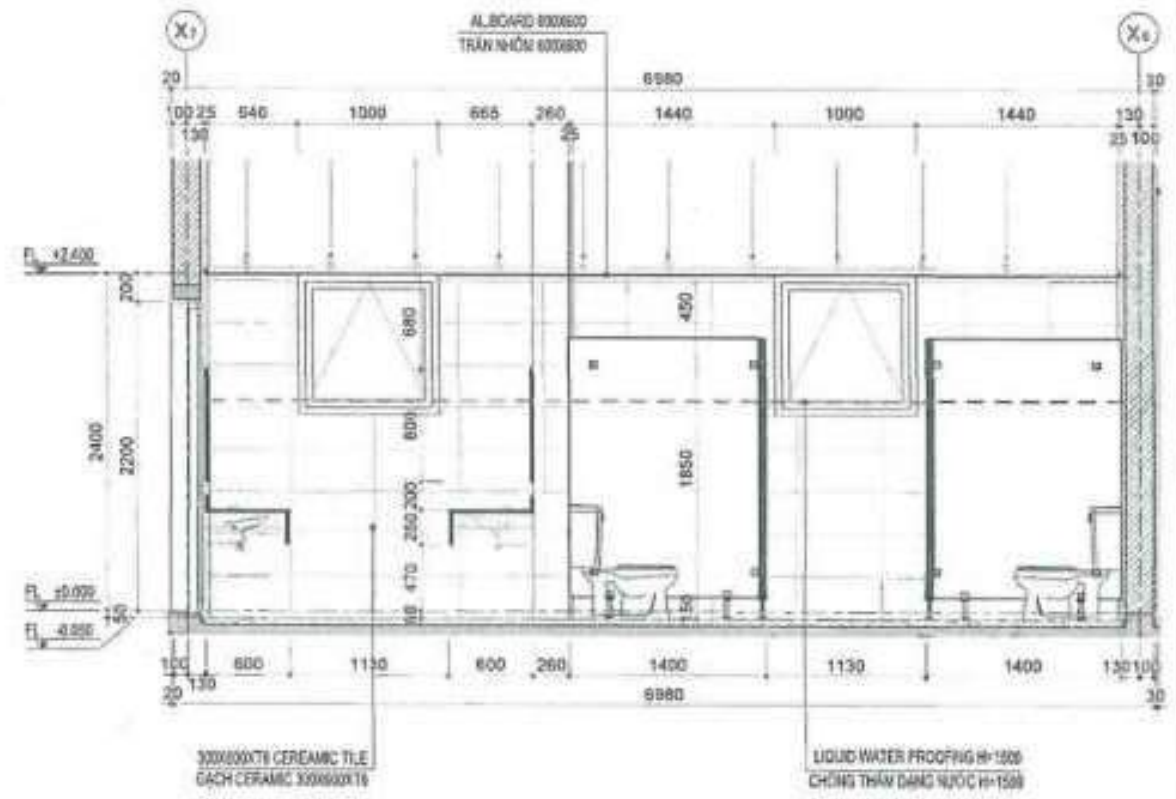
MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP
MVW DESIGN
HỒ SƠ KỸ THUẬT THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH
CÁI LẬY DISTRICT, HẢI PHÒNG, VIETNAM
TEL: +84 (0)31 313 1000

SẢN LẬP/DIRECTOR: LEE SANG HO
CHỦ TRƯỞNG/KIỂM TRA: LEE SANG HO
SẢN QUẢN: LEE SANG HO
THỰC HIỆN/DESIGN: LEE SANG HO
DẠO VẪN/CONSTRUCTION: LEE SANG HO
KIỂM TRA/CHECK: LEE SANG HO
HƯỚNG DẪN - DESIGN

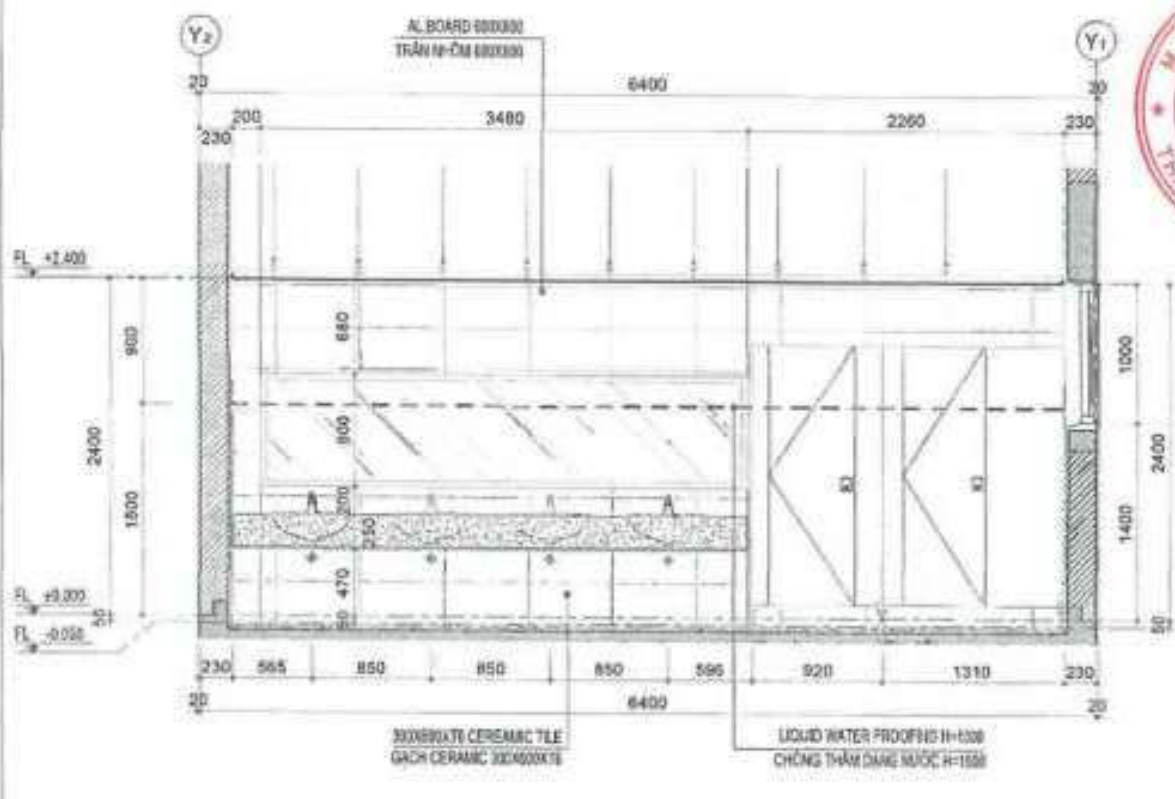
**NHÀ PHỤ TRỢ 2
SUB-BUILDING 2**

**HƯỚNG NHÌN PHÒNG TẮM (NỮ)
SHOWER ELEVATION VIEW (F)**

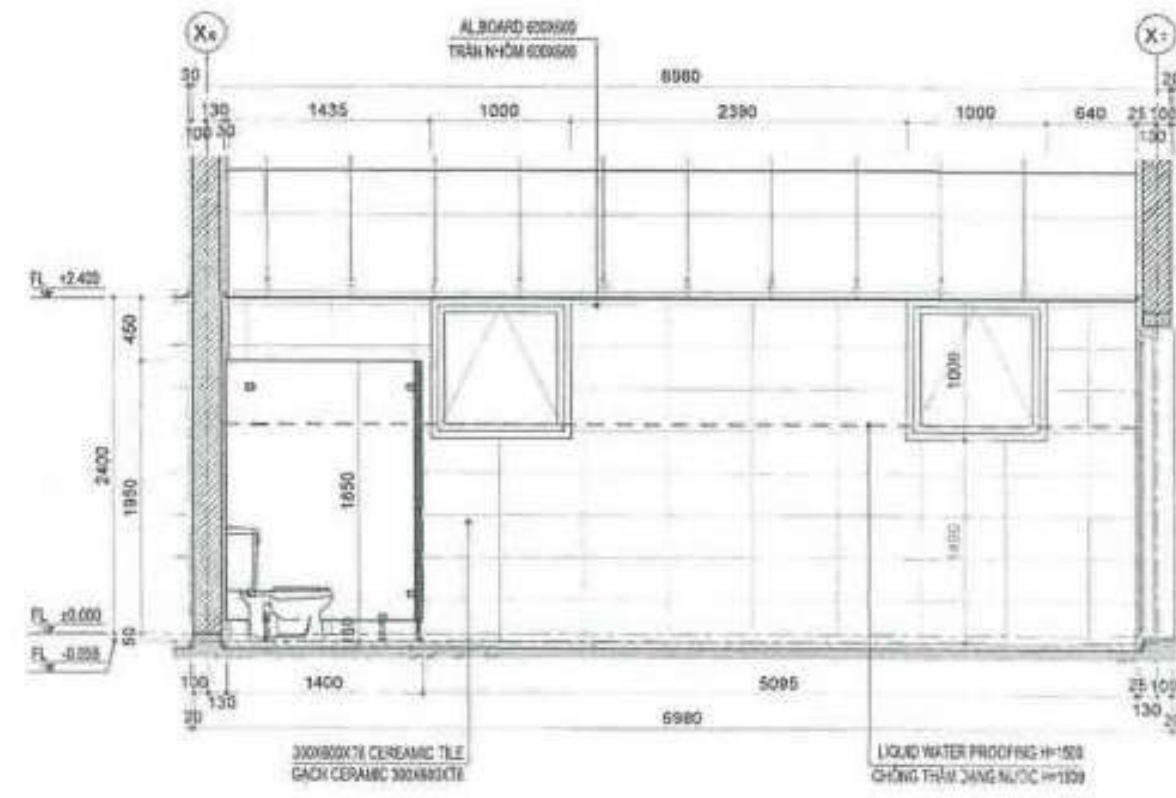
SCALE	1/50	DRAWING NO.
STATUS	FOR BASIC DESIGN HG-TR05	03.A1.109
DATE	OCT. 2024	



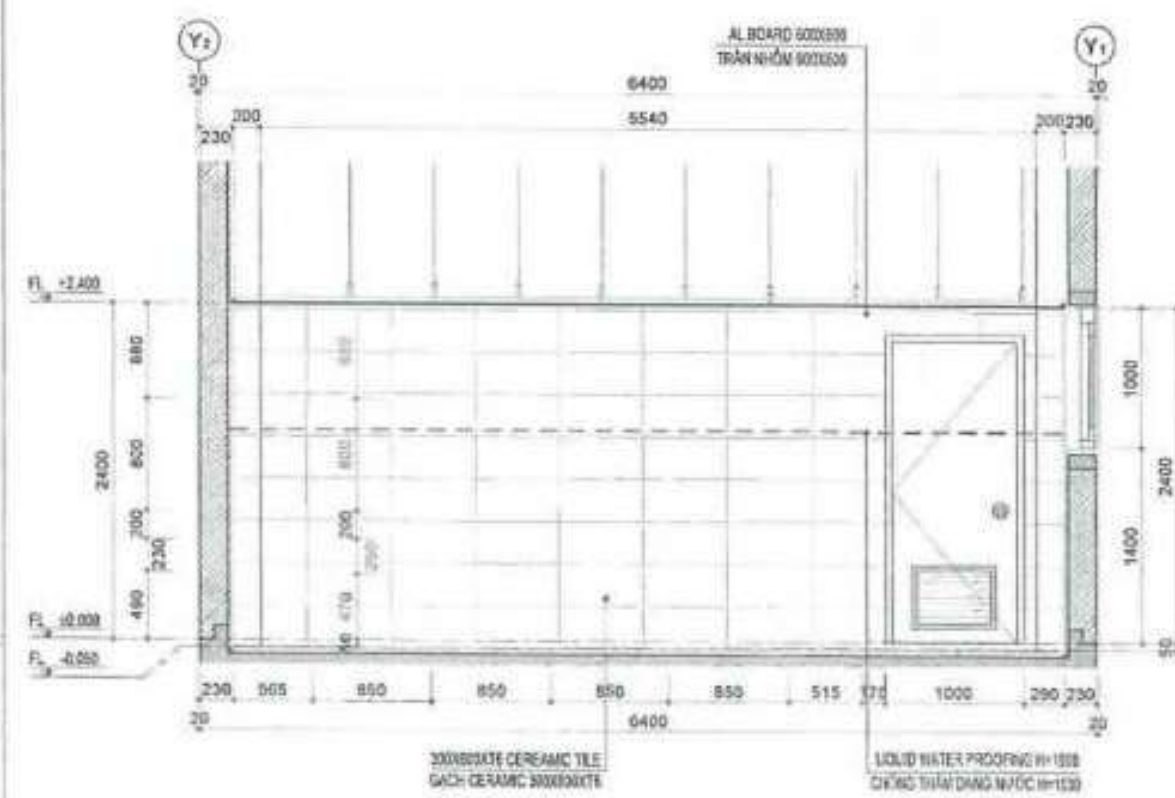
5 ELEVATION 5 / HƯỚNG NHÌN 5
SCALE: 1/50 (A3)



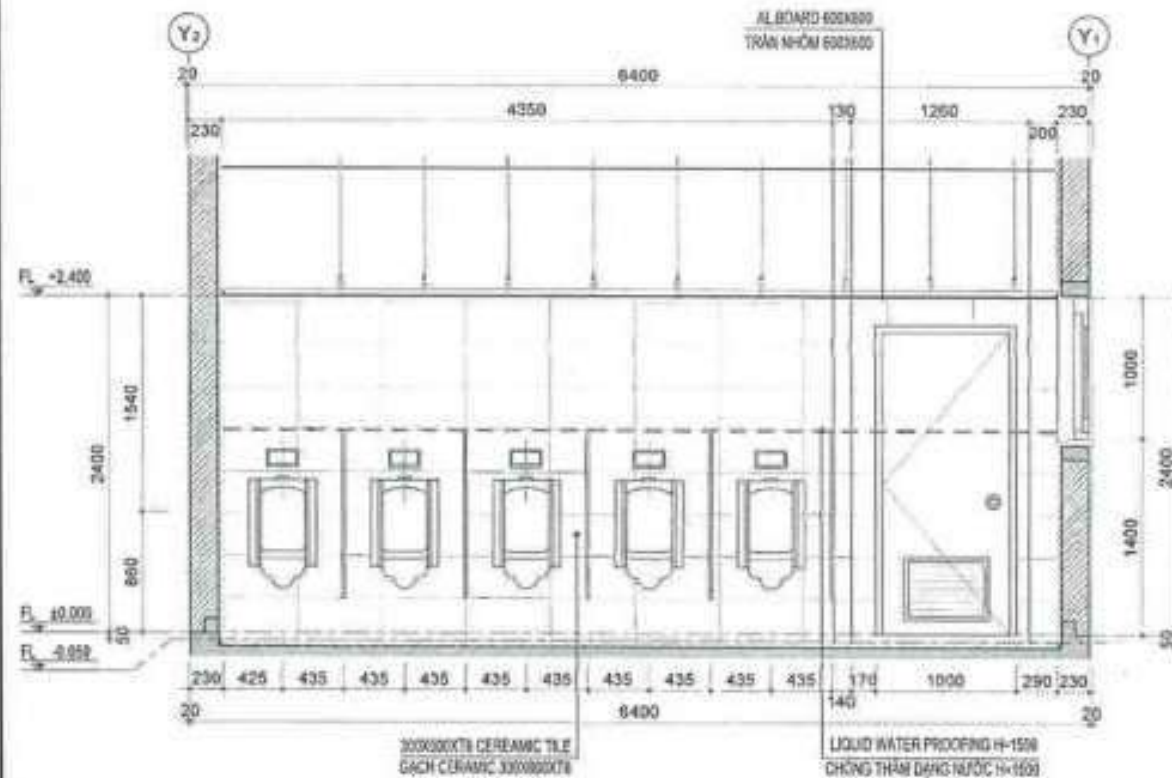
6 ELEVATION 6 / HƯỚNG NHÌN 6
SCALE: 1/50 (A3)



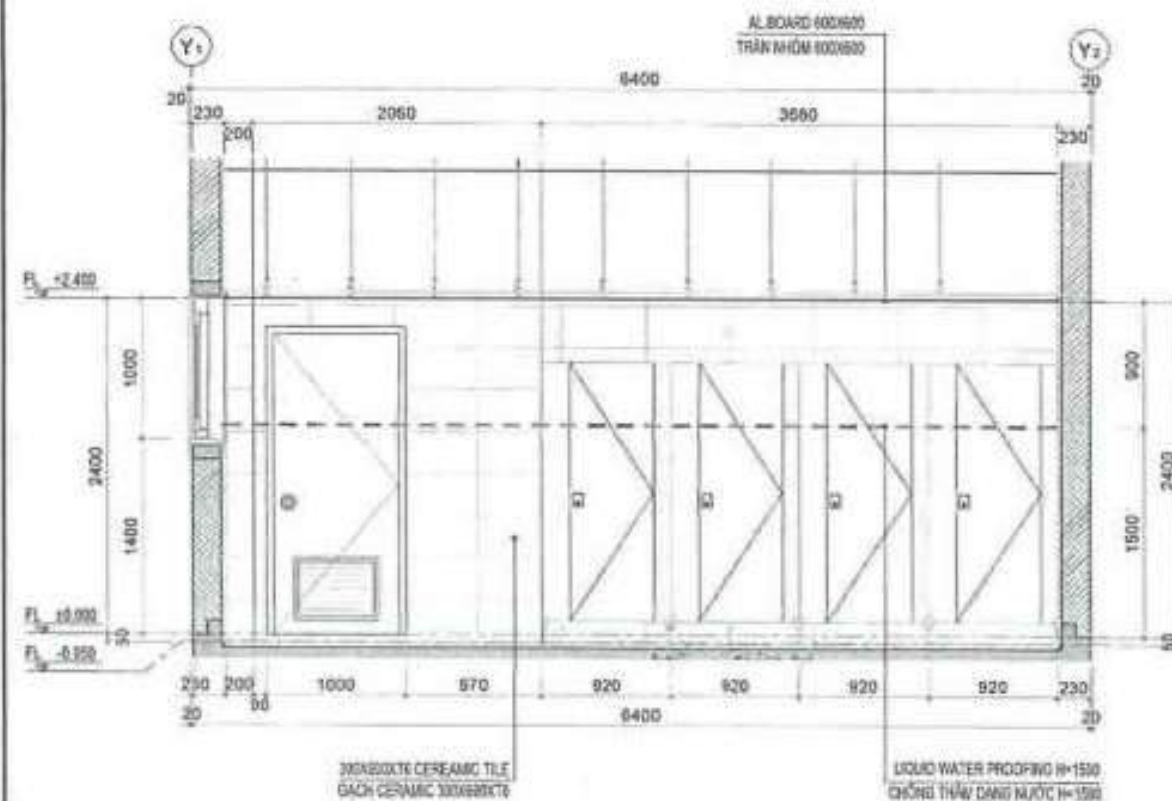
7 ELEVATION 7 / HƯỚNG NHÌN 7
SCALE: 1/50 (A3)



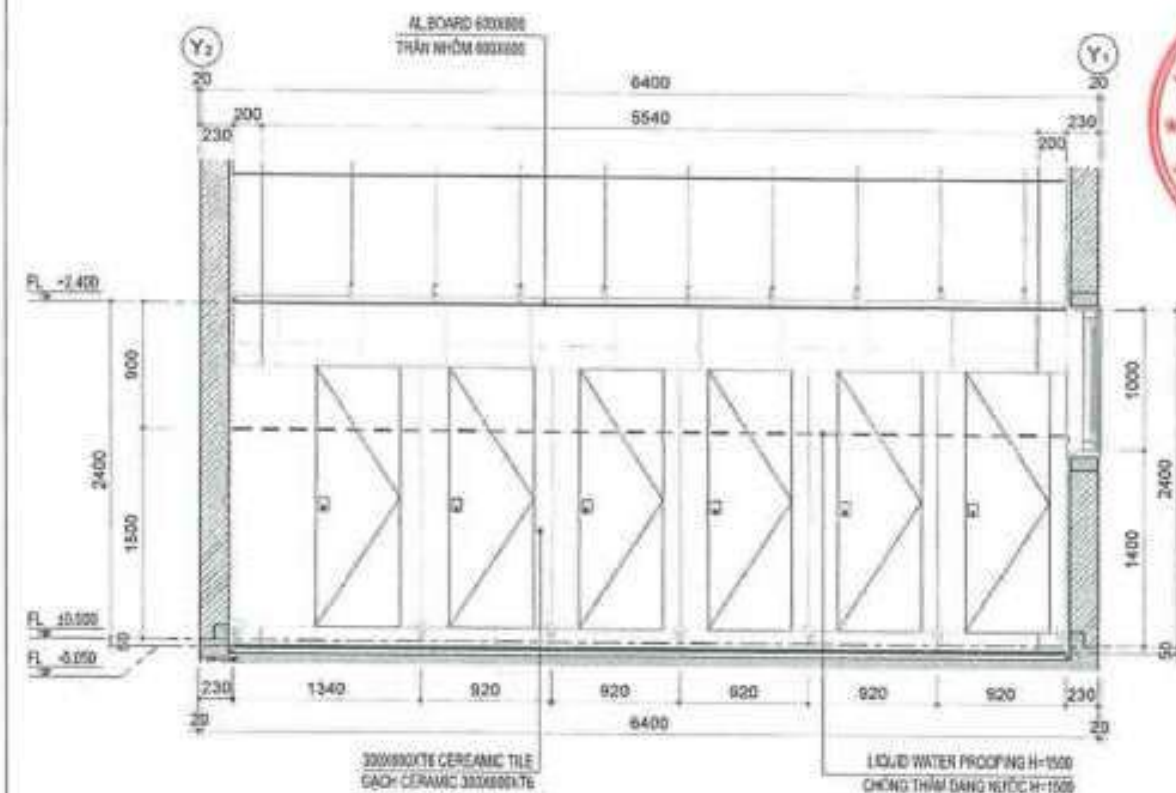
8 ELEVATION 8 / HƯỚNG NHÌN 8
SCALE: 1/50 (A3)



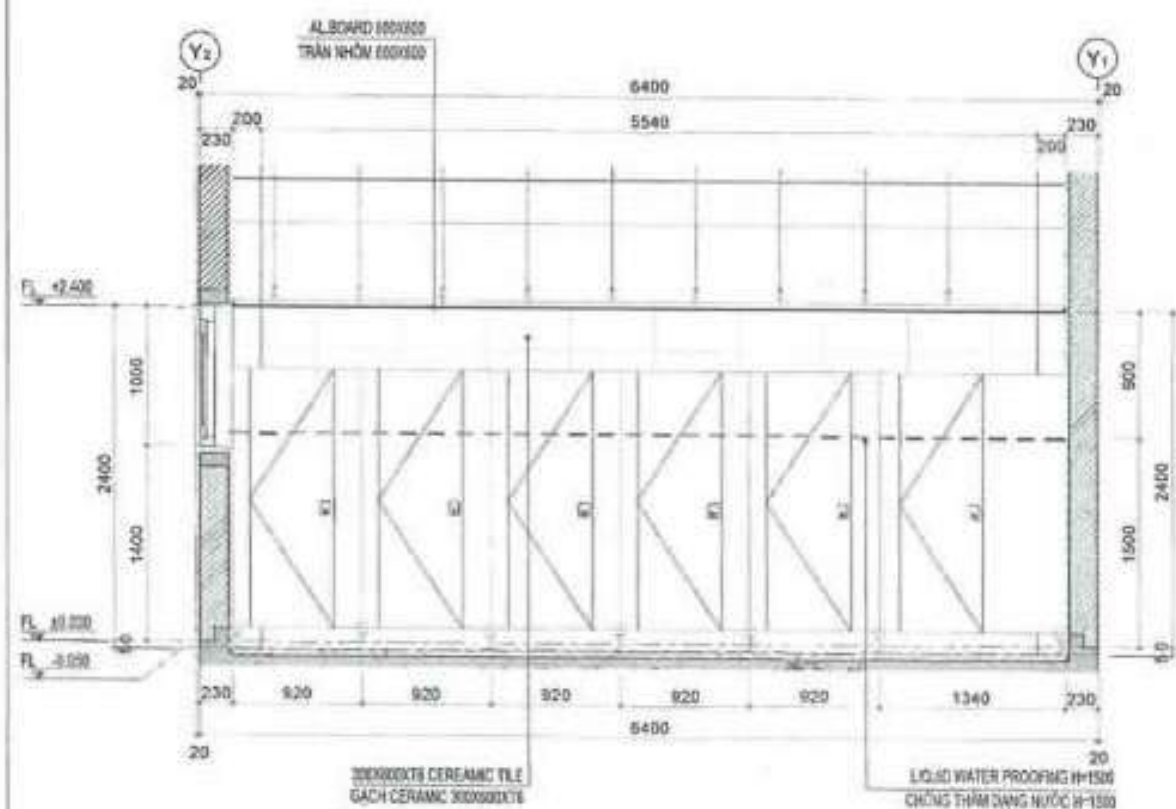
9 ELEVATION 9 / HƯỚNG NHÌN 9 - NHÀ VỆ SINH(NAM) / TOILET(M)
SCALE: 1/50 (A3)



9 ELEVATION 9 / HƯỚNG NHÌN 9 - NHÀ VỆ SINH(NỮ) / TOILET(F)
SCALE: 1/50 (A3)



10 ELEVATION 10 / HƯỚNG NHÌN 10 - NHÀ VỆ SINH(NAM) / TOILET(M)
SCALE: 1/50 (A3)



10 ELEVATION 10 / HƯỚNG NHÌN 10 - NHÀ VỆ SINH(NỮ) / TOILET(F)
SCALE: 1/50 (A3)

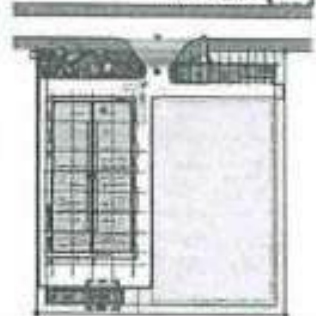


**BỘ AN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA**

ĐC: 61/CM.3, Xã Xuân Hòa, Huyện Đan Phượng, Hà Nội
Số điện thoại: 0973.18.1818
Email: info@maxsun.vn
Website: maxsun.vn

GHÉ CHÚ - NOTES

KEY PLAN



NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVM DESIGN WORKSHOP

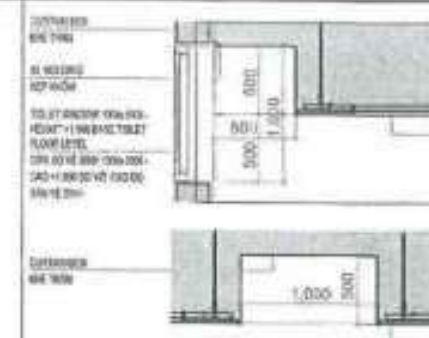
Địa chỉ: 11/10 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại: 0938.18.1818
Email: info@mvw.vn
Website: mvw.vn

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT: **07-06-09**
CHỦ TRƯỞNG / OWNER: **07-06-09**
KỸ SƯ / DESIGNER: **07-06-09**
KỸ SƯ / DESIGNER: **07-06-09**

**NHÀ PHỤ TRỢ 2
SUB-BUILDING 2**

**HƯỚNG NHÌN MẶT DƯỠNG NHÀ TẮM
(NAM & NỮ)
SHOWER ELEVATION VIEW (M & F)**

SCALE	1/50	DRAWING NO.
STATUS	FOR BASIC DESIGN HS-TNCS	03.A1.110
DATE	03.10.2024	



**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA**

DL: Lu DTZ, KCA NewGet: 18 Feb 21, Day CC, pinyin: Day CC,
JingHua, Hong of Ho Ping, Lu Han
DL: Lu DTZ, KCA NewGet: 18 Feb 21, Day CC, pinyin: Day CC,
JingHua, Hong of Ho Ping, Lu Han

GMH CMU - NOTES



NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

LEAN DESIGN



M/VW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
 CÔNG TY TNHH M/VW DESIGN WORKSHOP
 M/VW DESIGN
 80/50/31, 31 HO DANG STREET, DONG XANH HOI, HOAI
 ANH DISTRICT, HANOI, VIETNAM
 TEL: +84 (0)24 327 6048

07 06 5

CHỖ THÌ THIẾT KẾ/TECH. MANAGEMENT
ĐÌNH QUANG LONG

1-Đ. HIỂN/THIÊN
ĐẠO VĂN ĐÌNH

NAME/CHECK BY DAVID QUAND - ONE	
------------------------------------	---

HAND IN: 05M

DÂY NHÀ PHỤ TRỢ
UTILITY BUILDING

TÊN SẢN VẸ - DRAWING NAME

TOILET & SHOWER EQUIPMENT DETAIL

CHI TIẾT THIẾT BỊ PHÒNG VỆ SINH & PHÒNG TẮM

SCALE	1/50	DRAWING NO. 03.A1.111
STATUS	FOR BIDDING DESIGN REVISED	
DATE	OCT. 2024	

1 KEY PLAN - SƠ ĐỒ BỐ TRÍ
SCALE: 1/50

2 FRONT & SIDE VIEW - MẶT ĐŨNG & MẶT BÊN
SCALE: 1:100

3	SECTION DETAIL-CHI TIẾT MẶT CẮT
---	---------------------------------

4 SECTION DETAIL (LOW) - CHI TIẾT MẶT CẮT (BÊN DƯỚI)
SCALE: 1/2

6 DOOR SECTION DETAIL-CHI TIẾT MẶT CẮT CỬA
SCALE: 1/2

A	7	SECTION DETAIL-CHI TIẾT MẶT CẮT
		SCALE: 1/2

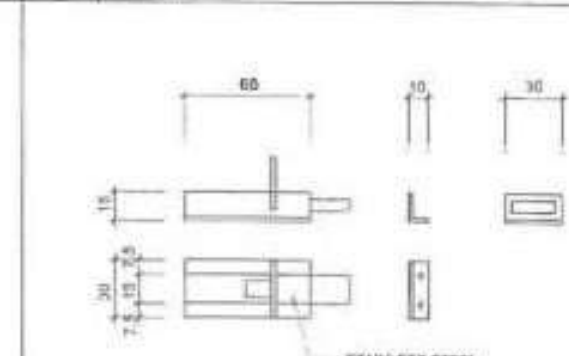
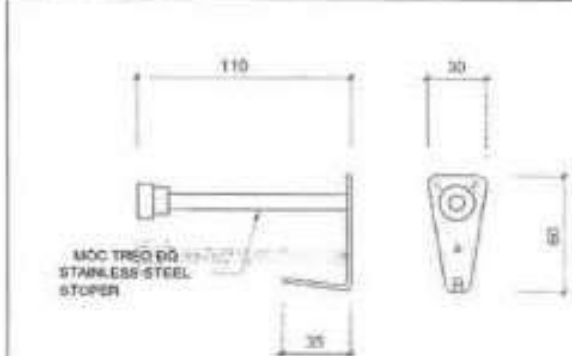
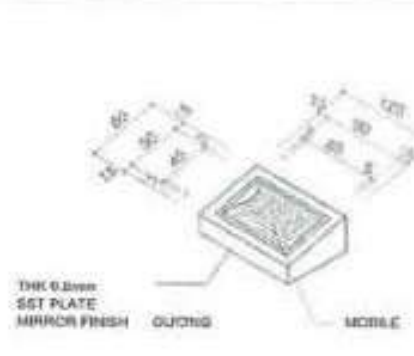
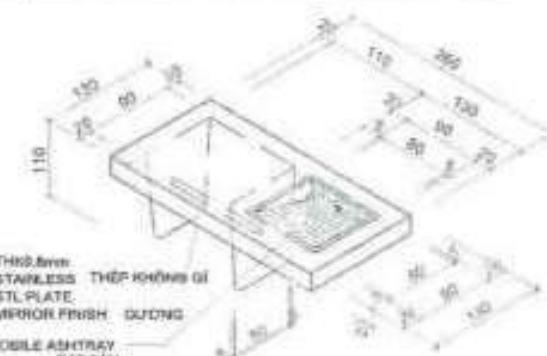
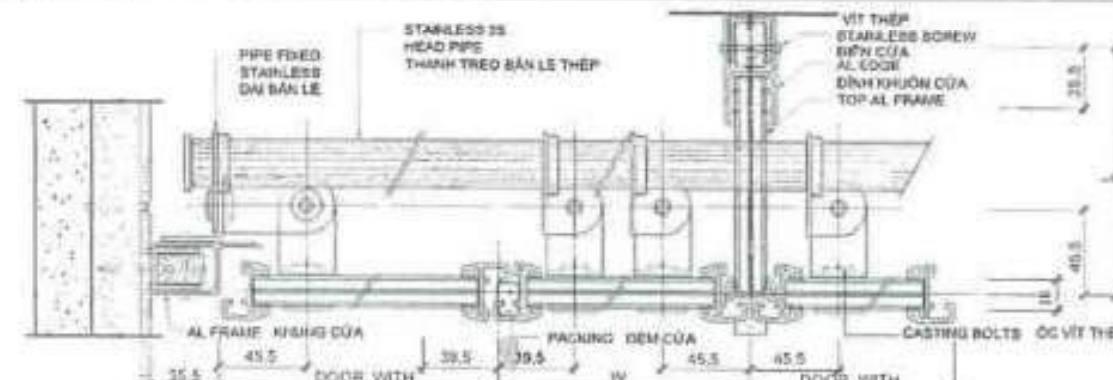
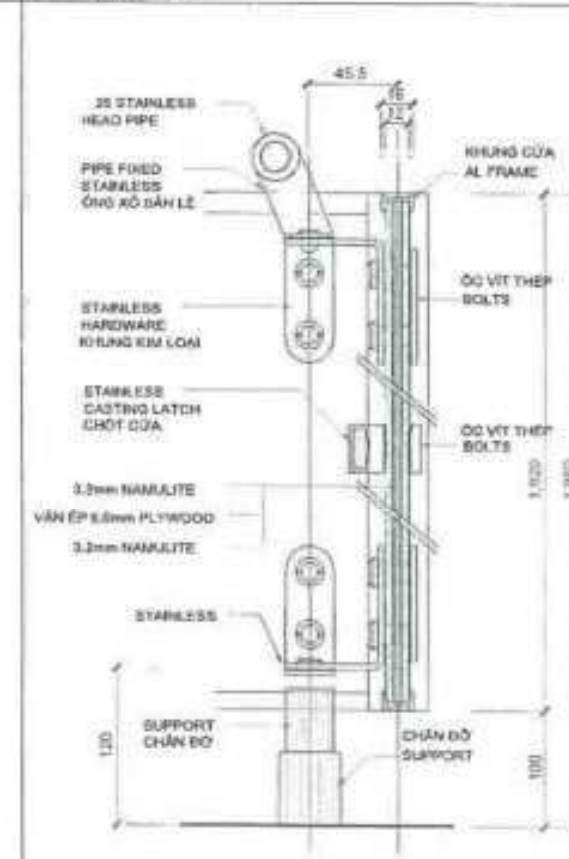
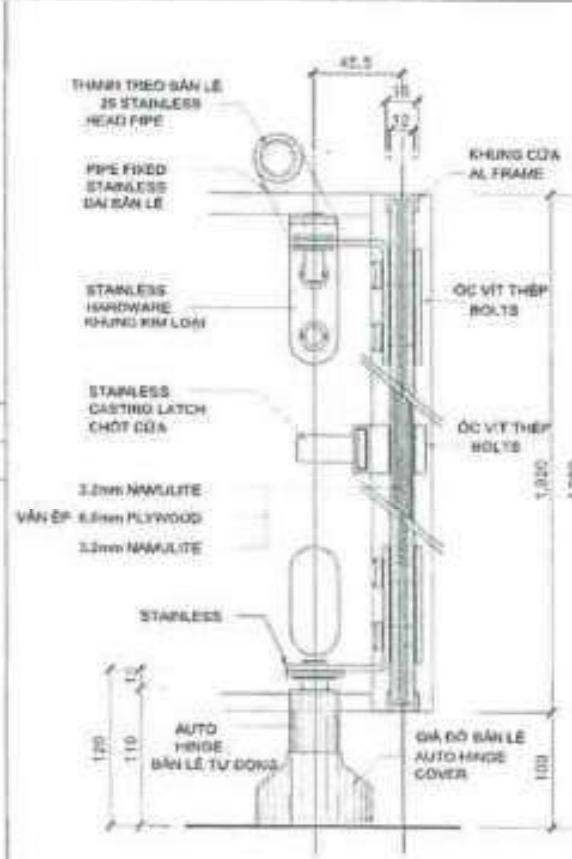
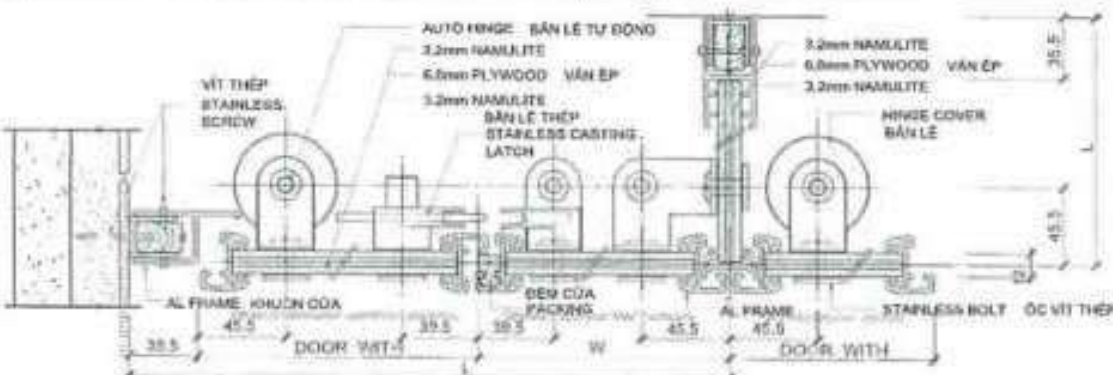
5 SECTION DETAIL (UPPER) - CHI TIẾT MẶT CẮT (BÊN TRÊN)
SCALE: 1:2

10 CHI TIẾT MỐC TREO ĐỒ

11	CHI TIẾT CHÓT CỬA
	SCALE: 1/2

8 TOILET TISSUE & ASHTRAY DETAIL
SCALE: 1/5

9 ASHTRAY DETAIL - CHI TIẾT GẠT TÀN
SCALE: 1/8"



THOÁT NƯỚC MƯA / STORM WATER



**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
 MAXSUN VINH**

8C Tân Trung Đông Trung Trường Xuân Đường
 Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Tel: +84 (0)24 223 8286

GHI CHÚ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN
MYW

MYW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
 CÔNG TY TNHH MYW DESIGN WORKSHOP

8C Tân Trung Đông Trung Trường Xuân Đường
 Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

TEL: +84 (0)24 223 8286

Director - Giám đốc

Leo Bang Ho

Project manager - Chủ nhiệm dự án

Đinh Quang Long

Partner - Chủ trì

Đặng Thanh Giang

Designer - Thiết kế

Đặng Thanh Giang

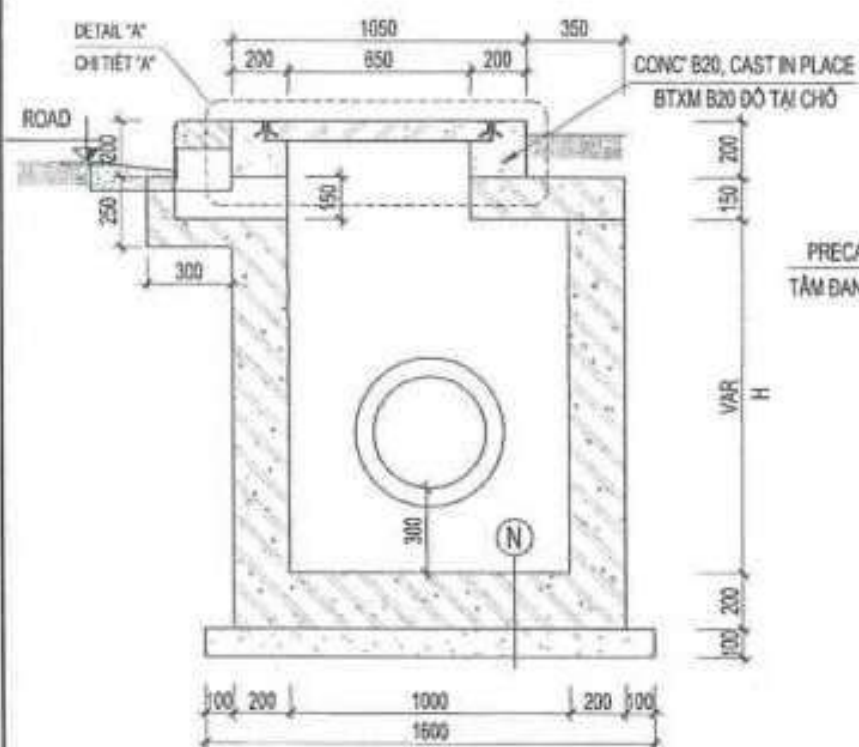
HÀNG MỤC - ITEM

**HÀ TẦNG
 CIVIL**

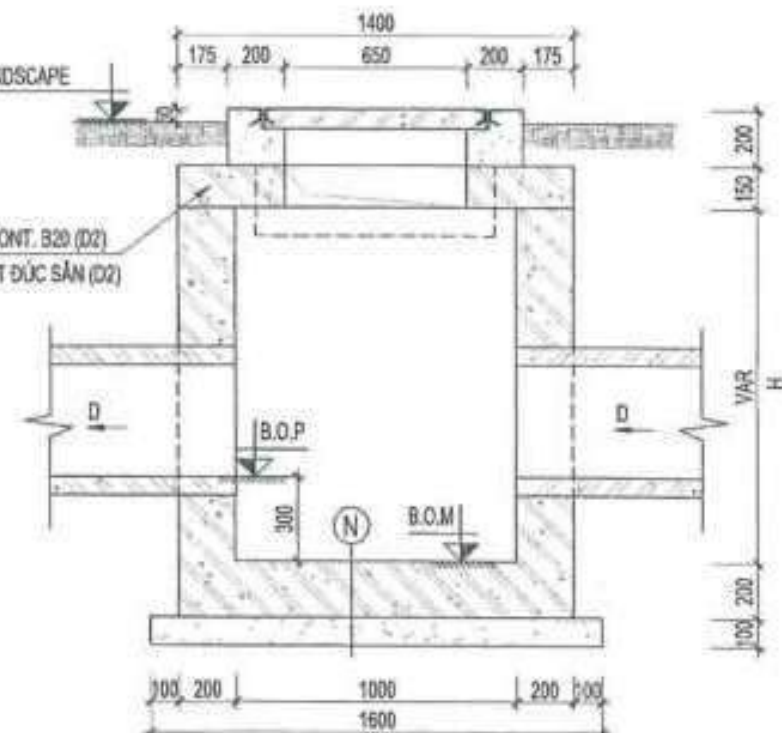
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

**DETAIL MANHOLE M1
 CHI TIẾT HỒ GA M1**

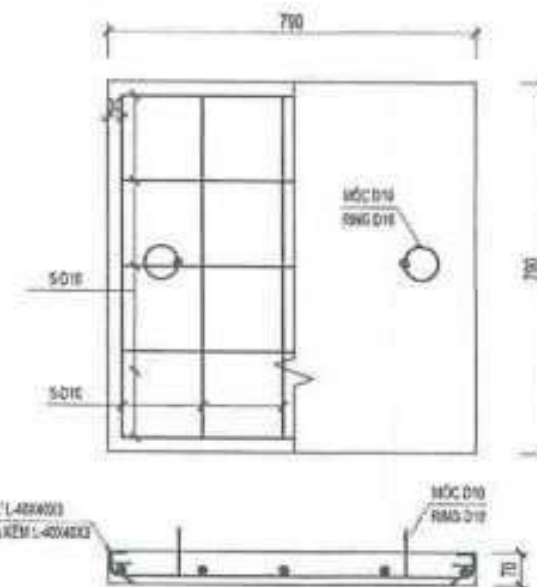
SCALE	1/30	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION HS-TRC	CS-02
DATE	DEC. 2024	



**SECTION 1-1
 MẶT CẮT 1-1**
 SCALE/TỶ LỆ: 1/25



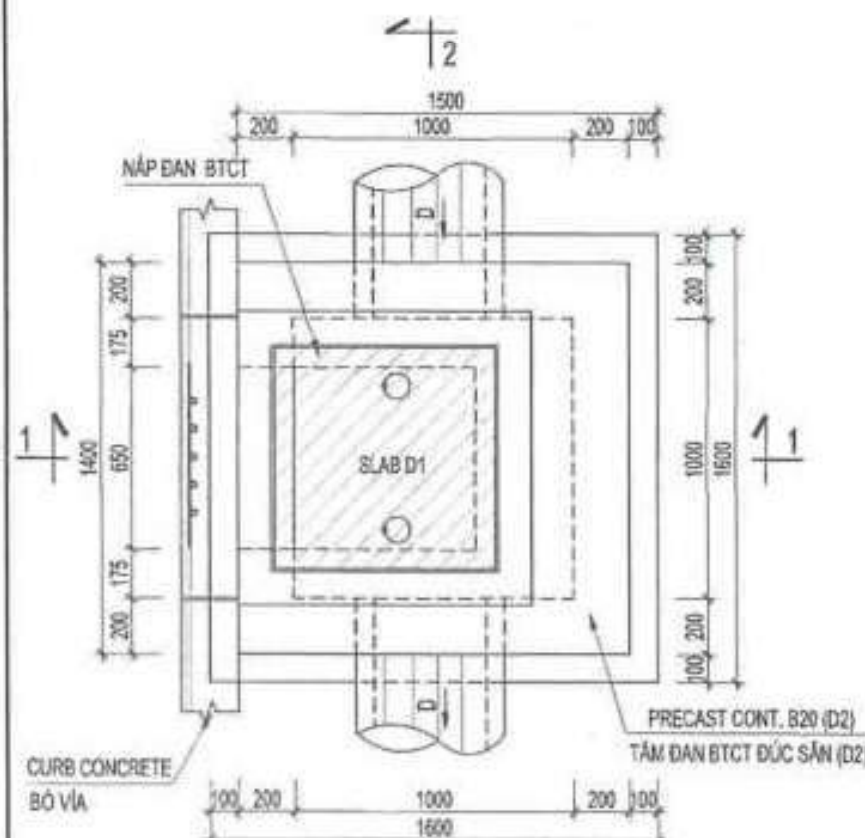
**SECTION 2-2
 MẶT CẮT 2-2**
 SCALE/TỶ LỆ: 1/25



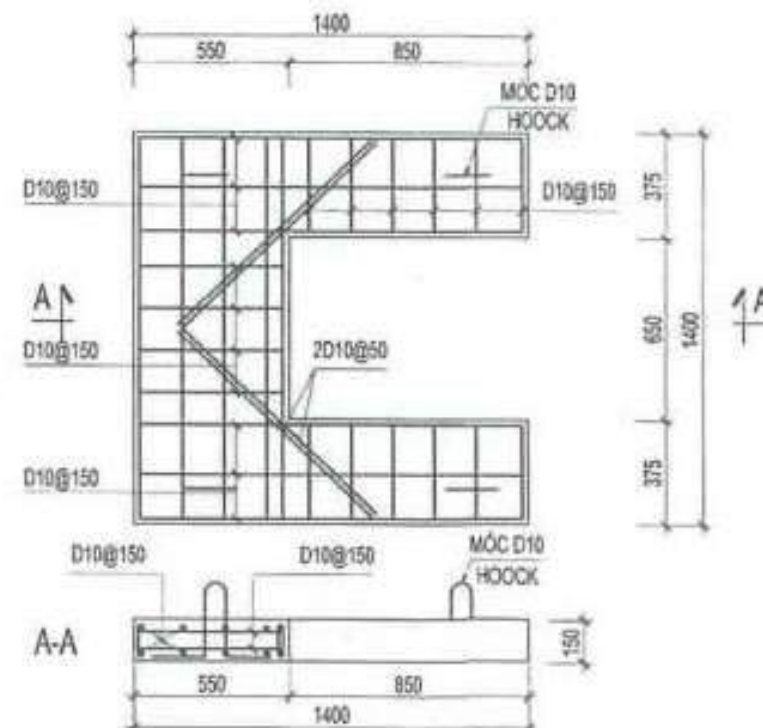
**COVER D1 RE-BAR
 CỐT THÉP NÁP GA D1**
 SCALE/TỶ LỆ: 1/15



**DETAIL CURB COLLECTION WATER
 CHI TIẾT BỜ VÍA THU NƯỚC**
 SCALE/TỶ LỆ: 1/15



**MANHOLE PLAN
 MẶT BẰNG HỒ GA**
 SCALE/TỶ LỆ: 1/25



**UPPER SLAB D2 RE-BAR
 CỐT THÉP BÀN NÁP D2**
 SCALE/TỶ LỆ: 1/25

NOTE/ GHI CHÚ:

ALL DIMENSION IS IN MM, UNLESS OTHERWISE STATES
 TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC LÀ MM, TRỪ KHI CÓ GHI CHÚ KHÁC
 USE CONCRETE B20, STONE 1X2CM
 SỬ DỤNG BÊ TÔNG B20, ĐÁ 1X2CM CHO TẤT CẢ HỒ GA
 DIMENSIONS NEED HAVE TO CHECK AT THE SITE BEFORE CONSTRUCTION
 TẤT CẢ KÍCH THƯỚC PHẢI KIỂM TRA TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI THI CÔNG
 CONCRETE, STONE 1X2CM, B20
 BÊ TÔNG XM, ĐÁ 1X2CM, B20
 LEAN CONCRETE 87.5
 BÊ TÔNG LỚT 87.5
 WELL COMPACTED SOILD
 NỀN ĐÁM CHẶT

**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA**

ĐC: 10A TRUNG HÒA, PHƯỜNG TRUNG HÒA, QUẬN CẦU GIỖ, HÀ NỘI
Số 10A TRUNG HÒA, PHƯỜNG TRUNG HÒA, QUẬN CẦU GIỖ, HÀ NỘI
Số 10A TRUNG HÒA, PHƯỜNG TRUNG HÒA, QUẬN CẦU GIỖ, HÀ NỘI

GHI CHÚ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MARK DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NG 50/1, 3/2 TRUNG THẠCH STREET, QUẬN HANOI, HANOI VIETNAM
TEL: +84(0)34 323 8508

Director - Giám đốc
Lee Sang Ho
Project manager - Chủ nhiệm dự án
Đinh Quang Long
Prepaid - Chuẩn
Đông Thanh Giang
Designer - Thiết kế
Đông Thanh Giang

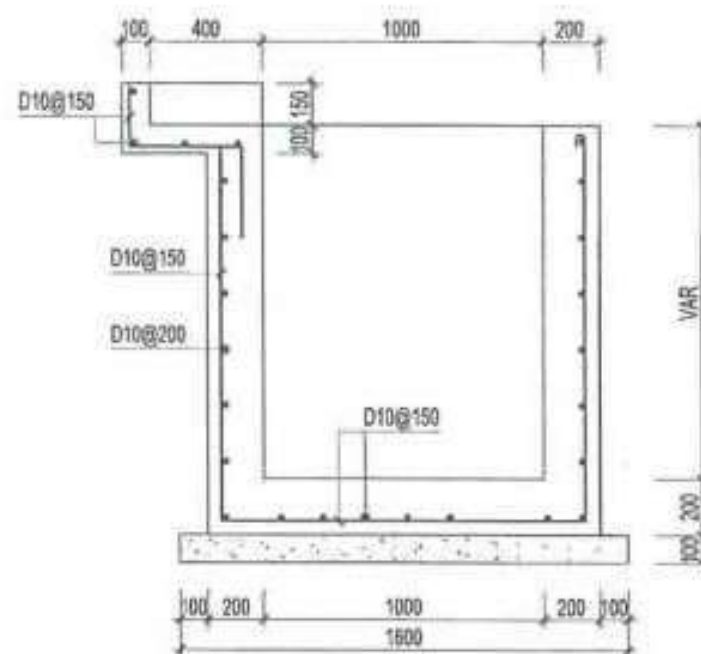
HÀNG MỤC - ITEM

**HẠ TẦNG
CIVIL**

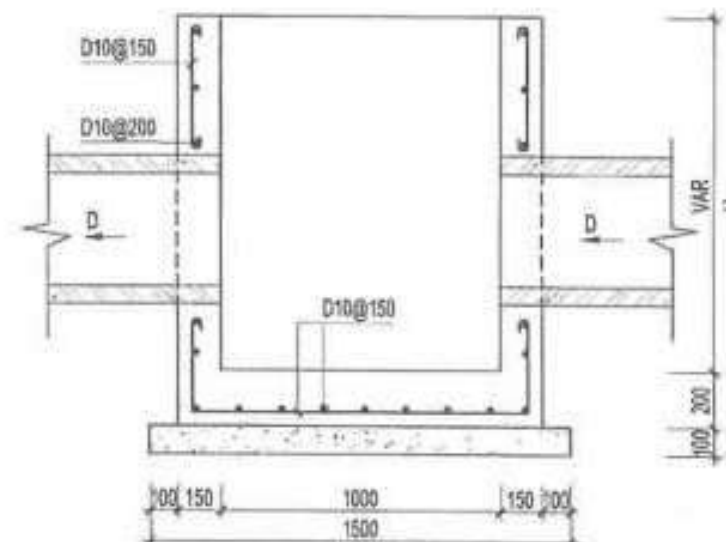
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

**RE-BAR MANHOLE M1
CỐT THÉP HỒ GA M1**

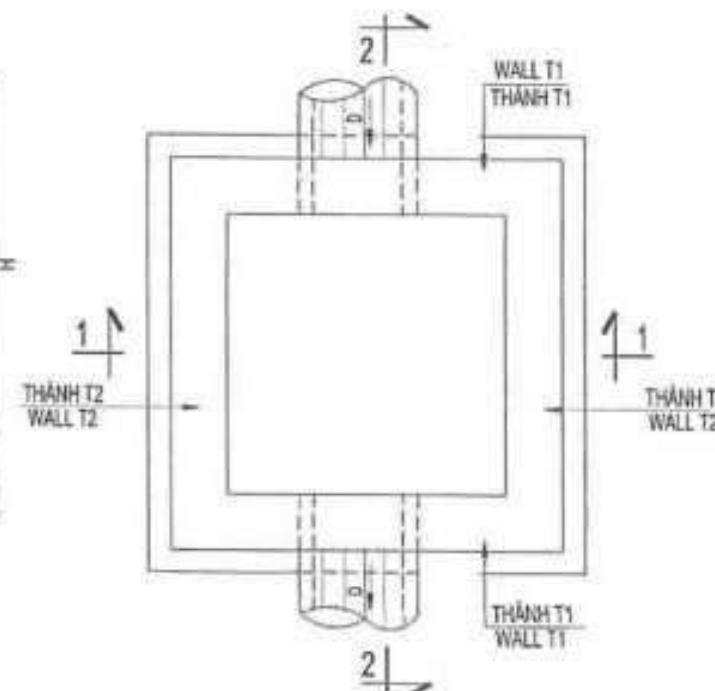
SCALE	1/30	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION NG-RETC	CS-03
DATE	DEC. 2024	



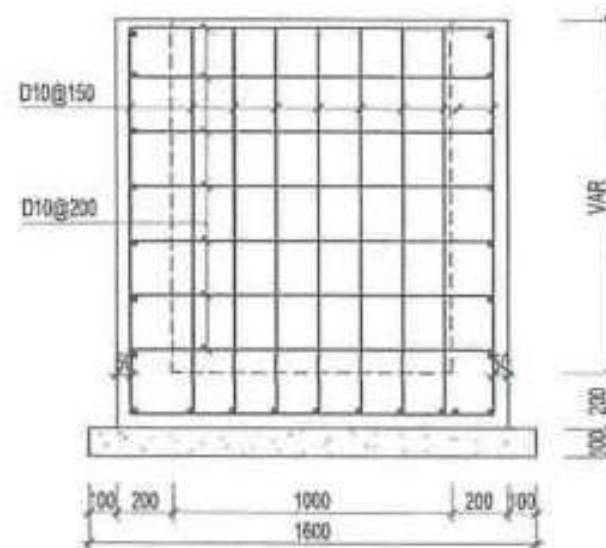
**SECTION RE-BAR 1-1
MẶT CẮT BỐ TRÍ THÉP 1-1**
SCALE: 1/30



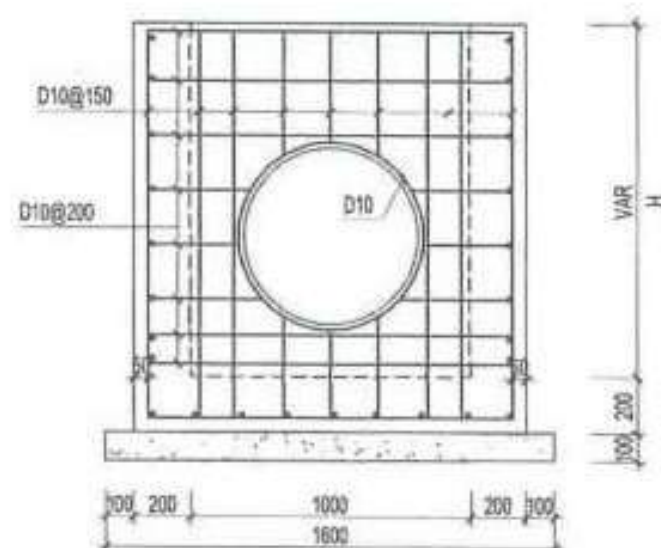
**SECTION RE-BAR 2-2
MẶT CẮT BỐ TRÍ THÉP 2-2**
SCALE: 1/30



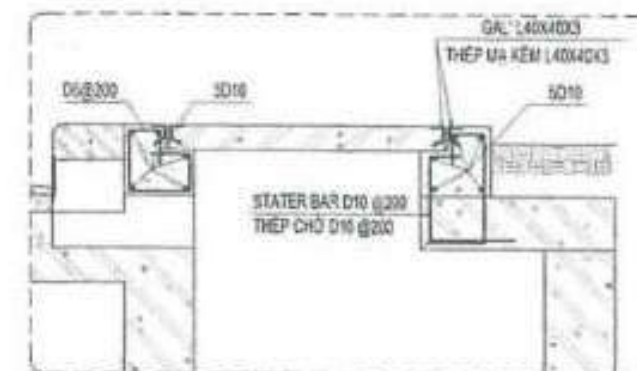
**KEY PLAN
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ**
SCALE: 1/30



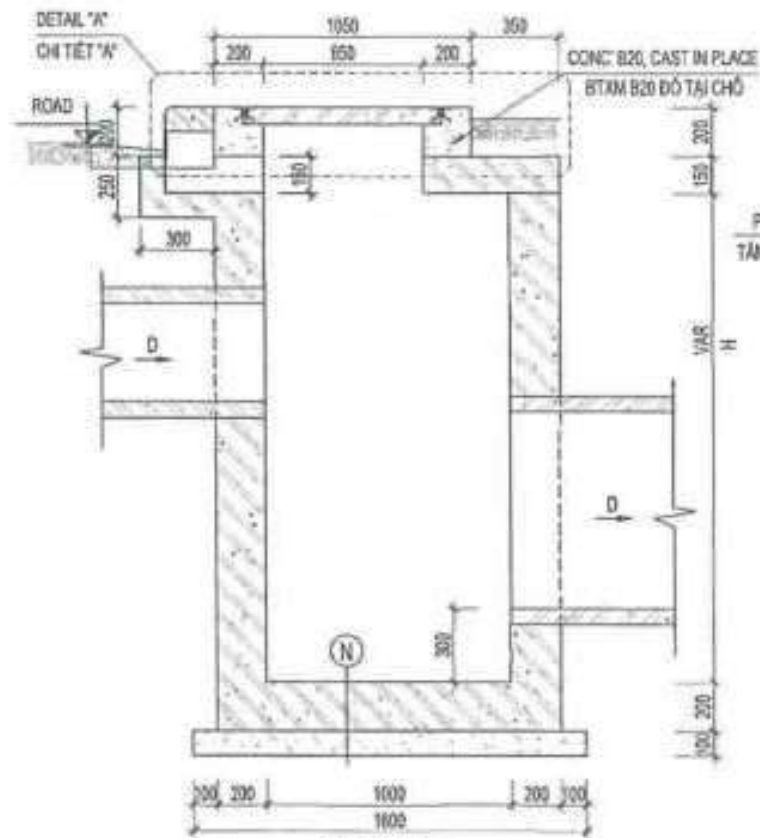
**WALL T2 RE-BAR
CỐT THÉP THÀNH T2**
SCALE: 1/30



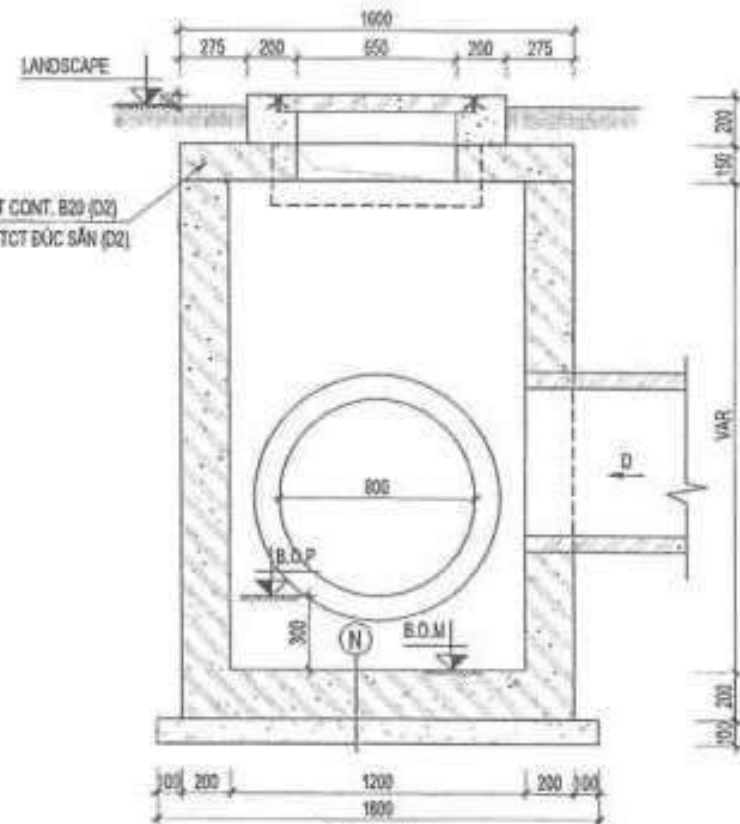
**WALL T1 RE-BAR
CỐT THÉP THÀNH T1**
SCALE: 1/30



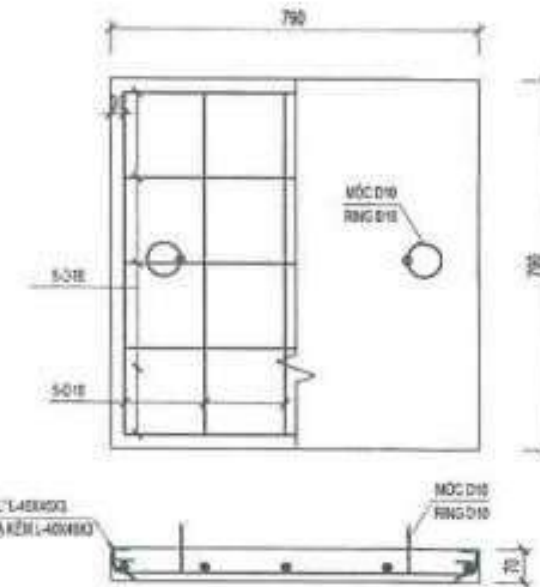
**CHI TIẾT *A*
DETAIL *A***
SCALE: 1/30



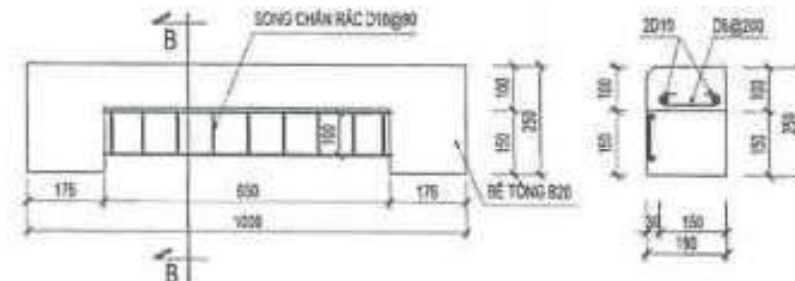
SECTION 1-1
MẶT CẮT 1-1
SCALE: 1/10



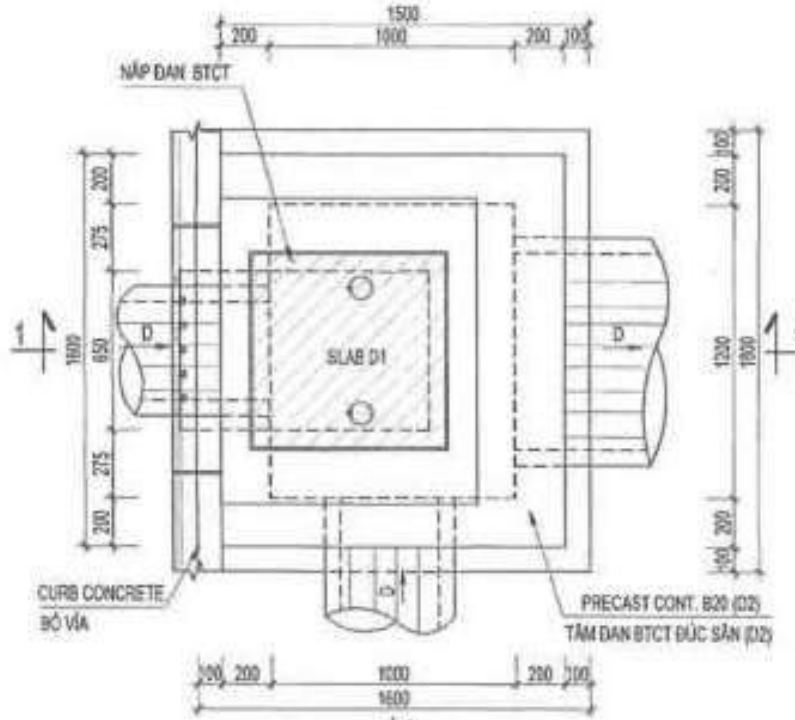
SECTION 2-2
MẶT CẮT 2-2
SCALE: 1/10



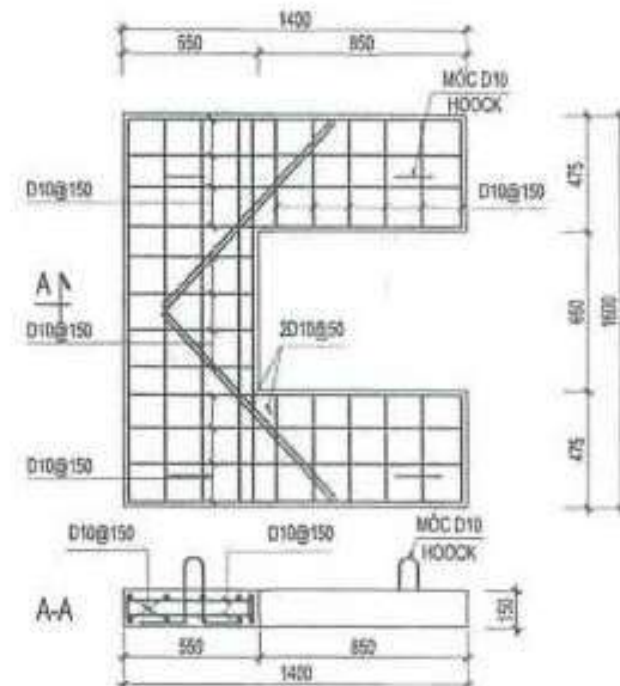
COVER D1 RE-BAR
CỐT THÉP NẠP GA D1
SCALE: 1/10



DETAIL CURB COLLECTION WATER
CHỈ TIẾT BỐ VÍA THU NƯỚC
SCALE: 1/10



MANHOLE PLAN
MẶT BẰNG HỒ GA
SCALE: 1/10



UPPER SLAB D2 RE-BAR
CỐT THÉP BÀN NẠP D2
SCALE: 1/10

NOTE/ GHI CHÚ:

- ALL DIMENSION IS IN MM, UNLESS OTHERWISE STATES
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC LÀ MM, TRỪ KHI CÓ GHI CHÚ KHÁC
- USE CONCRETE B20, STONE 1X2CM
- SỬ DỤNG BÊ TÔNG B20, ĐÁ 1X2CM CHO TẤT CẢ HỒ GA
- DIMENSIONS NEED HAVE TO CHECK AT THE SITE BEFORE CONSTRUCTION
- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC PHẢI KIỂM TRA TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI THI CÔNG
- CONCRETE, STONE 1X2CM, B20
- BÊ TÔNG XM, ĐÁ 1X2CM, B20
- LEAN CONCRETE B7.5
- BÊ TÔNG LỐT B7.5
- WELL COMPACTED SOILD
- NỀN ĐÁM CHẶT



DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG MAXSUN VINA

ĐC: 80 Đường Trung Hưng, Phường Trung Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: 0903 123 456
Fax: 028 123 456
Email: info@maxsun.vn

GH CHÚ: NƠI

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP
80 Đường Trung Hưng, Phường Trung Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
TEL: +84(0)24 123 456

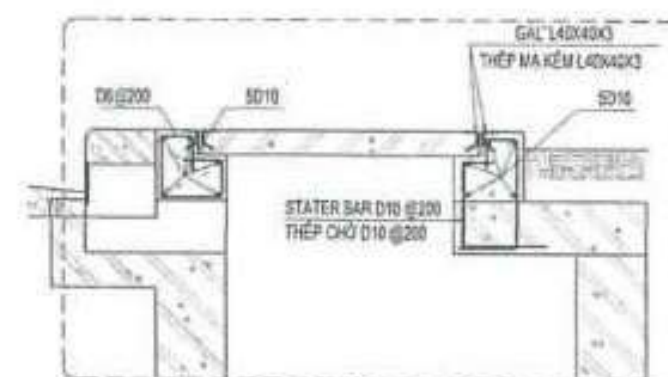
Director - Giám đốc: Lee Sang Ho
Project manager - Chủ trì dự án: Đinh Quang Long
Principal - Chủ trì: Đặng Thanh Giang
Designer - Thiết kế: Đặng Thanh Giang
Hàng mục - ITEM

HẠ TẦNG CIVIL

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

DETAIL MANHOLE M2 CHỈ TIẾT HỒ GA M2

SCALE	1/35	DRAWING NO.
STATUS	FOR CON DESIGN IG-30C	CS-04
DATE	DEC. 2024	



CHI TIẾT "A"
DETAIL "A"

**DỰ ÁN ĐẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA**

[illegible]

GRI CHU - MOREZ

NOL	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MANAGEMENT



MVW KOLN VERBUND
KONSTRUKTION

MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD.
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NO. 50, 31 THE THAM STREET, TRON KANG-HAU WARD
DAU QUAY DISTRICT, HANOI, VIETNAM
TEL. +842034 523 8008

Director - Salvador

Project manager - Chủ nhiệm dự án	ĐSK
-----------------------------------	-----

Pháp - Dân
Đông Thanh Công

Designer: Thiết kế

Hàng Mục - Item	Đơn vị tính - Unit	Đơn giá - Price	Giá trị - Value
-----------------	--------------------	-----------------	-----------------

HA TĂNG
CIVIL

NEW BAN VI - TRAINING NAME

RE-BAR MANHOLE M2
CỘT THÉP GA M2

SCALE	1/35	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONCEPT DESIGN HS-TECH	CS-05
DATE	DEC. 2024	



DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA

ĐC: LỘ DUYỆT, KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ (CƠ SỞ) CHẾ BIẾN ĐÀNG MÀ L
VƯỜN MỒI AN, ANH GIANG HUYỆN, NGHỆ AN
A20 LỘ DUYỆT, KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ (CƠ SỞ) CHẾ BIẾN ĐÀNG MÀ L
HUYỆN MỒI AN, ANH GIANG HUYỆN, NGHỆ AN

GHI CHÚ - NOTES			
NO	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

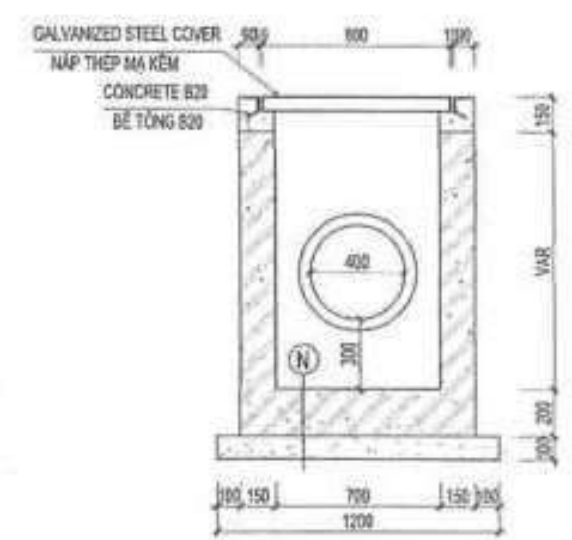
MARK DESIGN
MYW MAXSUN WORKSHOP

MYW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MAXSUN DESIGN & ARCHITECT
KỶ SỞ 31, TỈNH THỊ STREET, HUYỆN MỒI AN, NGHỆ AN
QUẬN 1 DISTRICT, HANOI, VIETNAM
TEL: +84(0)34 323 8588

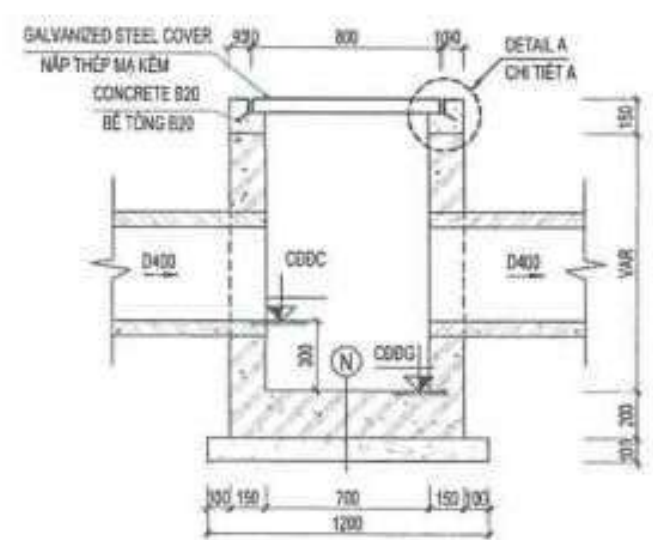
Director - Giám đốc: *Lee Sang Ho*
Project manager - Chủ nhiệm dự án: *Đinh Quang Long*
Principal - Chủ đầu tư: *Đặng Thanh Giang*
Designer - Thiết kế: *Đặng Thanh Giang*
Hàng mục - Item

HẠ TẦNG CIVIL
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME
DETAIL MANHOLE M3
CHI TIẾT HỒ GA M3

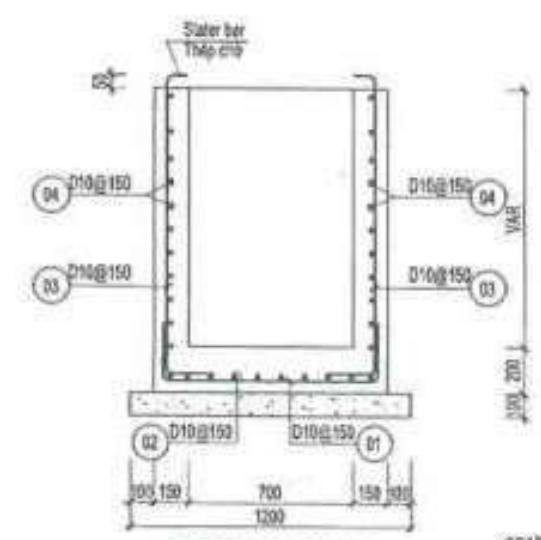
SCALE	1/30	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION HS-30C	CS-06
DATE	DEC. 2024	



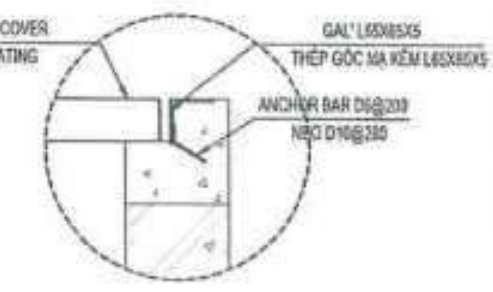
SECTION 1-1
MẶT CẮT 1-1
SCALE / TỶ LỆ: 1/30



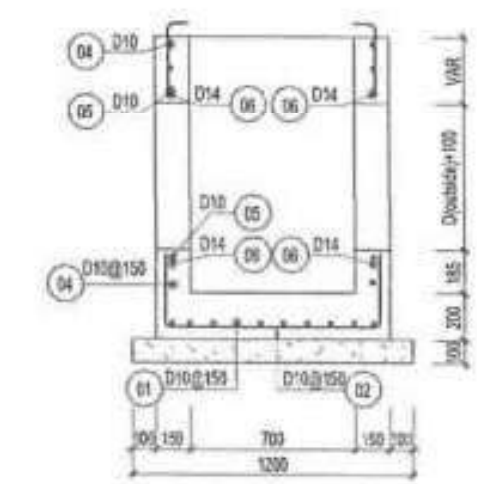
SECTION 2-2
MẶT CẮT 2-2
SCALE / TỶ LỆ: 1/30



RE-BAR SECTION 1-1
MẶT CẮT BỐ TRÍ THÉP 1-1
SCALE / TỶ LỆ: 1/30



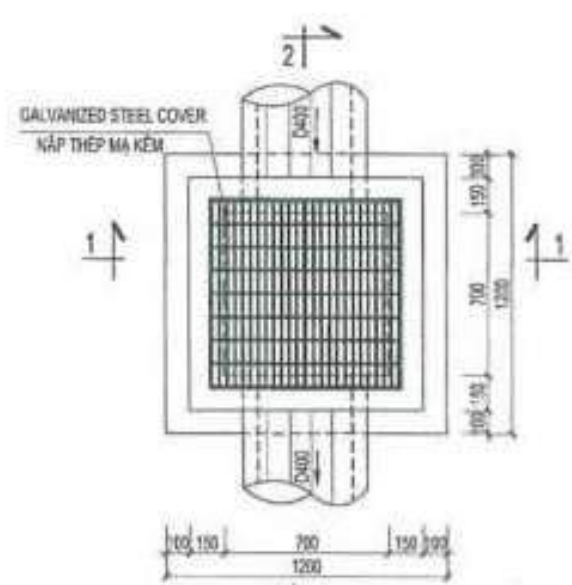
DETAIL "A"
CHI TIẾT "A"
SCALE / TỶ LỆ: 1/15



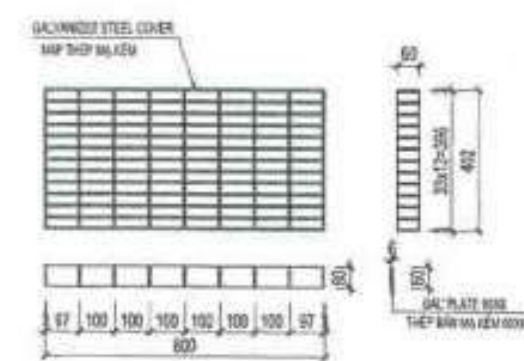
RE-BAR SECTION 2-2
MẶT CẮT BỐ TRÍ THÉP 2-2
SCALE / TỶ LỆ: 1/30

REMARK:
- ALL DIMENSIONS ARE IN MILLIMETER
TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC LÀ MM
- USE CONCRETE B20, STONE 1X2CM FOR ALL MANHOLE
SỬ DỤNG BÊ TÔNG B20, ĐÁ 1X2CM CHO TẤT CẢ HỒ GA
- THE NECK OF MANHOLE USE CONCRETE B20
CỔ GA DÙNG BÊ TÔNG B20

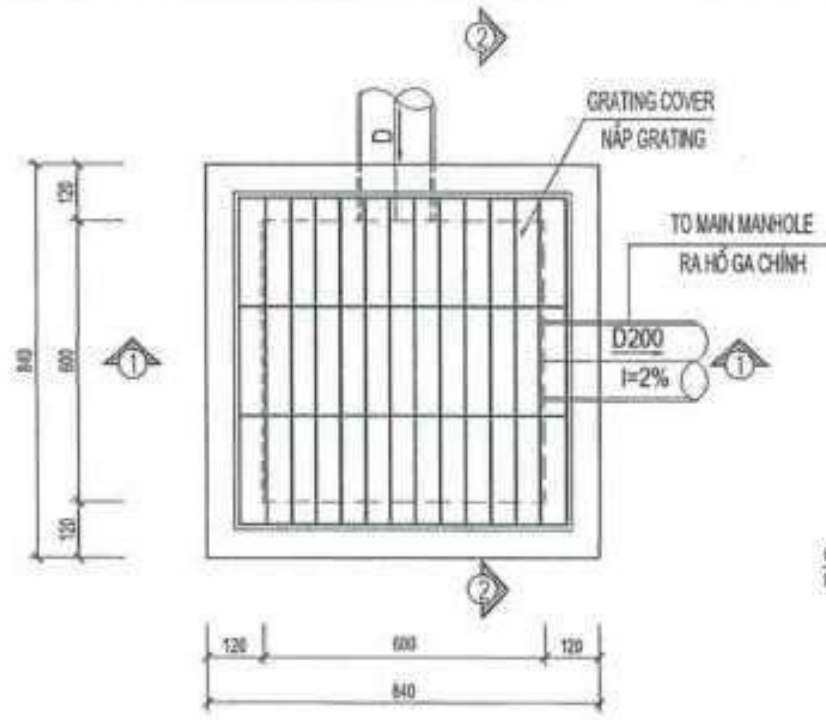
① BOTTOM CONCRETE B20 / BÊ TÔNG ĐÁY B20
LEAN CONCRETE B7.5 / BÊ TÔNG LỘT B7.5
SOIL COMPACTING N0.95 / NỀN ĐÁM CHẤT N0.95



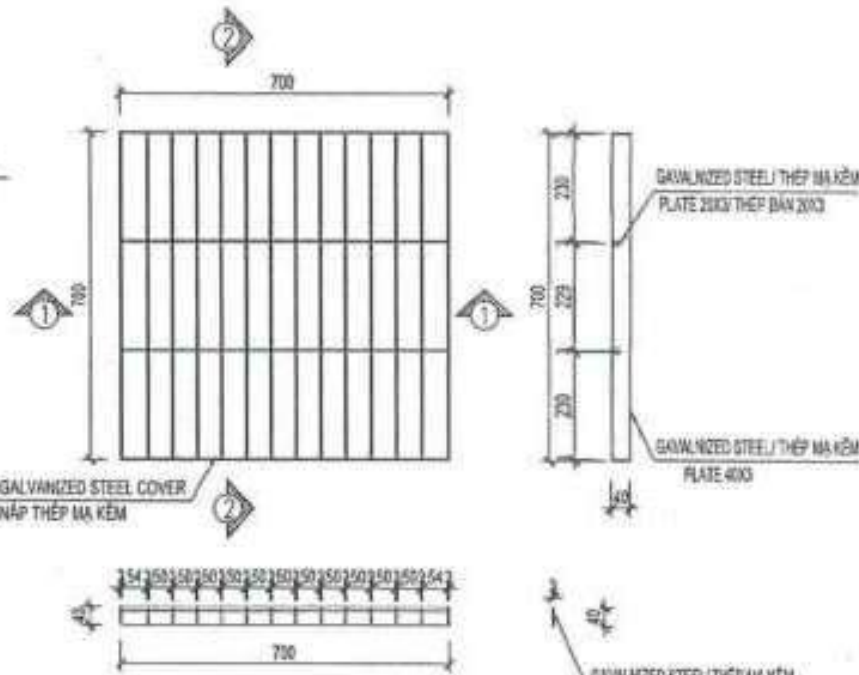
MANHOLE PLAN
MẶT BẰNG HỒ GA
SCALE / TỶ LỆ: 1/30



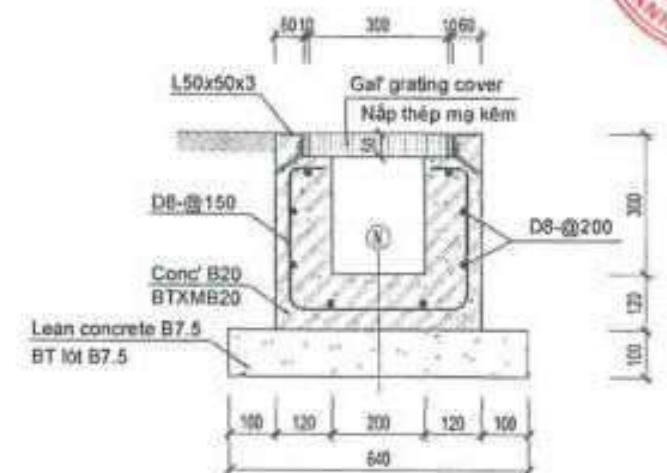
COVER D1 DETAIL
CHI TIẾT NÁP GA
SCALE / TỶ LỆ: 1/15



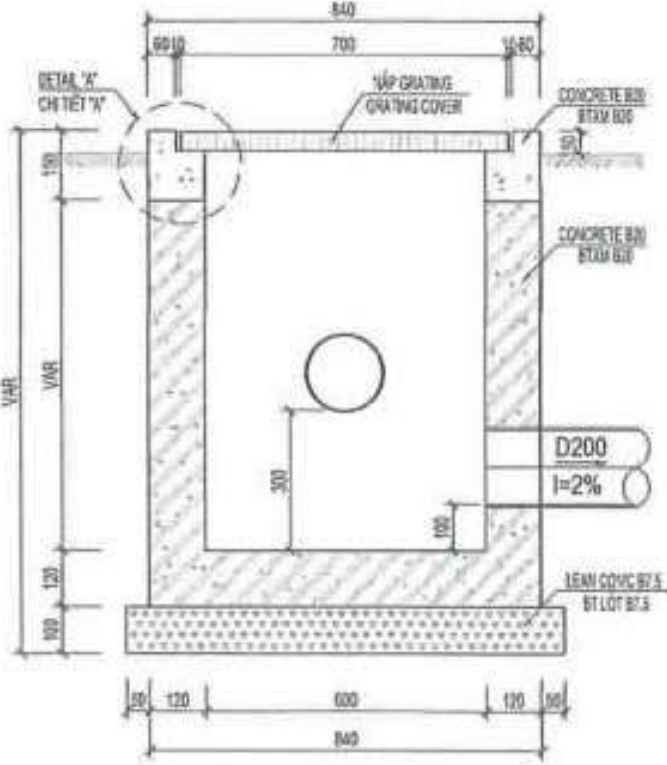
MANHOLE PLAN
MẶT BẰNG HỒ GA
SCALE / TỶ LỆ: 1/15



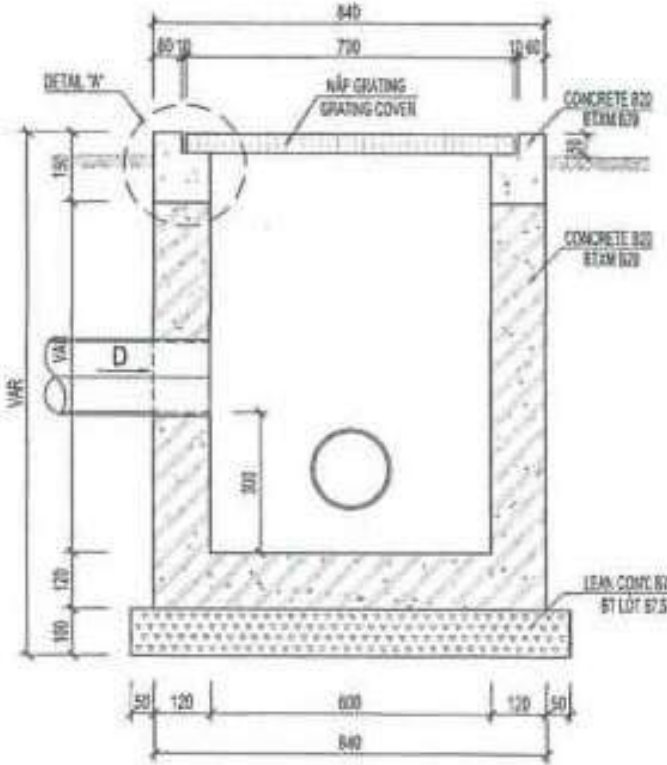
DETAIL COVER
CHI TIẾT NÁP
SCALE / TỶ LỆ: 1/15



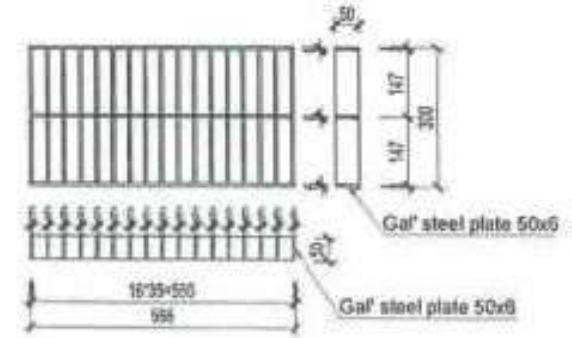
U-TRENCH B200 - DETAIL
CHI TIẾT RĂNG GRATING B200
SCALE / TỶ LỆ: 1/15



SECTION 1-1
MẶT CẮT 1-1
SCALE / TỶ LỆ: 1/15

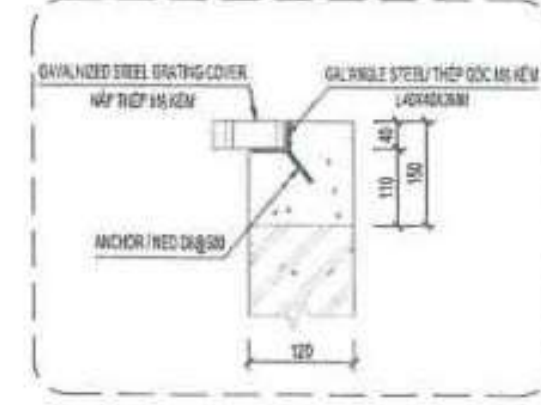


SECTION 2-2
MẶT CẮT 2-2
SCALE / TỶ LỆ: 1/15



GRATING COVER B200
CHI TIẾT NÁP RĂNG B200
SCALE / TỶ LỆ: 1/15

* APPLY FOR U-TRENCH B200 AT THE MAIN DATE. (ÁP DỤNG CHO RĂNG B200 Ở CÔNG CHÁNH)



"A" DETAIL
CHI TIẾT "A"
SCALE / TỶ LỆ: 1/10



DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA

ĐC: L1 CHỢ Đ. KINH DOANH HỒ CHÍ MINH (ĐC) Công ty TNHH Maxsun
Số 10/11, Trần Phú, Quận 1, TP. HCM
Số 10/11, Trần Phú, Quận 1, TP. HCM (ĐC) Công ty TNHH Maxsun
Số 10/11, Trần Phú, Quận 1, TP. HCM (ĐC) Công ty TNHH Maxsun

GHỊ CHỈ - NO.058

NO	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN
MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NO. 10/11, TRẦN PHÚ STREET, QUẬN 1, TP. HCM
CÁI Lậy DISTRICT, HANOI, VIETNAM
TEL: +84 90 34 333 8555

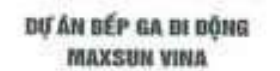
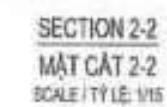
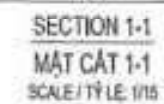
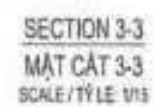
Director - Giám đốc
Lee Sang Ho
Project manager - Chủ trì
Đinh Quang Long
Principal - Chủ trì
Đông Thanh Giang
Designer - Thiết kế
Đông Thanh Giang
HANG MỤC - REM

HÀ TẮNG
CIVIL

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

DETAIL DOWNSPOUT MANHOLE U-TRENCH
CHI TIẾT GA NƯỚC MÃI & RĂNG

SCALE	1/15	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONG DESIGN HS - TITC	CS-07
DATE	DEC, 2024	

[illegible]

GHS CHU - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REMARKS
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MVW GERMAN RESEARCH
CONSTRUCTION

MYW-DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MYW-DESIGN WORKSHOP

NO 501, 31 THU THIAP STREET, DICH VONG HOI WARD
CAU GIAY DISTRICT, HANOI, VIETNAM

TEL: +86(0)54-321 8568

Director - Gân Hô
Lee Sang Ho

Project manager - Ông nhàn dự án	
----------------------------------	--

Đánh Quang Long

Principal - Citi
Oliver Drake Group

Đang Trình Bày	0-0
Designer - Thiết Kế	70-

Đặng Thanh Giang

HANG-MUC - 75M

HÀ TĂNG
CIVIL

CIVIL

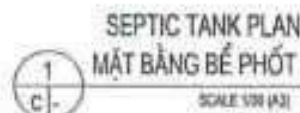
10. **DESIGN NAME:** _____

DOWNSPOUT MANHOLE RE-BAR
CỐT THÉP HỘ GA THU NƯỚC MÁI

SCALE	1/15	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION	CS-08
DATE	DEC. 2004	

THOÁT NƯỚC THẢI / WASTE WATER





SECTION 2-2
MẶT CẮT 2-2
SCALE 1/200 (A3)



DETAIL SEPTIC TANK 3M3
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠT 3M3

SCALE	1/20	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONG DESIGN HS-TDR	CW-02

DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA

(T) LƯU CHỮ (T) KÝ HỌ ĐƠN VỊ (T) KÝ HỌ (T) CHỨC VỤ (T) CHỨC VỤ (T) CHỨC VỤ
 (T) CHỨC VỤ (T) CHỨC VỤ (T) CHỨC VỤ (T) CHỨC VỤ (T) CHỨC VỤ
 (T) CHỨC VỤ (T) CHỨC VỤ (T) CHỨC VỤ (T) CHỨC VỤ (T) CHỨC VỤ

GHI CHÚ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
 CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP
 10/50A, 31 NGUYỄN TRUNG STREET, QUẬN HAI MÃI
 HANOI DISTRICT, HANOI, VIETNAM
 TEL: +84(0)34 333 8188

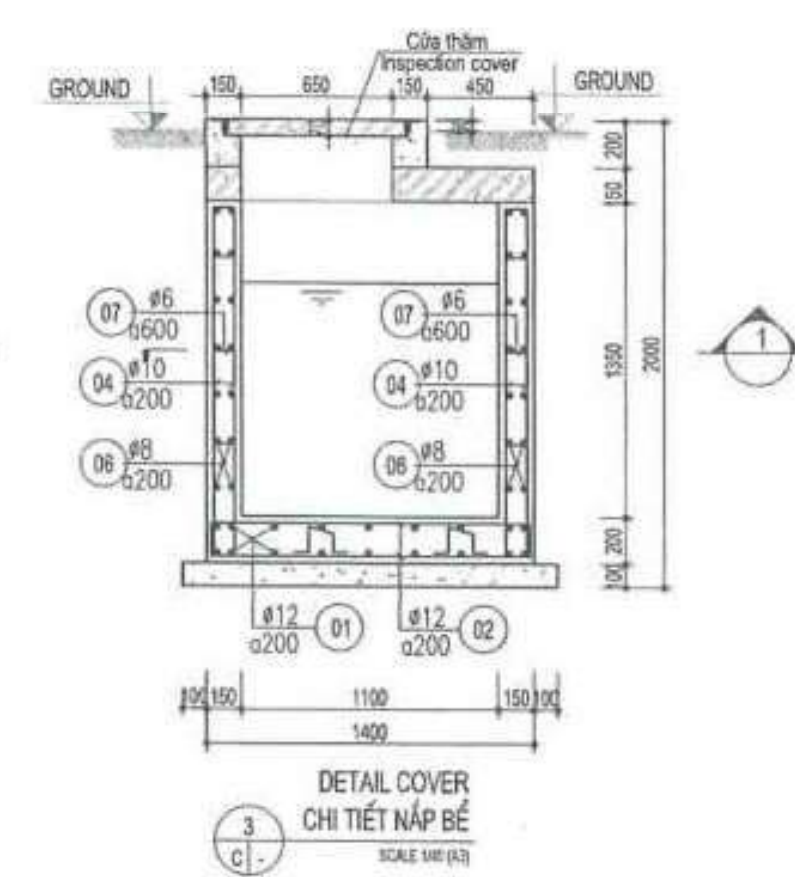
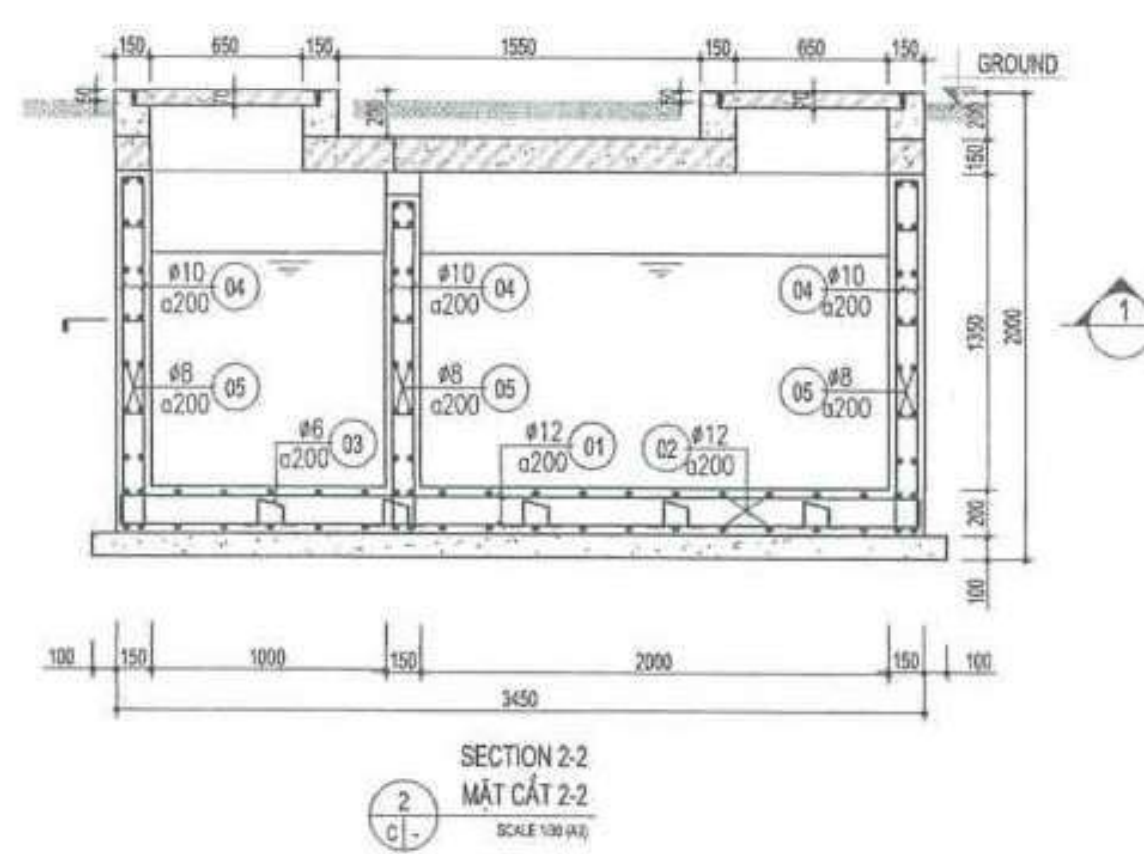
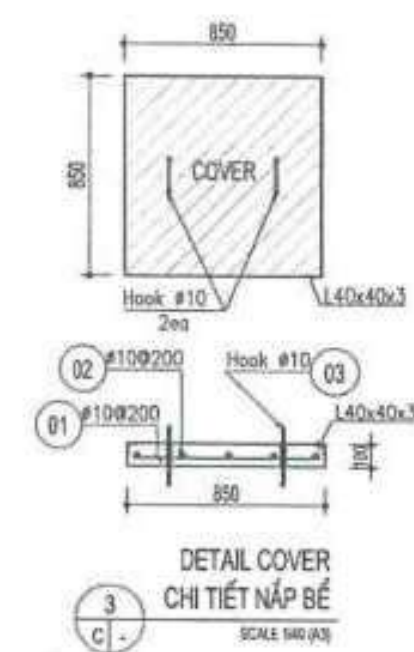
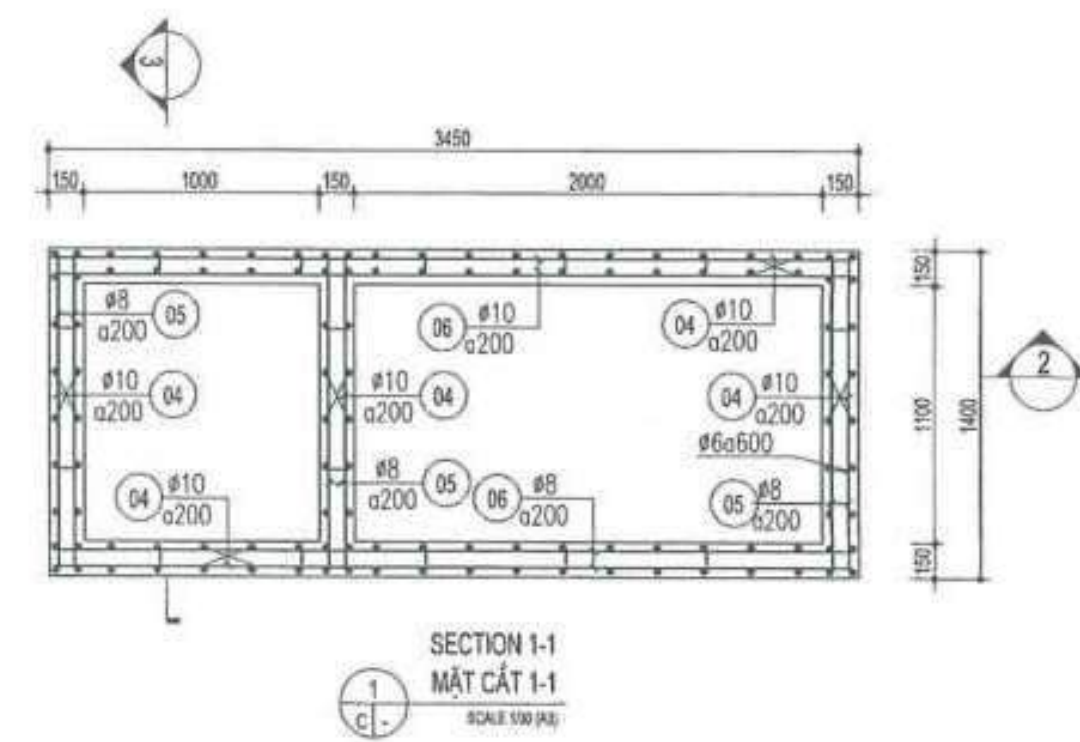
Director - Giám đốc: **Leo Sang Ho**
 Project manager - Chủ nhân dự án: **Đinh Quang Long**
 Principal - Chủ trì: **Đặng Thanh Giang**
 Designer - Thiết kế: **Đặng Thanh Giang**

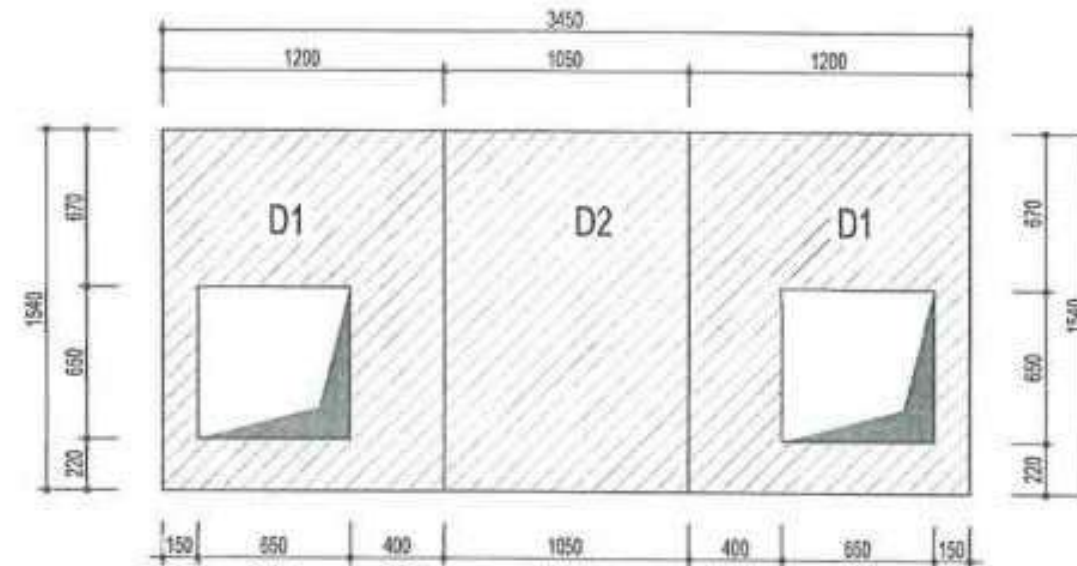
HẠ TẦNG CIVIL

EN BẢN VẼ - DRAWING NAME

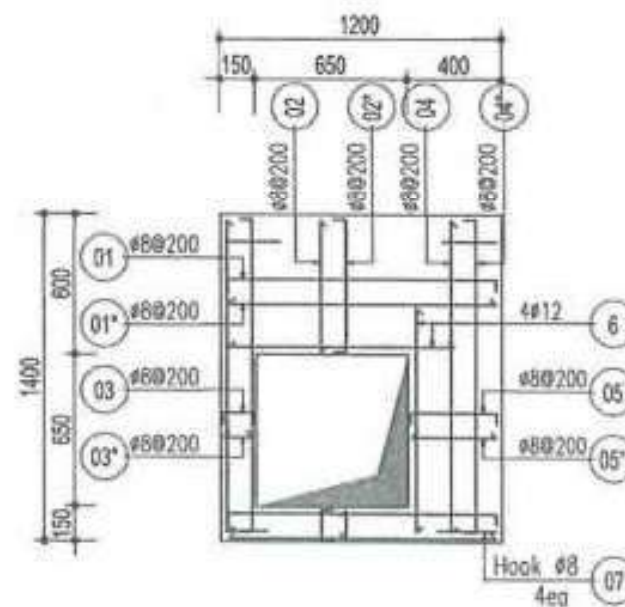
RE-BAR SEPTIC TANK 3M3 (1)
 CỐT THÉP BỂ TỰ HOẠT 3M3 (1)

SCALE	1/30	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION HS-RETC	CW-03
DATE	DEC. 2024	

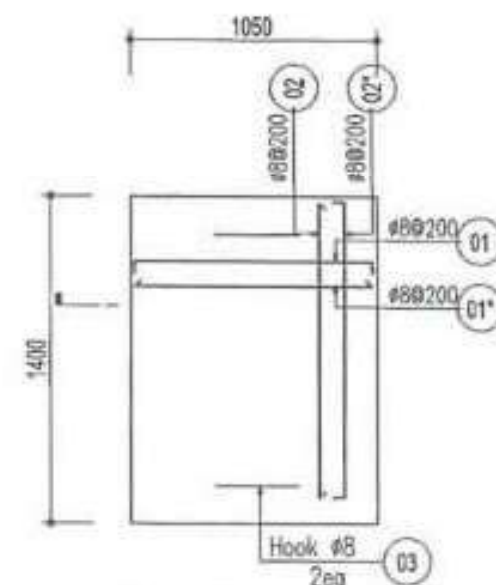




UPPER SLAB PLAN
MẶT BẰNG TẦM ĐÀN
SCALE 1/40 (A3)



D1 UPPER SLAB RE-BAR
CỐT THÉP TẮP ĐÀN D1
SCALE 1/40 (A3)



D2 UPPER SLAB RE-BAR
CỐT THÉP TẮP ĐÀN D2
SCALE 1/40 (A3)



DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA

ĐC: 8C Tân Trung Hưng, Hưng Trung, An Khê, Đà Nẵng.
Số điện thoại: 0903 25 58 71.
Email: maxsun@maxsun.vn

GIỚI THIỆU - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP
Số 50/31, Đường Tân Cảng, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84(0)34 323 8588

Director - Giám đốc: **Leo Sang Ho**
Project manager - Chủ nhiệm dự án: **Đinh Quang Long**
Principal - Chủ trì: **Đặng Thanh Giang**
Designer - Thiết kế: **Đặng Thanh Giang**

HƯỚNG MỤC - ITEM

HẠ TẦNG
CIVIL

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

RE-BAR SEPTIC TANK 3M3 (2)
CỐT HẸPS BỂ TỰ HOẠI 3M3 (2)

SCALE	1/40	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION	CW-04
DATE	DEC. 2024	

**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA**

ĐC: 10/10 Đường Trưng Trắc Trưng Nhị, Khu Đô Thị
Thị trấn Tân Lập, Huyện Tân Lập, Tỉnh Hưng Yên
Việt Nam
Điện thoại: 031.352.8588
Email: info@maxsun.vn

GHỊ CHỮ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN

MMW DESIGN WORKSHOP
CÔNG TY TNHH MMW DESIGN WORKSHOP

MMW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MMW DESIGN WORKSHOP

NO 54/1, ST. BHO THAP STREET, QUẬN KINH SĨ, HỒ CHÍ MINH
QUẬN KINH SĨ, HỒ CHÍ MINH, VIETNAM

TEL: +84(0)34 323 8588

Director - Giám đốc
Lê Văn Hùng

Project manager - Chủ trì
Đinh Quang Long

Principal - Chủ trì
Đinh Thanh Giang

Designer - Thiết kế
Đinh Thanh Giang

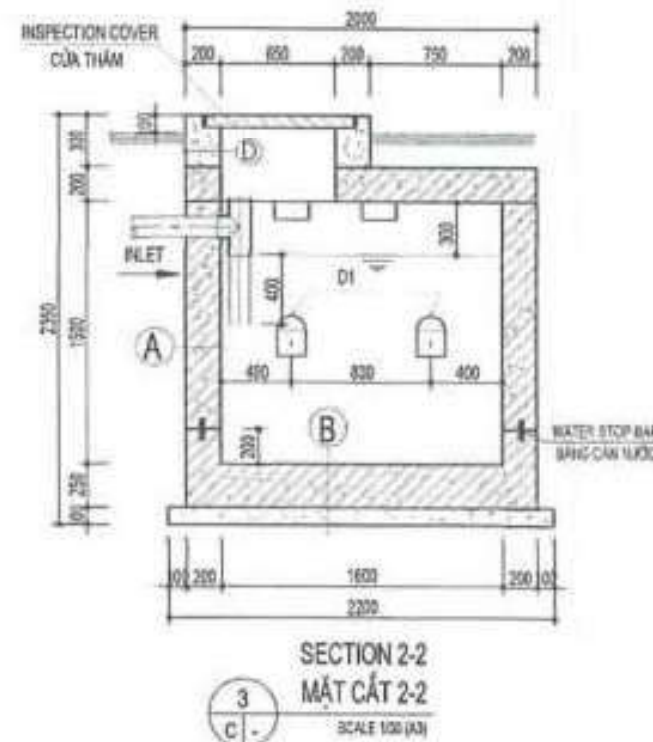
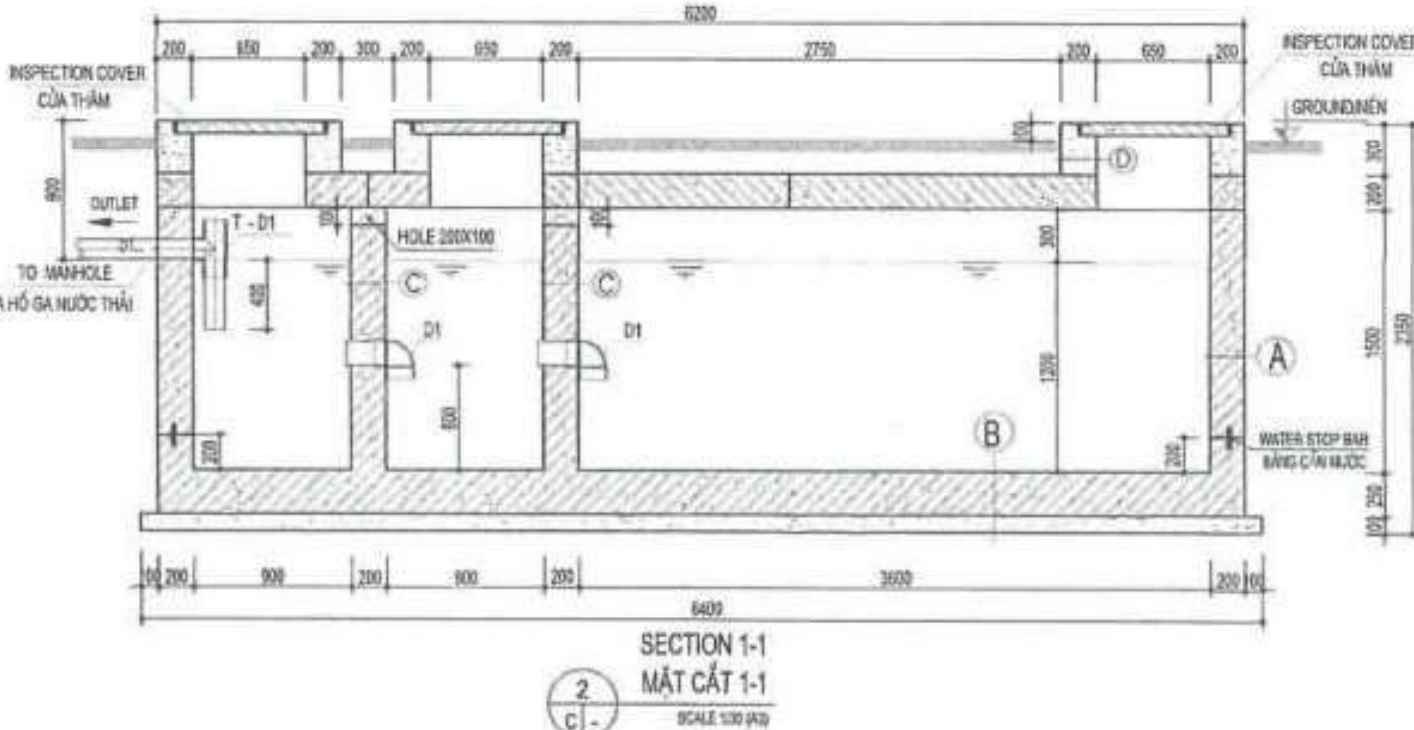
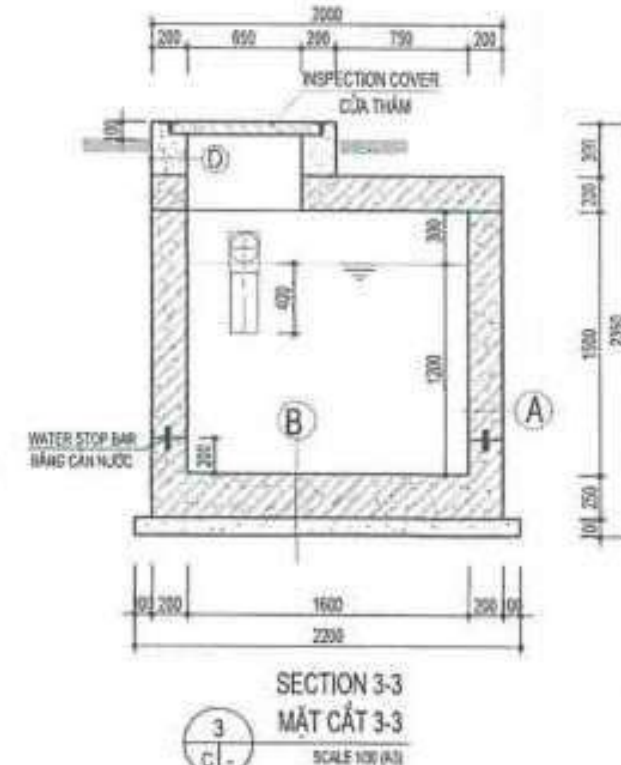
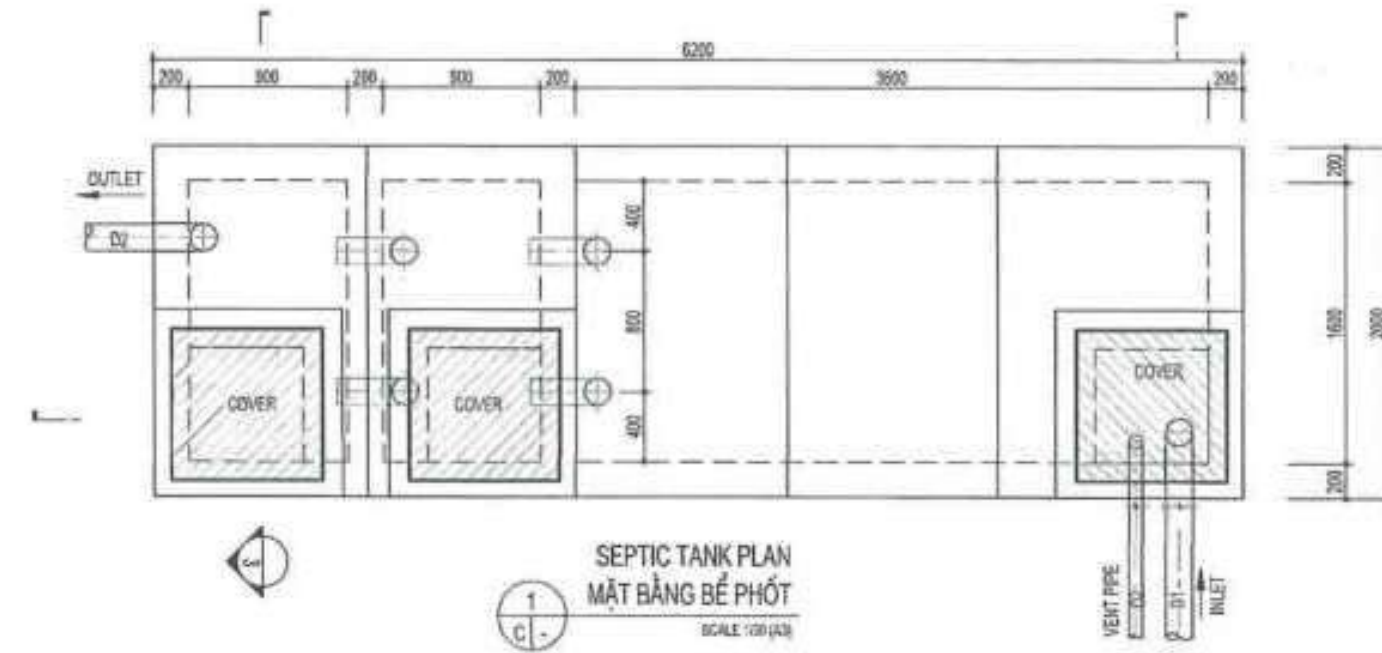
HÀNG MỤC - ITEM

**HẠ TẦNG
CIVIL**

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

**DETAIL SEPTIC TANK 10M3
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI 10M3**

SCALE	1:100	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION 15-10-2024	CW-05
DATE	DEC. 2024	



(A) CHÚ THÍCH/LEGEND:

ASPHALT 02 LAYER, THICKNESS PER ONE LAYER IS 1MM
QUÉT 02 LỚP BITUM, MỖI LỚP DÀY 1MM
REINFORCED CONCRETE 220MM, STONE 1X2, B20
BÊ TÔNG CỐT THÉP DÀY 220MM, ĐÁ 1X2, B20
NATURAL SOIL, K=0.95
NỀN TỰ NHIÊN, K=0.95

(C)

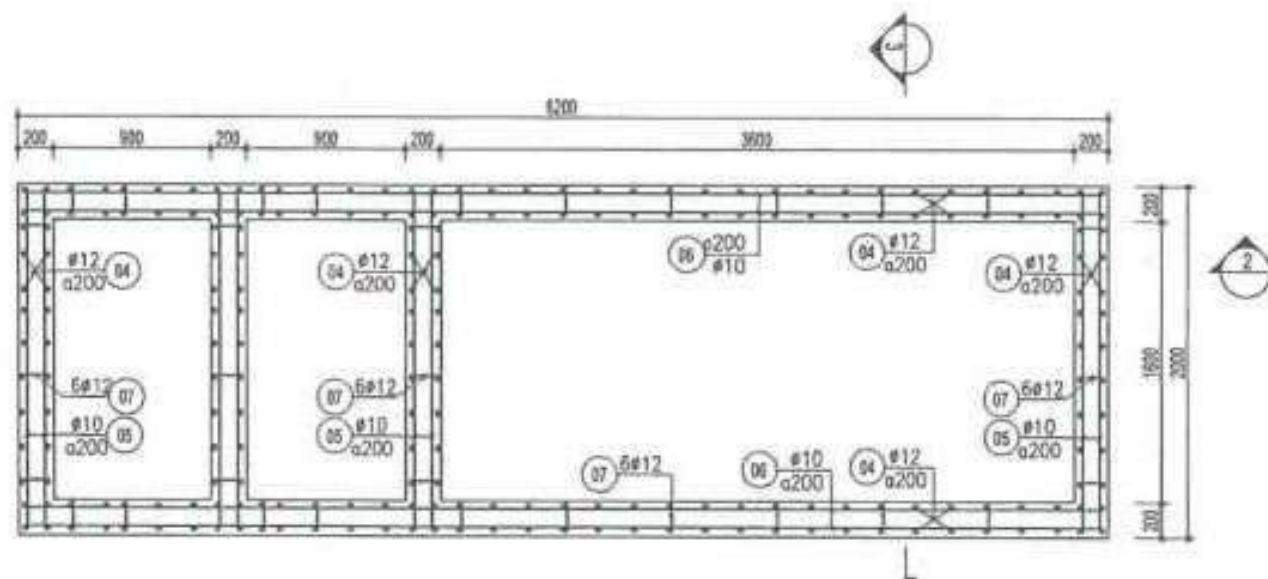
ASPHALT 02 LAYER, THICKNESS PER ONE LAYER IS 1MM
QUÉT 02 LỚP BITUM, MỖI LỚP DÀY 1MM
REINFORCED CONCRETE 220MM, STONE 1X2, B20
BÊ TÔNG CỐT THÉP DÀY 220MM, ĐÁ 1X2, B20
ASPHALT 02 LAYER, THICKNESS PER ONE LAYER IS 1MM
QUÉT 02 LỚP BITUM, MỖI LỚP DÀY 1MM

(B)

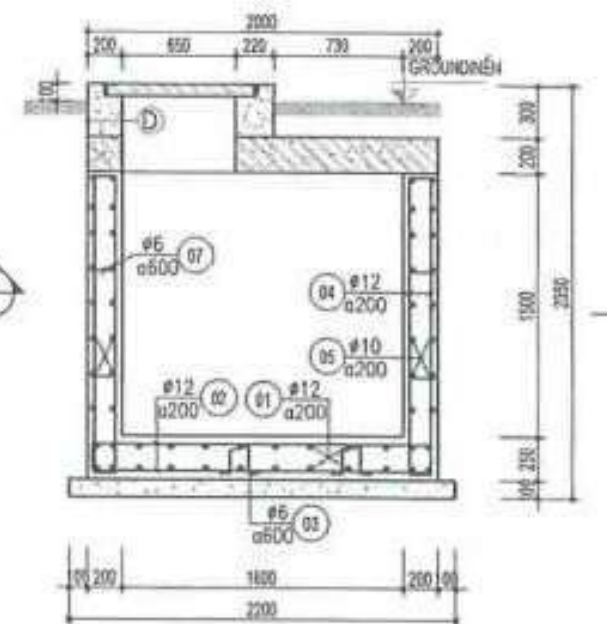
ASPHALT 02 LAYER, THICKNESS PER ONE LAYER IS 1MM
QUÉT 02 LỚP BITUM, MỖI LỚP DÀY 1MM
REINFORCED CONCRETE 220MM, STONE 1X2, B20
BÊ TÔNG CỐT THÉP DÀY 220MM, ĐÁ 1X2, B20
LEAN CONCRETE 100MM, CONCRETE B7.5
BÊ TÔNG LỚT DÀY 100MM, B7.5
NATURAL SOIL, K=0.95
NỀN TỰ NHIÊN, K=0.95

(D)

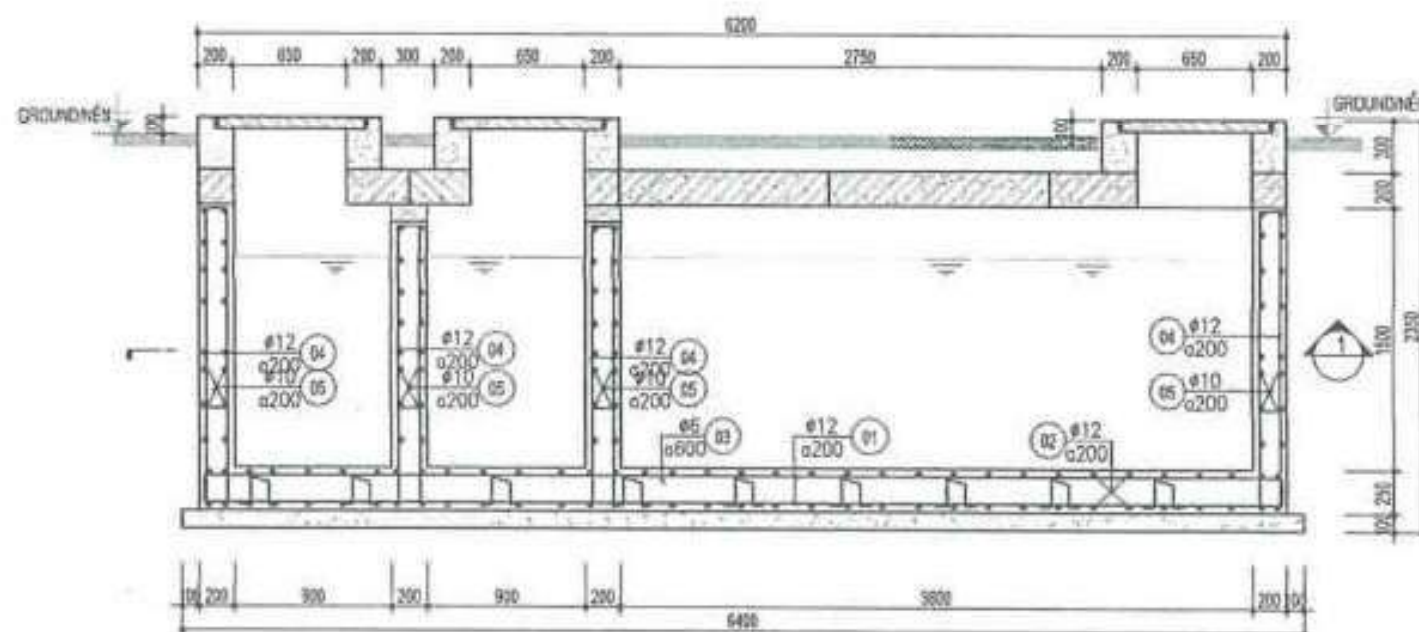
CONCRETE B20
BÊ TÔNG XI MĂNG, B20
- INLET AND OUTLET PIPE NEED CHECK WITH MECH DEPARTMENT
ỐNG VÀO VÀ RA CẦN KIỂM TRA VỚI BỘ MÔN CƠ
- D1, D2 FOLLOW MECH DEPARTMENT
BUỒNG KÍNH D1, D2 THEO BỘ MÔN CƠ



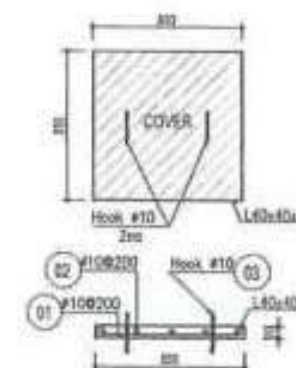
SECTION 1-1
MẶT CẮT 1-1
SCALE 1/30 (A3)



SECTION 3-3
MẶT CẮT 3-3
SCALE 1/30 (A3)



SECTION 2-2
MẶT CẮT 2-2
SCALE 1/30 (A3)



DETAIL COVER
CHI TIẾT NẮP BỂ
SCALE 1/10 (A3)



**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINH**

CC: LƯU DỮ LỆCH, KẾ HOẠCH THI CÔNG (C) 2024 (A3), phòng Công Nghệ,
Kỹ thuật Xây dựng, Công ty TNHH Maxsun Vinh,
400/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Kính gửi: Quý khách hàng,
Kính chào: Quý khách hàng,
Kính chào: Quý khách hàng

GIỚI THIỆU - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MANUFACTURE



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NO 50/31, TỈNH LỘ SÀI GÒN, QUẬN 1, TP. HCM
QUẬN 1, TP. HCM, VIỆT NAM

TEL: +84(0)24 333 8528

Director - Giám đốc: *02/05/24*

Project manager - Quản lý dự án: *02/05/24*

Principal - Chủ trì: *02/05/24*

Designer - Thiết kế: *02/05/24*

ĐANG THANH GIANG

HÀNG MỤC - ITEM

HẠ TẦNG CIVIL

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

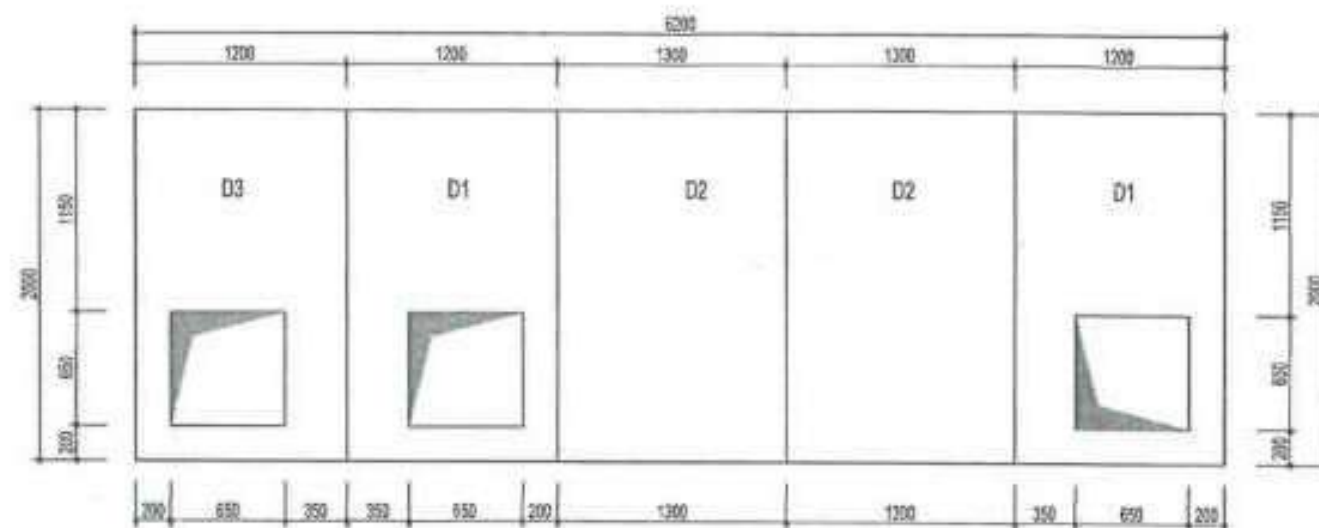
RE-BAR SEPTICTANK 10M3 (1)
CỐT THÉP BỂ TỰ HOÀN 10M3 (1)

SCALE: 1/30 DRAWING NO.

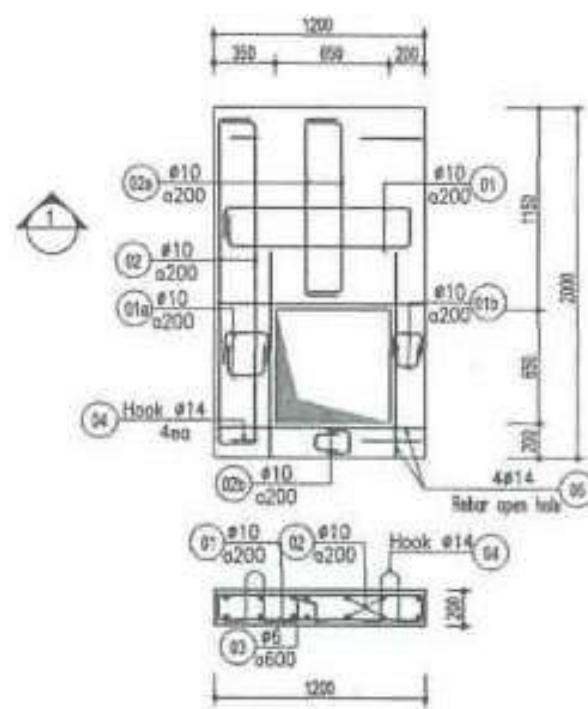
STATUS: FOR CONSTRUCTION HS-TTC

DATE: DEC. 2024

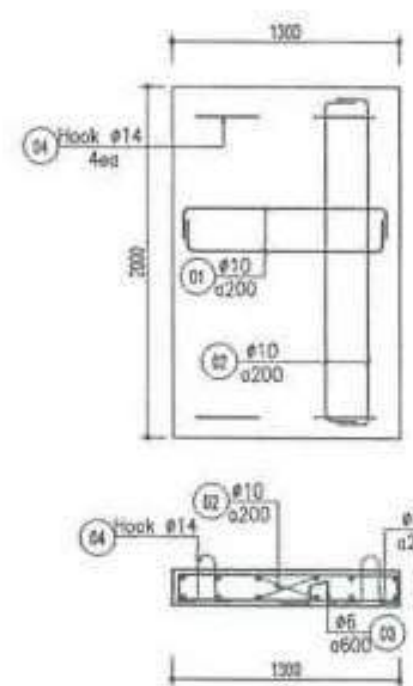
CW-06



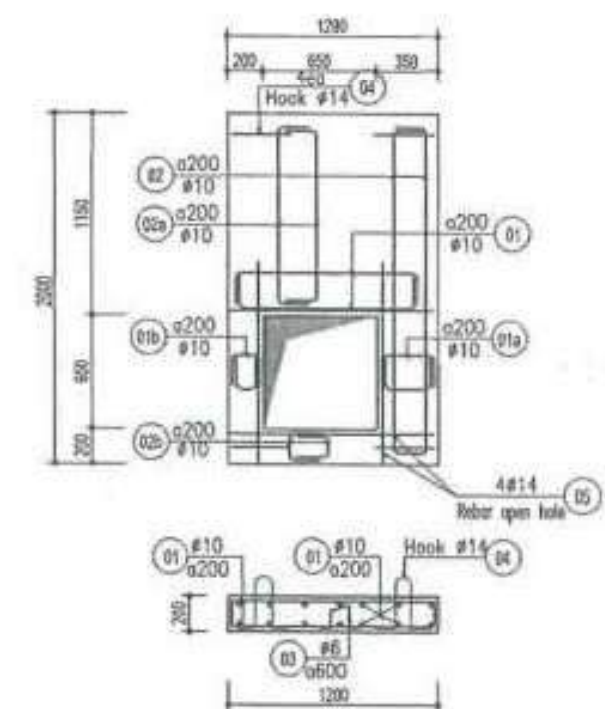
UPPER SLAB PLAN
MẶT BẰNG TẦM ĐÀN
SCALE 1/40 (A2)



D1 UPPER SLAB RE-BAR
CỐT THÉP TẮP ĐÀN D1
SCALE 1/40 (A3)



D2 UPPER SLAB RE-BAR
CỐT THÉP TẮP ĐÀN D2
SCALE 1/40 (A3)



D3 UPPER SLAB RE-BAR
CỐT THÉP TẮP ĐÀN D3
SCALE 1/40 (A3)



**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA**

HC: 18/002/2018, KINH MUA BÁN VÀ DỊCH VỤ (2022) CÔNG PHÁP, CÔNG NGHỆ HẠ TẦNG
QUẬN HOÀ AN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
ADD: 10/10/2017, KINH MUA BÁN VÀ DỊCH VỤ (2022) CÔNG PHÁP, CÔNG NGHỆ HẠ TẦNG
HÀNG TRƯỞNG: HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

GIẢI CHÚ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN

MVW DESIGN WORKSHOP
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

10/001, 31 THƯỜNG KIỆT STREET, QUẬN HOÀ AN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
QUẬN HOÀ AN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
TEL: +84 (0) 34 323 8588

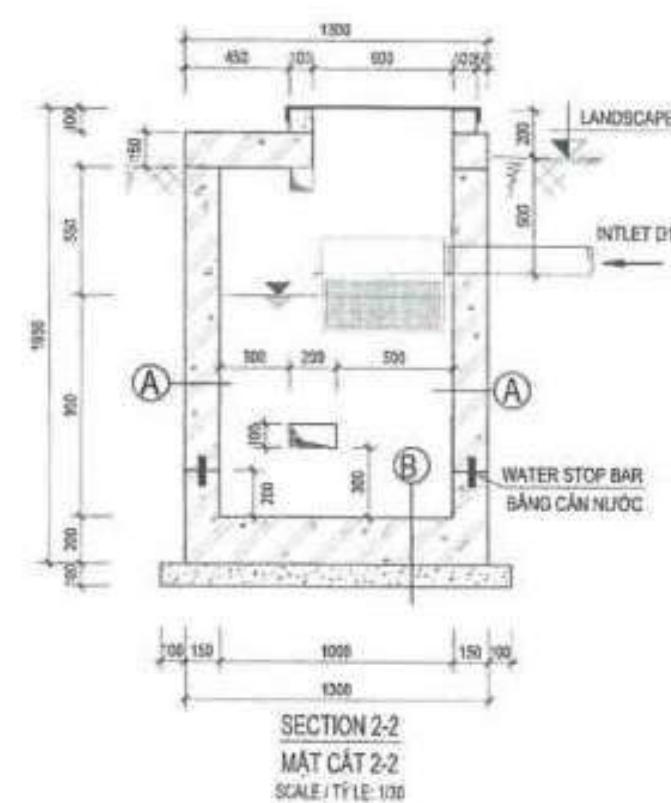
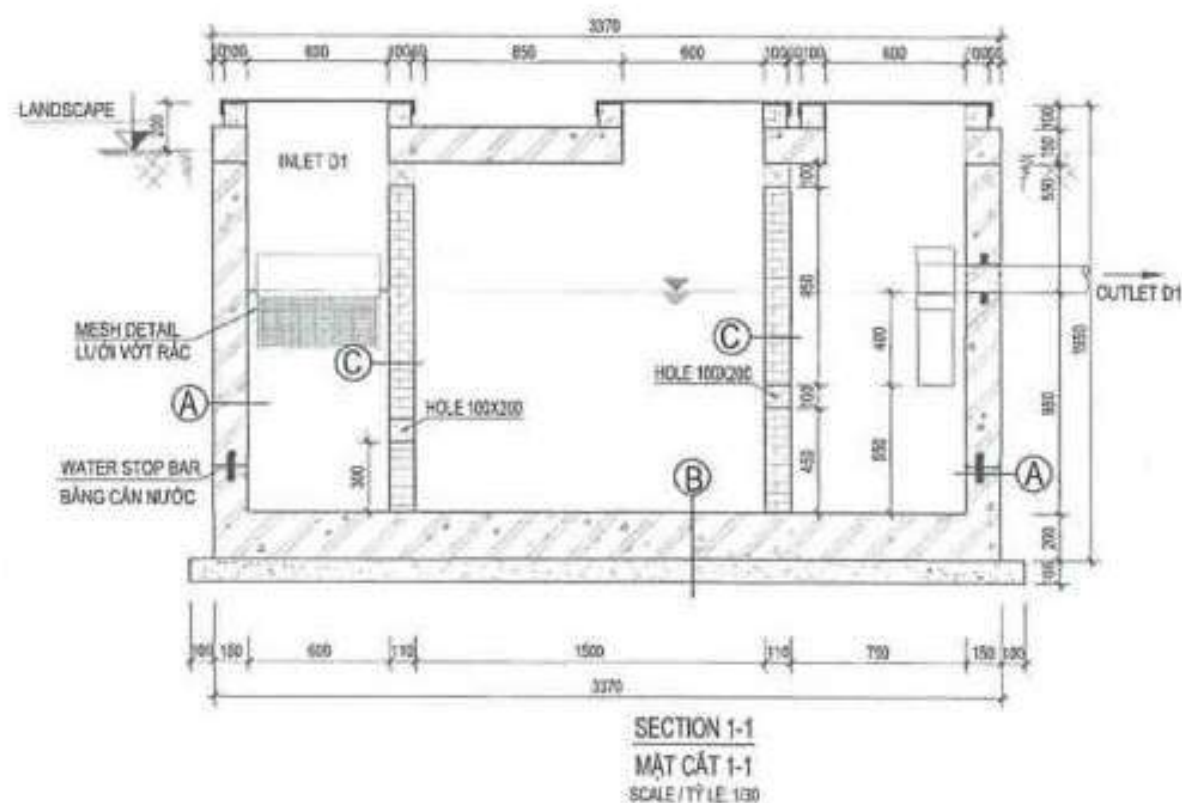
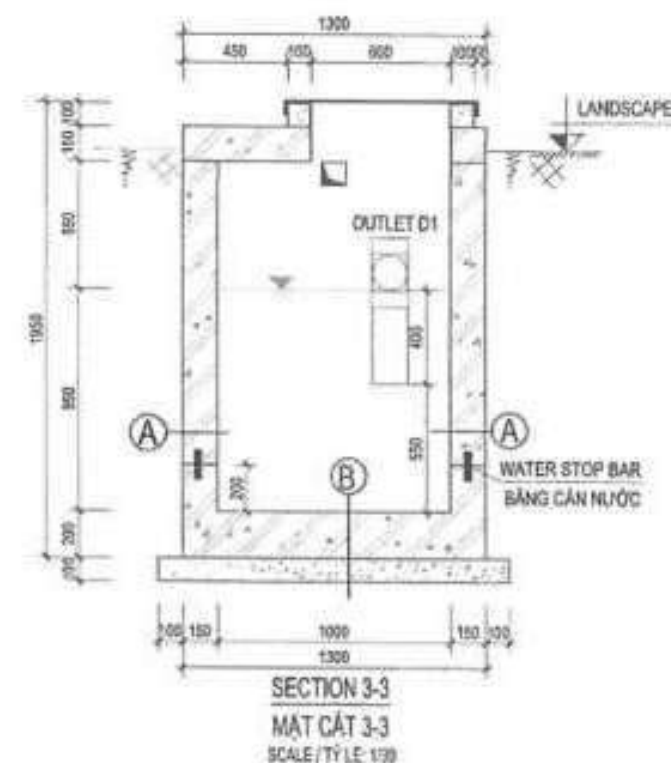
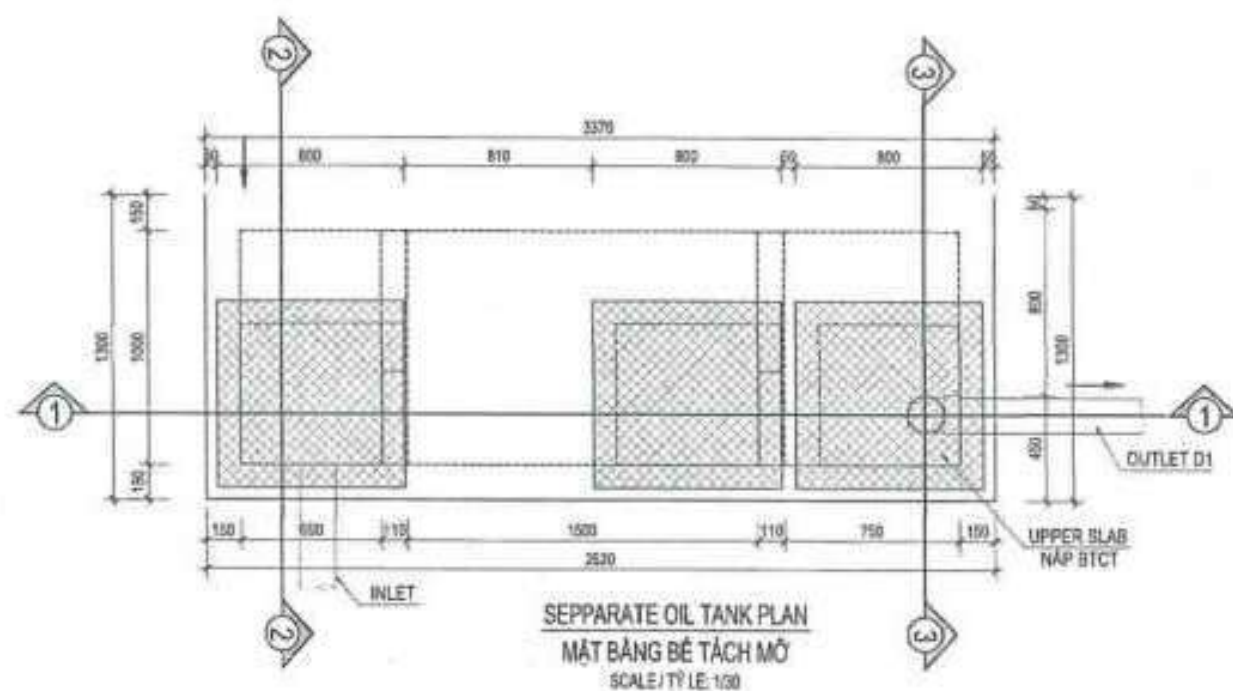
Director - Giám đốc: **Leo Sang Ho**
Project manager - Chủ nhiệm dự án: **Dinh Quang Long**
Principal - Chủ đầu tư: **Đặng Thanh Giang**
Designer - Thiết kế: **Đặng Thanh Giang**

HẠ TẦNG CIVIL

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

RE-BAR SEPTICTANK 10M3 (2)
CỐT THÉP BỂ TỰ HOẠT 10M3 (2)

SCALE	1:35	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION	CW-07
DATE	DEC. 2024	



- CHỮ THÍCH LEGEND:

- A**
- | |
|---|
| Quét 02 lớp nhựa đường chống thấm |
| 2 layers of waterproof asphalt |
| Reinforced concrete 150mm, slope 1x2, B20 |
| Bê tông cốt thép dày 150mm, độ 1x2, cấp bê tông B20 |
| Quét 02 lớp nhựa đường chống thấm |
| 2 layers of waterproof asphalt |
| Quét 02 lớp nhựa đường chống thấm |
| 2 layers of waterproof asphalt |
| Nền dăm sỏi, K=0.95 |
| Compacted soil, K=0.95 |

- B**
- Quả B2 là ruyơng chống thấm
2 layers of waterproof asphalt
- Reinforced concrete 200mm, stone 1x2, 520
- Bê tông cốt thép dày 200mm, đá 1x2, cấp sỏi 520
- Leak concrete 100mm, concrete B7.5
- Bê tông thi dày 100mm, cấp sỏi B7.5
- Nền đầm chặt, K=0.35
- Contacted soil, K=0.55

- | |
|--|
| Flashing current: max 20mm, M10 |
| Trái vĩa x miệng cút vĩa dày 20mm, mức M10 |
| Weld one back, thick 110mm, minor M7.5 |
| Tường xây gạch dày 110mm, vĩa an mốt M7.5 |
| Flashing current: max 20mm, M10 |
| Trái vĩa x miệng cút vĩa dày 20mm, mức M10 |

- Inlet and outlet pipe size waste water plan for detail.
- Ống vào và ra chi tiết xem mặt bằng thoát nước thải.
- DT diameter and number of pipe inlet, outlet tank follow MECH
- Đường kính DT, D2 và số lượng ống vào, ra bể theo cơ cơ.

CHỖ DẤU NY-CHINH



**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA**

ĐC LÃ CHÁNH KIM (Đảng viên và Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)
ĐC LÃ CHÁNH KIM (Đảng viên và Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)
ĐC LÃ CHÁNH KIM (Đảng viên và Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

GH CHU - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAPS DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
 CÔNG TY TNHH M.V. DESIGN WORKSHOP

HO 501, 31 THU THAP STREET, DINH VONG HAU WARD
CANH GIANG DISTRICT, HANOI, VIETNAM

TEL +84(0)34 323 8588

Director - Gân Anh

Lee Sang Ho 07-03

Project manager - Chịu trách nhiệm dự án	
--	---

Định Quang Long	1
Phước - Chi	2

Đặng Thanh Giang 

Designer - Trade Ad 700

Đặng Thanh Giang

Received 10/10/2012

HẠ TĂNG

CIVIL

TÊN SẢN VẼ - DRAWING NAME

GREASE TRAP TANK

CHỈ TIẾT BẾ TÁCH MỖI

SCALE	1:100	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION	CW-08
DATE	DEC. 2024	

--	--	--	--



DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA

10, Tân Trung, Trung Hưng, Trung Hưng, Hồ Chí Minh
Số 10, Tân Trung, Trung Hưng, Trung Hưng, Hồ Chí Minh
Số 10, Tân Trung, Trung Hưng, Trung Hưng, Hồ Chí Minh

CHỈ CHỈ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MYW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MYW DESIGN WORKSHOP

10, Tân Trung, Trung Hưng, Trung Hưng, Hồ Chí Minh
Số 10, Tân Trung, Trung Hưng, Trung Hưng, Hồ Chí Minh
Số 10, Tân Trung, Trung Hưng, Trung Hưng, Hồ Chí Minh

Director - Ban Giám đốc
Lee Sang Ho

Project manager - Chủ trì dự án
Đinh Quang Long

Principal - Chủ trì
Đinh Thanh Giang

Designer - Thiết kế
Đinh Thanh Giang

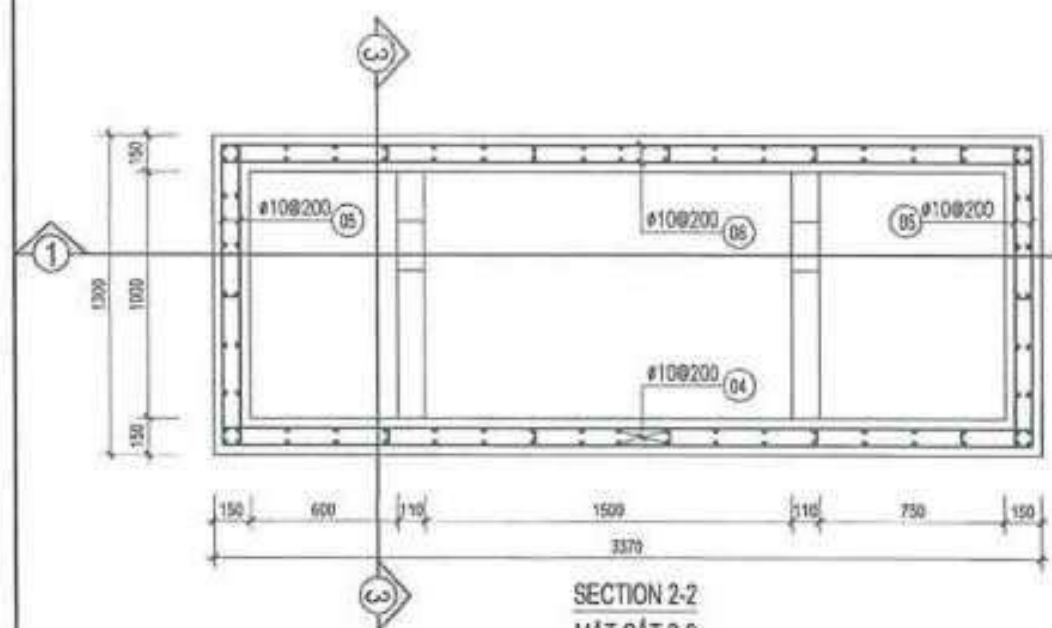
Handwritten signature: *Đinh Thanh Giang*

HẠ TẦNG
CIVIL

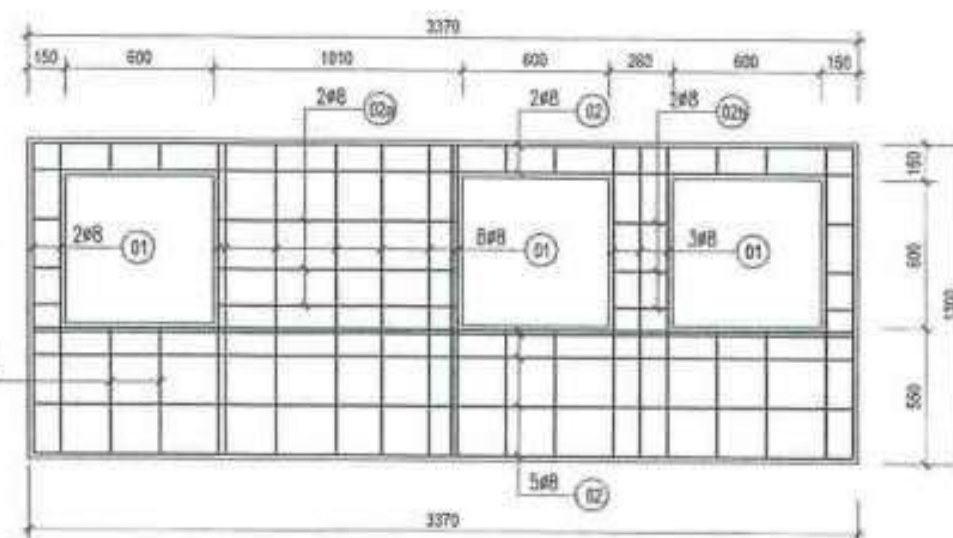
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

GREASE TRAP TANK RE-BAR
CÓT THÉP BÊ TÁCH MỖ

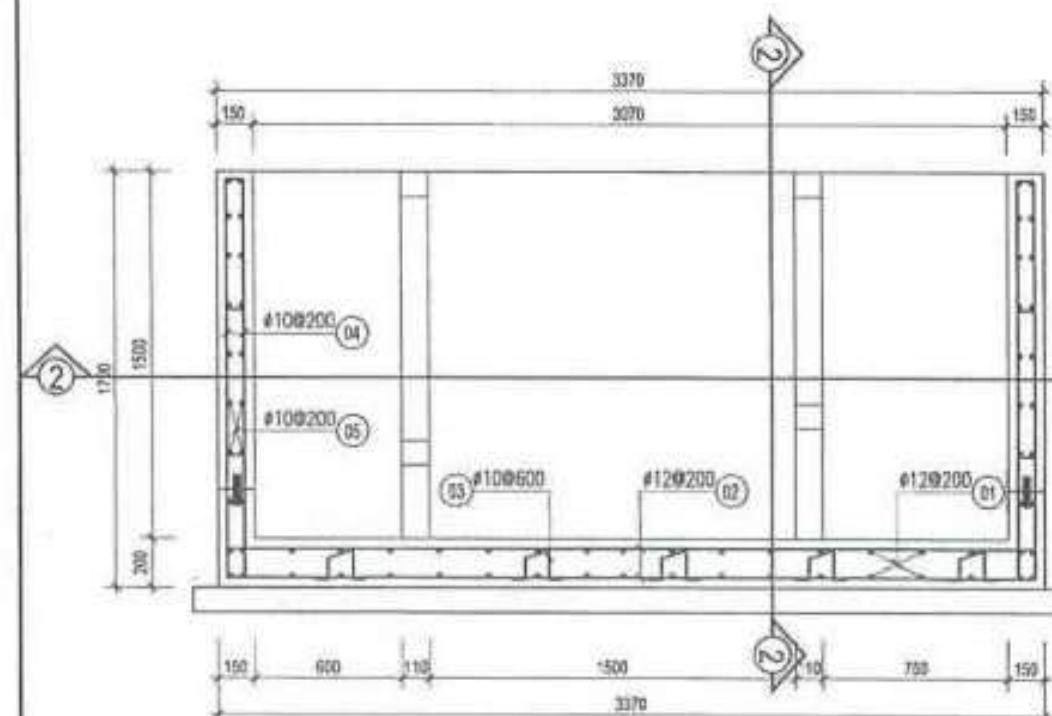
SCALE	1:100	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION HS-BTC	CW-08
DATE	DEC. 2024	



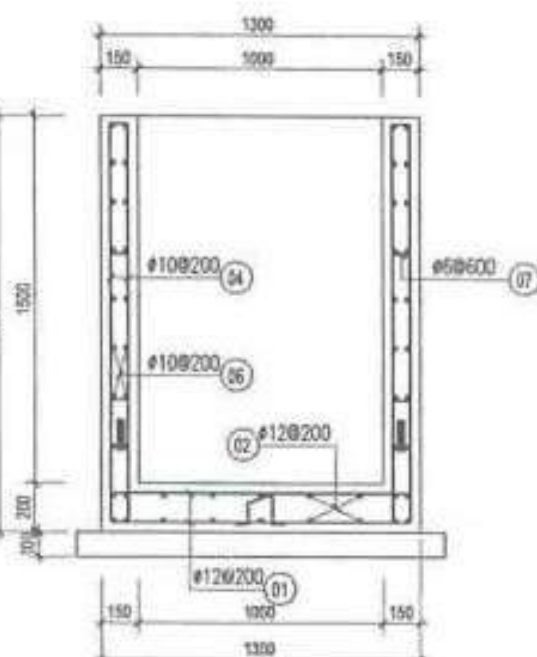
SECTION 2-2
MẶT CẮT 2-2
SCALE / TỶ LỆ: 1/30



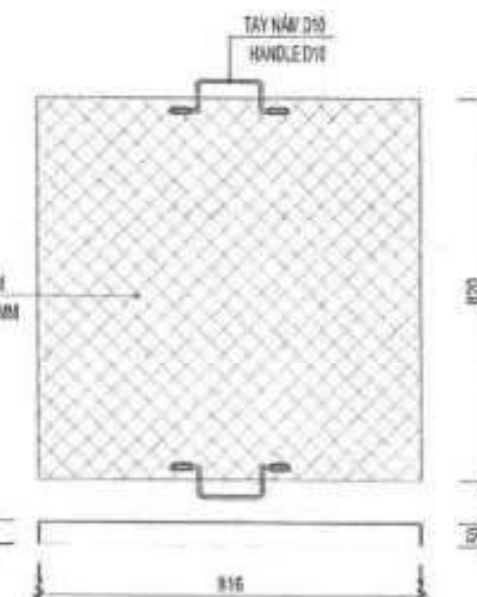
UPPER SLAB RE-BAR
CÓT THÉP NÁP BÊ
SCALE / TỶ LỆ: 1/30



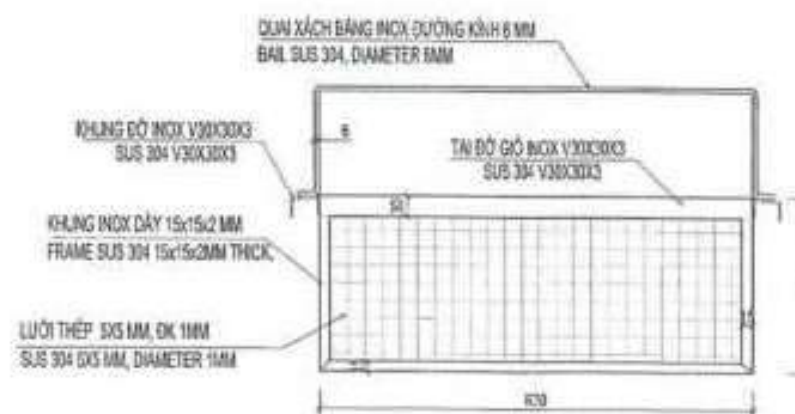
SECTION 1-1
MẶT CẮT 1-1
SCALE / TỶ LỆ: 1/30



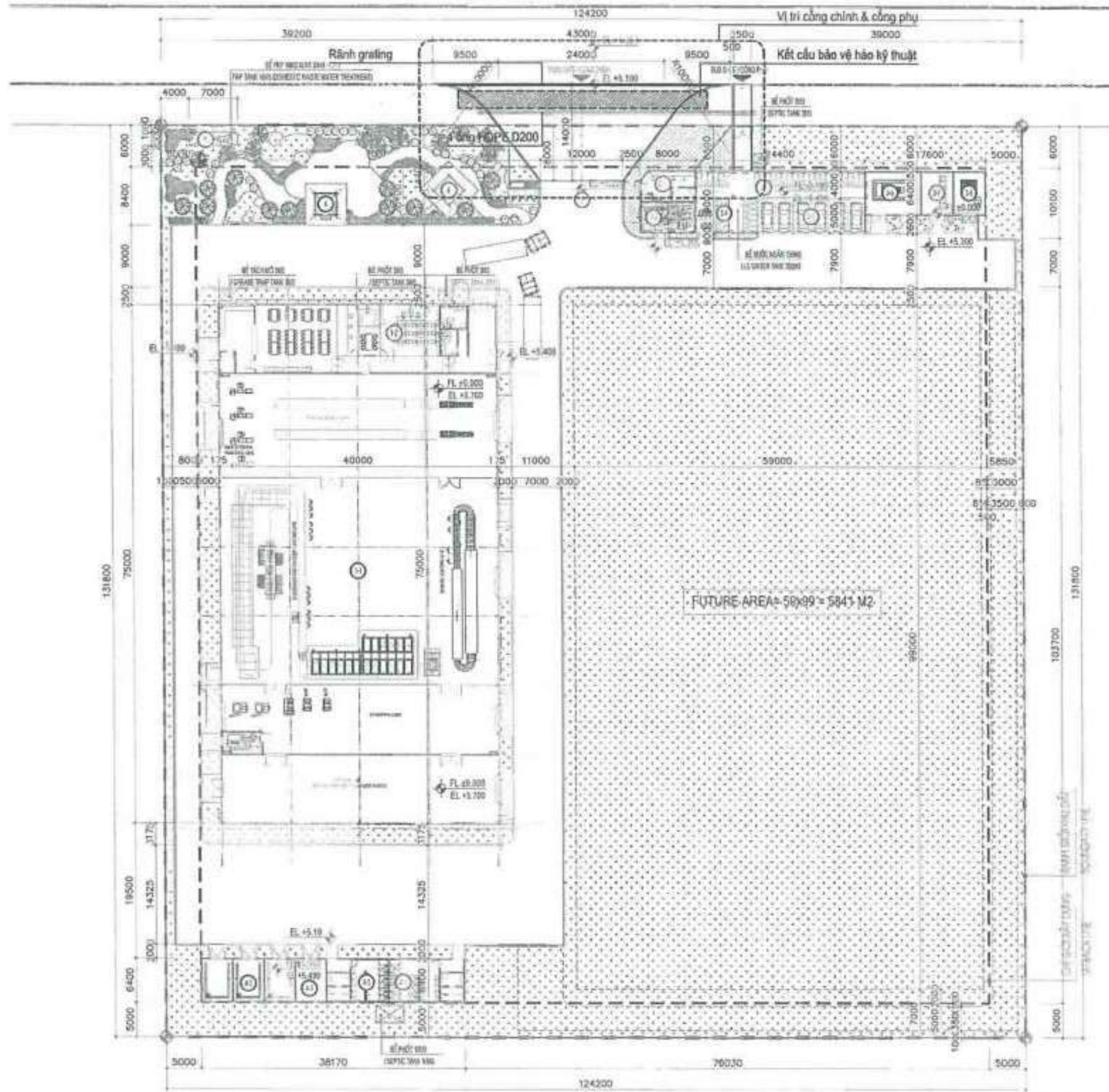
SECTION 3-3
MẶT CẮT 3-3
SCALE / TỶ LỆ: 1/30



COVER DETAIL
CHI TIẾT NÁP
SCALE / TỶ LỆ: 1/10



SEWER GRATES DETAIL
CHI TIẾT LƯỚI VỚT RÁC
SCALE / TỶ LỆ: 1/10



MẶT BẰNG ĐẦU NỐI CỐNG/ GATE CONNECTION

SCALE 1/500 (A1)

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HẠ TẦNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG



DỰ ÁN - PROJECT

DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA

ĐC: LƯU CHUYỂN, KINH DOANH HẢI PHÒNG 2, QUẬN CẨM, PHƯỜNG ĐÔNG HẢI
CÁI LẠCH, HẢI PHÒNG, VIỆT NAM
KHO LƯU CHUYỂN, KINH DOANH HẢI PHÒNG 2, QUẬN CẨM, PHƯỜNG ĐÔNG HẢI
HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NO. 101, ST. THO THAP STREET, DICH VONG WARD
DICH VONG DISTRICT, HANOI, VIETNAM
TEL: +84 (0) 34 323 1545

QUẢN LÝ/DESIGNER
LEE SANG HO

CHỈ TRỊ THIẾT KẾ/TECH. MANAGEMENT
NGUYỄN QUANG DINH

THẺ HIỆN/DESIGN
NGUYỄN KHẮC SANG

Kiểm/Check By
DINH QUANG LONG

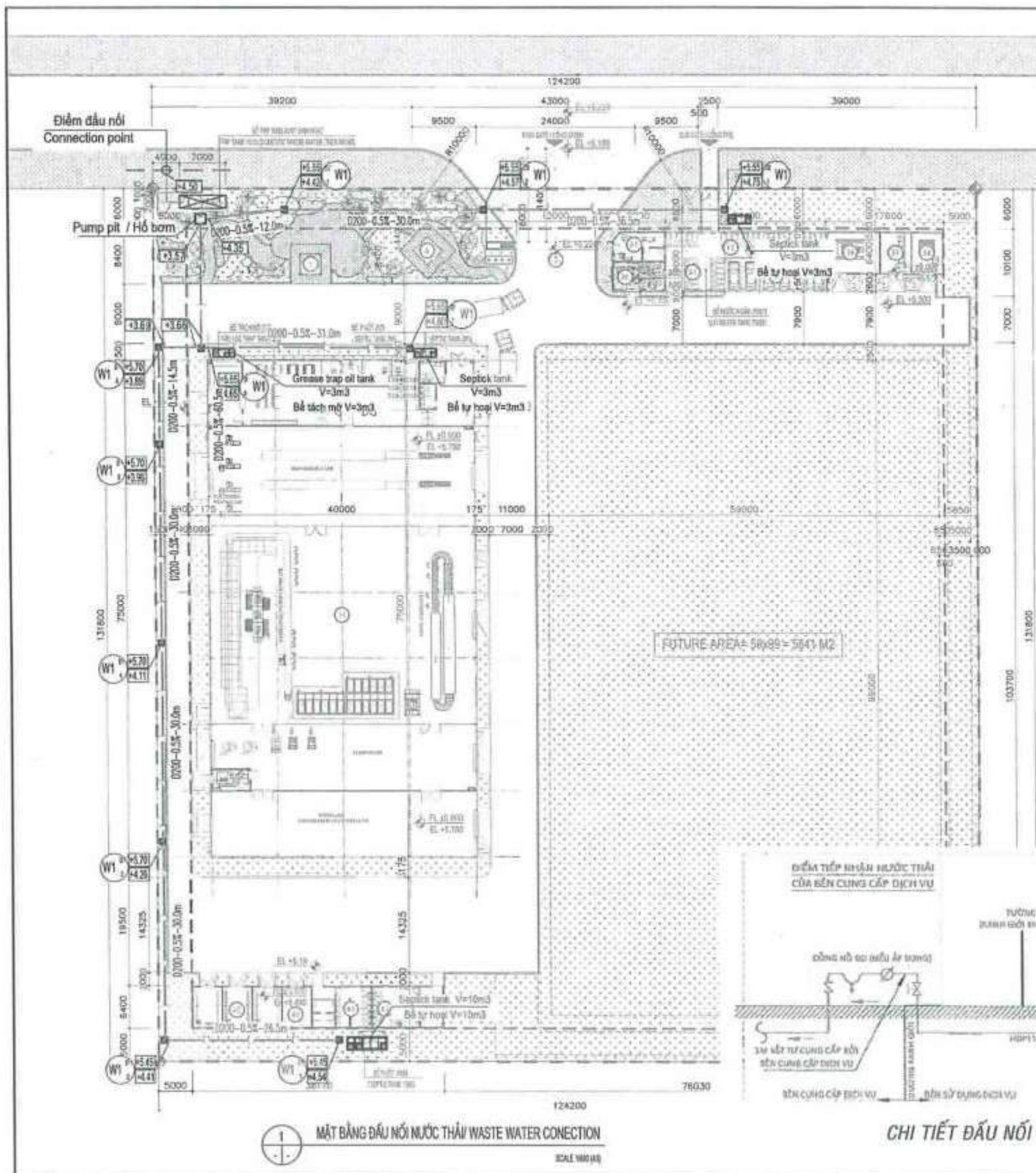
HÀNG MỤC - ITEM

THỎA THUẬN ĐẦU NỐI
& HẠ TẦNG

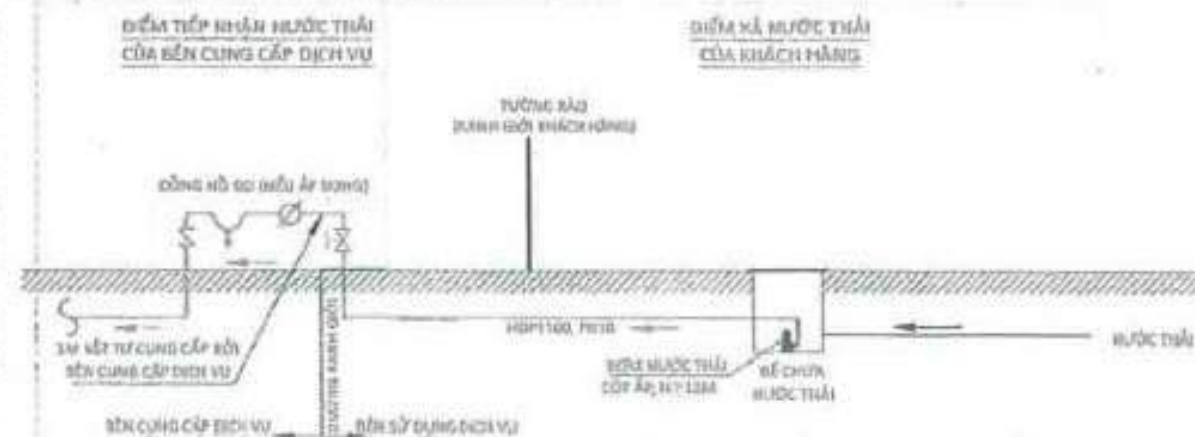
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MẶT BẰNG ĐẦU NỐI CỐNG

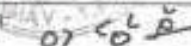
SCALE	1/500	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONG DESIGN HS-THC	C-01
DATE	NOV. 2024	

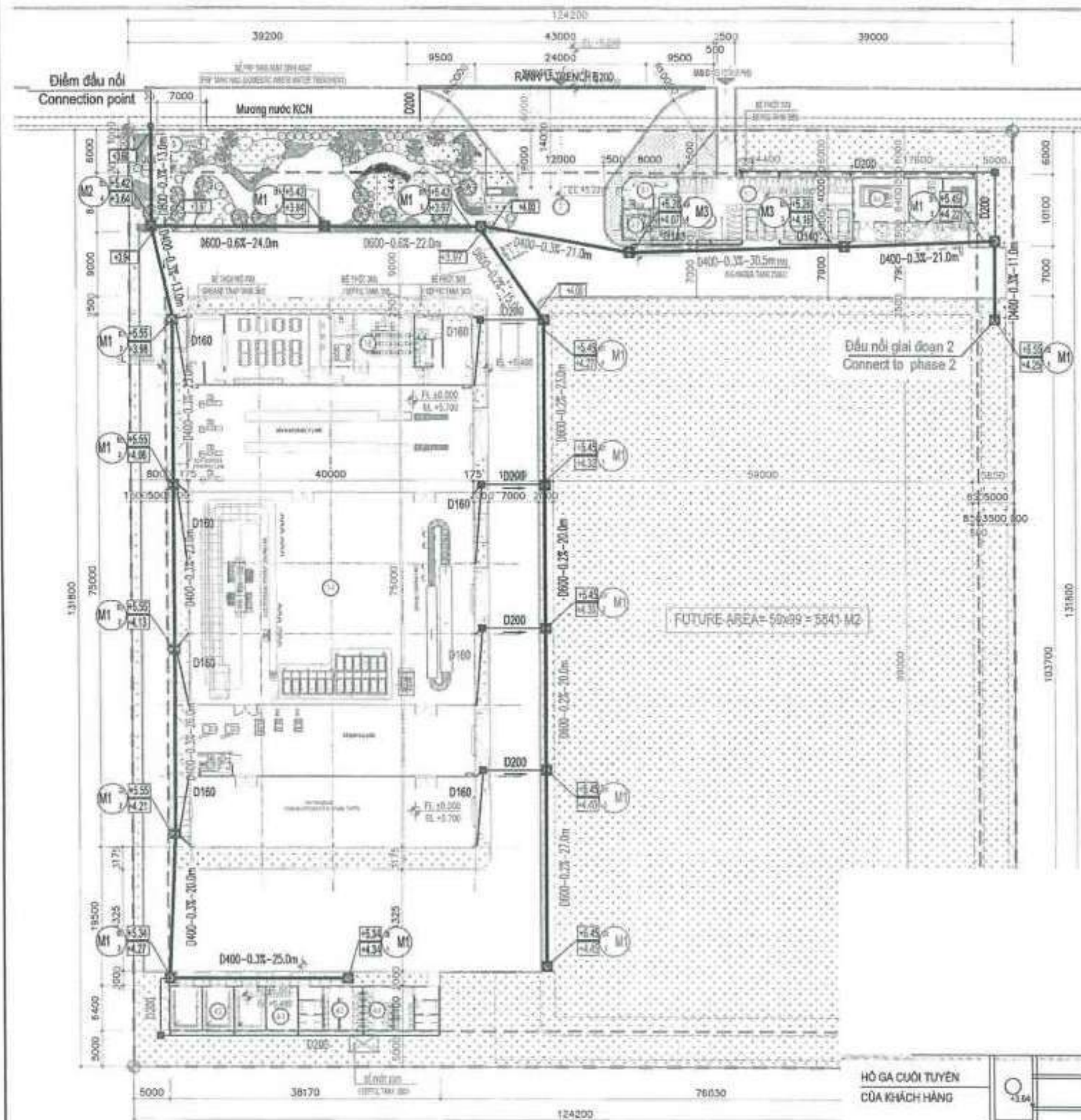


1 MẶT BẰNG ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI/ WASTE WATER CONNECTION
SCALE 1/500



CHI TIẾT ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI THEO HƯỚNG DẪN

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HẠ TẦNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG		
CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT  CÔNG TY TNHH MAXSUN		
DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG MAXSUN VINA ĐC: L1 CMT2A, KCN Sơn Hải (Đô 2) (Đoạn CMT) phường Đông Khê Quận Bắc Ninh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam MTD: L1 CMT2A, KCN Sơn Hải (Đô 2) (Đoạn CMT) phường Đông Khê Quận Bắc Ninh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam		
NO.	DATE	DESCRIPTION
1		
2		
3		
4		
5		
MAIN DESIGN  MYW DESIGN WORKSHOP CO., LTD CÔNG TY TNHH MYW DESIGN WORKSHOP NO 5/1, 31 ĐO ĐO STREET, DICH VANG HAU WARD CAU GIAY DISTRICT, HANOI, VIETNAM TEL: +84(0)24 323 8588		
DẠM BỐC/DIRECTOR:  LEE SANG HO CHỦ TỊCH THIẾT KẾ/TECH. MANAGEMENT:  NGUYỄN QUANG DINH THỂ HIỆN/DESIGN:  NGUYỄN KHẮC SANG KIỂM/CHK BY:  DINH QUANG LONG HẠNG MỤC - ITEM:		
THỎA THUẬN ĐẦU NỐI & HẠ TẦNG		
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME: MẶT BẰNG ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC THẢI + VỊ TRÍ ĐẦU NỐI		
SCALE	1/500	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION IS - TKT	THT-02
DATE	NOV. 2024	



MẶT BẰNG ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA STORM WATER CONNECTION
SCALE 1:1000

HỒ GA CÚI TUYẾN
CỦA KHÁCH HÀNG



CHI TIẾT ĐẦU NỐI NƯỚC MƯA

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HÀ TẮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG

CHỖ DẤU BƯ - CLIENT



DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA

ĐC: 13 ĐƯỜNG, KHU HẠ TẮNG (Pha 1), Đường 124, phường Đình Hải,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
ADD: 13 ĐƯỜNG, KHU HẠ TẮNG (Pha 1), Đường 124, phường Đình Hải,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

NO.	DATE	DESCRIPTION	REASON
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP
MVW DESIGN
MÔ SẼ: 31 THẠNH STREET, QUẬN HẢI AN, HẢI PHÒNG
QUẬN HẢI AN, HẢI PHÒNG, VIỆT NAM
TEL: +84(0)24 323 8588

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

LEE SANG HO

CHỖ TRƯỞNG KẾ/TECH. MANAGEMENT

NGUYỄN QUANG BÌNH

THỂ HIỆN/DESIGN

NGUYỄN KHẮC SÁNG

Kiểm/Check by

ĐINH QUANG LONG

HẠNG MỤC - ITEM

THỎA THUẬN ĐẦU NỐI
& HẠ TẦNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MẶT BẰNG ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA

SCALE	1:1000	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION 15-10-2024	
DATE	NOV. 2024	TRAM-01



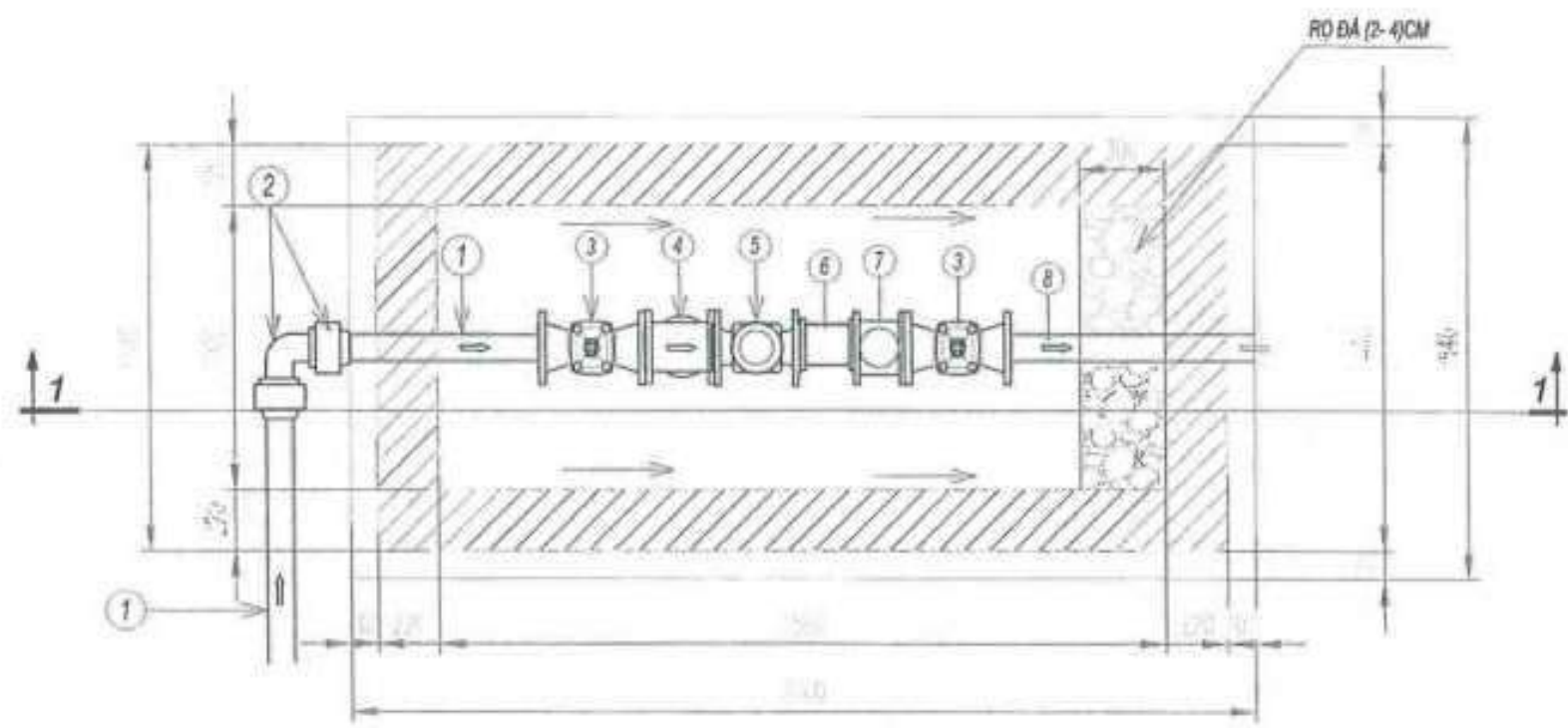
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
HẠ TẦNG

LMVW DESIGN WORKSHOP

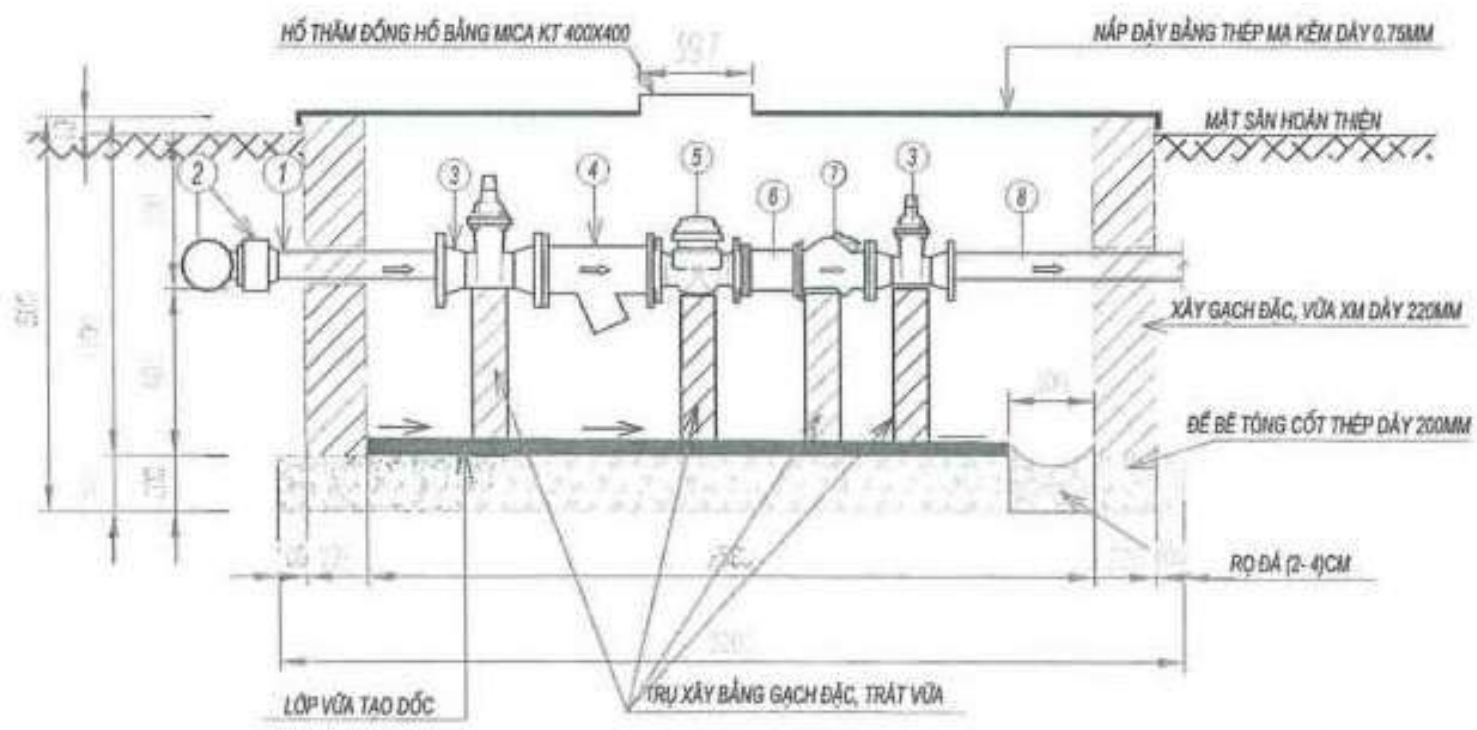


THỎA THUẬN ĐẦU NỐI
& HẠ TẦNG

CHI TIẾT HỐ VAN ĐỒNG HỒ



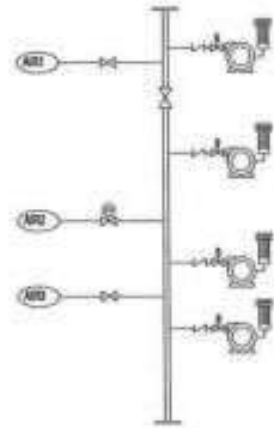
- ① ỐNG DN100, DÂY $\geq 2.3\text{MM}$, SƠN CHỐNG RỈ
- ② CÚT, CHÉCH 100
- ③ VAN CỬA MALAYSIA DN100 ARV (AUT)
- ④ Y LỘC MALAYSIA DN100 ARV (AUT)
- ⑤ ĐỒNG HỒ ĐO NƯỚC ZENNER DN 100 (CÓ KIỂM ĐỊNH)
- ⑥ NỐI MỀM CAO SU DN 100 MALAYSIA
- ⑦ VAN MỘT CHIỀU MALAYSIA DN 100 ARV (AUT)
- ⑧ ĐƯỜNG ỐNG DẪN VÀO NHÀ MÁY



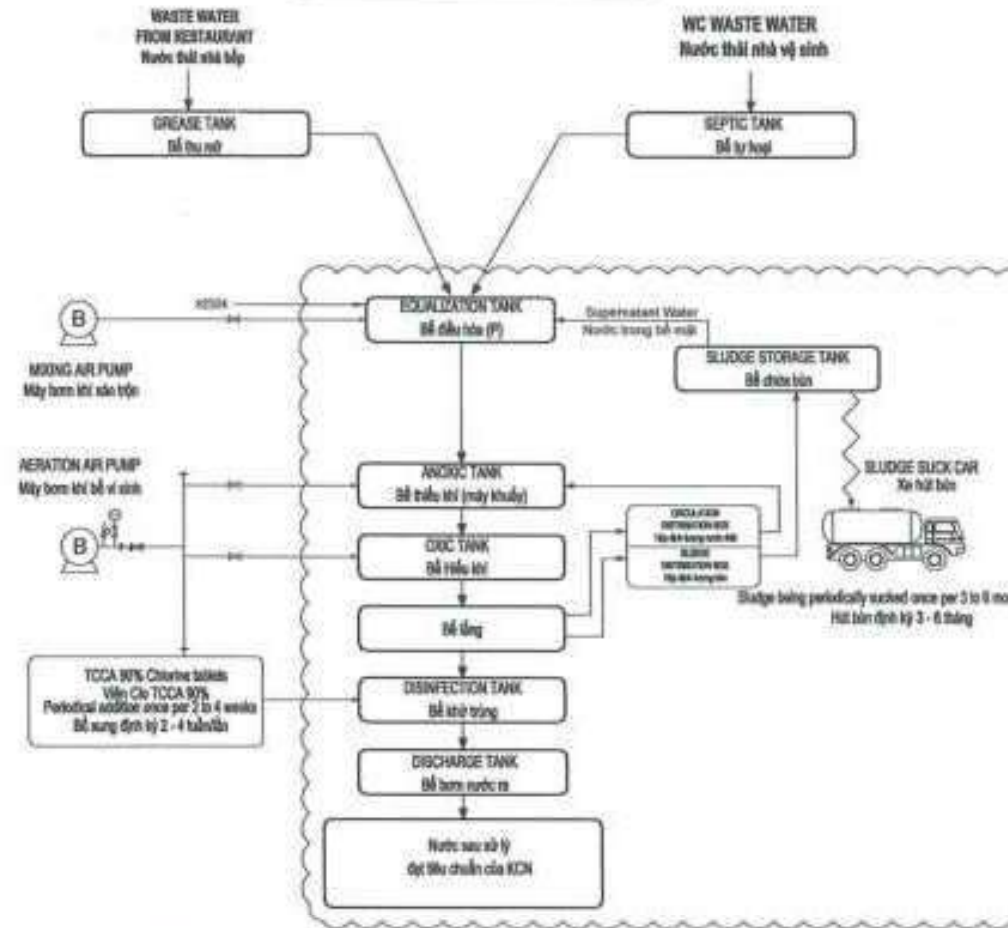
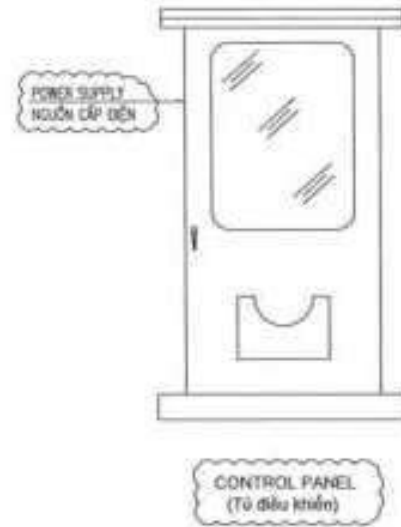
DỰ KIẾN VẬT TƯ LẮP ĐẶT CỤM ĐỒNG HỒ CẤP NƯỚC SẠCH				
STT	TÊN VẬT TƯ	SỐ LƯỢNG	HÃNG XH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
1	VAN CỬA DN 100	2	MALAYSIA	chất lượng loại van từ : ARV hoặc AUT treo lên
2	VAN 1 CHIỀU DN 100	1	MALAYSIA	chất lượng loại van từ : ARV hoặc AUT treo lên
3	Y LỘC	1	MALAYSIA	chất lượng loại van từ : ARV hoặc AUT treo lên
4	KHỚP NỐI MỀM CAO SU DN 100	1	MALAYSIA	
5	ĐỒNG HỒ NƯỚC DN 100	1	ZENNER	yêu cầu đồng hồ có kiểm định
6	ỐNG KÉM DN 100	Tùy theo vị trí đặt đồng hồ	ỐNG KÉM	ống kẽm có độ dày từ 2.3 trở lên, cơ + chống mạ kẽm và được sơn chống gỉ.
7	PHỤ KIỆN KÈM THEO			trong cao su, bu lông ...

TECHNOLOGY DIAGRAM
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

MIXING AIR PUMP (01 sets)
Cấp khí vào bồn (1 bộ)
Q=300L/min, P=250w, H=20mPa, 50hz, 1phase

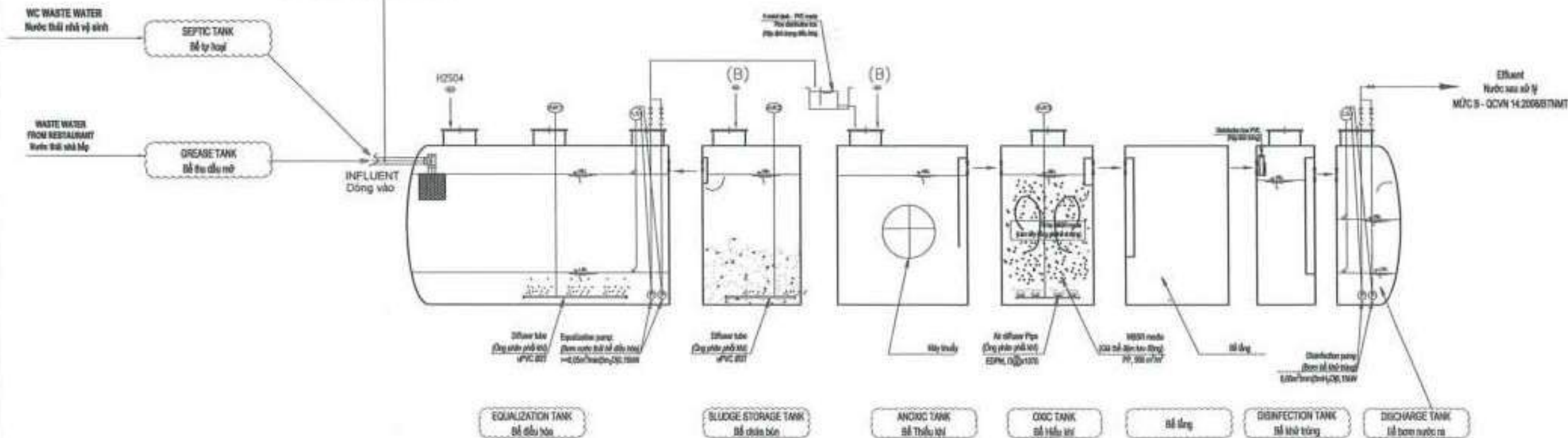


AERATION AIR PUMP (x4 sets)
Cấp khí bể vi sinh (x4 bộ)
Q=300L/min, P=250w, H=20mPa, 50hz, 1phase



OPERATION DIAGRAM
SƠ ĐỒ VẬN HÀNH

pH	2-12
BOD	< 300 mg/L
COD	< 350 mg/L
SS	< 200 mg/L
T-N	< 100 mg/L
AMMONIA-NITROGEN	< 40 mg/L
ANIMAL-VEGETABLE FAT/OIL	< 20 mg/L
T-P	< 8 mg/L
MINERAL OIL	5 mg/L



DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA

ĐC: LÔ BÁT CÚ 7.2K, KCN NAM ĐÌNH VŨ (KHU 2)
(DEEPC2A), PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN,
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GH CHÚ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			



MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NO 501, 31 THO THAP STREET, DICH VONG HUU WARD
CAU GIAY DISTRICT, HANOI, VIETNAM
TEL: +84(0)34 323 8588

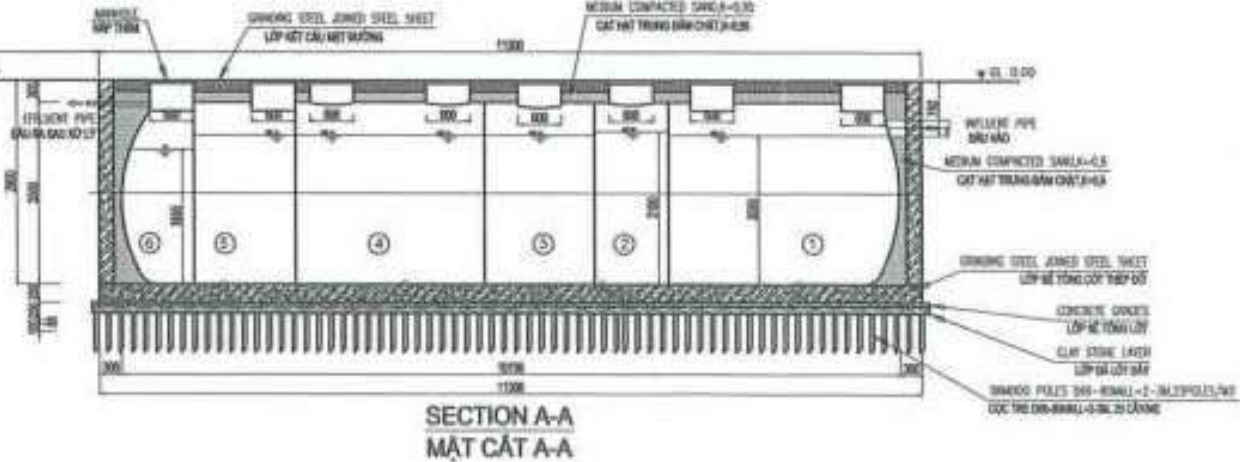
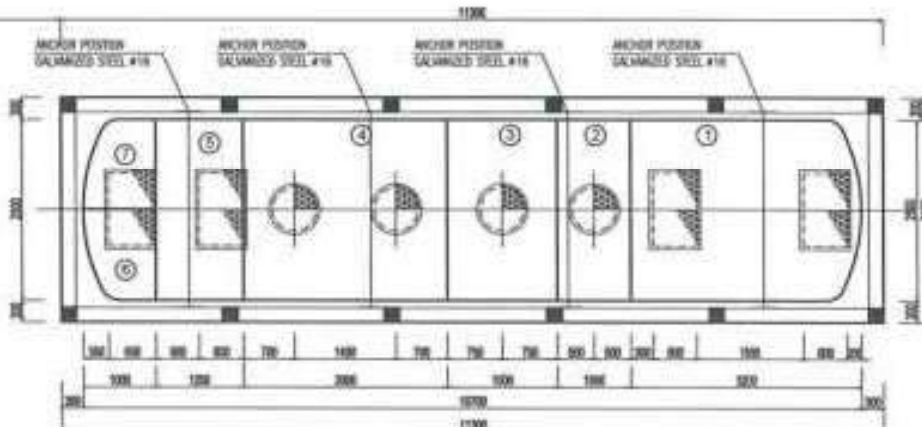
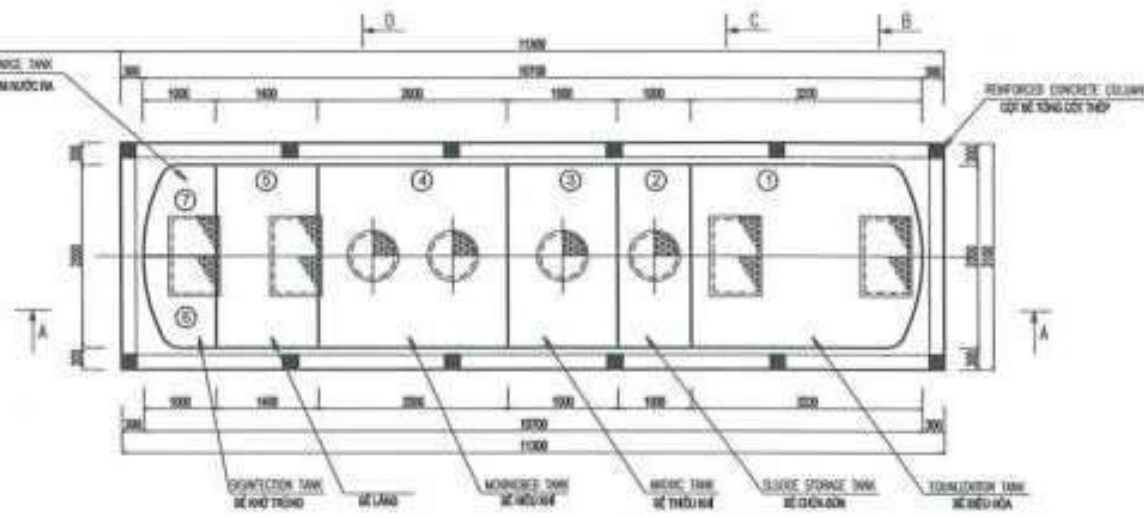
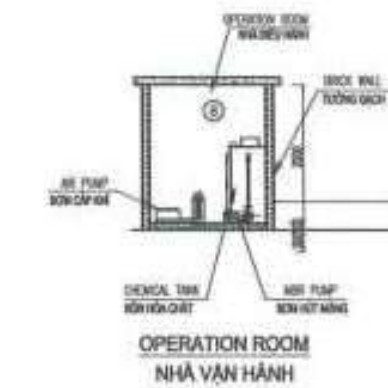
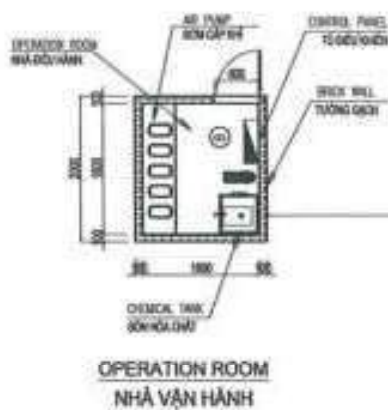
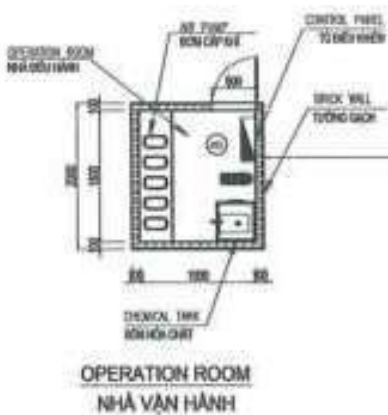
DIRECTOR: LEE SANG HO
TECH. MANAGEMENT: AN NGOC THUY
DESIGN: NGUYEN VAN TUONG
CHECK BY: AN NGOC THUY
HANG MUC - ITEM

HÀ TẦNG
CIVIL

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

SƠ ĐỒ VẬN HÀNH
OPERATION DIAGRAM

SCALE	SCALE	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONG DESIGN HS-THUC	JKS30-01
DATE	OCT. 2024	

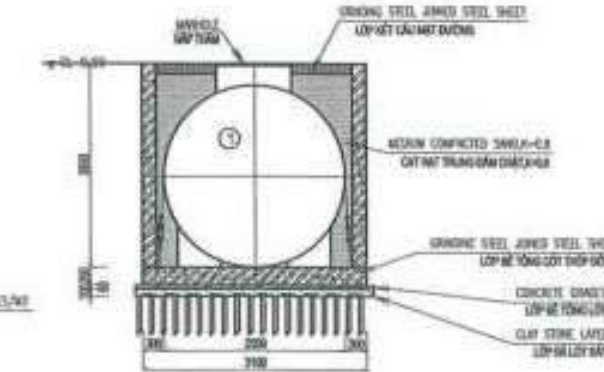
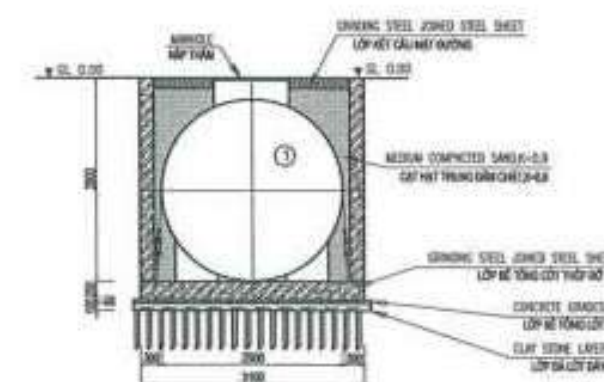
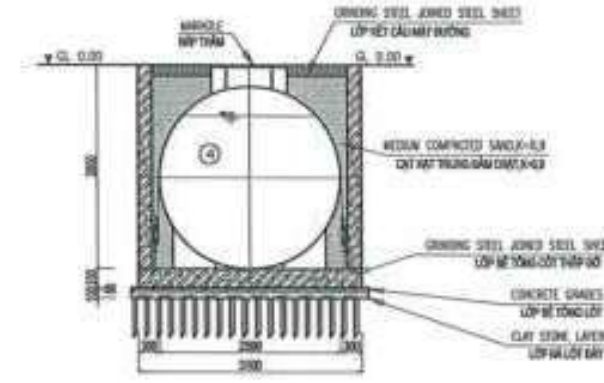


NOTE 01/GHI CHÚ 01:

- EXP-001: SECTION OF PIPE CONNECTION
- EXP-002: HIGH WATER LEVEL
- EXP-003: LOW WATER LEVEL

NOTE 01/GHI CHÚ 02:

- EQUALIZATION TANK
- SLUDGE STORAGE TANK
- AERATION TANK
- SEDIMENTATION TANK
- DISINFECTION TANK
- DISCHARGE TANK
- OPERATION ROOM



DỰ ÁN - PROJECT

**DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA**

ĐC: LÔ ĐẤT CN 7.2K, KCN NAM ĐỊNH VŨ (KHU 2)
(DEEPC2A), PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN,
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GH CHÚ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN

MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NO 501, 31 THỊNH THẬP STREET, QUẬN HỒNG BANG
CAU GIAY DISTRICT, HANOI, VIETNAM
TEL: +84(0)34 323 8088

DIRECTOR: LEE SANG HO

TECH. MANAGEMENT: AN NGOC THUY

DESIGN: NGUYEN VAN TUONG

CHECK BY: AN NGOC THUY

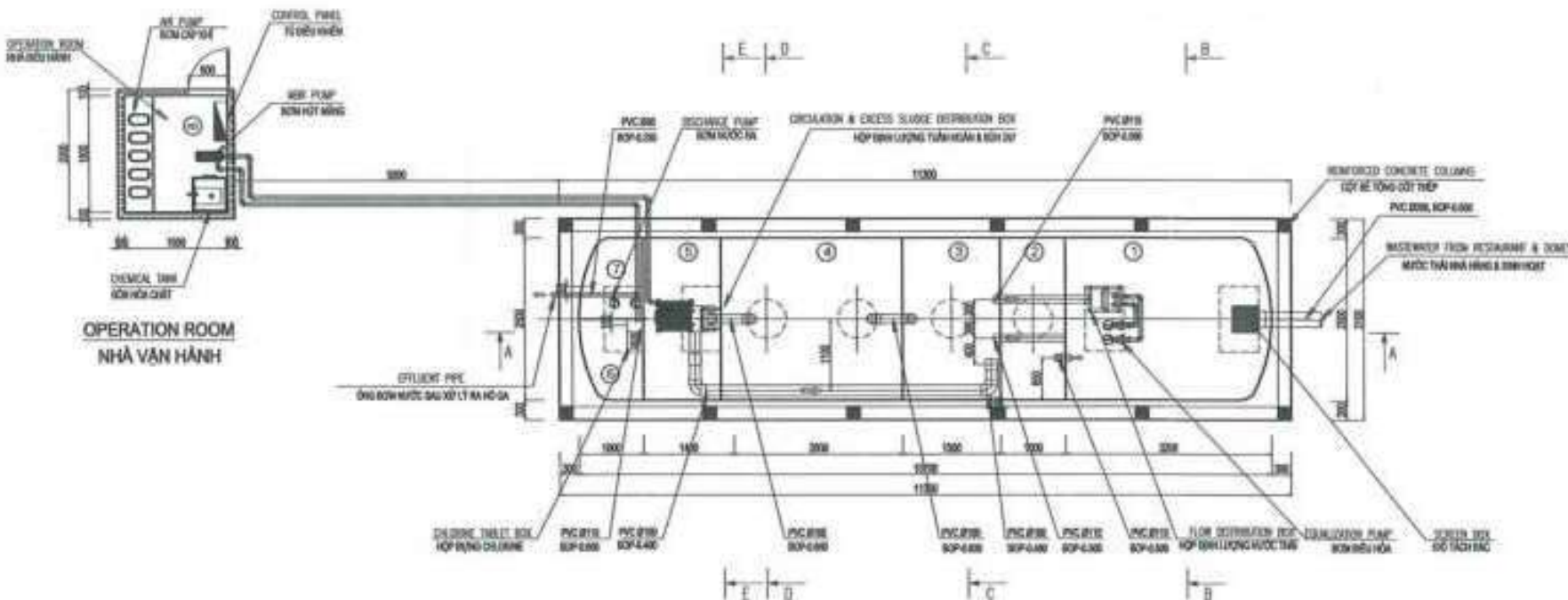
HÀNG MỤC - ITEM:

HẠ TẦNG CIVIL

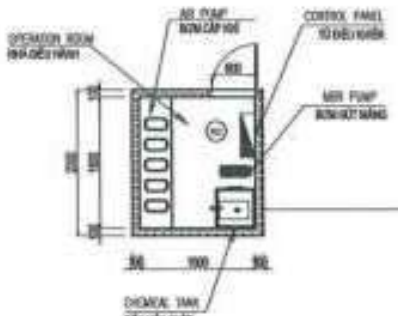
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

**MẶT CẮT HỆ THỐNG XLNT
WASTEWATER TREATMENT SECTION**

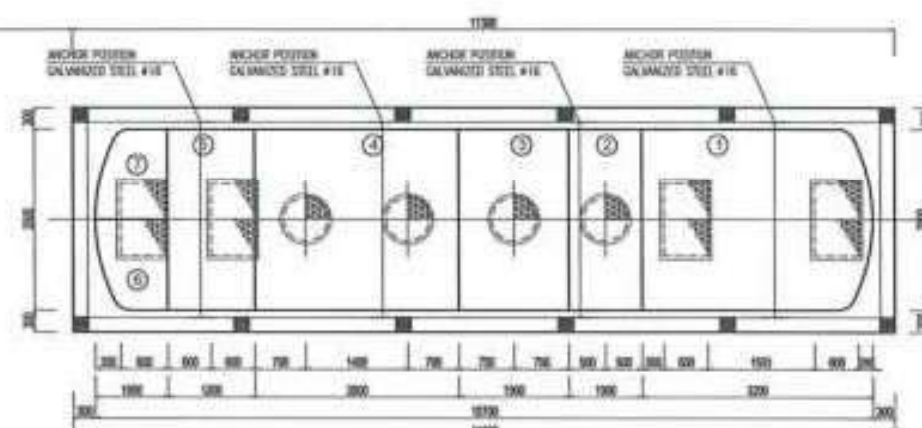
SCALE	SCALE	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONS DESIGN	HS-TTTC
DATE	OCT. 2024	JKS30-02



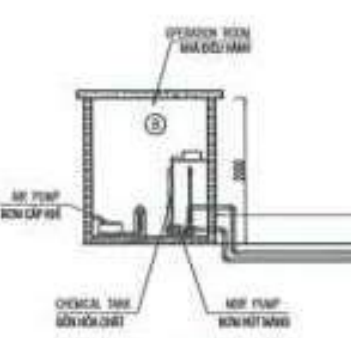
WASTEWATER PIPELINE PLAN
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ống DẪN NƯỚC THẢI



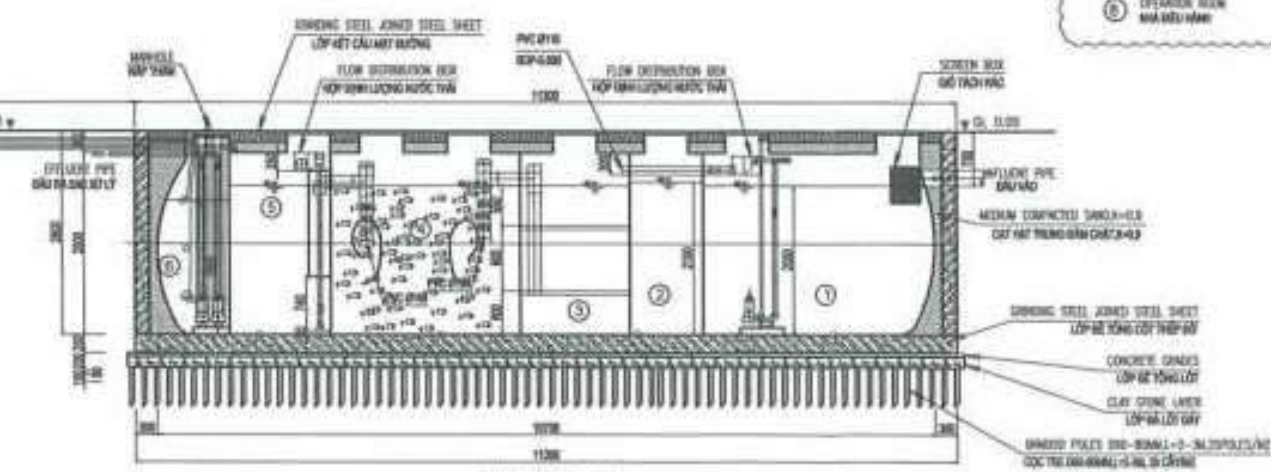
OPERATION ROOM
NHÀ VẬN HÀNH



MANHOLE PLAN
MẶT BẰNG NẬP THÂM



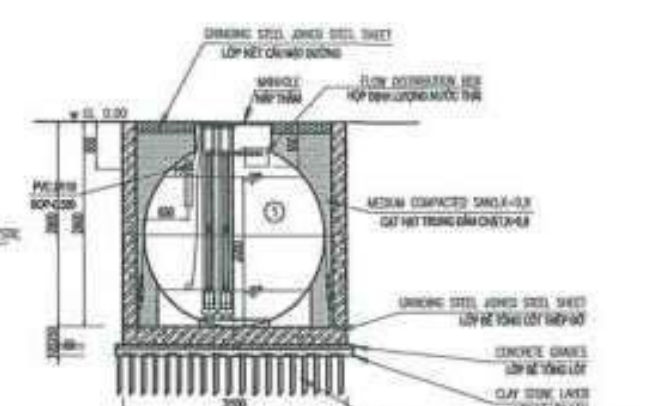
OPERATION ROOM
NHÀ VẬN HÀNH



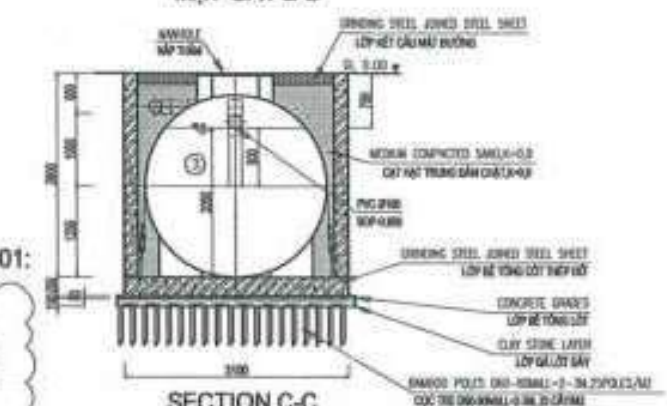
SECTION A-A
MẶT CẮT A-A

NOTE 01/GHI CHÚ 01:
- HOP-001 : SYSTEM OF PIPE
- HOP-002 : HIGH WATER LEVEL
- HOP-003 : LOW WATER LEVEL

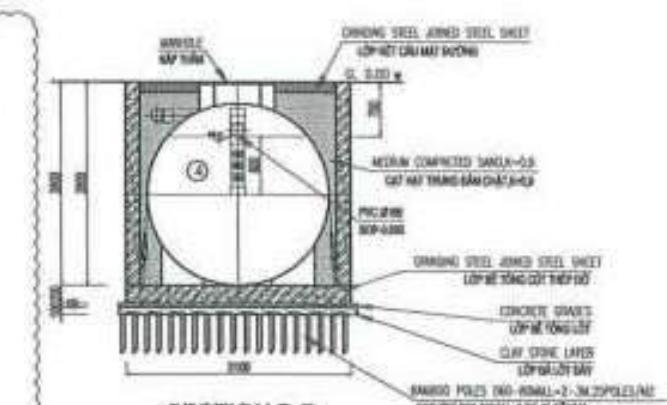
NOTE 01/GHI CHÚ 02:
① EQUALIZATION TANK
② STORAGE TANK
③ Aeration tank
④ Mixing tank
⑤ Air tank
⑥ Disinfection tank
⑦ Sedimentation tank
⑧ Effluent tank



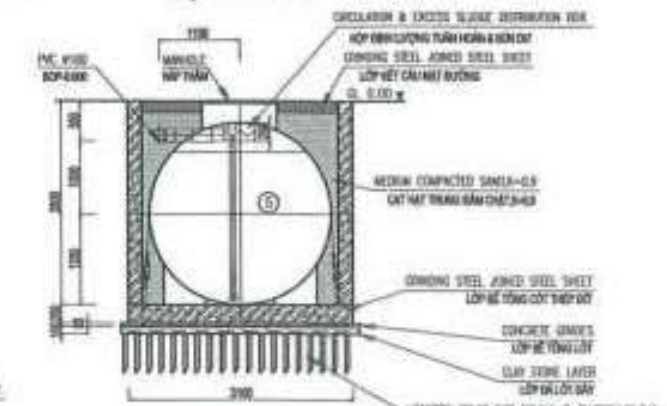
SECTION B-B
MẶT CẮT B-B



SECTION C-C
MẶT CẮT C-C



SECTION D-D
MẶT CẮT D-D



SECTION E-E
MẶT CẮT E-E

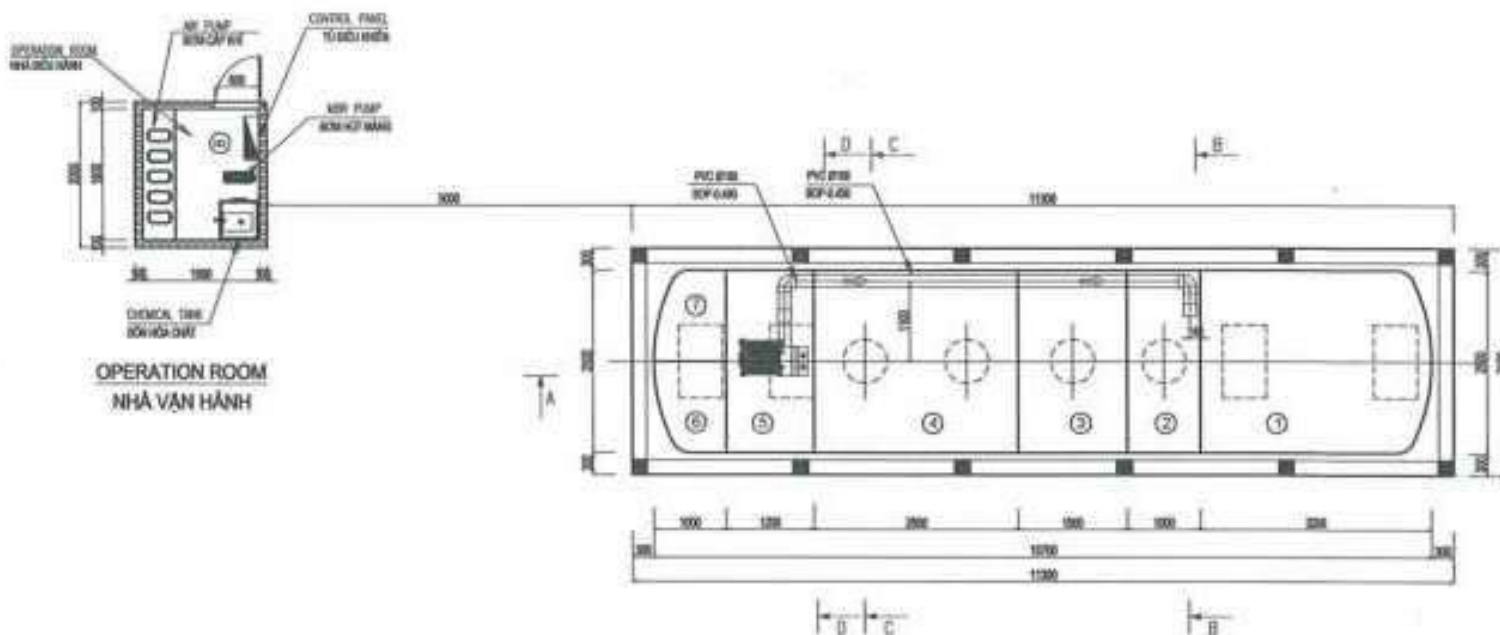


CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
DỰ ÁN - PROJECT
DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA
ĐC: LÔ BÁT CH 7.2K, KCN NAM BÌNH VŨ (KHU 2)
(DEEPCZA), PHƯỜNG DÔNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN,
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

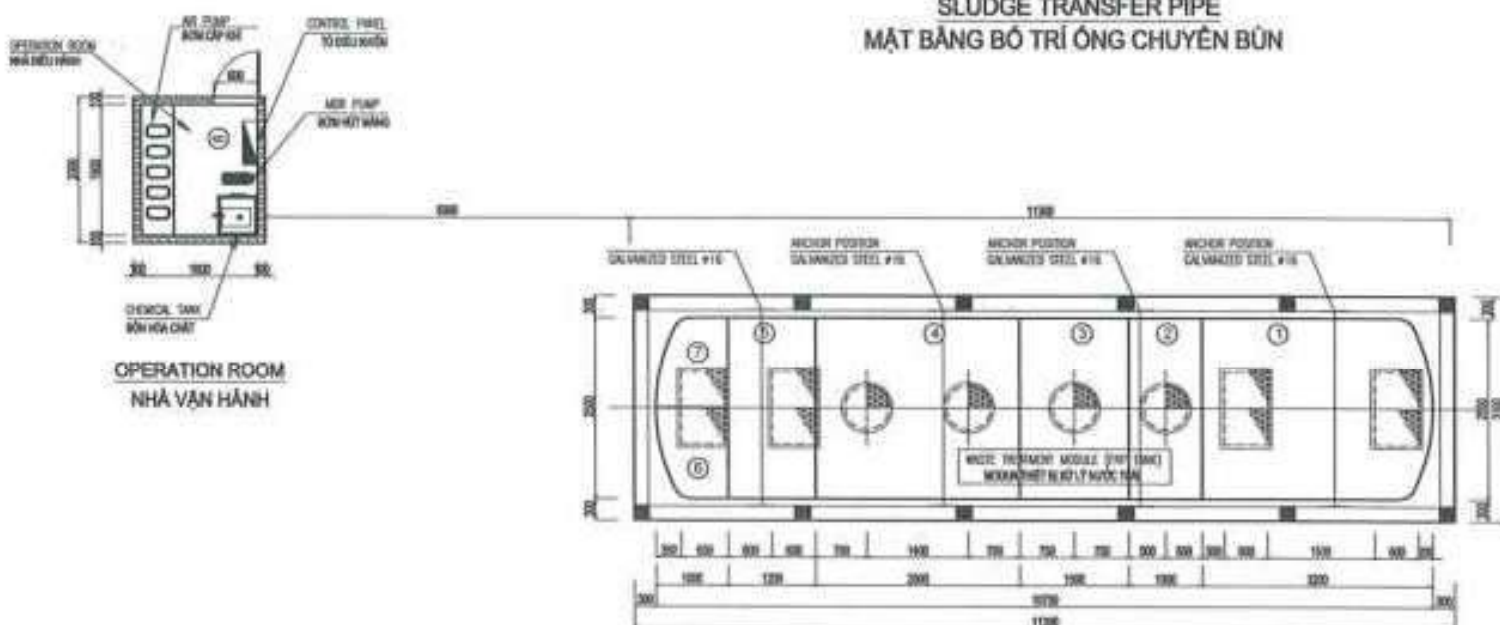
GHI CHÚ - NOTES			
NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN
MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP
NO 501, 31 THO THAP STREET, QUẬN HỒNG BÀ, HẢI PHÒNG
TEL: +84(0)34 323 8588
DIRECTOR: LEE SANG HO
TECH. MANAGEMENT: AN NGOC THUY
DESIGN: NGUYEN VAN TUONG
CHECK BY: AN NGOC THUY
HẠ TẦNG CIVIL

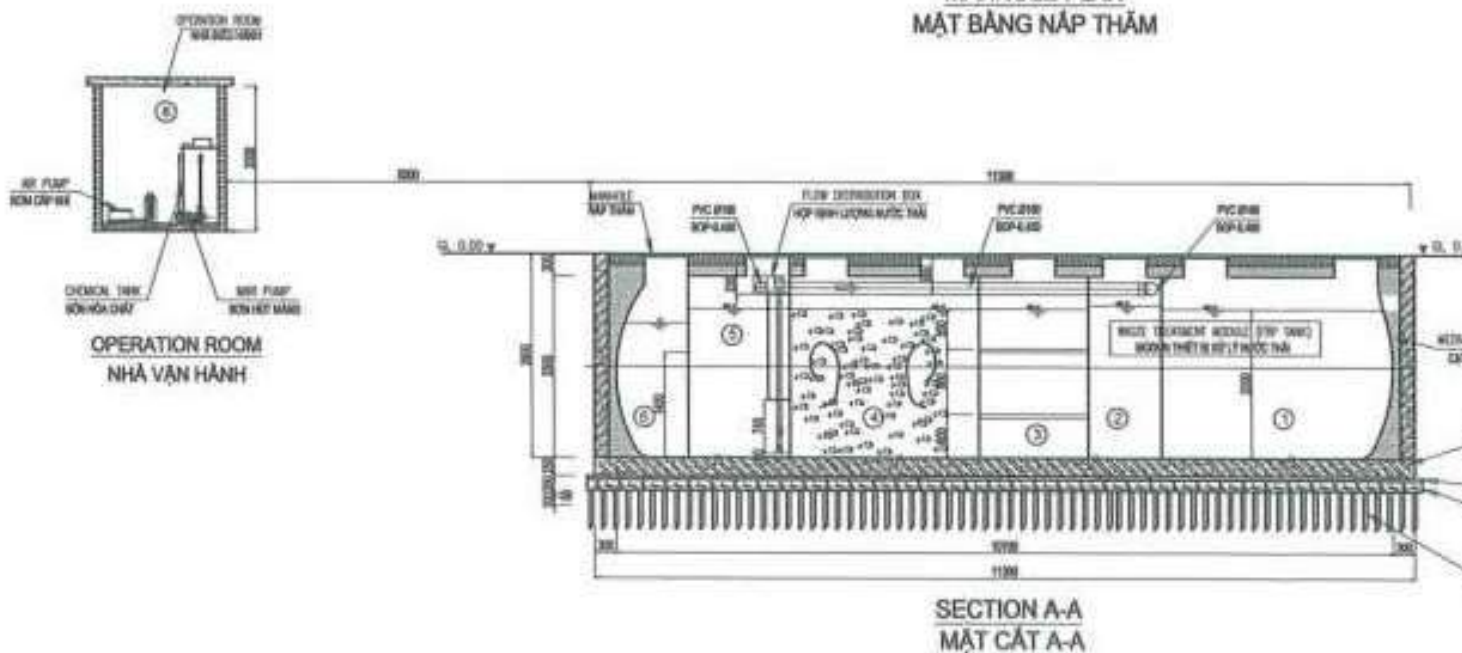
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME		
BỐ TRÍ ống CHUYÊN NƯỚC THẢI WASTEWATER PIPE LINE PLAN		
SCALE	SCALE	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION	JKS30-03
DATE	OCT. 2024	



SLUDGE TRANSFER PIPE
MẶT BỀ MẶT ống CHUYÊN BÙN



MANHOLE PLAN
MẶT BỀ MẶT nắp thăm



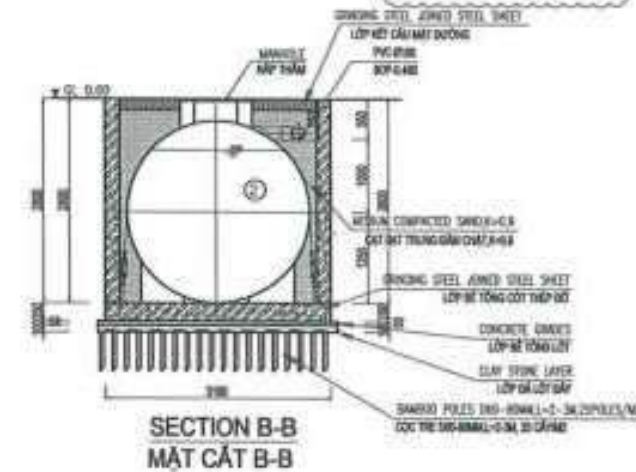
SECTION A-A
MẶT CẮT A-A

NOTE 01/GHI CHÚ 01:

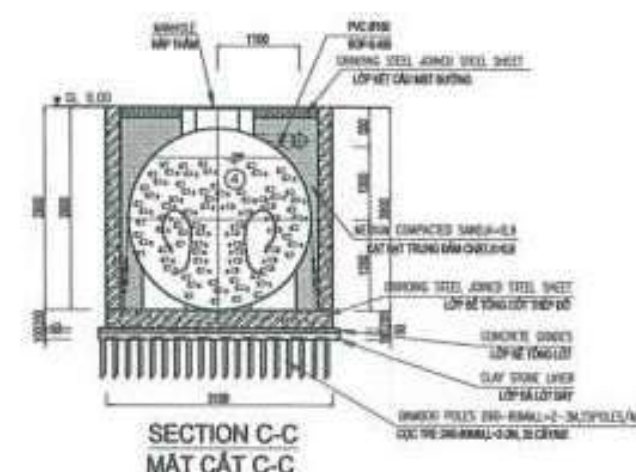
- ROP-001: BOTTOM OF PIPE
- WHL: HIGH WATER LEVEL
- WLL: LOW WATER LEVEL

NOTE 01/GHI CHÚ 02:

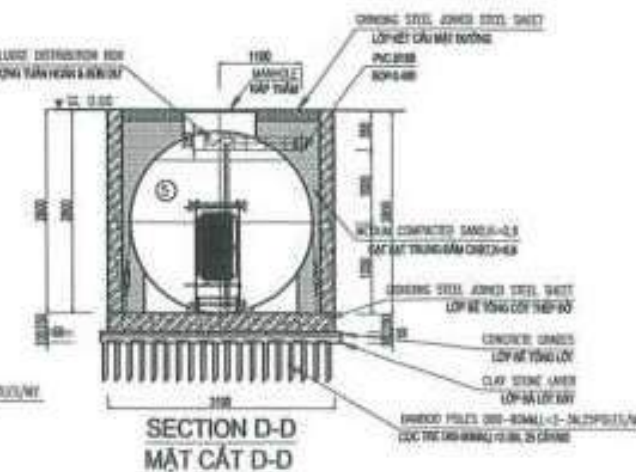
- 1: CONCRETE TANK
- 2: SLUDGE STORAGE TANK
- 3: ANCHOR TANK
- 4: MANHOLE
- 5: MANHOLE
- 6: INSPECTION TANK
- 7: DISCHARGE TANK
- 8: OPERATION ROOM



SECTION B-B
MẶT CẮT B-B



SECTION C-C
MẶT CẮT C-C



SECTION D-D
MẶT CẮT D-D

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT



DỰ ÁN - PROJECT

DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA

ĐC: LÔ BÁT CÚ 7.2K, KCN NAM BÌNH YÚ (KHU 2)
(ĐEPC2A), PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN,
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GHI CHÚ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN

MVW DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH MVW DESIGN WORKSHOP

NO 50/1, 31 THO THÁP STREET, DICH VONG HAU WARD
CAU GIAY DISTRICT, HANOI, VIETNAM
TEL: +84(0)34 323 8588

DIRECTOR
LEE SANG HO
TECH. MANAGEMENT
AN NGOC THUY
DESIGN
NGUYEN VAN TUONG
CHECK BY
AN NGOC THUY

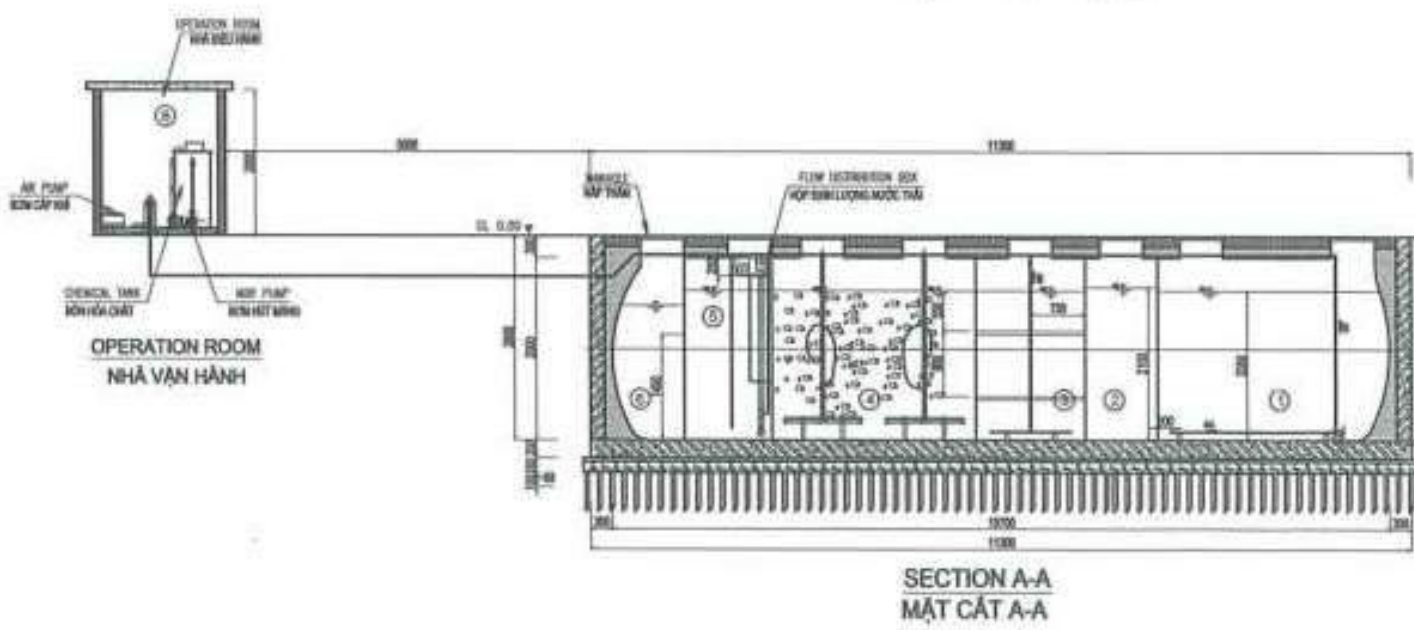
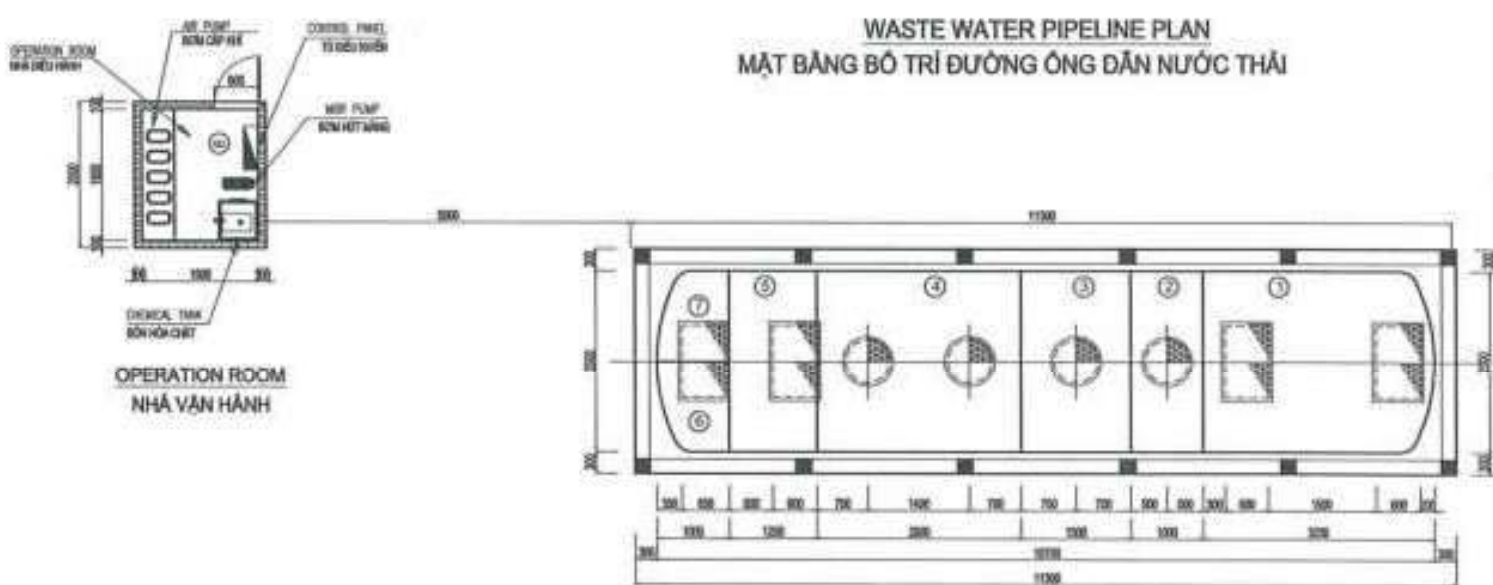
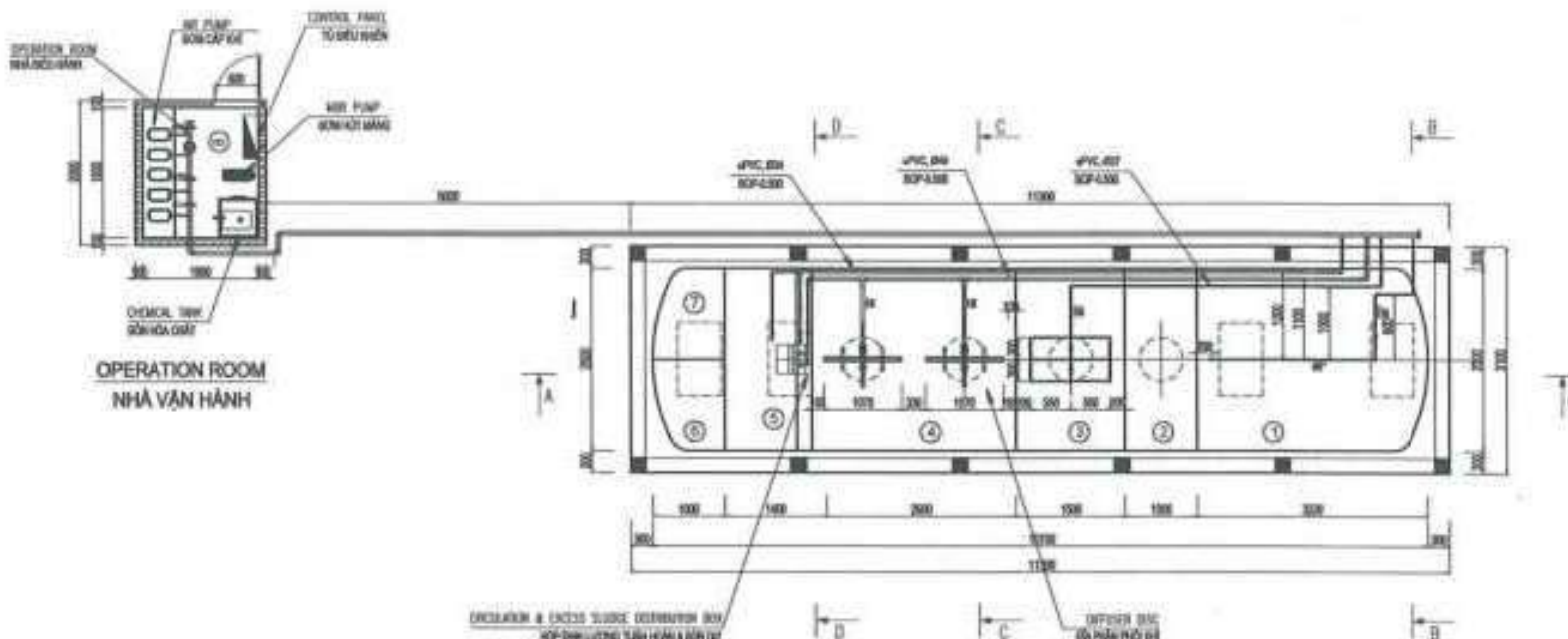
HÀNG MỤC - ITEM

HÀ TẦNG
CIVIL

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

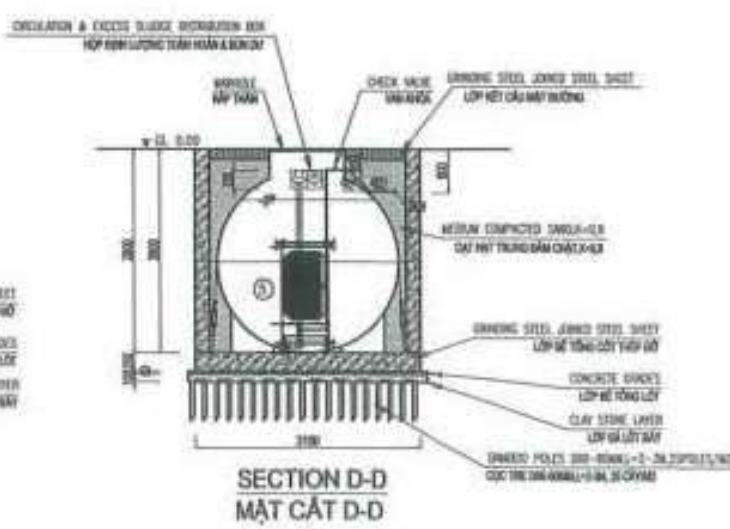
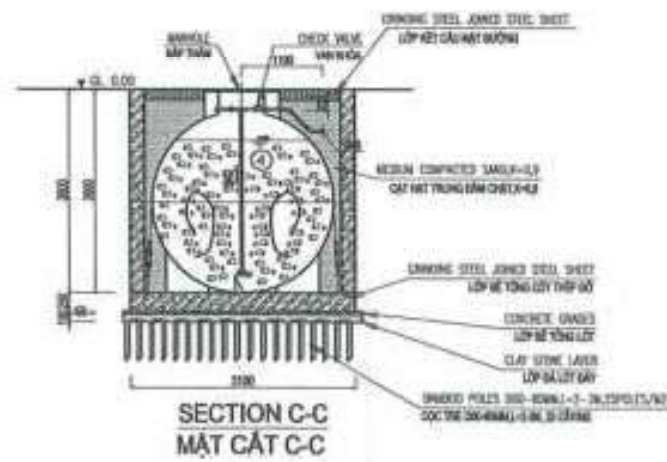
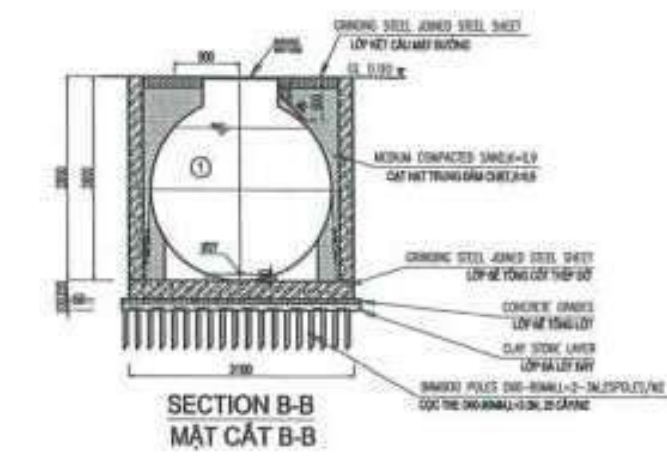
BỐ TRÍ ống CHUYÊN BÙN
SLUDGE PIPELINE PLAN

SCALE	SCALE	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONSTRUCTION HS-BTC	JKS30-04
DATE	OCT. 2024	



NOTE 01/GHI CHÚ 01:

NOTE 01/GHI CHÚ 02:



CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT
CÔNG TY TNHH MAXSUN VINA
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

DỰ ÁN - PROJECT
DỰ ÁN BẾP GA DI ĐỘNG
MAXSUN VINA
ĐC: LÔ ĐẤT CN 7.2K, KCN NAM ĐỊNH VŨ (KHU 2)
(DEEPC2A), PHƯỜNG DÔNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN,
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GH CHÚ - NOTES

NO.	DATE	DESCRIPTION	REVISION
1			
2			
3			
4			
5			

MAIN DESIGN
M.V.W DESIGN WORKSHOP CO., LTD
CÔNG TY TNHH M.V.W DESIGN WORKSHOP
NO 101, 31 THO THAP STREET, DICH VONG HUU WARD
CAU GIAY DISTRICT, HANOI, VIETNAM
TEL: +84(0)34 323 8588

DIRECTOR: LEE SANG HO
TECH. MANAGEMENT: AN NGOC THUY
DESIGN: NGUYEN VAN TUONG
CHECK BY: AN NGOC THUY
HANG MỤC - ITEM:
HẠ TẦNG CIVIL

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:
BỐ TRÍ ống PHÂN PHỐI KHÍ
AIR DISTRIBUTION PIPELINE PLAN

SCALE	SCALE	DRAWING NO.
STATUS	FOR CONS. DESIGN	MS-DTC
DATE	OCT. 2024	JKS30-05